

THƯ MỤC QUỐC GIA THÁNG 9 NĂM 2025

THÔNG TIN HỌC VÀ TÁC PHẨM TỔNG QUÁT

1. Bách khoa tri thức cho trẻ em : Dành cho trẻ em từ 3 tuổi trở lên / Lời: Matthew Oldham, Emily Bone, Alex Firth... ; Minh hoạ: Lee Cosgrove... ; Bảo Ly dịch. - In lần thứ 3. - H. : Thế giới, 2025. - 224 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 280000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Anh: My first encyclopedia s607943
2. Biên niên lịch sử báo chí Huế (1913 - 2020) / Dương Phước Thu (ch.b.), Nhụy Nguyễn, Phan Thị Thuỷ... - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 347 tr. : ảnh ; 24 cm. - 500b
ĐTTS ghi: Tạp chí Sông Hương. - Thư mục: tr. 345-347 s608041
3. Đoàn Yên Kiều. Bác Hồ với Báo chí Cách mạng Việt Nam / Đoàn Yên Kiều. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 231 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21 cm. - (Di sản Hồ Chí Minh). - 105000đ. - 1500b
ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục: tr. 231 s606468
4. Gob, André. Bảo tàng học - Lịch sử, quá trình phát triển, những vấn đề hiện nay / André Gob, Noémie Drouguet ; Dịch: Phạm Văn Quang... - Tái bản lần thứ 5. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 520 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 300b
Dịch từ nguyên tác tiếng Pháp: La muséologie - Histoire, développements, enjeux actuels. - Thư mục: tr. 479-502 s607790
5. Hồ Chí Minh. Lời non nước / Hồ Chí Minh ; Đào Thản s.t., chú dẫn. - In lần thứ 4. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 154 tr. ; 21 cm. - (Di sản Hồ Chí Minh). - 70000đ. - 1500b s606517
6. Hồ Quang Lợi. Sự thật, lẽ phải và ngọn bút : Xuất bản nhân kỷ niệm 100 năm Báo chí Cách mạng Việt Nam 21/6/1925 - 21/6/2025 / Hồ Quang Lợi. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 619 tr. ; 21 cm. - 294000đ. - 1300b s606084
7. Lịch sử Báo chí Cách mạng Việt Nam 1925 - 2025 / Đào Duy Quát, Đỗ Quang Hưng, Vũ Duy Thông (ch.b.)... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 718 tr. ; 24 cm. - 1200b s608149
8. Một thời làm báo : Hồi kí : Tuyển tập kỷ niệm 100 năm ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam (21/6/1925 - 21/6/2025) / Nguyễn Hồ Hải, Ngô Quỳnh Lan, Phương Hà ; B.s.: Ngô Quỳnh Lan (ch.b.)... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 21 cm. - 500b
ĐTTS ghi: Câu lạc bộ Truyền thống kháng chiến. Khối Nhà báo cao tuổi T.22. - 2025. - 318 tr. : ảnh s605873
9. 100 chuyện nghề / B.s.: Nguyễn Thái Bình, Trần Kim Hoa, Nguyễn Sĩ Đại... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 191 tr. : ảnh ; 24 cm. - 279000đ. - 2000b
ĐTTS ghi: Bảo tàng Báo chí Việt Nam s606742
10. 100 năm Báo chí Cách mạng Việt Nam đồng hành cùng sự nghiệp vẻ vang của Đảng và dân tộc / Tạ Ngọc Tấn, Đặng Quang Định, Lý Việt Quang... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 787 tr. ; 24 cm. - 1200b
ĐTTS ghi: Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương s608148
11. Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh với Báo chí Cách mạng Việt Nam / Đỗ Hoàng Linh b.s., Triệu Nhật, Võ Nguyên Giáp... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 267 tr. : ảnh ; 24 cm. - 2000b
Thư mục: tr. 265 s605810

12. Nguyễn Văn Hải. Báo chí nuôi dưỡng lòng tin / Nguyễn Văn Hải. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 267 tr. ; 21 cm. - 124000đ. - 1000b s605834

13. Tạ Ngọc Tấn. Bắn chỉ thiên : Tập tiểu phẩm / Tạ Ngọc Tấn. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 282 tr. ; 24 cm. - 174000đ. - 1000b s605838

14. Tô Đình Tuân. Dấu ấn 30 năm nghề báo : Tập hợp những bài viết của tác giả ghi dấu hơn 30 năm làm báo (1995 - 2025); kỷ niệm 50 năm Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30-4-1975 - 30-4-2025); và 100 năm Báo chí Cách mạng Việt Nam (21-6-1925 - 21-6-2025) / Tô Đình Tuân. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 384 tr. : ảnh ; 24 cm. - 160000đ. - 2000b s605874

15. Vũ Dương Thuý Nga. Bác Hồ với việc đọc và tự học / Vũ Dương Thuý Nga. - In lần thứ 4. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 175 tr. : ảnh ; 21 cm. - (Di sản Hồ Chí Minh). - 80000đ. - 1500b s606516

TIN HỌC, TRI THỨC VÀ HỆ THỐNG

16. Bài tập Tin học cơ bản / Nguyễn Quỳnh Diệp, Đoàn Thị Quế (ch.b.), Nguyễn Thị Phương Dung... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 191 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 144000đ. - 300b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Công nghệ thông tin. - Thư mục: tr. 191 s607102

17. Bùi Thị Thanh Xuân. Giáo trình Lập trình nâng cao với C++ / Bùi Thị Thanh Xuân (ch.b.), Nguyễn Văn Thâm, Nguyễn Bá Quảng. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 275 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 306000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Công nghệ thông tin. - Thư mục: tr. 275 s607135

18. Bùi Xuân Diện. Tập bài giảng Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin / Bùi Xuân Diện, Hoàng Minh Ngọc, Nguyễn Thị Lan Phương. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 279 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 254000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục: tr. 273-274 s606465

19. Công nghệ Web và dịch vụ trực tuyến / B.s.: Đào Việt Cường (ch.b.), Hoàng Thị Kim Chi, Nguyễn Thị Ngọc Duyên, Trần Hương Liên. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 247 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 230000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Tên sách ngoài bìa: Giáo trình Công nghệ Web và dịch vụ trực tuyến. - Thư mục: tr. 242 s606452

20. Dengel, Tobias. Voice AI - Ứng dụng AI trong công nghệ giọng nói : Phân tích giọng nói và cảm xúc để tối ưu trải nghiệm khách hàng... / Tobias Dengel, Karl Weber ; Dạ Hàn dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 495 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách AI). - 249000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The sound of the future : The coming age of voice technology s608085

21. Giáo trình Cấu trúc máy tính / Doãn Minh Thắng (ch.b.), Vũ Thị Tâm, Nguyễn Thị Quế Hương... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 259 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 239000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Phụ lục: tr. 211-251. - Thư mục: tr. 252-253 s606443

22. Giáo trình Công nghệ phần mềm / B.s.: Doãn Minh Thắng, Nguyễn Hữu Linh (ch.b.), Nguyễn Hồng Vân... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 331 tr. ; 21 cm. - 293000đ. - 50b

Phụ lục: tr. 208-323. - Thư mục: tr. 324 s606429

23. Giáo trình Hệ quản trị cơ sở dữ liệu / Vũ Thị Tâm (ch.b.), Lê Thị Thu Thủy, Nguyễn Hồng Vân, Nguyễn Thị Ngọc Duyên. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 171 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 171000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục: tr. 161 s606426

24. Giáo trình Kỹ thuật lập trình C : Căn bản & nâng cao / Phạm Văn Ất (ch.b.), Nguyễn Hiếu Cường, Đỗ Văn Tuấn, Lê Trường Thông. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 430 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 175000đ. - 1500b

Phụ lục: tr. 336-430 s606421

25. Giáo trình Lập trình Windows / Ngô Thị Lan (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Thủy, Nguyễn Đình Quyết... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 159 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 130000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung. Khoa Công nghệ thông tin. - Thư mục: tr. 147. - Phụ lục: tr. 148-159 s607123

26. Giáo trình Quản trị mạng / B.s.: Hoàng Thị Kim Chi (ch.b.), Đào Việt Cường, Nguyễn Thị Ngọc Duyên, Trần Hương Liên. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 347 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 360000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục: tr. 338-340 s606449

27. Giáo trình Thị giác máy tính / Nguyễn Hoanh, Ngô Thanh Quyền (ch.b.), Vũ Đức Vạn, Lâm Bình Minh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 281 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 90000đ. - 500b

Thư mục: tr. 277-281 s606650

28. Giáo trình Tin học đại cương / B.s.: Trần Thanh Vân, Nguyễn Thị Chăm (ch.b.), Lương Thanh Nhạn... - H. : Y học, 2025. - 287 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 192000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. Bộ môn Tin học. - Thư mục cuối mỗi bài. - Phụ lục: tr. 283-287 s607587

29. Jackson, Tom. Trí tuệ nhân tạo - Khi máy tính trở nên thông minh = Basher Science Mini - Artificial intelligence : 9+ / Tom Jackson ; Minh hoạ: Simon Basher ; Lê Nguyễn Phi Cát dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 79 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Phiêu lưu cùng STEM). - 65000đ. - 1500b s606480

30. Kahn, Jeremy. Mastering AI - Ứng dụng trí tuệ nhân tạo để làm chủ tương lai : Khai phá tiềm năng AI, phân tích dữ liệu để đón đầu xu hướng, thúc đẩy sự sáng tạo và tối ưu hiệu suất công việc / Jeremy Kahn ; Nguyễn Phúc Thành dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 391 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách AI). - 219000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Mastering AI : Survival guide to our superpowered future s606673

31. Kỷ yếu Chuỗi Hội thảo khoa học liên ngành quốc tế DAAS 2024 = Proceedings of International Diderot Advance Academic Seminars 2024 = Actes de conférences internationales DAAS 2024 / Dang Thi Thanh Thuy, Vo Van Loc, Dang Ngoc Nhu Quynh... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 723 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 350000đ. - 70b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Khoa Quốc tế Pháp ngữ. - Thư mục cuối mỗi bài s607359

32. Kỷ yếu Hội thảo khoa học mô phỏng phương pháp hiện đại trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học / Lương Minh Cừ (ch.b.), Đặng Thị Ngọc Lan, Vũ Bá Dũng... - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - v, 206 tr. : minh hoạ ; 26 cm. - 100b

Thư mục cuối mỗi bài s605900

33. Mackay, Charles. Hiệu ứng đám đông trong đầu tư tài chính / Charles Mackay ; Phương Linh dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 347 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 229000đ. - 2000b

- Tên sách tiếng Anh: Extraordinary popular delusions and the madness of crowds s606676
34. Mindmap kiến thức Toán - Văn - Anh - Lí - Hoá lớp 6 : Dễ hiểu, làm bài nhanh / Weupbooks b.s. - H. : Dân trí, 2025. - 203 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 150000đ. - 20000b s607987
35. Mindmap kiến thức Toán - Văn - Anh - Lí - Hoá lớp 7 : Dễ hiểu, làm bài nhanh / Weupbooks b.s. - H. : Dân trí, 2025. - 163 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 150000đ. - 20000b s607988
36. 10 vạn câu hỏi vì sao : Tư duy độc đáo kích thích trí tưởng tượng vô tận! / Yosbook ; Nguyễn Thị Vinh dịch. - Tái bản. - H. : Văn học. - 21 cm. - 64000đ. - 3000b
- Dịch từ nguyên bản tiếng Trung: 好宝宝奇思妙想为什么: 最有趣的问
- Q.3: Siêu nhí hỏi, nhà khoa học trả lời. - 2025. - 95 tr. : tranh vẽ s606244
37. Nguyễn Đức Anh. Giáo trình Công nghệ phần mềm / Nguyễn Đức Anh (ch.b.), Lê Chí Luận, Phạm Thị Tố Nga. - H. : Thế giới, 2025. - 343 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 75000đ. - 500b
- ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Đại Nam. - Thư mục cuối mỗi chương s607870
38. Nguyễn Quốc Tuấn. Bài giảng Bảo trì hệ thống máy tính : Dành cho sinh viên Trường Cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội / Nguyễn Quốc Tuấn. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 99 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 65000đ. - 500b
- Thư mục: tr. 99 s607081
39. Nguyễn Quốc Tuấn. Bài giảng Cấu trúc máy tính : Dành cho sinh viên Trường Cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội / Nguyễn Quốc Tuấn. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 99 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 60000đ. - 500b
- Thư mục: tr. 99 s607083
40. Nguyễn Văn Tuấn. Phân tích dữ liệu với R : Hỏi và đáp / Nguyễn Văn Tuấn. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 401 tr. : hình vẽ, bảng ; 25 cm. - 210000đ. - 1000b s608070
41. Nikita Chu. Tatler - Nhã tập tinh hoa / Nikita Chu ch.b. - H. : Thông tấn. - 31 cm. - 15000b
- Vol.6. - 2025. - 162 tr. : ảnh s607613
42. Phan Thanh Hoà. Giáo trình Nghiên cứu khoa học : Ban hành kèm theo Quyết định số: 120/QĐ-CDYT ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp / Phan Thanh Hoà (ch.b.), Tô Hoàng Thít, Lê Quang Trí. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 71 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 50000đ. - 100b
- ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp. - Thư mục: tr. 71 s606636
43. Phùng Tuấn Anh. Bài giảng Đồ hoạ Web / Phùng Tuấn Anh (ch.b.), Nguyễn Thị Oanh, Trần Đình Ngọc. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 329 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 356000đ. - 70b
- ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Kinh tế và Quản lý. - Thư mục: tr. 328 s607104
44. Sejnowski, Terrence J. Deep learning - Cuộc cách mạng học sâu / Terrence J. Sejnowski ; Huỳnh Hữu Tài dịch. - In lần 3. - H. : Công Thương, 2025. - 409 tr. : ảnh ; 24 cm. - 189000đ. - 1000b
- Tên sách tiếng Anh: The deep learning revolution s608091
45. Siêu trọng tâm lý thuyết, dạng bài và bài tập lớp 8 - Toán, Tiếng Anh và Khoa học Tự nhiên : Phù hợp cho cả 3 bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống, Cánh Diều, Chân trời sáng

tạo / Đặng Thị Lan Anh, Đặng Nguyệt Hà, Phạm Thị Phương, Nguyễn Văn Hà. - H. : Dân trí, 2025. - 221 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 160000đ. - 30000b s606351

46. Tài liệu hướng dẫn thực hành Nhập môn lập trình / Nguyễn Bích Vân (ch.b.), Huỳnh Thị Thanh Thương, Mai Tiến Dũng... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - xviii, 389 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 165000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Công nghệ Thông tin. - Thư mục: tr. 389 s607791

47. Tập bài giảng Lập trình hướng đối tượng / B.s.: Lê Minh Tuấn, Nguyễn Hoài Thu (ch.b.), Đinh Thu Khánh, Nguyễn Mạnh Tuyền. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 211 tr. : bảng ; 21 cm. - 202000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục: tr. 205 s606462

48. Trần Minh Quang. Khai phá dữ liệu và kỹ thuật phân lớp / Trần Minh Quang. - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2024. - 220 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 57000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Bách khoa. - Thư mục: tr. 213-220 s607821

49. Trần Quốc Long. Giáo trình Học máy thống kê / Trần Quốc Long, Tạ Việt Cường. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - xxiv, 395 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 180000đ. - 300b

Thư mục cuối mỗi chương s607670

50. Trương Xuân Nam. Giáo trình Lập trình Python / Ch.b.: Trương Xuân Nam, Nguyễn Quỳnh Diệp. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 239 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 287000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Công nghệ thông tin. - Thư mục: tr. 239 s607099

51. Vương Cát Vỹ. AI Agent thực chiến : Phân tích dữ liệu nâng cao, lập kế hoạch tự động và ra quyết định tối ưu trong thời gian thực... / Vương Cát Vỹ ; Nguyệt Ngu dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 539 tr. : sơ đồ ; 21 cm. - (Tủ sách AI). - 259000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 一本书读懂 AI Agent:技术、应用与商业 s606672

52. Vương Cát Vỹ. AI Agent ứng dụng : Ứng dụng AI trong công việc, sáng tạo và phát triển cá nhân... / Vương Cát Vỹ ; Nguyệt Ngu dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 483 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - (Tủ sách AI). - 239000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 一本书读懂 AI Agent:技术、应用与商业 s606686

TRIẾT HỌC

53. Anh Đức. Đọc vị nhân tâm : Để thấu hiểu tâm tính bất kỳ ai / Anh Đức. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Thế giới, 2025. - 283 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 249000đ. - 10000b s607918

54. Ba Gàn. Đủ nắng thì hoa nở / Ba Gàn. - Tái bản lần 6. - H. : Thế giới, 2025. - 155 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 89000đ. - 1500b

Tên thật tác giả: Bùi Long Thành s607912

55. Bài giảng Tư duy thiết kế sáng tạo và đổi mới / Nguyễn Thị Oanh (ch.b.), Trần Đình Ngọc, Đỗ Nguyệt Minh, Trần Thị Phương Dung. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 337 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 342000đ. - 80b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Kinh tế và Quản lý. - Thư mục: tr. 335-337 s607133

56. Baird, Abigail. Tâm lý học = Think psychology / Abigail Baird ; Hồ Thị Ngọc Hương dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Công Thương, 2025. - 443 tr. : minh hoạ ; 28 cm. - 450000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 403-428 s607140

57. Beck, Martha. Con đường chính trực : Tìm lại con đường trở về với chính mình / Martha Beck ; Hà Trần dịch. - Tái bản. - H. : Dân trí, 2025. - 422 tr. ; 21 cm. - 198000đ. - 2000b
Tên sách nguyên bản: The way of integrity : Finding the path to your true self s606323

58. Besant, Annie. Bản chất và hình thức / Annie Besant ; Hồng Nhung dịch. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 107 tr. ; 21 cm. - 75000đ. - 800b s606397

59. Biên Trương. Nói sao cho chạm lòng người? / Biên Trương, Nguyễn Thị Việt Hà. - H. : Thế giới, 2025. - 251 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 220000đ. - 2000b s607864

60. Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng ứng xử đối với người hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn / Phạm Quế Anh (ch.b.), Nguyễn Thanh Thủy, Nguyễn Ngọc Oanh... - H. : Văn học, 2025. - 255 tr. ; 21 cm. - 250000đ. - 400b

ĐTTS ghi: Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch. Trường Cán bộ quản lý Văn hoá, Thể thao và Du lịch. - Thư mục cuối mỗi chuyên đề s606081

61. Canfield, Jack. Cho những trái tim rộng mở = A cup of chicken soup for the soul / Jack Canfield, Mark Victor Hansen, Barry Spilchuk ; First News biên dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 157 tr. ; 21 cm. - (Hạt giống tâm hồn). - 64000đ. - 1000b s608056

62. Canfield, Jack. Mỗi mãi là yêu thương / Jack Canfield, Mark Victor Hansen, Barry Spilchuk ; First News dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 165 tr. ; 21 cm. - (Hạt giống tâm hồn). - 78000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: A cup of chicken soup for the soul s605880

63. Canfield, Jack. Vượt qua thử thách / Jack Canfield, Mark Victor Hansen ; Linh Hoàng dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 167 tr. ; 21 cm. - (Hạt giống tâm hồn; T.9). - 76000đ. - 1000b s605878

64. Caponi, Stefanie. Khai mở Tarot : Học cách sử dụng năng lượng huyền bí để xoay chuyển vận mệnh / Stefanie Caponi ; Minh Phương dịch. - In lần 4. - H. : Công Thương, 2025. - 241 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - 189000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: Guided Tarot for teens s608089

65. Carnegie, Dale. Đắc nhân tâm = How to win friends & influence people / Dale Carnegie ; Khánh Phương dịch. - H. : Văn học, 2025. - 383 tr. ; 21 cm. - 160000đ. - 3000b s606262

66. Carnegie, Dale. Quẳng gánh lo đi và vui sống = How to stop worrying and start living : Bí quyết cho bạn cuộc sống thanh thản và hạnh phúc / Dale Carnegie ; Hàn Băng Vũ dịch. - H. : Văn học, 2025. - 307 tr. ; 21 cm. - 140000đ. - 3000b s606098

67. Casey, Karen. Khi ta thay đổi thế giới sẽ đổi thay = Change your mind and your life will follow / Karen Casey ; Hồng Anh dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 223 tr. : ảnh ; 21 cm. - 88000đ. - 1000b s605879

68. Chade Meng Tan. Search inside yourself : Tạo ra lợi nhuận, vượt qua đại dương và thay đổi thế giới / Chade Meng Tan ; Kiều Anh Tú dịch. - In lần 25. - H. : Công Thương, 2025. - 345 tr. : tranh vẽ ; 22 cm. - 179000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: Search inside yourself: The unexpected path to achieving success, happiness s606689

69. Chin Ning Chu. Làm ít được nhiều : Khám phá sức mạnh tiềm ẩn của việc buông bỏ / Chin Ning Chu ; Trần Thị Thuỳ Trang dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Thế giới, 2025. - 229 tr. ; 21 cm. - 118000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Do less, achieve more s607913

70. Colvin, Geoff. Giải mã tài năng = Talent is overrated : Điều gì tạo nên sự khác biệt giữa các vĩ nhân tầm cỡ thế giới và những người khác? / Geoff Colvin ; Quỳnh Hương dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Tài chính, 2025. - 379 tr. ; 21 cm. - 159000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 358-379 s606298

71. Condrill, Jo. Giao tiếp bất kỳ ai : 101 cách nâng cao kỹ năng giao tiếp / Jo Condrill, Bennie Bough ; Bạch Trà dịch. - In lần 28. - H. : Công Thương, 2025. - 130 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 69000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: 101 ways to improve your communication skills instantly s608079

72. Covey, Stephen R. 7 thói quen hiệu quả = The 7 habits of highly effective people / Stephen R. Covey ; Võ Kiều Linh dịch ; Franklin Covey Việt Nam h.đ. - In lần thứ 19. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 579 tr. : hình vẽ, bảng ; 23 cm. - 250000đ. - 5000b s608067

73. Covey, Stephen R. Sống đời ngân vang : Việc quan trọng nhất vẫn luôn ở phía trước / Stephen R. Covey, Cynthia Covey Haller ; Dịch: Đinh Tùng Anh, Nhóm Lexisprouts. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 339 tr. ; 21 cm. - 155000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: Live life in crescendo. - Phụ lục: tr. 320-322 s606484

74. Cross, Rob. Bóng ma tâm lý : Nhận biết cảm xúc tiêu cực, vượt qua âu lo, nuôi dưỡng tâm trí và cân bằng cuộc sống / Rob Cross, Karen Dillon ; Phạm Trúc Quỳnh dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 331 tr. : bảng, tranh vẽ ; 21 cm. - 189000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The microstress effect : How little things pile up and create big problems and what to do about it s606675

75. Csikszentmihalyi, Mihaly. Dòng chảy : Tâm lý học hiện đại, trải nghiệm tối ưu / Mihaly Csikszentmihalyi ; Huỳnh Hiếu Thuận dịch ; Trần Xuân Hải h.đ. - Tái bản. - H. : Dân trí, 2025. - 551 tr. ; 21 cm. - 228000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: Flow - The psychology of optimal experience. - Thư mục: tr. 534-551 s607894

76. Dành cho những con người vượt lên số phận = Chicken soup to inspire the body and soul : Song ngữ Anh - Việt / Jack Canfield, Mark Victor Hansen, Dan Millman, Diana von Welanetz Wentworth ; First News biên dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 191 tr. ; 21 cm. - (Hạt giống tâm hồn). - 76000đ. - 1000b s605884

77. Deer Tarot. Câu chuyện Tarot : 78 lá bài dưới góc nhìn reader / Deer Tarot, Fulo Tarot. - H. : Thế giới, 2025. - 390 tr. : bảng ; 21 cm. - 159000đ. - 1000b s607930

78. Delaney, Brigid. Không có gì phải lo = Reasons not to worry / Brigid Delaney ; Ngô Thế Vinh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 378 tr. ; 21 cm. - 175000đ. - 1500b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia s606469

79. Dương Thu Ái. Đạo lý của người xưa / B.s.: Dương Thu Ái, Nguyễn Kim Hanh. - H. : Văn học, 2025. - 275 tr. ; 21 cm. - (Cổ học kỳ thư). - 138000đ. - 50000b s606169

80. Dương Thu Ái. Hiểu người để dùng người / B.s.: Dương Thu Ái, Nguyễn Kim Hanh. - H. : Văn học, 2025. - 229 tr. ; 21 cm. - (Cổ học kỳ thư). - 138000đ. - 50000b s606168

81. Đỗ Bảo Ngân. Bác Hồ tắm gương sáng mãi - Về tác phong giản dị / Đỗ Bảo Ngân b.s. - H. : Văn học, 2025. - 78 tr. : ảnh ; 24 cm. - 50000đ. - 3000b s606125

82. Đỗ Bảo Ngân. Bác Hồ tắm gương sáng mãi - Về tác phong khiêm tốn / Đỗ Bảo Ngân b.s. - H. : Văn học, 2025. - 78 tr. : ảnh ; 24 cm. - 50000đ. - 3000b s606126
83. Đỗ Bảo Ngân. Bác Hồ tắm gương sáng mãi - Về tác phong, lề lối làm việc liêm chính / Đỗ Bảo Ngân b.s. - H. : Văn học, 2025. - 78 tr. : ảnh ; 24 cm. - 50000đ. - 3000b s606127
84. Đỗ Bảo Ngân. Bác Hồ tắm gương sáng mãi - Về thực hành tiết kiệm / Đỗ Bảo Ngân b.s. - H. : Văn học, 2025. - 78 tr. : ảnh ; 24 cm. - 50000đ. - 3000b s606128
85. Fisher, Roger. Thương lượng không nhân nhượng = Getting to yes : Bí quyết giành lợi thế trong mọi cuộc đàm phán / Roger Fisher, William Ury, Bruce Patton ; Lê Thanh Huy dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Tài chính, 2025. - 301 tr. ; 21 cm. - 149000đ. - 3000b s606299
86. Foroux, Darius. Cách tư duy mạch lạc = Think straight / Darius Foroux ; Trương Hoàng Uyên Phương dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - xi, 114 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 65000đ. - 1500b s606470
87. Foroux, Darius. Tập trung vào điều quan trọng = Focus on what matters / Darius Foroux ; Nguyễn Mỹ Ngọc dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 274 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 130000đ. - 1500b s606485
88. Giáo trình Luật sư và đạo đức nghề luật sư / Ngô Thị Ngọc Vân, Tống Thị Thanh Thanh (ch.b.), Lê Mai Anh... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Tư pháp, 2025. - 383 tr. : bảng ; 24 cm. - 64000đ. - 4497b
ĐTTS ghi: Học viện Tư pháp. - Thư mục: tr. 373-378 s607658
89. Giáo trình Tâm lý học đại cương / B.s.: Nguyễn Thị Vân Hương (ch.b.), Nguyễn Thị Yến, Ngô Thị Kim Dung... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 231 tr. : minh họa ; 21 cm. - 218000đ. - 50b
ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục: tr. 223-224 s606467
90. Gold, Stuart Avery. Vượt ao tù ra biển lớn / Stuart Avery Gold ; Thanh Thảo dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 276 tr. ; 21 cm. - 98000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Anh: Ping - The frog in search for a new pond s605885
91. Hạ Thiên. Tĩnh lặng là đáng vẻ đẹp nhất của bạn / Hạ Thiên ; Nguyễn Thị Hà Dung dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 226 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 5000b
Tên sách tiếng Trung: 好起来的从来都不是生活, 而是你自己 s607983
92. Hall, Kindra. Chọn câu chuyện của bạn, thay đổi cuộc đời bạn / Kindra Hall ; Thảo Li dịch. - H. : Văn học, 2025. - 415 tr. ; 21 cm. - 137000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Choose your story, change your life s606259
93. Hepburn, Emma. Khai mở cảm xúc = A toolkit for your emotions / Emma Hepburn ; Rom dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 187 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 128000đ. - 3000b s607971
94. Hepburn, Emma. Khai mở hạnh phúc = A toolkit for happiness / Emma Hepburn ; Rom dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 187 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 128000đ. - 3000b s607970
95. Hill, Napoleon. Chiến thắng con quỷ trong bạn : Bí quyết tự do và thành công / Napoleon Hill ; Thanh Minh dịch. - In lần 34. - H. : Công Thương, 2025. - 293 tr. ; 24 cm. - 115000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Outwitting the devil s608093
96. Hoàng Giang. Kể chuyện đạo đức & cách làm người / Hoàng Giang b.s. - Tái bản lần thứ 12. - H. : Văn học, 2025. - 251 tr. ; 21 cm. - 60000đ. - 2000b
Thư mục: tr. 251 s606232

97. Hoàng Phương Thảo. Sức mạnh của sự kết giao / Hoàng Phương Thảo. - H. : Văn học, 2025. - 295 tr. ; 21 cm. - 259000đ. - 500b
Thư mục: tr. 294-295 s606036
98. Hollins, Peter. Sống kỷ luật, gặt thành công = The science of self-discipline / Peter Hollins ; Hoàng Huân dịch. - Tái bản lần 3. - H. : Văn hoá dân tộc, 2025. - 189 tr. ; 21 cm. - (Khoa học kỹ năng cho thời đại mới). - 129000đ. - 1500b s606587
99. Hood, Bruce. Thoát bẫy chủ nghĩa tiêu dùng : Tại sao chúng ta luôn muốn có nhiều hơn những gì chúng ta cần? / Bruce Hood ; Hoàng Trang dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 327 tr. ; 21 cm. - 189000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Possessed : Why we want more than we need s606674
100. Hồ Tuệ Mạn. Khác biệt để toả sáng : Lời khuyên từ chuyên gia tâm lý hàng đầu / Hồ Tuệ Mạn ; Song Hạo dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 374 tr. ; 21 cm. - 175000đ. - 2000b
Dịch từ nguyên tác tiếng Trung: 庆祝独特性 s606336
101. Huggens, Kim. Tarot nhập môn / Kim Huggens ; Thiên Huy dịch. - Tái bản. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 454 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Anh: Tarot 101: Mastering the art of reading the cards s606752
102. Hữu Thư. Sự hấp dẫn của tâm lý học : 48 kiến thức tâm lý học thú vị mà bạn không thể bỏ qua! / Hữu Thư ; Hi Quang dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 338 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Tâm lý học ứng dụng). - 149000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 一读就上瘾的心理学 s607962
103. Irvine, William B. Chủ nghĩa khắc kỷ : Phong cách sống bản lĩnh và bình thản / William B. Irvine ; Nhóm Tâm lý học Tội phạm dịch. - In lần 20. - H. : Công Thương, 2025. - 370 tr. ; 21 cm. - 149000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Anh: A guide to the good life : An ancient art of stoic joy s608088
104. Kempton, Beth. Wabi Sabi - Thương những điều không hoàn hảo / Beth Kempton ; Dịch: Cẩm, Nguyễn Tiến Hoà. - In lần 9. - H. : Công Thương, 2025. - 299 tr. ; 21 cm. - 109000đ. - 1500b
Tên sách tiếng Anh: Wabi Sabi: Japanese wisdom for a perfectly imperfect life s608084
105. Ken Mogi. Ikigai - Bí mật sống trường thọ và hạnh phúc của người Nhật / Ken Mogi ; Vũ Thị Nhân Hậu dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 198 tr. ; 21 cm. - 90000đ. - 2000b
Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: The little book of Ikigai : The secret Japanese way to live a happy and long life s607911
106. Không có đá quá mềm : Tinh thần con người là không thể bẻ gãy / Phan Văn Trường, Đặng Hoàng An, Nguyễn Thị Lan Anh... - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 291 tr. ; 21 cm. - 98000đ. - 2000b s606523
107. Không hoàn hảo nhưng hoàn toàn tuyệt vời : Tôn trọng khác biệt, yêu thương chính mình : Truyện tranh / Hara ; Tama Duy Ngọc dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 159 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 98000đ. - 2000b s606763
108. King, Jamie. Những câu chuyện huyền bí : Những hiện tượng siêu nhiên và kỳ bí trên khắp thế giới / Jamie King ; Thuỳ Vân dịch. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 350 tr. : ảnh ; 21 cm. - 158000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Stories of the occult s605814

109. Koch, Richard. Sống theo phương thức 80/20 : Bớt công việc, bớt ưu phiền, thêm thành công, thêm niềm vui sống / Richard Koch ; Huỳnh Tiến Đạt dịch. - In lần thứ 26. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 228 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 80000đ. - 1500b
Tên sách tiếng Anh: Living the 80/20 way : Work less, worry less, succeed more, enjoy more s606544
110. Lão Tử. Đạo đức kinh = 道德經 : Hán - Việt - Anh / Lão Tử ; Vũ Thế Ngọc dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 210 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Kinh điển). - 99000đ. - 2000b
Thư mục: tr. 209-210 s607902
111. Lê Thị Minh Loan. Giáo trình Tâm lý học công nghiệp và tổ chức / Lê Thị Minh Loan. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 356 tr. : bảng ; 24 cm. - 150000đ. - 100b
Thư mục: tr. 321-356 s606606
112. Lê Trọng Ngạch. CỬU TRẠCH LÀM NHÀ / Lê Trọng Ngạch. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 191 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 300000đ. - 100b
Phụ lục: tr. 175-182. - Thư mục: tr. 183 s608010
113. Liêu Trí Phong. Mỗi lần vấp ngã là một lần trưởng thành / Liêu Trí Phong ; Trần Yến dịch. - H. : Văn học, 2025. - 375 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 每一次受伤, 都是一种成长 s606107
114. Lily Trương. Tôi thích đáng về nỗ lực của chính mình / Lily Trương. - H. : Dân trí, 2025. - 205 tr. ; 20 cm. - 99000đ. - 1500b s606313
115. Lưu Chấn Hồng. Hải hước một chút, thế giới sẽ khác đi / Lưu Chấn Hồng ; Tuệ Văn dịch. - Tái bản lần thứ 15. - H. : Văn học, 2025. - 227 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 80000đ. - 4000b
Tên sách tiếng Trung: 作品 : 和有錢人一樣幽默 s606213
116. Lý Nhất Nặc. Sức mạnh đến từ đâu : Cảm giác muốn bỏ cuộc là bước đầu tiên dẫn đến thành công / Lý Nhất Nặc ; Trần Cẩm Ninh dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 513 tr. ; 21 cm. - 215000đ. - 2000b
Dịch từ nguyên tác tiếng Trung: 力量从哪里来 s606754
117. Magdaleno, Sam. Cuốn sách lớn về Tarot : Cẩm nang giải bài cho người mới bắt đầu / Sam Magdaleno ; Thanh Huệ dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 253 tr. : tranh màu ; 26 cm. - 295000đ. - 2500b s606817
118. Maisel, Eric. Tại sao người thông minh dễ tổn thương? = Why smart, creative and highly sensitive people hurt : Bộ công cụ để sống sót trong thế giới bất ổn / Eric Maisel ; Phan Quốc Dũng dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 256 tr. ; 21 cm. - 139000đ. - 3000b s607861
119. Mänd-Lakhiani, Kristina. Hoàn hảo làm chi? : Người muốn hoàn hảo thường khó thành thoi / Kristina Mänd-Lakhiani ; Ngô Minh Hằng dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 415 tr. ; 21 cm. - 190000đ. - 2000b
Phụ lục: tr. 393-396 s606762
120. Moorjani, Anita. Sức mạnh của người thấu cảm : Khả năng vượt trội trong một thế giới ngày càng khắc nghiệt / Anita Moorjani ; Lê Thanh Hà dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 311 tr. ; 21 cm. - 158000đ. - 2500b
Tên sách tiếng Anh: Sensitive is the new strong : The power of empaths in an increasingly harsh world s606338
121. Murphy, Joseph. Sức mạnh tiềm thức = The power of your subconscious mind / Joseph Murphy ; Dịch: Bùi Thanh Châu, Mai Sơn. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 269 tr. ; 24 cm. - 158000đ. - 1000b s608069

122. Nhật Hạ. Cô đơn là một món quà / Nhật Hạ. - H. : Văn học, 2025. - 207 tr. ; 20 cm. - 118000đ. - 50000b s606177
123. Nhật Hạ. Ngược dòng yêu thương / Nhật Hạ. - H. : Dân trí, 2025. - 210 tr. ; 20 cm. - 118000đ. - 50000b s606322
124. Nhật Hạ. Tạm biệt nhẽ tổn thương / Nhật Hạ. - H. : Dân trí, 2025. - 247 tr. ; 20 cm. - 118000đ. - 50000b s606321
125. Nhật ký nâng tâm : Minh Trí Thành kiến tạo cuộc đời ngoại hạng. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 219 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 500b
 Đầu bìa sách ghi: Công ty Cổ phần Học viện Minh Trí Thành s607046
126. Osamu Tanaka. Sống như một cái cây / Osamu Tanaka ; Nguyễn Thị Thuỷ Anh dịch. - In lần 6. - H. : Công Thương, 2025. - 163 tr. : ảnh ; 20 cm. - 79000đ. - 1500b s608086
127. Osho. Đàn ông = The book of men / Osho ; Tú Hà dịch. - In lần 8. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 331 tr. ; 21 cm. - 129000đ. - 1500b s607042
128. Pat-A-Cake. Cảm xúc này là gì nhỉ ? / Pat-A-Cake ; Minh hoạ: Louise Forshaw ; Khánh Vân dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 18 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Tương tác)(Lift-The-Flap). - 148000đ. - 1000b s607066
129. Phan Đăng. 39 câu chuyện cho Tâm an / Phan Đăng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 249 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 200000đ. - 2000b s606280
130. Phan Văn Trường. Một đời như kẻ tìm đường / Phan Văn Trường. - In lần thứ 19. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 414 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 175000đ. - 3000b s606573
131. Phan Văn Trường. Tư duy dã tràng : Tìm trí giao tranh / Phan Văn Trường. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 331 tr. ; 23 cm. - 160000đ. - 2000b s606571
132. Rohn, Jim. Bốn mùa cuộc sống. Châm ngôn ngày mới / Jim Rohn ; Dịch: Nguyễn Thanh Huyền, Thuỷ Hương. - In lần 18. - H. : Công Thương, 2025. - 161 tr. ; 19 cm. - 89000đ. - 1500b
 Gồm 2 cuốn đóng chung trong 1 quyển. - Tên sách tiếng Anh: The seasons of life - Daily reflections s608076
133. Rohn, Jim. Những mảnh ghép cuộc đời : Cẩm nang kiến tạo thành công cá nhân / Jim Rohn ; Quỳnh Ca dịch. - In lần 15. - H. : Công Thương, 2025. - 211 tr. ; 19 cm. - 99000đ. - 1500b
 Tên sách tiếng Anh: The five major pieces to the life puzzle s608075
134. Silva, José. Bùng nổ bộ não với siêu phương pháp huấn luyện Silva = The Silva mind control method : Bí kíp đặc biệt giúp tăng cường khả năng tập trung cao độ và sử dụng tối đa não bộ của bạn... / José Silva, Philip Miele ; Hắc Thiện Nguyễn dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 372 tr. : hình vẽ ; 20 cm. - 169000đ. - 3000b
 Phụ lục: tr. 297-369 s607979
135. Singer, Michaela A. Cởi trói linh hồn : Hành trình vượt qua giới hạn của chính mình = The untethered soul : The journey beyond yourself / Michaela A. Singer ; Bùi Thị Ngọc Hương dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 302 tr. : ảnh ; 21 cm. - 124000đ. - 3000b s608062
136. Stulberg, Brad. Tâm tuỷ biến giữa cuộc đời vạn biến : Nghệ thuật Tư duy linh hoạt - Hành động quyết đoán - Vượt qua nghịch cảnh - Sống đời vững vàng / Brad Stulberg ; Minh Ngọc dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 346 tr. ; 21 cm. - 195000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Master of change: How to excel when everything is changing - Including you s606743

137. Summerfield, Trish. Tư duy tích cực = Positive thinking : Bạn chính là những gì bạn nghĩ! / Trish Summerfield ; Dịch: Thu Vân, Phạm Thị Sen. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 143 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 58000đ. - 3000b s605882

138. Thái Vi. Người giỏi hơn bạn vẫn đang âm thầm cố gắng / Thái Vi ; Sen Sean dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 216 tr. ; 21 cm. - 105000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 不要用别人的脑子思考你的人生 s606328

139. Thích Nhất Hạnh. Tuổi trẻ tình yêu lý tưởng : Nói với tuổi trẻ Việt Nam trong thập niên đầu tiên thế kỷ XXI / Thích Nhất Hạnh. - Tái bản lần 2. - H. : Thế giới, 2025. - 141 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 99000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 128-141 s607903

140. Thục Linh. Tính nữ toả rạng / Thục Linh. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 196 tr. ; 20 cm. - 109000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 196 s607919

141. Thuỷ Mộc Nhiên. Tỉnh táo giữa nhân gian : Tỉnh táo hơn chừng nào, bớt đau khổ đi chừng nấy / Thuỷ Mộc Nhiên ; Bích Lục dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 365 tr. ; 21 cm. - 160000đ. - 2000b

Dịch từ nguyên tác tiếng Trung: 人间清醒: 底层逻辑和顶层认知. - Tên thật tác giả: Ngụy Mãn Ý s606753

142. Tiểu Tường Lệ. Sắc lời đặc sắc : Nghệ thuật đối đáp sắc bén, làm chủ mọi tình huống... / Tiểu Tường Lệ ; Hiểu Minh dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 223 tr. ; 21 cm. - 148000đ. - 10000b

Tên sách tiếng Trung: 高手接话 s607981

143. Trần Đình Tuấn. Cách xem ngày tốt - xấu / Trần Đình Tuấn. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 143 tr. : bảng ; 24 cm. - 69000đ. - 1000b s606969

144. Trott, Dave. Bệnh mù sáng tạo và cách chữa nó / Dave Trott ; Cloud D. dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 329 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 225000đ. - 1200b

Tên sách tiếng Anh: Creative blindness (and how to cure it) s607961

145. Tư duy phản biện : Cách để không bị thao túng và bị "lừa" / Weupbooks b.s. - H. : Dân trí, 2025. - 170 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 160000đ. - 20000b s607985

146. Văn Tình. Càng bình tĩnh càng hạnh phúc / Văn Tình ; Mỹ Linh dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 351 tr. ; 20 cm. - 139000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 越有趣, 越幸福 s607921

147. Văn Tình. Càng độc lập càng cao quý / Văn Tình ; Phi Tường dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 367 tr. ; 21 cm. - 149000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 做一个有境界的女子 : 不自轻 · 不自弃 s606749

148. Văn Tình. Không sợ chậm chỉ sợ dừng / Văn Tình ; Huỳnh Nhã Thy dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 359 tr. ; 20 cm. - 129000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 越自律, 越自由 s607922

149. Vương Bồng Cương. Muôn kiểu Red flag / Vương Bồng Cương ; Thuý Ngọc dịch. - H. : Văn học, 2025. - 284 tr. ; 21 cm. - 128000đ. - 2000b

Dịch từ nguyên bản tiếng Trung: 渣男 :病態人格—精神科醫師剖析7種人格違常渣男, 遠離致命愛情 s606090

150. Vương Khôn. Tâm lý học về cảm giác an toàn / Vương Khôn ; Minh Minh dịch. - H. : Văn học, 2025. - 243 tr. ; 21 cm. - 116000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 安全感:告别不安和焦虑的心理学 s606088

151. Watanabe Junichi. Bớt nhảy cảm để sống thanh thản : Nghệ thuật sinh tồn giữa đời chồng gai / Watanabe Junichi ; Ngọc Chân dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 212 tr. ; 21 cm. - 108000đ. - 2000b

Dịch từ nguyên bản tiếng Nhật: 鈍感力 s606747

TÔN GIÁO

152. Bhante Walpola Piyananda. Tình thương trong đạo Phật / Bhante Walpola Piyananda ; Chơn Khoa dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 127 tr. ; 18 cm. - 70000đ. - 1000b s607969

153. Bowker, John. World religions: Khám phá và lý giải các tôn giáo trên thế giới / John Bowker ; Dương Nguyễn Phương Uyên dịch. - Tái bản lần 4. - H. : Dân trí, 2025. - 351 tr. ; 24 cm. - 430000đ. - 1500b

Tên sách nguyên bản: World religions: The great faiths explored and explained s608007

154. Brahm, Ajahn. Buông bỏ, buồn buồn = Don't worry, be grumpy / Ajahn Brahm ; Hồ Thị Việt Hà dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 253 tr. : ảnh ; 21 cm. - 98000đ. - 1000b s608061

155. Cayton, Karuna. Từ minh triết đến giác ngộ : Hành trình thức tỉnh tâm trí, buông bỏ bản ngã và tìm về bình yên đích thực / Karuna Cayton ; Tổ Chu dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 315 tr. ; 21 cm. - 179000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The misleading mind: How we create our own problems and how Buddhist psychology can help us solve them s606744

156. Chuyên đề Don Bosco : Gia đình SaLêDiêng Don Bosco Việt Nam : Chuyên đề Giáo dục dành cho mọi gia đình / Văn Am, Đức Dũng, Đại Yên... ; Ngọc Yên dịch ; B.s.: Nguyễn Trí Dũng... - H. : Hồng Đức. - 27 cm. - 18000đ. - 3000b

T.75. - 2023. - 47 tr. : ảnh, tranh màu s607151

157. Chuyên đề Don Bosco : Gia đình SaLêDiêng Don Bosco Việt Nam : Chuyên đề Giáo dục dành cho mọi gia đình / Speranza, Đức Dũng, Xuân Quang... ; Chuyển ngữ: Ngọc Yến, Ngọc Bích ; B.s.: Nguyễn Trí Dũng... - H. : Hồng Đức. - 27 cm. - 18000đ. - 3000b

T.80. - 2023. - 47 tr. : ảnh, tranh màu s607152

158. Hamilton, Edith. Thần thoại : Những câu chuyện vượt thời gian về các vị thần và anh hùng / Edith Hamilton ; Hoàng Nguyễn dịch ; Thanh Khê h.đ. - H. : Văn học, 2025. - 513 tr. ; 24 cm. - 230000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Mythology: Timeless tales of gods and heroes s606180

159. Huyền An Tâm. Những câu chuyện đức tin theo dòng sử Đạo Cao Đài / Huyền An Tâm kết tập, b.s. - H. : Thế giới, 2025. - 240 tr. : ảnh ; 21 cm. - 2000b

Thư mục: tr. 235-237 s607890

160. Kỷ yếu Toạ đàm khoa học Hoằng pháp hải ngoại: Vấn đề hoằng pháp trong xu hướng thời đại mới / Thích Kiên Tuệ, Thích Đồng Đắc, Thích Minh Tấn... - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 1661 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Ban Hoằng pháp Trung ương. Ban Trị sự GHPGVN thành phố Huế. - Thư mục trong chính văn s606408

161. Liễu Phàm. Liễu Phàm tứ huấn : Tích tập phúc đức, cải tạo vận mệnh / Trần Tuấn Mẫn biên dịch. - In lần 21. - H. : Công Thương, 2025. - 141 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 59000đ. - 10000b

Phụ lục: tr. 137-141 s608082

162. Nghi thức tụng niệm khoá sáng. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 100 tr. : bảng ; 24 cm. - 3020b

ĐTTS ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Thanh Hoá. Tổ đình chùa Thanh Hà s606646

163. Nguyễn Đắc Xuân. Tôi học Huế từ các chùa Phật / Nguyễn Đắc Xuân. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 403 tr. : ảnh ; 21 cm. - 250000đ. - 300b s607840

164. Nguyễn Khắc Dương. Đề hiểu đạo Chúa hơn : Những bài nói chuyện vào năm 1988 tại trường Viết văn Nguyễn Du - Hà Nội / Nguyễn Khắc Dương. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 414 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 1000b

Bút danh tác giả: Thế Tâm. - Phụ lục: tr. 377-381 s608049

165. Nguyễn Thế Hùng. Quán Đạo giáo với một số vấn đề lịch sử và tôn giáo ở Việt Nam / Nguyễn Thế Hùng. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 266 tr. : ảnh, sơ đồ ; 24 cm. - 163000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 257-264 s608145

166. Osho. Ba bước tỉnh thức / Osho. - In lần 2. - H. : Thế giới, 2025. - 173 tr. ; 21 cm. - 89000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Three steps to awakening s607928

167. Osho. Đức Phật / Osho ; Lê Xuân Khoa dịch. - In lần 8. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 305 tr. : ảnh màu ; 19 cm. - 169000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: Buddha: His life and teachings and impact on humanity s607037

168. Osho. Sáng tạo - Bùng cháy sức mạnh bên trong = Creativity - Unleashing the forces within / Osho ; Hồ Thị Việt Hà dịch. - Tái bản. - H. : Dân trí, 2025. - 235 tr. ; 21 cm. - 108000đ. - 1000b s606316

169. Osho. Tantra / Osho ; Lê Xuân Khoa dịch. - In lần 6. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 305 tr. : ảnh ; 19 cm. - 169000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: Tantra: The way of acceptance s607036

170. Renou, Louis. Hindu giáo / Louis Renou ; Minh Triết dịch. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 235 tr. ; 21 cm. - 159000đ. - 800b

Phụ lục: tr. 233-235 s606642

171. Roach, Geshe Michael. Năng đoạn kim cương : Áp dụng giáo lý của Đức Phật vào quản trị doanh nghiệp và đời sống / Geshe Michael Roach ; Trần Tuấn Mẫn dịch. - In lần thứ 35. - H. : Công Thương, 2025. - 375 tr. : ảnh ; 24 cm. - 199000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: The diamond cutter - The Buddha on strategies for managing your business and your life s608090

172. Skilton, Andrew. Lịch sử Phật giáo : Hành trình từ cội nguồn Ấn Độ đến các vùng đất châu Á / Andrew Skilton ; Thích Thiện Chánh dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 298 tr. : biểu đồ ; 24 cm. - 235000đ. - 1500b

Thư mục: tr. 254-292 s607897

173. Tam tạng Phật giáo bộ phái / Dịch: Đồi Ngô... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - (Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam; T.31). - 6000b
ĐTTS ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
T.15: Bộ bản duyên 6 = 本緣部. - 2025. - xciii, 1424 tr. - Phụ lục: tr. 1183-1196 s605904
174. Tâm thị : Ấn phẩm văn hoá chùa Kỳ Viên Trung Nghĩa - Nha Trang / Huệ Giáo, Hải Điền, Trần Văn Giã... ; B.s.: Thích Huệ giáo (ch.b.).... ; Thích Giác Hiệp chuyển ngữ. - H. : Thanh niên. - 29 cm. - 1000b
ĐTTS ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Khánh Hoà
T.39. - 2019. - 95 tr. : ảnh màu, tranh màu s607153
175. Tejaniya, Sayadaw U. Khi nhận biết diễn ra tự nhiên : Hướng dẫn vun bồi chánh niệm trong đời sống hằng ngày / Sayadaw U Tejaniya ; Năng Mai dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 246 tr. ; 21 cm. - 122000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: When awareness becomes natural : A guide to cultivating mindfulness in everyday life s607869
176. Thích Nguyên Tâm. Lịch sử Phật giáo Tích Lan / Thích Nguyên Tâm b.s. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 446 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 1000b
Phụ lục: tr. 423-432. - Thư mục: tr. 433-444 s608037
177. Thích Nhất Hạnh. Cho đất nước đi lên / Thích Nhất Hạnh. - Tái bản lần 1. - H. : Thế giới, 2025. - 363 tr. ; 21 cm. - 199000đ. - 1000b s607904
178. Trí Húc. Tam kinh lược giải / Trí Húc ; Thích Hoằng Triệu dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 110 tr. ; 20 cm. - 1000b s608048
179. Tường Nhân Sư. Vi Diệu Pháp toát yếu / Tường Nhân Sư b.s. - Tái bản lần thứ 1. - Huế : Nxb. Thuận Hoá. - 30 cm. - (Theravāda). - 1500b
ĐTTS ghi: Phật giáo Nam tông Việt Nam
T.4: Pakiṇṇaka – Tập phần. - 2025. - 110 tr. : hình vẽ, bảng. - Phụ lục: tr. 1-5. - Thư mục: tr. 110 s607457
180. Vương Trị Tâm. Lịch sử tư tưởng tôn giáo Trung Quốc - Từ cổ đại đến đầu thế kỷ XX = 中國宗教思想史大綱 / Vương Trị Tâm ; Ngô Trần Trung Nghĩa dịch, chú thích. - H. : Văn học, 2025. - 282 tr. ; 24 cm. - 250000đ. - 500b s606116

KHOA HỌC XÃ HỘI, XÃ HỘI HỌC, NHÂN LOẠI HỌC, DÂN TỘC HỌC VÀ VĂN HOÁ

181. Bác Hồ với thiếu niên nhi đồng / Tuệ Minh, Nông Thị Trung, Vũ Kỳ... - H. : Văn học, 2025. - 186 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 74000đ. - 3000b s606059
182. Benoist, Cécile. LGBT+: Cầu vòng rực rỡ / Cécile Benoist ; Minh họa: Élodie Perrotin ; AQ dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 125 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 129000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Pháp: Qui sont les LGBT+ ? s606682
183. Các nhà trí thức tiêu biểu - Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh. - 24 cm. - 300b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh
T.2. - 2024. - 258 tr. : ảnh, bảng s607786
184. Các nhà trí thức tiêu biểu - Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh. - 24 cm. - 300b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh
T.3. - 2024. - 252 tr. : ảnh, bảng s607787

185. Cha - Điềm tựa đời con = Chicken soup for the father's soul / Jack Canfield, Mark Victor Hansen, Jeft Aubery... ; First News biên dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 175 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 78000đ. - 1000b s605883

186. Chu Trọng Huyền. Bác Hồ của chúng em / Chu Trọng Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 183 tr. ; 21 cm. - 74000đ. - 3000b
Thư mục: tr. 177-178 s606069

187. Chuyển đổi số ứng dụng : Sách tham khảo / Mai Thị Huyền, Lê Quý Tùng (ch.b.), Nguyễn Văn Hinh, Tống Thế Sơn. - H. : Tài chính, 2025. - xlii, 263 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 145000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang. - Thư mục: tr. 238-239. - Phụ lục: tr. 261-263 s606302

188. Dương Quỳnh Phương. Giáo trình Giáo dục bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá dân tộc / Dương Quỳnh Phương. - Thái Nguyên : Đại học Thái Nguyên, 2025. - 133 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 158000đ. - 60b

ĐTTS ghi: Đại học Thái Nguyên. Trường Đại học Sư phạm. - Thư mục: tr. 132-133 s605772

189. Đặng Hoàng Giang. Bức xúc không làm ta vô can / Đặng Hoàng Giang. - Tái bản có bổ sung. - H. : Thế giới, 2025. - 235 tr. ; 21 cm. - (Người trẻ nghĩ). - 119000đ. - 1500b s607925

190. Đặng Hoàng Giang. Thiện, ác và smartphone / Đặng Hoàng Giang. - In lần 2. - H. : Thế giới, 2025. - 331 tr. ; 21 cm. - (Người trẻ nghĩ). - 159000đ. - 1500b s607926

191. Đỗ Bảo Ngân. Bác Hồ với thiếu niên nhi đồng / Đỗ Bảo Ngân b.s. - H. : Văn học, 2025. - 79 tr. : ảnh ; 24 cm. - 50000đ. - 3000b s606129

192. Giáo dục giá trị văn hoá Huế cho học sinh tiểu học Thừa Thiên Huế : Sách chuyên khảo / Trần Văn Hiếu (ch.b.), Đinh Thị Hồng Vân, Nguyễn Thị Ngọc Bé... - Huế : Đại học Huế, 2025. - xii, 250 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 500b s605981

193. Greene, Robert. Nghệ thuật quyến rũ = The art of seduction / Robert Greene ; Nguyễn Thị Kim Anh dịch. - In lần thứ 29. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 663 tr. ; 24 cm. - 265000đ. - 2000b

Phụ lục: tr. 635-663 s606576

194. Kết quả điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024 tỉnh Gia Lai / B.s.: Nguyễn Thị Bích Thảo, Hồ Thị Tường Vi, Lê Thị Thiết... - H. : Thống kê, 2024. - 159 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Cục Thống kê tỉnh Gia Lai. - Phụ lục: tr. 137-159 s608106

195. Làm theo lời Bác / Bùi Mai Hoa, Hồng Vân, Hương Lan... - Ninh Bình : S.n. - 21 cm. - 1000b

ĐTTS ghi : Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ Ninh Bình

T.8. - 2025. - 278 tr. : ảnh, bảng. - Phụ lục: tr. 267-278 s605794

196. Lan toả văn hoá Hồ Chí Minh trong thành phố mang tên Người / Phan Xuân Sơn, Phan Thị Ngân, Nguyễn Thị Hương... ; Ch.b.: Phan Nguyễn Như Khuê... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 686 tr. : ảnh ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Ban Tuyên giáo Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh; Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh s607792

197. Lê Mạnh Hùng. Giáo trình Du lịch văn hoá / Lê Mạnh Hùng (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Hà, Vũ Ngọc Thư. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 271 tr. : bảng ; 27 cm. - 318000đ. - 70b

ĐTT ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Kinh tế và Quản lý. - Thư mục: tr. 221-223. - Phụ lục: tr. 224-271 s607103

198. Lê Xuân Cù. Truyền thông xã hội: Hành vi khách hàng cá nhân và tổ chức : Sách chuyên khảo / Lê Xuân Cù, Nguyễn Trần Hưng (ch.b.), Trần Thị Huyền Trang. - H. : Công Thương, 2025. - 342 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thương mại. - Thư mục: tr. 296-334. - Phụ lục: tr. 335-342 s606679

199. Lịch sử phong trào nông dân và Hội Nông dân tỉnh Thừa Thiên Huế 2005 - 2024 / B.s.: Nguyễn Văn Hoa (ch.b.), Phan Tiến Dũng, Mai Văn Được... - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 379 tr., 18 tr. ảnh : bảng ; 24 cm. - 1200b

ĐTTS ghi: Hội Nông dân thành phố Huế. - Phụ lục: tr. 317-372. - Thư mục: tr. 373-379 s607845

200. Lý luận cơ bản về truyền thông : Sách thường thức / Phạm Minh Sơn, Nguyễn Thuý Hà (ch.b.), Nguyễn Thị Tuyết Minh... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2024. - 143 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 80000đ. - 500b

Thư mục: tr. 131-138 s605863

201. Nguyễn Anh Bình. Những tác phẩm báo chí đi cùng năm tháng / Nguyễn Anh Bình. - Nghệ An : Đại học Vinh, 2025. - 355 tr. : ảnh ; 24 cm. - 350000đ. - 490b s605786

202. Nguyễn Ánh Minh. Giáo trình Xã hội học đại cương / Nguyễn Ánh Minh (ch.b.), Hứa Hồng Hiếu, Ngô Thị Thanh Thuý. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 162 tr. : bảng ; 24 cm. - 98000đ. - 100b

Thư mục: tr. 159-162 s607837

203. Nguyễn Bá Ngọc. Báo chí công dân, mạng xã hội & PR trong kỷ nguyên mới / Nguyễn Bá Ngọc. - H. : Thế giới, 2025. - 199 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 148000đ. - 2000b s607868

204. Nguyễn Duy Khang. Anh ngữ căn bản - Tìm hiểu văn hoá Việt Nam và thể giới / Ch.b.: Nguyễn Duy Khang, Phan Thị Tuyết Vân, Huỳnh Như. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 120000đ. - 200b

T.1. - 2025. - 204 tr. : minh hoạ s607667

205. Nguyễn Duy Khang. Anh ngữ căn bản - Tìm hiểu văn hoá Việt Nam và thể giới / Ch.b.: Nguyễn Duy Khang, Phan Thị Tuyết Vân, Huỳnh Như. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 120000đ. - 200b

T.2. - 2025. - 202 tr. : bảng, tranh vẽ s607668

206. Nguyễn Đăng Vũ. Dấu xưa lưng chừng núi - Một vùng bản sắc Ca-Dong / Nguyễn Đăng Vũ. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Văn hoá dân tộc, 2025. - 579 tr. : ảnh ; 24 cm. - 1000b

Phụ lục: tr. 429-572. - Thư mục: tr. 573-579 s606581

207. Nguyễn Mạnh Hải. Tính khoa học của quy luật phát triển xã hội : Sách tham khảo / Nguyễn Mạnh Hải. - H. : Thế giới, 2025. - 175 tr. ; 21 cm. - 135000đ. - 200b s607887

208. Nguyễn Ngọc Thơ. Giáo trình Văn hoá Trung Hoa / Nguyễn Ngọc Thơ. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - xxxi, 390 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 150000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. - Phụ lục: tr. 277-388. - Thư mục trong chính văn s607789

209. Nguyễn Xuân Nghĩa. Xã hội học / Nguyễn Xuân Nghĩa. - Tái bản lần thứ 7. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 352 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 173000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Khoa Xã hội học - Công tác xã hội - Đông Nam Á. - Phụ lục: tr. 323-331. - Thư mục: tr. 332-340 s607822

210. Những bông hoa đẹp : Chào mừng Đại hội thi đua yêu nước thành phố Hà Nội giai đoạn 2025 - 2030 tiến tới Đại hội thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI / Phúc Hưng, Lê Đình Trung, Nguyễn Thị Chắt... - H. : Nxb. Hà Nội. - 22 cm. - 1200b

ĐTTS ghi: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố Hà Nội
T.31. - 2025. - 431 tr. : ảnh màu s606804

211. Phùng Tuấn Anh. Bài giảng Cơ sở hạ tầng số / Phùng Tuấn Anh (ch.b.), Nguyễn Thị Oanh, Trần Đình Ngọc. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 375 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 377000đ. - 80b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Kinh tế và Quản lý. - Thư mục: tr. 373-375 s607101

212. Siebel, Thomas M. Chuyển đổi số = Digital transformation : Sống sót & bứt phá trong kỷ nguyên sụp đổ hàng loạt / Thomas M. Siebel ; Phạm Anh Tuấn dịch. - In lần thứ 6. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 293 tr. : hình vẽ ; 23 cm. - (Tủ sách Doanh trí). - 265000đ. - 1000b s608065

213. Stiglitz, Joseph E. Xây dựng xã hội học tập : Cách tiếp cận mới cho tăng trưởng, phát triển và tiến bộ xã hội : Sách tham khảo / Joseph E. Stiglitz, Bruce C. Greenwald ; Biên dịch, h.đ.: Đỗ Đức Thọ... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 555 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 245000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: Creating a learning society : A new approach to growth, development, and social progress s605839

214. Tài liệu chuyên đề Giáo dục nếp sống thanh lịch, văn minh cho học sinh Hà Nội : Dùng cho học sinh lớp 6 / B.s.: Nguyễn Thành Kỳ, Trần Đăng Nghĩa, Đinh Thị Phương Anh... - Tái bản. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 31 tr. : ảnh màu, bảng ; 24 cm. - 14500đ. - 10010b

Thư mục cuối mỗi bài s607048

215. Tuổi trẻ Thành phố Hồ Chí Minh: 50 năm cống hiến trưởng thành phát triển. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 334 tr. : ảnh ; 26 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 334 s607155

216. Văn hoá truyền thống làng Chằm Phò Trì (xã Tân Thắng, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận) / Trương Tính, Lê Xuân Lợi, Châu Văn Huỳnh (ch.b.)... - H. : Nông nghiệp, 2025. - 176 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Ninh Thuận. Trung tâm Nghiên cứu Văn hoá Chằm. - Phụ lục: tr. 129-172. - Thư mục: tr. 173-174 s606638

217. Xây dựng đội ngũ trí thức thành phố Cần Thơ hiện nay : Sách chuyên khảo / Lê Văn Điện (ch.b.), Bùi Hải Dương, Mai Trần Hải Đăng... - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 168 tr. ; 21 cm. - 160000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Chính trị thành phố Cần Thơ. - Thư mục: tr. 156-164 s606657

THỐNG KÊ

218. Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã năm 2024 tỉnh Vĩnh Phúc / Chi cục Thống kê tỉnh Vĩnh Phúc b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 210 tr., 24 tr. biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Vĩnh Phúc s606717

219. Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã tỉnh Quảng Nam 2024 / Chi cục Thống kê tỉnh Quảng Nam b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 619 tr. : bảng ; 24 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Quảng Nam s606740

220. Niên giám thống kê 2024 tỉnh Hà Nam = Hanam statistical yearbook 2024 / Chi cục Thống kê tỉnh Hà Nam b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 589 tr., 11 tr. biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Hà Nam s606725

221. Niên giám thống kê Lâm Đồng 2024 = Lamdong statistical yearbook 2024 / B.s.: Trần Xuân Thề, Bùi Ngọc Thủy, Nguyễn Đức Sơn... - H. : Thống kê, 2025. - 630 tr., 11 tr., biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 240b

ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng s606737

222. Niên giám thống kê thành phố Cần Thơ 2024 = Cantho city statistical yearbook 2024 / Chi cục Thống kê thành phố Cần Thơ b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 578 tr., 12 tr. biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 120b

ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê thành phố Cần Thơ s606734

223. Niên giám thống kê thành phố Đà Nẵng 2024 = Danang city statistical yearbook 2024 / Chi cục Thống kê thành phố Đà Nẵng b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 664 tr., 11 tr. biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê thành phố Đà Nẵng s606729

224. Niên giám thống kê thành phố Hà Nội 2024 = Hanoi statistical yearbook 2024 / Chi cục Thống kê thành phố Hà Nội b.s., dịch. - H. : Thống kê, 2025. - 751 tr., 4 tr. ảnh màu : bảng ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê thành phố Hà Nội s608097

225. Niên giám thống kê thành phố Huế 2024 = Hue city statistical yearbook 2024 / Chi cục Thống kê thành phố Huế b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 570 tr., 12 tr. ảnh màu : bảng ; 24 cm. - 130b

ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê thành phố Huế s608101

226. Niên giám thống kê tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu 2024 = Baria - Vungtau statistical yearbook 2024 / Chi cục Thống kê tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 507 tr., 10 tr. biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 220b

ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu s606732

227. Niên giám thống kê tỉnh Bắc Kạn 2024 = Backan statistical yearbook 2024 / Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Kạn b.s., dịch. - H. : Thống kê, 2025. - 579 tr., 11 tr. biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Kạn s606722

228. Niên giám thống kê tỉnh Bình Định = Binhdingh statistical yearbook / Chi cục Thống kê tỉnh Bình Định b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 703 tr., 7 tr. biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 120b

ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Bình Định s606731

229. Niên giám thống kê tỉnh Cao Bằng 2024 = Caobang statistical yearbook 2024 / Chi cục Thống kê tỉnh Cao Bằng b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 546 tr., 8 tr. ảnh màu : bảng ; 24 cm. - 125b

ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Cao Bằng s608098

230. Niên giám thống kê tỉnh Điện Biên 2024 = Dienbien statistical yearbook 2024 / Chi cục Thống kê tỉnh Điện Biên b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 607 tr., 8 tr. biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 60b

ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Điện Biên s606726

231. Niên giám thống kê tỉnh Gia Lai 2024 = Gialai statistical yearbook 2024 / Chi cục Thống kê tỉnh Gia Lai b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 586 tr., 8 tr. ảnh màu : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 120b

ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Gia Lai s608104

232. Niên giám thống kê tỉnh Hà Giang 2024 = Hagiang statistical yearbook 2024 / Chi cục Thống kê tỉnh Hà Giang b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 591 tr., 11 tr. biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Hà Giang s606730

233. Niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên 2024 = Hungyen statistical yearbook 2024 / Chi cục Thống kê tỉnh Hưng Yên b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 398 tr., 11 tr. biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 170b

ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Hưng Yên s606719

234. Niên giám thống kê tỉnh Lai Châu 2024 = Laichau statistical yearbook 2024 / Chi cục Thống kê tỉnh Lai Châu b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 535 tr., 10 tr. biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Lai Châu s606721

235. Niên giám thống kê tỉnh Nam Định 2024 = Namdinh statistical yearbook 2024 / B.s.: Vũ Thị Hương, Bùi Ngọc Thụ, Phòng Thống kê Tổng hợp, Phòng Nghiệp vụ. - H. : Thống kê, 2025. - 640 tr., 12 tr. ảnh màu : bảng ; 24 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Nam Định s608105

236. Niên giám thống kê tỉnh Ninh Bình 2024 = Ninhbinh statistical yearbook 2024 / Chi cục Thống kê tỉnh Ninh Bình b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 539 tr., 10 tr. biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Ninh Bình s606724

237. Niên giám thống kê tỉnh Phú Thọ 2024 = Phutho statistical yearbook 2024 / Chi cục Thống kê tỉnh Phú Thọ b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 643 tr. : bảng ; 24 cm. - 60b

ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Phú Thọ. - Phụ lục: tr. 631-643 s608103

238. Niên giám thống kê tỉnh Phú Yên 2024 = Phuyen statistical yearbook 2024 / Chi cục Thống kê tỉnh Phú Yên b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 573 tr., 8 tr. biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Phú Yên s606733

239. Niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình 2024 = Quangbinh statistical yearbook 2024 / Chi cục Thống kê tỉnh Quảng Bình b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 539 tr., 7 tr., biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Quảng Bình s606739

240. Niên giám thống kê tỉnh Quảng Nam 2024 = Quangnam statistical yearbook 2024 / Chi cục Thống kê tỉnh Quảng Nam b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 630 tr., 11 tr. biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Quảng Nam s606741

241. Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi 2024 = Quangngai statistical yearbook 2024 / Chi cục Thống kê tỉnh Quảng Ngãi b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 674 tr., 7 tr. biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Quảng Ngãi s606736

242. Niên giám thống kê tỉnh Quảng Trị 2024 = Quangtri statistical yearbook 2024 / Chi cục Thống kê tỉnh Quảng Trị b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 563 tr., 10 tr. biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 140b

ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Quảng Trị s606738

243. Niên giám thống kê tỉnh Sóc Trăng 2024 : Soctrang statistical yearbook 2024 / Chi cục Thống kê tỉnh Sóc Trăng b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 506 tr., 6 tr. ảnh màu : bảng ; 24 cm. - 50b

ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Sóc Trăng s608100

244. Niên giám thống kê tỉnh Tây Ninh 2024 = Tayninh province statistical yearbook 2024 / Chi cục Thống kê tỉnh Tây Ninh b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 583 tr. 11 tr. biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 140b

ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Tây Ninh s606728

245. Niên giám thống kê tỉnh Thái Bình 2024 = Thaibinh statistical yearbook 2024 / B.s.: Trần Thị Thu Hà, Nguyễn Thanh Bình, Ngô Thị Lan... - H. : Thống kê, 2025. - 575 tr., 11 tr. biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Thái Bình s606727

246. Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 2024 = Thainguyen statistical yearbook 2024 / Chi cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 586 tr. : bảng ; 24 cm. - 200b
ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên s608102

247. Niên giám thống kê tỉnh Tuyên Quang 2024 : Tuyenquang statistical yearbook 2024 / Chi cục Thống kê tỉnh Tuyên Quang b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 632 tr., 6 tr. ảnh màu : bảng ; 24 cm. - 180b

ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Tuyên Quang s608099

248. Niên giám thống kê tỉnh Vĩnh Long 2024 = Vinhlong statistical yearbook 2024 / Chi cục Thống kê tỉnh Vĩnh Long b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 598 tr., 10 tr. biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 110b

ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Vĩnh Long s606735

249. Niên giám thống kê tỉnh Vĩnh Phúc 2024 = Vinhphuc statistical yearbook 2024 / Chi cục Thống kê tỉnh Vĩnh Phúc b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 575 tr., 11tr. biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Vĩnh Phúc s606723

250. Vũ Xuân Quyết. Niên giám thống kê huyện Yên Minh 2024 / B.s.: Vũ Xuân Quyết, Chi cục Thống kê tỉnh Hà Giang. - H. : Thống kê, 2025. - 191 tr. : bảng ; 24 cm. - 120b

ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Hà Giang. Đội Thống kê số 6 s606720

CHÍNH TRỊ

251. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới ở Trường Chính trị Lê Duẩn tỉnh Quảng Trị / Dương Hương Sơn, Thái Thị Hồng Minh (ch.b.), Ngô Thị Thu Hà... - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 292 tr. ; 21 cm. - 180000đ. - 150b

ĐTTS ghi: Trường Chính trị Lê Duẩn tỉnh Quảng Trị s606660

252. Biên niên lịch sử công tác tuyên giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam (1925 - 2025) / B.s.: Lại Xuân Môn, Hà Dũng Hải, Nguyễn Phú Trường... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 1500b

- ĐTTS ghi: Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng
T.1: 1925 - 1954. - 2024. - xvi, 943 tr. s605850
253. Biên niên lịch sử công tác tuyên giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam (1925 - 2025) / B.s.: Lại Xuân Môn, Hà Dũng Hải, Nguyễn Phú Trường... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 1500b
ĐTTS ghi: Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng
T.2: 1955 - 1975. - 2024. - x, 997 tr. s605851
254. Biên niên lịch sử công tác tuyên giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam (1925 - 2025) / B.s.: Lại Xuân Môn, Hà Dũng Hải, Nguyễn Phú Trường... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 1500b
ĐTTS ghi: Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng
T.3: 1976 - 2004. - 2024. - x, 1088 tr. s605852
255. Bùi Văn Hợp. Truyền thống Cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Suối Hoa (1957 - 2025) / Bùi Văn Hợp b.s. ; S.t.: Bùi Văn Miên... - H. : Công Thương, 2025. - 198 tr. : ảnh màu, bảng ; 24 cm. - 250b
ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Suối Hoa, huyện Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình s606695
256. Bùi Xuân Thắng. Lịch sử Đảng bộ Công an tỉnh Bình Phước (1997 - 2020) / B.s.: Bùi Xuân Thắng, Nguyễn Huy Hải, Nguyễn Hồng Sơn... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 359 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 310b
ĐTTS ghi: Bộ Công an. Công an tỉnh Bình Phước. - Phụ lục: tr. 277-352 s605812
257. Dự thảo các văn kiện trình Đại hội đại biểu Đảng bộ Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030. - H. : Văn hoá dân tộc, 2025. - 87 tr. : bảng ; 27 cm. - 500b
ĐTTS ghi: Đảng bộ Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch. - Lưu hành nội bộ. - Phụ lục: tr. 50-86 s607147
258. Đào Duy Quát. Công tác tư tưởng và những vấn đề đặt ra với công tác tư tưởng trong thời kỳ phát triển mới của đất nước / Đào Duy Quát. - Xuất bản lần thứ 2, có chỉnh sửa. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 382 tr. : ảnh ; 22 cm. - 261000đ. - 500b
Phụ lục: tr. 369-382 s605835
259. Đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong bối cảnh mới: Từ góc nhìn ngoại giao kinh tế : Sách chuyên khảo / Trần Thọ Quang, Phạm Quốc Thành, Nguyễn Đức Thọ, Nguyễn Thị Thanh Vân ; Ch.b.: Nguyễn Minh Phương... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 262 tr. ; 24 cm. - 1000b
Thư mục: tr. 255-261 s605840
260. Đỗ Thị Xuân Dung. Diễn ngôn chính trị - xã hội từ góc nhìn của lý thuyết phân tích diễn ngôn phê phán : Sách chuyên khảo / Đỗ Thị Xuân Dung. - Huế : Đại học Huế, 2025. - xiii, 185 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 150000đ. - 200b
Thư mục: tr. 175-184. - Phụ lục: tr. 185 s606378
261. Giáo trình Hoạch định và thực thi chính sách công / B.s.: Nguyễn Đức Chung, Lê Văn Hoà (ch.b.), Nguyễn Đức Thắng... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 339 tr. : bảng, sơ đồ ; 21 cm. - 351000đ. - 50b
ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục: tr. 325-330 s606455
262. Giáo trình Những vấn đề cơ bản về chính sách công / B.s.: Đặng Khắc Ánh, Triệu Văn Cường (ch.b.), Lưu Kiếm Thanh... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 260 tr. : bảng, sơ đồ ; 21 cm. - 213000đ. - 50b
ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục: tr. 247-252 s606428

263. Giáo trình Phân tích chính sách / B.s.: Lê Văn Hoà (ch.b.), Nguyễn Quỳnh Huy, Nguyễn Đức Thắng... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 235 tr. : bảng, sơ đồ ; 21 cm. - 251000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục: tr. 226-228 s606458

264. Giáo trình Phân tích đánh giá chính sách công / B.s.: Lưu Kiếm Thanh, Lê Văn Hoà (ch.b.), Nguyễn Quỳnh Huy... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 333 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 218000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục: tr. 322-323 s606435

265. Hỏi - Đáp các nội dung cơ bản trong chương trình Trung cấp lý luận chính trị / B.s.: Nguyễn Thị Nhật Thu, Lê Xuân Huy, Đặng Thị Mai (ch.b.)... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 578 tr. ; 24 cm. - 180b

ĐTTS ghi: Trường Chính trị Hải Dương s605855

266. Hồ Chí Minh bàn về Đảng / Tuyển chọn: Vũ Tình, Đặng Thị Minh Phượng. - In lần thứ 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 94 tr. : ảnh ; 21 cm. - (Di sản Hồ Chí Minh). - 70000đ. - 1000b s606515

267. Khơi dậy khát vọng phát triển Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc trong bối cảnh mới : Sách chuyên khảo / Đặng Quang Định (ch.b.), Nguyễn Tài Đông, Nguyễn Anh Tuấn... - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 358 tr. ; 21 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 345-354 s606652

268. Lê Đức Hoàng. Lịch sử Đảng bộ huyện Quỳnh Lưu (2000 - 2025) / B.s.: Lê Đức Hoàng (ch.b.), Nguyễn Thị Minh Giang, Vương Thị Sâm. - Tái bản, bổ sung. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 343 tr. : minh họa ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Quỳnh Lưu. - Phụ lục: tr. 267-337. - Thư mục: tr. 338-340 s607835

269. Lê Minh Chiến. Lịch sử Đảng bộ xã Điện Hồng (1975 - 2020) / Lê Minh Chiến b.s. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 296 tr. : bảng, ảnh ; 20 cm. - 550b

ĐTTS ghi: Đảng bộ xã Điện Hồng. - Phụ lục: tr. 247-296 s606365

270. Lịch sử Cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Cổ Loa 1930 - 2025 / B.s.: Lê Đăng Đào, Nguyễn Văn Nhân, Nguyễn Khả Nghị... ; S.t.: Tô Anh Duy... - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 528 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 1120b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Đông Anh. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Cổ Loa. - Phụ lục: tr. 345-522. - Thư mục: tr. 523-524 s606810

271. Lịch sử Cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Mai Lâm (1930 - 2025) / B.s.: Nguyễn Thế Hoàn, Nguyễn Thị Đơn, Nguyễn Thị Nhỏ... - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 418 tr. : minh họa ; 24 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Đông Anh. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Mai Lâm. - Phụ lục: tr. 277-411. - Thư mục: tr. 413-414 s607034

272. Lịch sử Đảng bộ cơ quan Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (1996 - 2020) / B.s.: Nguyễn Đình Tứ (ch.b.), Hà Minh Hồng, Đỗ Văn Biên... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 145 tr., 21 tr. ảnh : minh họa ; 24 cm. - 50b

ĐTTS ghi: Đảng bộ Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. Ban Chấp hành Đảng bộ cơ quan. - Thư mục: tr. 98-112. - Phụ lục: tr. 113-145 s607809

273. Lịch sử Đảng bộ huyện An Phú (1938 - 2025) / B.s.: Phùng Minh Tân, Lê Minh Thuận, Phạm Tấn Thời... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 330 tr., 46 tr. ảnh : minh họa ; 21 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Đảng bộ tỉnh An Giang. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện An Phú. - Phụ lục: tr. 263-324. - Thư mục: tr. 325-328 s605866

274. Lịch sử Đảng bộ huyện Hương Sơn / B.s.: Văn Ngọc Thành, Trần Viết Thụ (ch.b.), Phạm Ngọc Tân... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hương Sơn

T.2: 1975 - 2025. - 2025. - 491 tr., 36 tr. ảnh màu : bảng. - Phụ lục: tr. 441-448 s605856

275. Lịch sử Đảng bộ huyện Kim Động (2005 - 2025) / B.s.: Trần Tuấn Sơn, Trần Thị Kim Dung (ch.b.), Trần Thị Mỹ Hương... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 351 tr., 35 tr. ảnh : bảng ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng bộ tỉnh Hưng Yên. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Kim Động. - Phụ lục: tr. 313-346. - Thư mục: tr. 347-348 s605843

276. Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Lộc (2005 - 2025) / B.s.: Dương Quang Hiệp (ch.b.), Nguyễn Văn Quảng, Mai Văn Được... - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 374 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 850b

ĐTTS ghi: Đảng bộ thành phố Huế. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lộc. - Thư mục: tr. 291-300. - Phụ lục: tr. 301-372 s606402

277. Lịch sử Đảng bộ huyện Quảng Ninh / B.s.: Lê Trọng Duận (ch.b.), Trần Quang Minh, Hoàng Xuân Thiết... - Huế : Nxb. Thuận Hoá. - 24 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Quảng Ninh

T.4. - 2025. - 531 tr., 10 tr. ảnh màu : bảng. - Phụ lục: tr. 487-522. - Thư mục: tr. 523-525 s608038

278. Lịch sử Đảng bộ huyện Tam Nông (1947 - 2025) / B.s.: Nguyễn Chí Thắng, Nguyễn Chí Hoa, Đặng Đức Hải... - Tái bản có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 554 tr., 44 tr. ảnh : bảng ; 24 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Đảng bộ tỉnh Phú Thọ. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Tam Nông. - Phụ lục: tr. 497-552 s607035

279. Lịch sử Đảng bộ huyện Tân Trụ (1975 - 2025) / B.s.: Phạm Phúc Vĩnh, Võ Văn Thật, Phạm Văn Phương... - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 303 tr. ; 24 cm. - 290b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Tân Trụ. - Phụ lục ảnh: tr. 243-296. - Thư mục: tr. 297-300 s608046

280. Lịch sử Đảng bộ huyện Thanh Trì (2010 - 2025) / B.s.: Trần Tuấn Sơn (ch.b.), Trần Thị Mỹ Hương, Vũ Thái Dũng... - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 366 tr., 26 tr. ảnh màu : bảng ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng bộ thành phố Hà Nội. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Thanh Trì. - Phụ lục: tr. 321-364 s606809

281. Lịch sử Đảng bộ Quân sự huyện Tứ Kỳ (1947 - 2025) / B.s.: Nguyễn Ngọc Tú, Nguyễn Thế Phúc, Phạm Công Quyết... - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 431 : bảng ; 24 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự huyện Tứ Kỳ. - Thư mục: tr. 404-426. - Thư mục: tr. 427-428 s607859

282. Lịch sử Đảng bộ quận Ngô Quyền (1930 - 2025) / S.t., b.s.: Đoàn Trường Sơn, Tô Khuyên, Vũ Tiến Cơ, Phạm Xuân Thanh. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 447 tr., 66 tr. ảnh màu : ảnh, bảng ; 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. - Phụ lục: tr. 377-440. - Thư mục: tr. 441-443 s605857

283. Lịch sử Đảng bộ thành phố Chí Linh (1930 - 2025) / B.s.: Doãn Toá, Hà Chương, Huy Chương... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 599 tr., 20 tr. ảnh màu : bìa ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng bộ tỉnh Hải Dương. Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hải Dương. - Phụ lục: tr. 555-590. - Thư mục: tr. 591-595 s605860

284. Lịch sử Đảng bộ thành phố Hà Tĩnh (1930 - 2025) / Vũ Văn Luyện (ch.b.), Thái Kim Đình, Đinh Văn Thiêm, Trịnh Hải Yến. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 675 tr., 24 tr. ảnh màu : bìa ; 24 cm. - 600b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Tĩnh. - Phụ lục: tr. 617-668. - Thư mục: tr. 669-670 s605861

285. Lịch sử Đảng bộ thành phố Long Khánh (1930 - 2025) / Nguyễn Danh Tiên, Dương Thị Huệ (ch.b.), Nguyễn Bình... ; S.t.: Đào Thị Thu Tuyền... - Tái bản, bổ sung. - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 607 tr., 24 tr. ảnh : bìa ; 24 cm. - 700b

ĐTTS ghi: Đảng bộ tỉnh Đồng Nai. Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Long Khánh. - Phụ lục: tr. 536-576. - Thư mục: tr. 601-604 s606653

286. Lịch sử Đảng bộ thị trấn Thạch Hà (1930 - 2025) / B.s.: Dương Trí Thức (ch.b.), Nguyễn Văn Hối, Phạm Xuân Lương... - Nghệ An : Đại học Vinh, 2025. - 302 tr., 18 tr. ảnh màu : minh họa ; 24 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Thạch Hà. Ban Chấp hành Đảng bộ thị trấn Thạch Hà. - Phụ lục: tr. 261-297. - Thư mục: tr. 298-299 s605790

287. Lịch sử Đảng bộ thị xã Hương Thủy (2000 - 2025) / B.s.: Dương Quang Hiệp (ch.b.), Phan Hùng Tiến, Mai Văn Được... - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 402 tr. : minh họa ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng bộ thành phố Huế. Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Hương Thủy. - Phụ lục: tr. 333-393. - Thư mục: tr. 395-402 s606403

288. Lịch sử Đảng bộ Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1997 đến năm 2020 / B.s.: Trần Văn Giao, Lưu Văn Điện, Nguyễn Thị Xuân... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - x, 131 tr. : ảnh màu ; 24 cm. - 400b

ĐTTS ghi: Đảng bộ Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Đảng uỷ Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh. - Phụ lục: tr. 91-130. - Thư mục: tr. 131 s607766

289. Lịch sử Đảng bộ Trung tâm Quản lý Ký túc xá Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (2000 - 2020) / B.s.: Tăng Hữu Thủy, Đặng Bá Bình, Ngô Thị Mỹ Thạch... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 231 tr., 44 tr. ảnh màu : bìa ; 21 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Đảng bộ Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Đảng bộ Trung tâm Quản lý Ký túc xá. - Phụ lục: tr. 223-231 s608053

290. Lịch sử Đảng bộ Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (1996 - 2020) / B.s.: Lê Hữu Phước, Nguyễn Thế Trung, Võ Phúc Toàn, Thái Văn Nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - x, 298 tr. : ảnh màu, bìa ; 24 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Đảng bộ Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Ban Chấp hành Đảng bộ Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. - Thư mục: tr. 245-252. - Phụ lục: tr. 253-298 s607769

291. Lịch sử Đảng bộ và nhân dân phường Chương Dương (1930 - 2020) / B.s.: Trần Thị Thanh Vân, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quốc Thụ... - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 260 tr. : minh họa ; 21 cm. - 115b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ phường Chương Dương. - Phụ lục: tr. 239-260 s607031

292. Lịch sử Đảng bộ và nhân dân phường Hàng Bài (1930 - 2020). - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 280 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 105b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ phường Hàng Bài. - Phụ lục: tr. 267-280 s607033

293. Lịch sử Đảng bộ và nhân dân phường Hàng Bồ (1930 - 2020). - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 295 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 133b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ phường Hàng Bồ. - Phụ lục: tr. 269-295 s607032

294. Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã A Roàng (1945 - 2020) / Ngô Đức Lập (ch.b.), Lê Văn Hà, Nguyễn Thăng Long, Trần Đức Sáng. - Huế : Đại học Huế, 2025. - 276 tr. : ảnh màu, bảng ; 21 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện A Lưới. Ban Chấp hành Đảng bộ xã A Roàng s606370

295. Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã An Ninh (1925 - 2025) / B.s.: Nguyễn Thanh Vân, Nguyễn Đình Lạc, Ngô Thị Kim Hoàn, Đoàn Minh Thuý; S.t.: Đỗ Xuân Thiên... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 415 tr., 15 tr. ảnh : bảng ; 24 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình. Ban Chấp hành Đảng bộ xã An Ninh. - Phụ lục: tr. 350-411. - Thư mục: tr. 412 s605846

296. Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Đông Hội (1930 - 2025) / B.s.: Phạm Thị Thinh, Nguyễn Thị Minh Chiến, Lê Phú Minh... ; S.t.: Nguyễn Thị Minh Chiến... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 484 tr., 32 tr. ảnh : minh hoạ ; 21 cm. - 650b

ĐTTS ghi: Huyện uỷ Đông Anh. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Đông Hội. - Phụ lục: tr. 427-474. - Thư mục: tr. 475-480 s608138

297. Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Hùng An / B.s.: Trần Thị Kim Dung (ch.b.), Trần Tuấn Sơn, Trần Thị Mai... ; S.t.: Hồ Văn Khá... - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 370b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Kim Động. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Hùng An

T.3: 2005 - 2025. - 208 tr., 24 tr. ảnh. - Phụ lục: tr. 173-204 s606773

298. Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Hưng Thạnh (1989 - 2024). - Long An : S.n., 2025. - 198 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 300b

Đầu bìa sách ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Hưng Thạnh, huyện Tân Hưng s605795

299. Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Nhị Long (1930 - 2020) / B.s.: Nguyễn Thanh Tùng, Nguyễn Thanh Điền, Nguyễn Thanh Phong... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 482 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Nhị Long. - Phụ lục: tr. 375-473. - Thư mục: tr. 474-475 s608137

300. Lịch sử Đảng bộ xã Biển Hồ (1975 - 2020) / Nguyễn Hữu Cần, Bùi Thị Minh Hiếu, Ngô Trọng Hiệu... - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 428 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Đảng bộ thành phố Pleiku. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Biển Hồ. - Phụ lục: tr. 377-426. - Thư mục: tr. 427-428 s608045

301. Lịch sử Đảng bộ xã Cẩm Duệ (1930 - 2025) / B.s.: Dương Trí Thức (ch.b.), Phạm Tài, Trần Thị Ánh Tuyết, Đặng Văn Thành. - Nghệ An : Đại học Vinh, 2025. - 227 tr., 14 tr. ảnh : ảnh, bảng ; 24 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Cẩm Duệ. - Phụ lục: tr. 210-224. - Thư mục: tr. 225-226 s607850

302. Lịch sử Đảng bộ xã Đức Chánh (1930 - 2020) / B.s.: Bùi Hiệt, Nguyễn Ngọc Anh, Trần Văn Vàng... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 359 tr., 24 tr. ảnh : bảng ; 24 cm. - 400b

ĐTTS ghi: Huyện uỷ Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Đức Chánh. - Phụ lục: tr. 309-353. - Thư mục: tr. 354-355 s605845

303. Lịch sử Đảng bộ xã Lộc Châu (1975 - 2025). - S.l. : S.n., 2025. - 368 tr. : bảng ; 21 cm. - 368000đ. - 150b

ĐTTS ghi: Đảng bộ thành phố Bảo Lộc. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Lộc Châu s607846

304. Lịch sử Đảng bộ xã Lục Sơn / B.s.: Nguyễn Hữu Lợi, Nguyễn Văn Huệ, Chu Thế Thành... - H. : Văn học, 2024. - 407 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Lục Nam. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Lục Sơn. - Phụ lục: tr. 352-402 s606178

305. Lịch sử Đảng bộ xã Quỳnh Nghĩa (1931 - 2024) / B.s.: Trần Cao Nguyên (ch.b.), Nguyễn Khánh Ly, Dương Thị Mai Hoa... - Nghệ An : Đại học Vinh, 2025. - 287 tr., 13 tr. ảnh : ảnh, bảng ; 24 cm. - 270b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Quỳnh Nghĩa. - Phụ lục: tr. 244-282. - Thư mục: tr. 283 s607855

306. Lịch sử Đảng bộ xã Thạch Thắng (1930 - 2025) / B.s.: Dương Trí Thức (ch.b.), Nguyễn Tất Cường, Nguyễn Hữu Ánh... - Nghệ An : Đại học Vinh, 2025. - 271 tr., 6 tr. ảnh : minh hoạ ; 24 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Đảng bộ thành phố Hà Tĩnh. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Thạch Thắng. - Phụ lục: tr. 247-266. - Thư mục: tr. 267-268 s605789

307. Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Nguyên Hoà 1930 - 2025 / B.s.: Nguyễn Thị Mười, Nguyễn Thị Kim Loan, Đỗ Văn Huyền... - Tái bản, bổ sung lần thứ 1. - H. : Dân trí, 2025. - 474 tr. : ảnh, bảng ; 23 cm. - 350b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Nguyên Hoà - huyện Phù Cừ - tỉnh Hưng Yên. - Phụ lục: tr. 417-472 s607996

308. Lịch sử ngành Tuyên giáo Đảng bộ tỉnh Phú Yên (1930 - 2020) / B.s.: Nguyễn Văn Sự (ch.b.), Nguyễn Văn Thường, Nguyễn Thị Hoài My... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 479 tr., 11 tr. ảnh : bảng ; 21 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Tỉnh uỷ Phú Yên. Ban Tuyên giáo. - Phụ lục: tr. 465-471. - Thư mục: tr. 472-475 s605867

309. Lịch sử truyền thống Đảng bộ và nhân dân Phường 12 - Quận 6 (1930 - 2020) / B.s.: Nguyễn Văn Bình, Nguyễn Thị Kim Trang, Nguyễn Thị Viễn... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 304 tr., 30 tr. ảnh : bảng ; 21 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Đảng bộ Quận 6. Ban Chấp hành Đảng bộ Phường 12. - Phụ lục: tr. 278-304 s605877

310. Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Phường 13, Phường 14 (phường Xóm Chiếu), Quận 4 (1930 - 2020) / B.s.: Nguyễn Tiến Đạt (ch.b.), Đỗ Chí Chinh, Lý Tấn Hậu... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 371 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Đảng Cộng sản Việt Nam. Ban Chấp hành Đảng bộ Phường 13, Phường 14. Quận 4 - Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 309-313. - Phụ lục: tr. 315-371 s608054

311. Lịch sử truyền thống đấu tranh, xây dựng và phát triển của Đảng bộ và nhân dân An Lộc (1930 - 2025) / B.s.: Hồ Sơn Đài (ch.b.), Phạm Văn Mấy, Lưu Văn Quyết... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - iv, 296 tr. : ảnh màu ; 24 cm. - 300b

- ĐTTS ghi: Đảng bộ thị xã Bình Long. - Phụ lục: tr. 245-291 s607768
312. Nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn ở trường chính trị Lê Duẩn / Dương Hương Sơn, Thái Thị Hồng Minh (ch.b.), Hoàng Tiến Dũng... - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 520 tr. ; 21 cm. - 280000đ. - 150b
ĐTTS ghi: Trường Chính trị Lê Duẩn tỉnh Quảng Trị s606659
313. Ngoại giao Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030: Bối cảnh, xu hướng : Sách chuyên khảo / Nguyễn Hải Lưu, Hà Việt Anh (ch.b.), Vũ Duy Thành... - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 219 tr. : bảng ; 24 cm. - 188000đ. - 100b
Thư mục: tr. 213-218 s606662
314. Ngô Hữu Thảo. Lịch sử Đảng bộ thành phố Từ Sơn (1926 - 2025) / B.s.: Ngô Hữu Thảo, Nguyễn Phú Lợi. - H. : Thế giới, 2025. - 455 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 500b
ĐTTS ghi: Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh. Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Từ Sơn. - Phụ lục: tr. 427-450 s607879
315. Nguyễn Đình Nam. Lịch sử Đảng bộ xã Phú Sơn (1981 - 2025) / B.s.: Nguyễn Đình Nam (ch.b.), Nguyễn Đình Đính. - Tái bản, bổ sung. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 289 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 200b
ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Phú Sơn. - Phụ lục: tr. 262-287. - Thư mục: tr. 288-289 s608044
316. Nguyễn Phú Trọng. Vững bước trên con đường đổi mới / Nguyễn Phú Trọng. - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 19000b
T.3: 2017-2020. - 2025. - 968 tr. s605853
317. Nguyễn Phú Trọng. Vững bước trên con đường đổi mới / Nguyễn Phú Trọng. - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 19000b
T.4: 2021-2024. - 2025. - 1257 tr. s605854
318. Nguyễn Thị Thu Thủy. Hoạt động thông sứ giữa triều Joseon (Hàn Quốc) và triều Minh (Trung Quốc) từ năm 1392 đến năm 1644 / Nguyễn Thị Thu Thủy. - H. : Thế giới, 2025. - 246 tr. : bảng ; 21 cm. - 200b
Thư mục: tr. 216-223. - Phụ lục: tr. 224-239 s607924
319. Nguyễn Văn Hoa. Lịch sử Đảng bộ thị xã Hương Trà (1930 - 1975) / B.s.: Nguyễn Văn Hoa (ch.b.), Lê Nhật Minh, Nguyễn Xuân Thạch. - Tái bản, có bổ sung, chỉnh sửa. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 322 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 245b
ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Hương Trà. - Phụ lục: tr. 285-322 s608042
320. Nguyễn Văn Quang. Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã An Thạch (1945 - 2020) / B.s.: Nguyễn Văn Quang, Nguyễn Hoài Sơn, Nguyễn Phương Vân. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 351 tr., 18 tr. ảnh màu : bảng ; 21 cm. - 200b
ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Ban Chấp hành Đảng bộ xã An Thạch. - Phụ lục: tr. 325-344. - Thư mục: tr. 345-348 s605865
321. Nguyễn Xuân Phong. Giáo trình Tư tưởng chính trị của C. Mác, Ph. Ăngghen, V. I. Lênin, Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay / Nguyễn Xuân Phong, Phạm Thị Hoa (ch.b.), Lưu Văn Thắng. - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 320 tr. ; 21 cm. - 135000đ. - 300b
ĐTTS ghi: Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Khoa Chính trị học. - Thư mục: tr. 314-316 s606655
322. Nguyễn Xuân Thạnh. Lịch sử Đảng bộ phường Tứ Hạ (2015 - 2025) / Ch.b.: Nguyễn Xuân Thạnh, Lê Nhật Minh. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 178 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 250b
ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ phường Tứ Hạ. - Thư mục: tr. 143-176 s606401

323. Phạm Hồng Sanh. Lịch sử Đảng bộ xã Điện Quang (1930 - 1975) / B.s.: Phạm Hồng Sanh, Phạm Nền. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 239 tr., 8 tr. ảnh : bảng ; 20 cm. - 300b
DTTS ghi: Đảng bộ thị xã Điện Bàn. Đảng bộ xã Điện Quang. - Phụ lục: tr. 213-234. - Thư mục: tr. 235 s606364
324. Phan Duy Anh. Lịch sử khoa học chính trị: Hành trình trở thành một khoa học về quyền lực hay khám phá đời sống chính trị : Sách chuyên khảo / Phan Duy Anh. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 583 tr. : bảng ; 24 cm. - 246000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 565-581 s605849
325. Quá trình hình thành và phát triển Trường Chính trị tỉnh Bình Dương (1950 - 2023) : Sách chuyên khảo / Võ Châu Thảo (ch.b.), Nguyễn Hoàng Thao, Nguyễn Tôn Phương Du... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - iv, 176 tr. : ảnh màu, bảng ; 24 cm. - 100b
DTTS ghi: Trường Chính trị tỉnh Bình Dương. - Phụ lục: tr. 112-174. - Thư mục: tr. 175-176 s607802
326. Quận Cẩm Lệ - Lịch sử và phát triển. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 318 tr. : bảng, ảnh ; 24 cm. - 1000b
DTTS ghi: Quận uỷ - Uỷ ban nhân dân - Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận Cẩm Lệ. - Phụ lục: tr. 292-315 s606366
327. Sổ tay Hỏi - Đáp: Cán bộ tuyên giáo với việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch hiện nay / Mai Đức Ngọc (ch.b.), Trần Thanh Giang, Nguyễn Thuý Hà, Lê Đức Hoàng. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2024. - 103 tr. ; 21 cm. - 56000đ. - 500b
DTTS ghi: Học viện Báo chí và Tuyên truyền. - Thư mục: tr. 88-94 s605831
328. Thông tin tuyên truyền quận Thanh Xuân : Đặc biệt 01 / B.s.: Bùi Thu Trang, Ngô Minh Hồng, Đặng Phương Thảo... - H. : Nxb. Hà Nội, 2024. - 52 tr. : ảnh ; 27 cm. - 500b
DTTS ghi: Ban Tuyên giáo Quận uỷ Thanh Xuân s607170
329. Thông tin tuyên truyền quận Thanh Xuân : Đặc biệt 02 / B.s.: Ngô Minh Hồng, Đặng Phương Thảo, Nguyễn Thu Hà... - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 52 tr. : ảnh màu, bảng ; 27 cm. - 500b
DTTS ghi: Ban Tuyên giáo Quận uỷ Thanh Xuân s607171
330. Thông tin tuyên truyền quận Thanh Xuân : Đặc biệt 04 / B.s.: Bùi Thu Trang, Ngô Minh Hồng, Đặng Phương Thảo... - H. : Nxb. Hà Nội, 2023. - 52 tr. : ảnh màu ; 27 cm. - 500b
DTTS ghi: Ban Tuyên giáo Quận uỷ Thanh Xuân s607172
331. Tinh gọn và tăng cường quản trị : 5 năm Diễn đàn Quản trị cấp cao Việt Nam - Singapore = Streamlining and strengthening corporate governance : Five years of Vietnam - Singapore board forum / Hồ Sỹ Hùng, Josse Roussel, Hao Liang... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 246 tr. : ảnh ; 21 cm. - 1000b s606489
332. Trần Quốc Thái. Trọn nghĩa quê hương : Hồi ký / Trần Quốc Thái ; Phan Thế Cải ghi. - H. : Văn học, 2025. - 269 tr. : ảnh, bản đồ ; 23 cm. - 500b s606133
333. Trần Thị Hoa Lê. Bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp ở Việt Nam hiện nay : Sách chuyên khảo / Trần Thị Hoa Lê. - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 220 tr. ; 21 cm. - 190000đ. - 100b
Thư mục: tr. 200-215 s606661

334. Trường Chính trị Lê Duẩn tỉnh Quảng Trị - 80 năm xây dựng và phát triển (10/9/1945 - 10/9/2025), giai đoạn 2020 - 2025 / B.s.: Dương Hương Sơn, Thái Thị Hồng Minh, Ngô Thị Thu Hà... - H. : Tài chính, 2025. - 182 tr. : minh hoạ ; 26 cm. - 100b s606310

335. Tư tưởng ngoại giao bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử dân tộc Việt Nam (Từ thuở lập nước đến năm 1930) : Sách chuyên khảo / B.s.: Nguyễn Văn Quang, Bùi Thanh Cao, Hoàng Đức Thịnh (ch.b.)... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 215 tr. ; 21 cm. - 88000đ. - 1000b
ĐTTS ghi: Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn Quân sự. - Thư mục: tr. 208-213 s605833

336. Văn kiện Đảng bộ thành phố Lào Cai. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Đảng bộ tỉnh Lào Cai. Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Lào Cai
T.2: 1980 - 8/1986. - 2025. - 1028 tr. : bảng. - Phụ lục: tr. 445-456 s605859

337. Võ Văn Hào. Lịch sử Đảng bộ huyện Bình Sơn (1930 - 1975) / B.s.: Võ Văn Hào, Lê Hoàng Nguyên. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 399 tr., 17 tr. ảnh : bảng ; 24 cm. - 525b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bình Sơn. - Phụ lục: tr. 355-394. - Thư mục: tr. 395-396 s605847

338. Xây dựng trường chính trị chuẩn và một số kinh nghiệm trong quản lý đào tạo, bồi dưỡng; giảng dạy; nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn ở Trường Chính trị Lê Duẩn / Dương Hương Sơn, Thái Thị Hồng Minh (ch.b.), Nguyễn Hữu Thánh... - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 472 tr. ; 21 cm. - 270000đ. - 150b s606658

339. Yêu sách "Tứ Sa" của Trung Quốc và một số vấn đề đặt ra hiện nay / Bùi Thị Thu Hiền (ch.b.), Nguyễn Thị Hồng Yến, Trần Lê Duy... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 351 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 5500b

Lưu hành nội bộ. - Thư mục: tr. 333-347 s608143

KINH TẾ

340. Bảo tồn đa dạng sinh học cơ sở khoa học và các mô hình thành công tại Việt Nam : Sách tham khảo / Trương Quang Hoàng, Hoàng Dũng Hà (ch.b.), Nguyễn Hoài Khương, Nguyễn Đại Anh Tuấn. - Huế : Đại học Huế, 2025. - 135 tr. : bảng, ảnh ; 24 cm. - 120000đ. - 100b

Thư mục: tr. 132-135 s606369

341. Basilio, Carlos. Thực hành đồng ruộng về nông nghiệp sinh thái = Field manual on agroecology / Carlos Basilio, Normita Ignacio ; Dịch: Huỳnh Quang Tín... - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - vi, 117 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 200b

Phụ lục: tr. 114-115. - Thư mục: tr. 116 s605893

342. Beyond Limits - 15 đề thi minh hoạ tốt nghiệp THPT môn Địa / Đoàn Thị Hoàng Anh. - H. : Dân trí, 2025. - 138 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 150000đ. - 500b s605973

343. Bùi Thị Thu Hoà. Bài giảng Nhập môn phân tích dữ liệu: Ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh / Bùi Thị Thu Hoà (ch.b.), Nguyễn Phương Linh, Trần Hồng Ngọc. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 343 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 328000đ. - 80b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Kinh tế và Quản lý. - Thư mục: tr. 341-342 s607121

344. Cao Thị Kiên Chung. Giáo trình Quản lý đơn hàng trong may công nghiệp / Cao Thị Kiên Chung (ch.b.), Lưu Hoàng, Bùi Thị Việt Hà. - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2025. - 418 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 195000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên. - Thư mục cuối mỗi chương s606710

345. Chính sách môi trường và năng lượng cho phát triển bền vững tại Việt Nam / Nguyễn Thị Ánh Tuyết, Lưu Hạnh Nguyên, Nguyễn Đình Tiến (ch.b.)... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 319 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chuỗi ấn phẩm tư vấn chính sách). - 219000đ. - 30b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Kinh tế. - Thư mục cuối mỗi phần s607682

346. Clason, George S. Người giàu có nhất thành Babylon = The richest man in Babylon / George S. Clason ; Khánh Phương dịch. - H. : Văn học, 2025. - 287 tr. ; 21 cm. - 138000đ. - 3000b s606094

347. Dạy con làm giàu / Robert T. Kiyosaki ; Thiên Kim dịch. - In lần thứ 72. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 21 cm. - 80000đ. - 1500b

T.1: Để không có tiền vẫn tạo ra tiền = Rich dad - Poor dad. - 2025. - 193 tr. s606545

348. Dixon, Chris. Read write own : Kiến tạo kỷ nguyên tiếp theo của Internet / Chris Dixon ; Bích Trâm dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 367 tr. ; 21 cm. - 298000đ. - 5000b s607994

349. Du lịch bền vững, bất động sản và đô thị thông minh: Mô hình chính sách và kinh nghiệm quốc tế / Phạm Thị Linh, Nguyễn Thế Kiên (ch.b.), Phạm Ngọc Hương Quỳnh... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 311 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chuỗi ấn phẩm tư vấn chính sách). - 219000đ. - 30b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Kinh tế. - Thư mục cuối mỗi phần s607693

350. Dương Hoài An. Blockchain và một số ứng dụng trong nông nghiệp / Ch.b.: Dương Hoài An, Nguyễn Thị Giang. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 299 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 390000đ. - 50b

Thư mục: tr. 286-299 s607115

351. Đa dạng sinh học của Khu dự trữ thiên nhiên Động Châu - Khe Nước Trong, Quảng Bình, Việt Nam / Bùi Hùng Trinh, Đặng Ngọc Cần, Đặng Thăng Long... ; Tổng hợp, b.s.: Roger J. Safford, Lê Trọng Trãi. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 146 tr. : minh hoạ ; 30 cm. - 100b

Thư mục: tr. 102-106. - Phụ lục: tr. 107-145 s607354

352. Eker, T. Harv. Bí mật tư duy triệu phú = Secrets of millionaire mind / T. Harv Eker ; Kim Liên dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 291 tr. ; 21 cm. - 108000đ. - 5000b s608060

353. Giáo dục kinh tế và pháp luật 11 : Sách đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông tại Quyết định 4607/QĐ-BGDĐT ngày 28/12/2022 / Nguyễn Thị Mỹ Lộc (tổng ch.b.), Phạm Việt Thắng (ch.b.), Phạm Thị Hồng Điệp... - Tái bản lần thứ 2. - Huế : Đại học Huế, 2025. - 155 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Cánh Diều). - 23000đ. - 47000b s606012

354. Giáo dục kinh tế và pháp luật 12 : Sách đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông tại Quyết định 88/QĐ-BGDĐT ngày 05/01/2024 / Nguyễn Thị Mỹ Lộc (tổng ch.b.), Phạm Việt Thắng (ch.b.), Phạm Thị Hồng Điệp... - Tái bản lần thứ 1. - Huế : Đại học Huế, 2025. - 139 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Cánh Diều). - 20500đ. - 34000b s606013

355. Giáo trình Báo cáo thuế / B.s.: Phạm Thị Mỹ Linh (ch.b.), Trần Thế Lữ, Lê Thị Thu Trang... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 587 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 126000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Công đoàn. - Thư mục: tr. 571-574. - Phụ lục: tr. 575-587
s606409

356. Giáo trình Chính sách kinh tế / B.s.: Nguyễn Hữu Hải (ch.b.), Lê Tuấn Dũng, Trịnh Thị Thuý... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 347 tr. : bảng ; 21 cm. - 230000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Phụ lục: tr. 232-334. - Thư mục: tr. 335-339 s606444

357. Giáo trình Kinh tế công cộng / Bùi Thị Thuý Nhi, Phương Hữu Tùng, Nguyễn Thị Ngọc Mai (ch.b.)... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 213 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 150000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Học viện Hành chính và Quản trị công. - Thư mục: tr. 212-213 s606599

358. Giáo trình Kinh tế du lịch / Nguyễn Văn Đính, Nguyễn Văn Lưu (ch.b.), Lê Mạnh Hùng... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 367 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 376000đ. - 70b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Kinh tế và Quản lý. - Thư mục: tr. 281-286. - Phụ lục: tr. 287-367 s607106

359. Giáo trình Kinh tế đầu tư / Phùng Mai Lan, Trương Đức Toàn (ch.b.), Trần Văn Hoè... - H. : Bách khoa Hà Nội. - 27 cm. - 350000đ. - 60b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Kinh tế và Quản lý

T.1. - 2025. - 285 tr. : hình vẽ, bảng. - Thư mục cuối mỗi chương s607136

360. Giáo trình Kinh tế đầu tư / Từ Quang Phương, Phan Thuý Thảo, Lâm Thị Thuý Linh, Trần Khắc Ninh. - H. : Bách khoa Hà Nội. - 27 cm. - 425000đ. - 60b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Kinh tế và Quản lý

T.2. - 2025. - 315 tr. : hình vẽ, bảng s607137

361. Giáo trình Kinh tế học số / B.s.: Nguyễn Văn Minh, Phùng Tuấn Anh (ch.b.), Bùi Thị Thu Hoà, Nguyễn Thị Oanh. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 363 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 306000đ. - 80b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Kinh tế và Quản lý. - Thư mục: tr. 359-363
s607111

362. Giáo trình Kinh tế phát triển / B.s.: Bùi Thị Thuý Nhi, Nguyễn Thị Tình (ch.b.), Trang Thị Tuyết... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 427 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 303000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục: tr. 415-419 s606433

363. Giáo trình Kinh tế phát triển / B.s.: Lương Xuân Dương, Nguyễn Thị Vân Anh (ch.b.), Nguyễn Thị Phương Lan... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 277 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 50b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Trường Đại học Lao động - Xã hội. - Phụ lục: tr. 264-276 s606423

364. Giáo trình Kinh tế vi mô / B.s.: Nguyễn Hoàng Hiên (ch.b.), Trang Thị Nguyệt, Lương Minh Việt... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 339 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 300000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục: tr. 330-332 s606424

365. Giáo trình Kinh tế vĩ mô / B.s.: Trang Thị Tuyết, Nguyễn Hoàng Hiên (ch.b.), Lương Minh Việt... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 351 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 309000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục cuối mỗi chương
s606431

366. Giáo trình Môi trường và phát triển bền vững / Văn Hữu Tập, Nguyễn Thị Đông, Nguyễn Thị Hồng Viên... - Thái Nguyên : Đại học Thái Nguyên, 2025. - 293 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 186000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Đại học Thái Nguyên. Trường Đại học Khoa học. - Thư mục: tr. 287-293 s605773

367. Giáo trình Mua và quản trị nguồn cung / B.s.: Lục Thị Thu Hường, Phạm Thị Huyền, Đoàn Ngọc Ninh (ch.b.)... - H. : Thống kê, 2025. - 410 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 194500đ. - 250b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thương mại. - Thư mục cuối mỗi chương s606714

368. Giáo trình Quản lý dự án đầu tư công / Phạm Thu Thủy, Lê Toàn Thắng (ch.b.), Nguyễn Xuân Thu... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 335 tr. : bảng, sơ đồ ; 21 cm. - 350000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Học viện Hành chính và Quản trị công. - Thư mục: tr. 331-335 s606600

369. Giáo trình Tài chính doanh nghiệp / Phạm Thị Thanh Hương (ch.b.), Phạm Thu Thủy, Mai Đình Lâm, Đoàn Thị Hồng Anh. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 225 tr. : bảng ; 21 cm. - 260000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Học viện Hành chính và Quản trị công. - Thư mục: tr. 223-225 s606601

370. Giáo trình Thanh toán quốc tế & tài trợ ngoại thương / B.s.: Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Thị Hồng Hải (ch.b.), Đoàn Ngọc Thắng... - H. : Tài chính, 2025. - 523 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 215000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 523 s606304

371. Giáo trình Thị trường chứng khoán / Đinh Văn Chức (ch.b.), Nguyễn Thị Toàn, Hoàng Thị Minh Châu... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 419 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 99000đ. - 500b

ĐTTS ghi : Trường Đại học Công đoàn. - Thư mục: tr. 419 s606416

372. Giáo trình Toán ứng dụng trong kinh tế / Tăng Trí Hùng (ch.b.), Nguyễn Phương Anh, Đỗ Thị Ngọc Dương... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 206 tr. : bảng ; 28 cm. - 200000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai. Khoa Khoa học cơ bản. - Thư mục: tr. 206 s607624

373. Heilbroner, Robert L. Các triết gia thế tục: Cuộc đời, thời đại và tư tưởng của các nhà kinh tế vĩ đại / Robert L. Heilbroner ; Dịch: Lê Minh Phương, Trần Mạnh Cường ; Nguyễn Đức Thành h.đ. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 386 tr. ; 24 cm. - 299000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: The worldly philosophers s606800

374. Hoàng Đình Phi. Giáo trình Kinh tế học lao động / Hoàng Đình Phi, Trương Minh Đức. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 224 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 250000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Quản trị và Kinh doanh. - Thư mục cuối chính văn s606595

375. Hồ Quế Hậu. Lý thuyết kinh tế phương Tây hiện đại / Hồ Quế Hậu. - H. : Thế giới, 2025. - 409 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 280000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 405-409 s607932

376. Hướng dẫn 12 cách kiếm tiền "nhờ AI" dành cho lĩnh vực nghệ thuật: Thiết kế, hội hoạ, âm nhạc... / Weupbooks b.s. - H. : Dân trí, 2025. - 171 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - (We up - Sách Kiếm tiền tài chính). - 160000đ. - 20000b s606334

377. International conference on interdisciplinary research on environmental, social, and governance strategies for the sustainable development goals proceeding CIRES 2025 / Nguyen Phuong Thao, Tran Thi Thanh Hoa, Nguyen Thi Ngoc The... - H. : Transport, 2025. - 676 p. : ill. ; 30 cm. - 300 copies

At head of title: Ho Chi Minh city University of Economics and Finance Southern affairs department - Ministry of Science and Technology s605903

378. Kết quả điều tra doanh nghiệp tỉnh Bình Dương qua 3 năm (2020 - 2022). - H. : Thống kê, 2023. - 334 tr. : bảng ; 24 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Cục Thống kê tỉnh Bình Dương s606718

379. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh khu vực doanh nghiệp thành phố Hải Phòng giai đoạn 2019 - 2023 / Cục Thống kê thành phố Hải Phòng b.s. - H. : Thống kê, 2024. - 282 tr. : bảng, biểu ; 24 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Cục Thống kê thành phố Hải Phòng s608107

380. Kinh tế số và an sinh xã hội trong kỷ nguyên 4.0: Chiến lược thích ứng trong nền kinh tế toàn cầu / Vũ Thanh Hương, Phan Chí Anh, Phạm Ngọc Hương Quỳnh (ch.b.)... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 462 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chuỗi ấn phẩm tư vấn chính sách). - 249000đ. - 30b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Kinh tế. - Thư mục cuối mỗi phần s607692

381. Kiyosaki, Robert T. Dạy con làm giàu / Robert T. Kiyosaki ; Tạ Nguyễn Tấn Trương dịch. - In lần thứ 55. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 21 cm. - 145000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: Rich dad's cashflow quadrant

T.2: Sử dụng dòng vốn để được thoải mái về tiền bạc. - 2025. - 413 tr. : hình vẽ, bảng s606546

382. Kiyosaki, Robert T. Dạy con làm giàu / Robert T. Kiyosaki ; Tạ Nguyễn Tấn Trương dịch. - In lần thứ 41. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 21 cm. - 185000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: Rich dad's - Guide to investing

T.3: Hướng dẫn đầu tư để trở thành nhà đầu tư lão luyện. - 2025. - 529 tr. : hình vẽ s606547

383. Kiyosaki, Robert T. Dạy con làm giàu / Robert T. Kiyosaki ; Thu Nhi dịch. - In lần thứ 34. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 21 cm. - 100000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: Rich kid smart kid : Give your child a financial head start

T.4: Con giàu con thông minh : Để có khởi đầu thuận lợi về tài chính. - 2025. - 279 tr. : hình vẽ, bảng s606548

384. Kiyosaki, Robert T. Dạy con làm giàu / Robert T. Kiyosaki ; Nguyễn Minh Thiên Kim dịch. - In lần thứ 32. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 21 cm. - 160000đ. - 1500b

T.5: Để có sức mạnh về tài chính = Retire young, retire rich. - 2025. - 519 tr. : hình vẽ, bảng s606549

385. Kiyosaki, Robert T. Dạy con làm giàu / Robert T. Kiyosaki ; Dịch: Phương Anh, Anh Thy. - In lần thứ 27. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 21 cm. - 115000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: Rich dad's success stories

T.6: Những câu chuyện thành công từ các bài học của người cha giàu. - 2025. - 354 tr. : hình vẽ s606550

386. Kiyosaki, Robert T. Dạy con làm giàu / Robert T. Kiyosaki ; Nguyễn Minh Thiên Kim dịch. - In lần thứ 27. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 21 cm. - 110000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: Rich dad's - Who took my money?

T.7: Ai đã lấy tiền của tôi?. - 2025. - 313 tr. : hình vẽ, bảng s606551

387. Kiyosaki, Robert T. Dạy con làm giàu / Robert T. Kiyosaki ; Thiên Kim dịch. - In lần thứ 31. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 21 cm. - 60000đ. - 1500b

T.8: Để có những đồng tiền tích cực = Guide to becoming rich without cutting up your credit cards. - 2025. - 132 tr. : hình vẽ, bảng. - Phụ lục cuối chính văn s606552

388. Kiyosaki, Robert T. Dạy con làm giàu = Rich dad poor dad for teens / Robert T. Kiyosaki ; Tuyết Anh dịch. - In lần thứ 34. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 21 cm. - 60000đ. - 1500b

T.9: Những bí mật về tiền bạc mà bạn không học ở nhà trường! = The secrets about money - That you don't learn in school!. - 2025. - 133 tr. : hình vẽ s606553

389. Kiyosaki, Robert T. Dạy con làm giàu / Robert T. Kiyosaki ; Thiên Kim dịch. - In lần thứ 21. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 21 cm. - 160000đ. - 1500b

T.12: Lời tiên tri của người cha giàu = Rich dad's prophecy : Xây dựng con thuyền tài chính của bạn. - 2025. - 459 tr. : hình vẽ, bảng s606556

390. Kiyosaki, Robert T. Dạy con làm giàu / Robert T. Kiyosaki ; Lâm Vũ Gia Minh dịch. - In lần thứ 23. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 21 cm. - 115000đ. - 1500b

T.13: Nâng cao chỉ số IQ tài chính = Rich dad's increase your financial IQ : Trở nên thông minh hơn với đồng tiền của bạn. - 2025. - 327 tr. : hình vẽ, bảng s606557

391. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Kinh tế tài chính Việt Nam 2025 (VCFE 2025) - Huy động nguồn lực tài chính và thúc đẩy đầu tư cho tăng trưởng xanh, chuyển đổi xanh = The Vietnam Conference on Finance and Economic 2025 (VCFE 2025) / Phạm Hồng Hải, Nguyễn Thị Thu Phương, Trần Quý... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 363 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 350000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Tôn Đức Thắng. Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo Kinh tế ứng dụng (CAER). - Thư mục cuối mỗi bài s607690

392. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Phát triển Quảng Ninh thành một trong những điểm đến du lịch thân thiện với người Hồi giáo hàng đầu tại Việt Nam = Proceeding international conference: Developing Quang Ninh into one of the leading Muslim- friendly tourist destinations in Vietnam / Ramlan Bin Osman, Đinh Công Hoàng, Đặng Thu Thủy... - H. : Tài chính, 2025. - 964 tr. : hình vẽ ; 28 cm. - 300b

Thư mục cuối mỗi bài s607159

393. Lưu Đường Hâm. Chiến lược đầu tư vàng sinh lời / Lưu Đường Hâm ; Phùng Thuý Tiên dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 202 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 109000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 黄金交易高效战法 s608000

394. Mạnh Hà. Nghề nào rồi cũng ổn, miễn là thích / Mạnh Hà. - H. : Thế giới, 2025. - 376 tr. : ảnh, bảng ; 20 cm. - 120000đ. - 1500b

Tên thật tác giả: Phạm Mạnh Hà s607860

395. Nguyễn Lương Ngọc. Cẩm nang Sản phẩm tiêu biểu tỉnh Hải Dương = Catalogue of typical products of Hai Duong province = 手册 Hai Duong省典型产品 / B.s.: Nguyễn Lương Ngọc, Vương Hồng Hưng. - H. : Công Thương, 2025. - 99 tr. : ảnh, bảng ; 20 cm. - 500b

Đầu bìa sách ghi: UBND tỉnh Hải Dương s606696

396. Nguyễn Thành Công. Bất định chính sách kinh tế toàn cầu: Tác động và giải pháp : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thành Công (ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Phượng. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 167 tr. : biểu đồ ; 24 cm. - 180000đ. - 100b

Thư mục cuối mỗi chương s606420

397. Nguyễn Thị Tuyết Như. Giáo trình Đầu tư - Kinh doanh bất động sản / Nguyễn Thị Tuyết Như. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 281 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 150000đ. - 100b

Thư mục: tr. 234-239. - Phụ lục: tr. 241-280 s607811

398. Nguyễn Thị Vân Nga. Tỷ giá hối đoái: Từ lý luận đến thực tiễn điều hành : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Vân Nga. - H. : Tài chính, 2025. - 343 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 215000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 159-169. - Phụ lục: tr. 170-343 s606309

399. Nguyễn Thu Thủy. Khủng hoảng tài chính và ổn định hệ thống tài chính: Góc nhìn toàn cầu và kinh nghiệm cho Việt Nam : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thu Thủy. - H. : Tài chính, 2025. - 323 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 215000đ. - 1000b

Thư mục cuối mỗi chương. - Phụ lục: tr. 303-323 s606307

400. Nguyễn Thu Thủy. Ngân hàng số: Kinh nghiệm phát triển trên thế giới & thực tiễn tại Việt Nam : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thu Thủy, Hoàng Huy Khôi. - H. : Tài chính, 2025. - 339 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 195000đ. - 1000b

Thư mục cuối mỗi chương s606300

401. Nguyễn Văn Đính. Giáo trình Tâm lý du lịch / Nguyễn Văn Đính (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Hà. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 423 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 465000đ. - 70b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy Lợi. Khoa Kinh tế và Quản lý. - Thư mục: tr. 323-340. - Phụ lục tr. 341-423 s607128

402. Nguyễn Văn Tiến. Giáo trình Quản trị ngân hàng thương mại : Dành cho sinh viên đại học & học viên cao học / Nguyễn Văn Tiến. - H. : Tài chính, 2025. - 607 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 245000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 605-606 s606306

403. Nguyễn Văn Tiến. Giáo trình Thị trường tài chính & các định chế tài chính / Nguyễn Văn Tiến, Đoàn Ngọc Thắng. - H. : Tài chính, 2025. - 535 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 215000đ. - 500b

Thư mục: tr. 535 s606305

404. Phạm Minh Chính. Kinh tế Việt Nam - Thăng trầm và đột phá / Phạm Minh Chính, Vương Quân Hoàng. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - xxx, 505 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 270000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 491-500. - Phụ lục: tr. 501-505 s608147

405. Phạm Tuấn Sơn. Dám làm giàu = Dare to be rich : Bí mật để đạt được tự do tài chính & giàu có bền vững / Phạm Tuấn Sơn. - Tái bản lần thứ 12. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 254 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 98000đ. - 3000b

Phụ lục: tr. 225-237 s605886

406. Phan Thị Quốc Hương. Quản lý tài chính cá nhân / Phan Thị Quốc Hương (ch.b.), Trần Thị Thanh Diệu. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 175 tr. : bảng ; 24 cm. - 115000đ. - 500b

Thư mục: tr. 173-174 s607677

407. Phát triển các ngành kinh tế trọng điểm tại Việt Nam - Kinh nghiệm quốc tế và gợi mở chính sách / Nguyễn Thị Thủy Linh, Tô Thế Nguyên, Hà Văn Hội (ch.b.)... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 299 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chuỗi ấn phẩm tư vấn chính sách). - 199000đ. - 30b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Kinh tế. - Thư mục cuối mỗi phần s607694

408. Phát triển kinh tế tuần hoàn ở vùng Đông Nam Bộ theo Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam

Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 : Sách chuyên khảo / Trần Minh Tuấn, Nguyễn Xuân Dũng (ch.b.), Trần Thị Vân Anh... - H. : Thế giới, 2025. - 311 tr. : hình vẽ, bảng ; 20 cm. - 140000đ. - 300b

Thư mục: tr. 239-256. - Phụ lục: tr. 257-311 s607871

409. Phùng Mai Lan. Giáo trình Tin học ứng dụng trong kinh tế / Phùng Mai Lan, Trương Đức Toàn (ch.b.), Trần Khắc Ninh. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 283 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 367000đ. - 70b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Kinh tế và Quản lý. - Thư mục: tr. 283 s607130

410. Rickards, James. Các cuộc chiến tranh tiền tệ = Currency wars : Nguyên nhân tạo ra khủng hoảng toàn cầu tiếp theo / James Rickards ; Dịch: Nguyễn Dương Hiểu, Nguyễn Phúc Hoàng. - In lần thứ 16. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 339 tr. : minh hoạ ; 23 cm. - 160000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 324-339 s606570

411. Sổ tay Lý thuyết trọng tâm Địa lí 12 : Biên soạn theo Chương trình SGK mới (Kết nối tri thức - Chân trời sáng tạo - Cánh Diều) / VietJack. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 160 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 80000đ. - 1000b s606768

412. Sổ tay Lý thuyết trọng tâm Giáo dục kinh tế & pháp luật 12 : Biên soạn theo Chương trình SGK mới (Kết nối tri thức - Chân trời sáng tạo - Cánh Diều) / VietJack. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 65 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 40000đ. - 1000b s606771

413. Sử dụng số liệu và biểu đồ trong môn Địa lí : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành... / Nguyễn Đức Vũ. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 80 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 55000đ. - 1500b s607696

414. Tài khoá, tiền tệ và đầu tư trong chuyển đổi kinh tế và hội nhập quốc tế / Nguyễn Thị Vĩnh Hà, Nguyễn Tiến Dũng, Lưu Ngọc Hiệp (ch.b.)... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 427 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chuỗi ấn phẩm tư vấn chính sách). - 239000đ. - 30b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Kinh tế. - Thư mục cuối mỗi phần s607691

415. Thực tập Tài nguyên thiên nhiên và môi trường / Nguyễn Đình Thái, Nguyễn Tài Tuệ (ch.b.), Nguyễn Thị Hồng, Trần Thị Dung. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 239 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 156000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Khoa học Tự nhiên. - Thư mục: tr. 237-239 s607669

416. Tracy, Brian. 21 nguyên tắc tự do tài chính / Brian Tracy ; Chung Quý dịch. - In lần 17. - H. : Công Thương, 2025. - 106 tr. ; 21 cm. - 65000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: The 21 success secrets of self-made millionaires s608083

417. Trần Đức Huyền. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI trong dạy và học môn Giáo dục kinh tế & pháp luật : Dành cho giáo viên và học sinh : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Trần Đức Huyền. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 140 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 70000đ. - 1500b s606609

418. Trần Mạnh Huy. Blockchain: Niềm tin mới trong một thế giới vụn vỡ / Trần Mạnh Huy (ch.b.), Nguyễn Xuân Tài, Võ Công Khôi. - H. : Thế giới, 2025. - 250 tr. : bảng ; 23 cm. - 249000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 244-248 s607876

419. Trịnh Việt Đức. Bí quyết thành công trong giao dịch Forex / Trịnh Việt Đức. - H. : Công Thương, 2025. - 255 tr. : hình vẽ, ảnh ; 24 cm. - 450000đ. - 2000b s606692

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CÁC HỆ THỐNG LIÊN QUAN

420. 300 câu hỏi trắc nghiệm Chủ nghĩa xã hội khoa học / Trương Thị Anh Đào, Vũ Phú Dưỡng (ch.b.), Mai Thị Mến, Nguyễn Văn Nhật ; Bùi Quốc Hưng h.đ. - Hải Phòng : Nxb. Hàng Hải, 2025. - 100 tr. : bảng ; 24 cm. - 108000đ. - 200b

Thư mục: tr. 100 s606700

421. Giải quyết mối quan hệ kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa - Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa - Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa trong hoàn thiện mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam / Bùi Trường Giang (ch.b.), Nguyễn Hồng Sơn, Lê Hữu Nghĩa... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 462 tr. ; 24 cm. - 800b

Thư mục: tr. 440-460 s605844

422. Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh về đổi mới và triết lý phát triển / Lê Thị Thuý Bình (ch.b.), Lê Đình Năm, Lê Thị Thảo... - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 340 tr. ; 21 cm. - 200000đ. - 150b

ĐTTS ghi: Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Khoa Tư tưởng Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 331-337 s606656

423. Hà Minh Hồng. Bác Hồ với việc bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau / Hà Minh Hồng (ch.b.), Nguyễn Thanh Tuyên, Ngô Thị Thu Hoài. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 159 tr. : ảnh ; 21 cm. - (Bộ sách Di sản Hồ Chí Minh). - 75000đ. - 1500b

Thư mục: tr. 159 s606487

424. Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm hướng dẫn ôn tập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học : Theo Chương trình Lý luận chính trị năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, dùng cho bậc đại học chuyên và không chuyên về lý luận chính trị / Tiêu Thị Hồng Mỹ (ch.b.), Trần Thị Thu Huyền, Vũ Thị Thanh Nga... - In lần thứ 2. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 107 tr. ; 24 cm. - 50000đ. - 500b

Thư mục: tr. 105-107 s606294

425. Hồ Chí Minh. Một số tác phẩm chính luận tiêu biểu / Hồ Chí Minh. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 299 tr. ; 21 cm. - 127000đ. - 3000b s605830

426. Ngô Minh Oanh. Hồ Chí Minh - Tầm nhìn vượt thời gian / Ngô Minh Oanh (ch.b.), Ngô Thị Minh Hằng. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 111 tr. : ảnh ; 21 cm. - (Bộ sách Di sản Hồ Chí Minh). - 55000đ. - 1500b

Thư mục: tr. 108-111 s606488

427. Phạm Văn Búa. Giáo trình Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh / Phạm Văn Búa, Phan Thị Phương Anh. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - viii, 204 tr. ; 24 cm. - 50b

Thư mục: tr. 202-204 s605897

PHÁP LUẬT

428. Báo cáo đánh giá chất lượng và khuyến nghị cho việc xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam / Đậu Anh Tuấn, Nguyễn Minh Đức, Phan Minh Thủy, Hoàng Thị Thanh. - H. : Công Thương, 2025. - 108 tr. : hình vẽ ; 26 cm. - 400b

ĐTTS ghi: Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam s606698

429. Bùi Thị Hạnh. Kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong giai đoạn mới : Sách chuyên khảo / Bùi Thị Hạnh (ch.b.), Lê Xuân Lục. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 207 tr. : bìa ; 21 cm. - 90000đ. - 510b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội. - Thư mục: tr. 201-207 s605805

430. Chỉ dẫn tra cứu, áp dụng Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024 và những văn bản hướng dẫn thi hành : Sách tham khảo / B.s.: Lê Tấn Tới, Đỗ Đức Hồng Hà (ch.b.), Nguyễn Văn Khoa Điềm... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 615 tr. : bìa ; 27 cm. - 450000đ. - 500b s605923

431. Chứng cứ và chứng minh trong giải quyết vụ án hình sự : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Phương Hoa, Lê Huỳnh Tấn Duy (ch.b.), Nguyễn Đức Hạnh... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - viii, 406 tr. ; 24 cm. - 100b

Thư mục cuối mỗi bài s607798

432. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật vùng đồng bào dân tộc thiểu số huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum : Sách chuyên khảo / Ngô Hoàng Anh, Nguyễn Thị Xuân (ch.b.), Nguyễn Thị Hồng Chuyên... - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 129 tr. : bìa ; 20 cm. - 130000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Chính trị tỉnh Kon Tum. - Phụ lục: tr. 101-128 s606367

433. Đinh Thanh Phương. Giáo trình Luật Hiến pháp 1 / Ch.b.: Đinh Thanh Phương, Nguyễn Nam Phương, Võ Thị Phương Uyên. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 132 tr. ; 24 cm. - 80000đ. - 500b

Thư mục: tr. 125-132 s606648

434. Định giá tài sản theo Luật Tổ tụng hình sự Việt Nam : Sách chuyên khảo / Nguyễn Phương Thảo (ch.b.), Hà Ngọc Quỳnh Anh, Nguyễn Thị Thu Hằng, Tăng Trần Quỳnh Phương. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 310 tr. : bìa ; 24 cm. - 210000đ. - 100b

Thư mục: tr. 267-286. - Phụ lục: tr. 287-310 s607810

435. Giao dịch dân sự về bất động sản : Sách chuyên khảo / B.s.: Đỗ Văn Đại (ch.b.), Lê Thanh Hà, Nguyễn Trọng Luận... - Xuất bản lần thứ 3. - H. : Công an nhân dân. - 21 cm. - 271000đ. - 1100b

T.1. - 2025. - 961 tr. s605828

436. Giao dịch dân sự về bất động sản : Sách chuyên khảo / B.s.: Đỗ Văn Đại (ch.b.), Đoàn Công Yên, Lê Thị Diễm Phương... - H. : Công an nhân dân. - 21 cm. - 265000đ. - 1100b
T.2. - 2025. - 940 tr. s605829

437. Giáo trình Công pháp quốc tế / B.s.: Trần Thị Thuỳ Dương, Trần Thắng Long (ch.b.), Ngô Hữu Phước... - H. : Công an nhân dân. - 21 cm. - 89000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh

Q.2. - 2025. - 493 tr. - Thư mục cuối mỗi chương s605822

438. Giáo trình Kỹ năng chuyên sâu của luật sư tham gia giải quyết các vụ, việc hôn nhân và gia đình : Phần tự chọn / Nguyễn Minh Hằng (ch.b.), Nguyễn Văn Cừ, Lê Thị Bích Lan... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Tư pháp, 2025. - 406 tr. : bìa ; 24 cm. - 69000đ. - 4314b

ĐTTS ghi: Học viện Tư pháp. - Thư mục: tr. 391-401 s607653

439. Giáo trình Kỹ năng cơ bản của luật sư tham gia giải quyết các vụ việc dân sự / Nguyễn Minh Hằng (ch.b.), Lê Thu Hà, Nguyễn Thị Hạnh... - Tái bản lần thứ 7. - H. : Tư pháp, 2025. - 599 tr. ; 24 cm. - 99000đ. - 4207b

ĐTTS ghi: Học viện Tư pháp. - Thư mục: tr. 582-595 s607657

440. Giáo trình Kỹ năng của luật sư khi tham gia giải quyết các vụ án hình sự : Phần đào tạo bắt buộc / Ngô Thị Ngọc Vân, Lê Thị Thuý Nga (ch.b.), Lê Lan Chi... - Tái bản lần thứ 6. - H. : Tư pháp, 2025. - 539 tr. ; 24 cm. - 89000đ. - 4118b
ĐTTS ghi: Học viện Tư pháp. - Thư mục: tr. 527-532 s606233
441. Giáo trình Kỹ năng của thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư trong giải quyết vụ án hành chính / Lê Thu Hằng, Nguyễn Thị Thu Hương (ch.b.), Nguyễn Thị Hoàng Bạch Yến... - Tái bản lần thứ 6. - H. : Tư pháp, 2025. - 24 cm. - 133000đ. - 414b
ĐTTS ghi: Học viện Tư pháp
T.1. - 2025. - 431 tr. - Thư mục: tr. 424-428 s607654
442. Giáo trình Kỹ năng của thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư trong giải quyết vụ án hình sự : Phần đào tạo tự chọn / Lê Thị Thuý Nga, Ngô Thị Ngọc Vân (ch.b.), Mai Thế Bảy... - Tái bản lần thứ 6. - H. : Tư pháp, 2025. - 459 tr. ; 24 cm. - 141000đ. - 414b
ĐTTS ghi: Học viện Tư pháp. - Thư mục: tr. 444-454 s607661
443. Giáo trình Kỹ năng của thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư trong giải quyết vụ, việc dân sự / Nguyễn Minh Hằng, Nguyễn Thị Hạnh (ch.b.), Lê Thị Nhân... - Tái bản lần thứ 6. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 229000đ. - 414b
ĐTTS ghi: Học viện Tư pháp
T.1: Phần cơ bản. - 2025. - 786 tr. - Thư mục: tr. 767-783 s607655
444. Giáo trình Kỹ năng mềm trong nghề luật / Lê Thị Thuý Nga (ch.b.), Trần Bình An, Lê Mai Anh... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Tư pháp, 2025. - 451 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 72000đ. - 5650b
Thư mục: tr. 439-445 s607656
445. Giáo trình Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ việc hành chính / Lê Thu Hằng (ch.b.), Đồng Thị Kim Thoa, Nguyễn Thị Thuý... - Tái bản lần thứ 7. - H. : Tư pháp, 2025. - 415 tr. : bảng ; 24 cm. - 72000đ. - 4019b
ĐTTS ghi: Học viện Tư pháp. - Phụ lục: tr. 401-408. - Thư mục: tr. 409-411 s607659
446. Giáo trình Kỹ năng tư vấn pháp luật và tham gia giải quyết tranh chấp ngoài toà án của luật sư / Nguyễn Thị Vân Anh, Nguyễn Thị Minh Huệ (ch.b.), Nguyễn Hữu Phước... - Tái bản lần thứ 6. - H. : Tư pháp, 2025. - 699 tr. ; 24 cm. - 111000đ. - 5422b
ĐTTS ghi: Học viện Tư pháp. - Thư mục: tr. 675-690 s607660
447. Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam / B.s.: Trương Quang Vinh, Nguyễn Thị Ngọc Linh (ch.b.), Nguyễn Anh Tuấn... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 758 tr. ; 21 cm. - 617000đ. - 50b
ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục: tr. 741-747 s606466
448. Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng / B.s. : Đỗ Văn Đại (ch.b.), Hoàng Vũ Cường, Nguyễn Nhật Thanh... - Tái bản lần thứ 2, có sửa đổi, bổ sung. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 457 tr. ; 21 cm. - 123000đ. - 1500b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 449-457 s605807
449. Giáo trình Pháp luật về sở hữu trí tuệ / Nguyễn Phan Khôi (ch.b.), Võ Nguyên Hoàng Phúc, Nguyễn Thị Ngọc Tuyền, Trần Thị Cẩm Nhung. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 263 tr. : bảng ; 24 cm. - 135000đ. - 300b
Thư mục: tr. 252-258 s607836
450. Giáo trình Pháp luật y tế và đạo đức nghề nghiệp : Dành cho đào tạo cao đẳng ngành Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Y sĩ đa khoa / B.s.: Phạm Văn Tân (ch.b.), Thành Thị Bích Chi, Hà Diệu Linh... - H. : Y học, 2025. - 187 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 670000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 184-185 s607569

451. Góp vốn thành lập doanh nghiệp bằng quyền sở hữu công nghiệp theo pháp luật Việt Nam hiện nay : Sách chuyên khảo / Trần Nguyên Cường (ch.b.), Hoàng Mai Anh, Hoàng Văn Thiện... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 147 tr. : bảng ; 24 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Học viện Phụ nữ Việt Nam. - Phụ lục: tr. 114-138. - Thư mục: tr. 139-146 s605824

452. Hà Lệ Thủy. Các biện pháp tư pháp và giám sát, giáo dục theo pháp luật hình sự Việt Nam : Sách chuyên khảo / Hà Lệ Thủy ch.b. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 223 tr. : bảng ; 22 cm. - 225000đ. - 110b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật, Đại học Huế. - Thư mục: tr. 210-223 s605823

453. Học thuyết mối liên hệ gắn bó nhất và vấn đề xác định pháp luật áp dụng cho hợp đồng có yếu tố nước ngoài theo pháp luật EU, Hoa Kỳ và Việt Nam : Sách được phát triển từ đề tài nghiên cứu khoa học năm 2020 tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh : Sách chuyên khảo / B.s.: Phan Hoài Nam (ch.b.), Trần Ngọc Hà, Nguyễn Thị Kim Duyên... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - viii, 187 tr. : bảng ; 21 cm. - 120000đ. - 200b

Thư mục: tr. 173-187 s607794

454. Kim Thị Hạnh. Pháp luật điều chỉnh về các biện pháp phòng vệ thương mại của Việt Nam : Sách chuyên khảo / Kim Thị Thanh. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 286 tr. ; 21 cm. - 135000đ. - 215b

Thư mục: tr. 251-282 s605818

455. Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp quốc gia: Hoàn thiện pháp luật trong nền kinh tế số / Phan Trung Lý, Thái Bá Càn, Bùi Kim Hiều (ch.b.)... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 567 tr. ; 27 cm. - 420000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Gia Định; Viện Nghiên cứu Pháp luật và Xã hội. - Thư mục cuối mỗi bài s605922

456. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Đổi mới, nâng cao chất lượng các tạp chí Luật học / Đào Trí Úc, Võ Khánh Vinh, Vũ Công Giao... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 255 tr. : bảng ; 27 cm. - 210b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội. - Thư mục cuối mỗi bài s605925

457. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Nguyên tắc pháp quyền trong tình trạng khẩn cấp ở Việt Nam / Nguyễn Văn Quân, Đặng Minh Tuấn, Nguyễn Văn Hưng... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 439 tr. ; 27 cm. - 210b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật, Đại học Huế... - Thư mục cuối mỗi bài s605926

458. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Pháp luật vì mục tiêu phát triển bền vững / Lê Hồng Hạnh, Nguyễn Thị Tình, Nguyễn Quang Tuyền... - H. : Công Thương. - 29 cm. - 50b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thương mại. Khoa Luật...

T.1: Pháp luật Việt Nam về phát triển bền vững và định hướng đổi mới. - 2025. - xvii, 819 tr. : bảng. - Thư mục cuối mỗi bài s607141

459. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Pháp luật vì mục tiêu phát triển bền vững / Tran Trong Nguyen, Luu Hong Le, Nguyễn Toàn Thắng... - H. : Công Thương. - 29 cm. - 50b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thương mại. Khoa Luật...

T.2: Pháp luật quốc tế và pháp luật một số quốc gia về phát triển bền vững. - 2025. - xvii, 713 tr. : hình vẽ, bảng. - Thư mục cuối mỗi bài s607142

460. Luật áp dụng đối với một số nghĩa vụ ngoài hợp đồng có yếu tố nước ngoài : Sách chuyên khảo / Phan Hoài Nam, Nguyễn Lê Hoài, Phùng Hồng Thanh (ch.b.)... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - viii, 165 tr. : bảng ; 21 cm. - 200b
Thư mục: tr. 153-165 s607795

461. Luật Quản lý thuế - Quy định mới về quản lý, sử dụng hoá đơn, chứng từ xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hoá đơn / Hệ thống: Thu Phương. - H. : Tài chính, 2025. - 399 tr. : bảng ; 28 cm. - 450000đ. - 1000b s605932

462. Nguyễn Duy Thanh. Trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường - Lý luận và thực tiễn : Sách chuyên khảo / Nguyễn Duy Thanh. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 191 tr. : bảng ; 21 cm. - 250000đ. - 110b
Phụ lục: tr. 174-178 s605821

463. Nguyễn Minh Tuấn. Giáo trình Tư duy pháp lý / Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Hoàng Anh (ch.b.), Nguyễn Bích Thảo. - Tái bản lần 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 345 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 145000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Luật. - Thư mục: tr. 337-345 s607757

464. Nguyễn Ngọc Bích. Tư duy pháp lý của luật sư : Nhìn thật rộng và đánh tập trung / Nguyễn Ngọc Bích. - In lần thứ 13. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 442 tr. : bảng ; 23 cm. - 260000đ. - 1500b
Thư mục: tr. 441-442 s606575

465. Nguyễn Thị Thu Trang. Chính sách pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình ở Việt Nam / Nguyễn Thị Thu Trang. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 314 tr. : bảng ; 21 cm. - 100b
Thư mục: tr. 283-304. - Phụ lục: tr. 305-314 s607030

466. Nguyễn Văn Minh. Bài giảng Pháp luật thương mại điện tử / Nguyễn Văn Minh (ch.b.), Nguyễn Thuý Linh. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 351 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 347000đ. - 80b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Kinh tế và Quản lý. - Thư mục: tr. 349-350 s607109

467. Phan Hoài Nam. Thẩm quyền và pháp luật áp dụng trong giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế tại Toà án Việt Nam : Sách chuyên khảo / Phan Hoài Nam. - Tái bản lần thứ 3, có sửa chữa bổ sung. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 321 tr. : bảng ; 21 cm. - 160000đ. - 200b
Thư mục: tr. 305-321 s607765

468. Phan Thị Hồng Oanh. Giáo trình Pháp luật / Phan Thị Hồng Oanh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 135 tr. ; 24 cm. - 80000đ. - 5000b
Thư mục: tr. 134-135 s607781

469. Phan Thị Nhật Tài. Phòng, chống lao động cưỡng bức - Cơ sở lý luận và thực tiễn / Phan Thị Nhật Tài. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 139 tr. ; 21 cm. - 118000đ. - 500b
Thư mục: tr. 133-137 s605832

470. Phát triển trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm: Tiếp cận từ khía cạnh đạo đức, xã hội và pháp lý : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Quế Anh, Nguyễn Bích Thảo (ch.b.), Nguyễn Thị Phương Châm... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2024. - 571 tr. ; 24 cm. - 1000b
Thư mục: tr. 552-568 s605848

471. Sổ tay Hỏi đáp pháp luật. - Sóc Trăng : S.n., 2025. - 118 tr. ; 21 cm. - 2800b

ĐTTS ghi: Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng. Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước. - Tên sách ngoài bìa: Sổ tay Trợ giúp pháp lý s605797

472. Sổ tay Hướng dẫn doanh nghiệp tiếp cận Quỹ Hỗ trợ đầu tư = Business handbook accessing the Investment Support Fund. - Vĩnh Phúc : S.n., 2025. - 36 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 5000b

ĐTTS ghi: Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc s605775

473. Sổ tay Phổ biến, giáo dục pháp luật ở thôn, làng, khu dân cư : Kiên định đường lối đổi mới, đẩy mạnh toàn diện và đồng bộ công cuộc đổi mới, hướng tới xây dựng đất nước phát triển nhanh và bền vững... - Gia Lai : S.n., 2025. - 88 tr. : bảng ; 21 cm. - 10b

Đầu bìa sách ghi: Sở Tư pháp - Cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh Gia Lai s605796

474. Tài liệu Tình huống pháp luật nâng cao năng lực thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 102 tr. ; 21 cm. - 6860b

ĐTTS ghi: UBND tỉnh Phú Thọ. Sở Tư pháp. - Thư mục: tr. 101-102 s606748

475. Thực thi tiêu chuẩn lao động quốc tế về chống phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp tại Việt Nam : Sách chuyên khảo được phát triển từ đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường năm 2024 của Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh / B.s.: Nguyễn Thị Bích, Hoàng Thị Minh Tâm (ch.b.), Lê Ngọc Anh, Đoàn Công Yên. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - x, 140 tr. : bảng ; 24 cm. - 160000đ. - 300b

Thư mục: tr. 127-140 s607770

476. Trách nhiệm hiến pháp - Lý luận và thực tiễn : Sách chuyên khảo / Nguyễn Cảnh Hợp (ch.b.), Nguyễn Nhật Khanh, Trương Tư Phước, Lưu Đức Quang. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 343 tr. : bảng ; 21 cm. - 189000đ. - 300b

Thư mục: tr. 314-337 s605806

477. Võ Trung Hậu. Kiểm soát dữ liệu cá nhân trong nền kinh tế số: Nghiên cứu pháp luật EU và kinh nghiệm cho Việt Nam : Sách chuyên khảo / Võ Trung Hậu. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 135 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 210b s605815

478. Võ Trung Hậu. Kiểm soát dữ liệu cá nhân trong nền kinh tế số: Nghiên cứu về quyền được lãng quên và kinh nghiệm cho Việt Nam : Sách chuyên khảo / Võ Trung Hậu. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 157 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 210b s605816

479. Võ Trung Hậu. Kiểm soát dữ liệu cá nhân trong nền kinh tế số: Nghiên cứu về quyền được thông báo, quyền truy cập và kinh nghiệm cho Việt Nam : Sách chuyên khảo / Võ Trung Hậu. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 127 tr. ; 21 cm. - 115000đ. - 210b s605817

480. Vũ Thị Thu Hằng. Pháp luật về lao động : Sách chuyên khảo / B.s.: Vũ Thị Thu Hằng (ch.b.), Đoàn Thị Vượng. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 502 tr. ; 21 cm. - 375000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục: tr. 491-496 s606442

HÀNH CHÍNH CÔNG VÀ QUÂN SỰ

481. Giáo trình Cải cách hành chính nhà nước về tổ chức và nhân sự : Dành cho sinh viên Học viện Hành chính Quốc gia / B.s.: Võ Kim Sơn (ch.b.), Nguyễn Thị Hồng Hải, Phạm Thị Giang... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 389 tr. ; 21 cm. - 351000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục: tr. 379-380 s606457

482. Giáo trình Cải cách khu vực công / B.s.: Đặng Khắc Ánh, Chu Xuân Khánh (ch.b.), Phùng Thị Phong Lan... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 245 tr. ; 21 cm. - 230000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục: tr. 236-240 s606439

483. Giáo trình Công tác tự động hoá văn phòng / B.s.: Nguyễn Thị Quế Hương (ch.b.), Lê Thị Thu Thủy, Nguyễn Hồng Vân, Nguyễn Thị Ngọc Duyên. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 219 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 209000đ. - 50b
ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục: tr. 212-214 s606453
484. Giáo trình Động lực làm việc trong tổ chức hành chính nhà nước / B.s.: Nguyễn Thị Hồng Hải (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Thủy, Lê Cẩm Hà... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 351 tr. : bảng, sơ đồ ; 21 cm. - 309000đ. - 50b
ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục: tr. 343 s606441
485. Giáo trình Hành chính văn phòng / B.s.: Nguyễn Văn Hậu, Triệu Văn Cường (ch.b.), Lưu Kiếm Thanh... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 359 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 315000đ. - 50b
Thư mục: tr. 354-355 s606434
486. Giáo trình Kỹ thuật xây dựng văn bản / B.s.: Lưu Kiếm Thanh, Nguyễn Văn Hậu, Nguyễn Thị Hà (ch.b.)... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 455 tr. : bảng ; 21 cm. - 387000đ. - 50b
ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục: tr. 442-446 s606445
487. Giáo trình Lý luận hành chính nhà nước / B.s.: Nguyễn Hữu Hải, Lê Như Thanh (ch.b.), Đặng Khắc Ánh... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 466 tr. : bảng ; 21 cm. - 396000đ. - 50b
ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Phụ lục: tr. 279-454. - Thư mục: tr. 455-457 s606459
488. Giáo trình Quản lý chất lượng trong khu vực công / B.s.: Đặng Khắc Ánh (ch.b.), Nguyễn Tuấn Minh, Hạ Thu Quyên, Đỗ Tuấn Anh. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 222 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 212000đ. - 50b
ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục: tr. 211-214 s606447
489. Giáo trình Quản lý nhà nước về an ninh, quốc phòng / B.s.: Vũ Trọng Hách (ch.b.), Vũ Thế Duy, Vũ Xuân Thanh, Trịnh Đức Hưng. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 175 tr. ; 21 cm. - 175000đ. - 50b
ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục: tr. 168-170 s606451
490. Giáo trình Quản lý nhà nước về đô thị / B.s.: Nguyễn Viết Định (ch.b.), Nguyễn Thuý Anh, Thiều Thị Thu Hương... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 331 tr. : bảng ; 21 cm. - 242000đ. - 50b
ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục: tr. 312-313. - Phụ lục: tr. 314-325 s606440
491. Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế / B.s.: Hà Văn Sự (ch.b.), Dương Hoàng Anh, Vũ Thị Hồng Phượng... - H. : Thống kê, 2025. - 431 tr. ; 24 cm. - 199000đ. - 250b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Thương mại. - Thư mục cuối mỗi chương s606715
492. Giáo trình Quản lý nhân lực trong cơ quan hành chính nhà nước / B.s.: Nguyễn Minh Phương (ch.b.), Đỗ Thị Thanh Nga, Trương Quốc Việt... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 446 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 381000đ. - 50b
ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục: tr. 428-434 s606436
493. Giáo trình Quản lý tài chính công / B.s.: Nguyễn Xuân Thu, Phạm Thu Thủy (ch.b.), Mai Đình Lâm, Nguyễn Thị Thu Hương. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 379 tr. : bảng, sơ đồ ; 21 cm. - 330000đ. - 500b
ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục: tr. 276-279. - Phụ lục: tr. 280-374 s606430

494. Giáo trình Quản lý thuế / B.s.: Đặng Thị Hà, Nguyễn Xuân Thu (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Hương... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 458 tr. ; 21 cm. - 390000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục cuối mỗi chương s606446

495. Giáo trình Quản lý thực thi trong khu vực công / B.s.: Nguyễn Hữu Hải, Đào Thị Thanh Thủy (ch.b.), Trịnh Thị Thủy... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 237 tr. : bảng, sơ đồ ; 21 cm. - 224000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục: tr. 228-231 s606448

496. Giáo trình Quản trị chiến lược trong khu vực công / B.s.: Đặng Khắc Ánh (ch.b.), Nguyễn Thị Anh Thư, Hà Quang Thanh... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 183 tr. ; 21 cm. - 327000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục: tr. 174-178 s606460

497. Giáo trình Soạn thảo văn bản pháp luật / Nguyễn Bá Chiến, Nguyễn Thị Kim Thoa (ch.b.), Đoàn Thị Tố Uyên... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 287 tr. : bảng, sơ đồ ; 21 cm. - 260000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục: tr. 279-280 s606438

498. Giáo trình Tâm lý học trong quản lý nhà nước / B.s.: Nguyễn Thị Vân Hương (ch.b.), Vũ Duy Yên, Nguyễn Thị Yến... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 257 tr. : sơ đồ ; 21 cm. - 218000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục: tr. 245-248 s606432

499. Giáo trình Thủ tục hành chính / B.s.: Nguyễn Văn Hậu (ch.b.), Nguyễn Văn Tâm, Lê Ngọc Hồng... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 179 tr. ; 21 cm. - 236000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục: tr. 168-173 s606427

500. Giáo trình Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước / B.s.: Võ Kim Sơn, Trần Anh Tuấn (ch.b.), Phạm Hồng Thái... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 467 tr. : bảng, sơ đồ ; 21 cm. - 396000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục: tr. 454-458 s606425

501. Hồ Chí Minh bàn về cán bộ / Tuyển chọn: Vũ Tình, Đặng Thị Minh Phượng. - In lần thứ 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 75 tr. : ảnh ; 21 cm. - (Di sản Hồ Chí Minh). - 60000đ. - 1000b s606518

502. Kiểm soát quyền lực trong giải quyết khiếu nại, tố cáo hành chính ở Việt Nam hiện nay / Trương Thị Hồng Hà (ch.b.), Đào Trí Úc, Tào Thị Quyên... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2024. - 391 tr. ; 24 cm. - 800b

ĐTTS ghi: Viện Chiến lược và Khoa học Thanh tra. - Thư mục: tr. 380-389 s605842

503. Lương Thị Hoà. Quản lý nhà nước đối với biểu diễn nghệ thuật ở Việt Nam hiện nay : Sách chuyên khảo / Lương Thị Hoà. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 247 tr. ; 21 cm. - 198000đ. - 100b s605820

504. Ngô Thành Can. Giáo trình Tổ chức lao động khoa học trong tổ chức hành chính nhà nước / B.s.: Ngô Thành Can (ch.b.), Phan Anh Hồng, Nguyễn Thị Ngọc Lan. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 378 tr. : bảng, sơ đồ ; 21 cm. - 330000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục: tr. 358-360. - Phụ lục: tr. 361-371 s606456

505. Nguyễn Đức Đăng. Quản lý hoạt động giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên ở các cơ sở giáo dục đại học theo tiếp cận quản lý chất lượng tổng thể / Nguyễn Đức Đăng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 242 tr. ; 24 cm. - 46000đ. - 50b

Thư mục: tr. 189-196. - Phụ lục: tr. 197-242 s606604

506. Nguyễn Thị Hồng Hải. Giáo trình Quản lý sự thay đổi trong tổ chức hành chính nhà nước / Ch.b.: Nguyễn Thị Hồng Hải, Ngô Thành Can. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 331 tr. : bảng ; 21 cm. - 293000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Phụ lục: tr. 302-325. - Thư mục: tr. 326 s606454

507. Phạm Thị Bảo Thoa. Quản lý nhà nước đối với đất đai tại thành phố Hải Phòng : Sách chuyên khảo / Phạm Thị Bảo Thoa. - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 256 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 150000đ. - 100b

Thư mục: tr. 229-251 s606654

508. Sổ tay Hướng dẫn nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Hưng Yên / Trương Thị Đức Giang (ch.b.), Đỗ Đức Minh, Nguyễn Hải Hà... - H. : Tài chính, 2025. - xii, 179 tr. : hình vẽ, bảng ; 20 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Bộ Tài chính. Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh. - Phụ lục: tr. 133-179 s607652

509. 80 năm Ngày truyền thống Công an nhân dân Việt Nam (19/8/1945 - 19/8/2025) và 20 năm Ngày hội Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc (19/8/2005 - 19/8/2025) : Tài liệu tuyên truyền / B.s.: Nguyễn Ngọc Toàn, Đặng Ngọc Bách, Đặng Minh Khang, Nguyễn Thị Vân Anh. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 207 tr. : ảnh ; 24 cm. - 8484b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. - Thư mục: tr. 203-204 s608144

510. Tập bài giảng Quản lý nhà nước về kinh tế / B.s.: Nguyễn Thị Hải Hà, Trần Thị Hoàng Anh (ch.b.), Nguyễn Thuỳ Duyên... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 255 tr. ; 21 cm. - 236000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục cuối mỗi chương s606463

511. Thực tiễn phát triển hoạt động công chứng tại Đồng bằng sông Cửu Long từ năm 2015 đến nay / Lê Văn Điện (ch.b.), Nguyễn Thị Nụ, Phạm Đình Tuyên... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 120 tr. : bảng ; 21 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Chính trị thành phố Cần Thơ. - Thư mục: tr. 118-120 s605864

512. Thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao năng lực của cán bộ địa chính cấp xã trong quản lý đất đai tại huyện A Lưới, thành phố Huế : Sách chuyên khảo / Lê Ngọc Phương Quý (ch.b.), Dương Thị Thu Hà, Lê Đình Huy... - Huế : Đại học Huế, 2025. - xx, 125 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 120000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Đại học Huế. Trường Đại học Nông Lâm. - Thư mục: tr. 119-125 s606371

513. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chính quyền địa phương và vận dụng xây dựng, hoàn thiện chính quyền địa phương ở Việt Nam hiện nay : Sách chuyên khảo / Phạm Minh Tuấn, Trương Cộng Hoà, Quách Thị Minh Phượng (ch.b.)... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 319 tr. ; 21 cm. - 139000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 308-318 s608140

514. Vai trò của thanh tra nhà nước trong phòng ngừa tham nhũng ở Việt Nam hiện nay : Sách chuyên khảo / Phạm Văn Phong (ch.b.), Ngô Văn Hùng, Phan Thị Thảo, Vũ Thị Bích Ngọc. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 308 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 168000đ. - 500b

Thư mục: tr. 304-308 s605809

CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI VÀ DỊCH VỤ XÃ HỘI

515. An ninh lương thực ở Việt Nam: Lý luận và thực tiễn : Sách chuyên khảo / Phạm Văn Long (ch.b.), Bùi Thanh Tuấn, Vũ Thị Hương... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2024. - 175 tr. : bìa ; 24 cm. - 1000b
Thư mục: tr. 165-172 s605837
516. 70 năm Bệnh viện Phụ sản Trung ương: Trao nhân ái, trí tuệ vì hạnh phúc, tương lai : 1955 - 2025. - H. : Tài chính, 2025. - 356 tr. : ảnh ; 27 cm. - 2100b
Đầu bìa sách ghi: Bộ Y tế. Bệnh viện Phụ sản Trung ương s607158
517. Cái nào ăn được, cái nào không? = What is edible, what is not? : Kỹ năng an toàn cho bé 2+ : Song ngữ Việt - Anh / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Lật mở khám phá. Ehon tương tác). - 42000đ. - 5000b s606900
518. Cảnh giác trước người lạ, không tùy tiện mở cửa = Be wary of strangers, don't open the door : Kỹ năng an toàn cho bé 2+ : Song ngữ Việt - Anh / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Lật mở khám phá. Ehon tương tác). - 42000đ. - 5000b s606903
519. Cẩm nang Phòng chống xâm hại tình dục trẻ em : Cơ thể của bạn, quyền của bạn. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : hình vẽ, tranh vẽ ; 21 cm. - 129000đ. - 2000b s606761
520. Cẩn thận kẻo bị thương = Be careful not to get hurt : Kỹ năng an toàn cho bé 2+ : Song ngữ Việt - Anh / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Lật mở khám phá. Ehon tương tác). - 42000đ. - 5000b s606898
521. Cẩn thận với thiết bị điện = Be careful with electronic equipment : Kỹ năng an toàn cho bé 2+ : Song ngữ Việt - Anh / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Lật mở khám phá. Ehon tương tác). - 42000đ. - 5000b s606901
522. Cẩn thận với thú cưng = Be careful with pets : Kỹ năng an toàn cho bé 2+ : Song ngữ Việt - Anh / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Lật mở khám phá. Ehon tương tác). - 42000đ. - 5000b s606897
523. Coi chừng kẻo bỏng = Be careful not to get burned : Kỹ năng an toàn cho bé 2+ : Song ngữ Việt - Anh / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Lật mở khám phá. Ehon tương tác). - 42000đ. - 5000b s606896
524. Cuốn sách lớn rực rỡ về lính cứu hỏa : Ươm mầm ước mơ nghề nghiệp cho trẻ 3+ / Liesbet Slegers ; Bảo Bình dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 27 tr. : tranh màu ; 25x26 cm. - 58000đ. - 1500b
Tên sách tiếng Hà Lan: De brandweerman s607069
525. Dao, kéo không phải đồ chơi = Knives are not toys : Kỹ năng an toàn cho bé 2+ : Song ngữ Việt - Anh / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Lật mở khám phá. Ehon tương tác). - 42000đ. - 5000b s606894
526. Giáo trình Chính sách an sinh xã hội / B.s.: Bùi Huy Khiên (ch.b.), Tạ Thị Hương, Lê Hồng Hạnh... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 339 tr. ; 21 cm. - 281000đ. - 50b
ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục: tr. 330-333 s606450
527. Giáo trình môn học Công tác xã hội với trẻ tự kỷ : Dành cho ngành, nghề Công tác xã hội / Võ Mạnh Tuấn, Nguyễn Thị Bích Hạnh (ch.b.), Nguyễn Hương Giang... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 107 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 70000đ. - 200b
Đầu bìa sách ghi: Trường Cao đẳng Kon Tum s606419
528. Giáo trình Tội phạm học / B.s.: Võ Thị Kim Oanh, Lê Nguyên Thanh (ch.b.), Nguyễn Thị Phương Hoa... - Tái bản lần thứ 6, có sửa đổi, bổ sung. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 341 tr. : bìa, sơ đồ ; 21 cm. - 99000đ. - 1100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi chương s605808

529. Hoàng Dũng Hà. Đánh giá rủi ro và tổn thương do biến đổi khí hậu - Cơ sở lý thuyết và ứng dụng khung IPCC AR4 & AR5 : Sách tham khảo / Ch.b.: Hoàng Dũng Hà, Nguyễn Văn Chung. - Huế : Đại học Huế, 2025. - 101 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 120000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Đại học Huế. Trường Đại học Nông Lâm. - Thư mục: tr. 92-98. - Phụ lục: tr. 99-101 s606374

530. Không ăn uống tùy tiện = Don't eat random things : Kỹ năng an toàn cho bé 2+ : Song ngữ Việt - Anh / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Lật mở khám phá. Ehon tương tác). - 42000đ. - 5000b s606895

531. King, Jamie. Những tội ác có thật = True crime stories : Những câu chuyện giật gân về những kẻ sát nhân, trộm cắp, lừa đảo và xã hội đen / Jamie King ; Thái Dương dịch. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 279 tr. ; 21 cm. - 129000đ. - 2000b s605869

532. Leo trèo dễ ngã = Easy to fall while climbing : Kỹ năng an toàn cho bé 2+ : Song ngữ Việt - Anh / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Lật mở khám phá. Ehon tương tác). - 42000đ. - 5000b s606899

533. Lê Minh Giang. Dịch tễ học và can thiệp lạm dụng chất bất hợp pháp : Sách chuyên khảo / Lê Minh Giang. - H. : Y học, 2025. - 203 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 350000đ. - 200b

Thư mục cuối mỗi chương s607634

534. Lê Thị Thanh Lâm. Người giữ thời gian : Bí quyết giúp cha mẹ an nhiên tuổi vàng / Lê Thị Thanh Lâm. - H. : Thế giới, 2025. - 195 tr. : ảnh ; 21 cm. - 189000đ. - 1000b s607866

535. Lịch sử Công an nhân dân thị xã Hương Trà (1945 - 2020) / B.s.: Đặng Văn Hồ (ch.b.), Ngô Hoàng Long, Nguyễn Đình Long... - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 279 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 170b

ĐTTS ghi: Công an thành phố Huế. Công an thị xã Hương Trà. - Phụ lục: tr. 228-273. - Thư mục: tr. 275-279 s608043

536. Lý luận chính trị phục vụ công tác bảo đảm an ninh, trật tự và xây dựng lực lượng công an nhân dân / B.s.: Phan Xuân Tuy, Lê Thanh Hoài (ch.b.), Vi Thái Lang... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 272 tr. ; 21 cm. - 160b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. Học viện Chính trị Công an nhân dân. - Lưu hành nội bộ. - Thư mục: tr. 255-265 s605819

537. Nguyễn Quốc Văn. Nâng cao hiệu quả kiểm soát quyền lực nhằm phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam : Sách chuyên khảo / Nguyễn Quốc Văn ch.b. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 375 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 238000đ. - 300b

Thư mục: tr. 362-375 s607685

538. Nguyễn Thị Thái Lan. Giáo trình Công tác xã hội với cá nhân / B.s.: Nguyễn Thị Thái Lan (ch.b.), Lương Bích Thủy. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 363 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 150000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. - Thư mục cuối mỗi chương s606597

539. Nhà bếp không phải khu vui chơi = The kitchen is not a playground : Kỹ năng an toàn cho bé 2+ : Song ngữ Việt - Anh / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Lật mở khám phá. Ehon tương tác). - 42000đ. - 5000b s606902

540. Phạm Thị Dương. Giáo trình Phân tích chất lượng môi trường / Phạm Thị Dương. - Hải Phòng : Nxb. Hàng hải, 2025. - 145 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 120000đ. - 200b

Thư mục: tr. 145 s606701

541. Proceedings international conference advancing solutions for climate change challenges in rural Viet nam: Thai Nguyen 4th - 7th November 2024 = Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế tăng cường các giải pháp ứng phó với các thách thức của biến đổi khí hậu ở nông thôn Việt Nam: Thái Nguyên 4 - 7/11/2024 / Tran Quoc Hung, Pham Thi Phuong Lan, Nguyen Dang Cuong... - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2025. - xvi, 467 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên. Viện Lâm nghiệp và Phát triển bền vững s605902

542. Quản lý bệnh viện : Giáo trình giảng dạy sau đại học / B.s.: Nguyễn Thị Hoài Thu, Nguyễn Hữu Thắng (ch.b.), Vũ Khắc Lương... - Tái bản lần thứ 1, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Y học, 2025. - 235 tr. : minh hoạ ; 25 cm. - 185000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. - Thư mục: tr. 222-223. - Phụ lục: tr. 224-235 s607645

543. Sổ tay an toàn đường bộ - Hướng dẫn cho người thực hành / Dịch: Lê Thu Huyền... - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 368 tr. : minh hoạ ; 30 cm. - 40b

ĐTTS ghi: Hiệp hội Đường bộ Thế giới. - Thư mục trong chính văn s607455

544. Tài liệu giảng dạy kỹ năng phòng chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống cho học sinh cấp THCS các trường PTDTNT, PTDTBT tỉnh Lào Cai / Bùi Xuân Tiệp, Hoàng Thị Mỹ Hạnh, Nguyễn Minh Thuận... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 94 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 400b

ĐTTS ghi: UBND tỉnh Lào Cai. Sở Giáo dục và Đào tạo s607672

545. Tham nhũng và phòng, chống tham nhũng : Giáo trình sau đại học / Nguyễn Văn Khoát (ch.b.), Hồ Sỹ Sơn, Nguyễn Thị Lộc... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 335 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 510b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội. - Thư mục: tr. 322-335 s605804

546. Topol, Eric. Ứng dụng AI trong chăm sóc sức khỏe : Quản lý hồ sơ bệnh án và cơ sở dữ liệu... / Eric Topol ; Phụng Linh dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 455 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 239000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Deep medicine: How artificial intelligence can make healthcare human again s607976

547. Tô Lâm. Sáu điều Bác Hồ dạy về tư cách người công an cách mệnh - Nền tảng xây dựng lực lượng công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh toàn diện trước ngưỡng cửa kỷ nguyên phát triển mới / Tô Lâm. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2024. - 303 tr. ; 24 cm. - 1000b

Thư mục: tr. 295-301 s605841

548. Tổng quan về an ninh phi truyền thống ở Việt Nam hiện nay : Sách chuyên khảo / Nguyễn Văn Thành, Bùi Thanh Tuấn (ch.b.), Trần Ngọc Ánh... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2024. - 218 tr. ; 24 cm. - 1000b

Thư mục: tr. 208-216 s605836

GIAO DỤC

549. 35 đề khảo sát chất lượng Toán 1 : Dành cho học sinh lớp 1 lên lớp 2 / Trần Phú, Nguyễn Ngọc Phước. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 72 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 50000đ. - 3000b s607619

550. 35 đề khảo sát chất lượng Toán 2 : Dành cho học sinh lớp 2 lên lớp 3 / Trần Phú, Nguyễn Ngọc Phước. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 72 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 50000đ. - 3000b s607620

551. 35 đề khảo sát chất lượng Toán 3 : Dành cho học sinh lớp 3 lên lớp 4... / Trần Phú, Nguyễn Ngọc Phước. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 72 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 50000đ. - 3000b s607621

552. 35 đề ôn luyện Tiếng Việt 4 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Lê Hương, Hoàng Lưu. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 128 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 85000đ. - 3000b s605979

553. 35 đề ôn luyện Tiếng Việt 5 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Lê Hương, Hoàng Lưu. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 147 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 105000đ. - 3000b s605993

554. Bài tập bổ trợ & nâng cao Tiếng Anh lớp 3 : Có đáp án : Nâng cao kiến thức và bồi dưỡng học sinh khá, giỏi... / Bùi Văn Vinh (ch.b.), Thái Văn Anh, Nguyễn Thị Phương Anh. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Học tốt tiếng Anh)(Global Success). - 98000đ. - 3000b T.1. - 2025. - 179 tr. : hình vẽ, bảng s607342

555. Bài tập bổ trợ Tiếng Anh 3 - I-Learn Smart Start : Gần 1.000 câu hỏi bám sát các dạng bài kiểm tra hiện hành. Luyện tập và củng cố từ vựng, ngữ pháp. Ôn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết. - Huế : Đại học Huế, 2025. - 104 tr. : minh hoạ ; 28 cm. - 89000đ. - 3000b s606005

556. Bài tập bổ trợ Tiếng Anh 5 - I-Learn Smart Start : Gần 1.000 câu hỏi bám sát các dạng bài kiểm tra hiện hành. Luyện tập và củng cố từ vựng, ngữ pháp. Ôn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết. - Huế : Đại học Huế, 2025. - 103 tr. : minh hoạ ; 28 cm. - 89000đ. - 6000b s606006

557. Bài tập cơ bản và nâng cao Toán 4 / Đỗ Tiến Đạt (ch.b.), Nguyễn Hoài Anh, Đỗ Đức Bình... - Huế : Đại học Huế, 2025. - 24 cm. - (Cánh Diều). - 28000đ. - 3000b T.2. - 2025. - 91 tr. s606391

558. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 1 / Nguyễn Thị Thơm, Đặng Thị Huệ, Nguyễn Đức Hùng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 5000b T.1. - 2025. - 52 tr. : minh hoạ s607724

559. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 1 / Nguyễn Thị Thơm, Đặng Thị Huệ, Nguyễn Đức Hùng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 2000b T.1. - 2025. - 64 tr. : minh hoạ s607734

560. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 1 / Nguyễn Thị Thơm, Đặng Thị Huệ, Nguyễn Đức Hùng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 2000b T.2. - 2025. - 56 tr. : minh hoạ s607735

561. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 1 / Nguyễn Thị Thơm, Đặng Thị Huệ, Nguyễn Đức Hùng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 5000b T.2. - 2025. - 56 tr. : minh hoạ s607725

562. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 2 / Nguyễn Lan Anh (ch.b.), Lê Minh Hà, Nguyễn Đức Hùng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 64 tr. : minh hoạ s607736

563. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 2 / Nguyễn Lan Anh (ch.b.), Lê Minh Hà, Nguyễn Đức Hùng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 60 tr. : minh hoạ s607726

564. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 2 / Nguyễn Lan Anh (ch.b.), Lê Minh Hà, Nguyễn Đức Hùng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 60 tr. : minh hoạ s607727

565. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 2 / Nguyễn Lan Anh (ch.b.), Lê Minh Hà, Nguyễn Đức Hùng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 60 tr. : minh hoạ s607737

566. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 3 / Đặng Như Quỳnh (ch.b.), Nguyễn Thuý Hoài, Nguyễn Thanh Huyền. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 60 tr. : minh hoạ s607738

567. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 3 / Đặng Như Quỳnh (ch.b.), Nguyễn Thuý Hoài, Nguyễn Thanh Huyền. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 60 tr. : minh hoạ s607728

568. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 3 / Đặng Như Quỳnh (ch.b.), Nguyễn Thuý Hoài, Nguyễn Thanh Huyền. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 59 tr. : minh hoạ s607729

569. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 3 / Đặng Như Quỳnh (ch.b.), Nguyễn Thuý Hoài, Nguyễn Thanh Huyền. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 56 tr. : minh hoạ s607739

570. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 4 / Nguyễn Thị Thu Thuý (ch.b.), Nguyễn Thị Phương Thảo, Nguyễn Thị Chinh... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 72 tr. : minh hoạ s607730

571. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 4 / Nguyễn Thị Thu Thuý (ch.b.), Nguyễn Thị Phương Thảo, Nguyễn Thị Chinh.... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 72 tr. : minh hoạ s607740

572. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 4 / Nguyễn Thị Thu Thuý (ch.b.), Nguyễn Thị Phương Thảo, Nguyễn Thị Chinh... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 64 tr. : minh hoạ s607731

573. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 4 / Nguyễn Thị Thu Thủy (ch.b.), Nguyễn Thị Phương Thảo, Nguyễn Thị Chinh... - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 64 tr. : hình vẽ, bảng s607711

574. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 4 / Nguyễn Thị Thu Thủy (ch.b.), Nguyễn Thị Phương Thảo, Nguyễn Thị Chinh.... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 68 tr. : minh hoạ s607741

575. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 5 / Nguyễn Thị Dung, Nguyễn Quỳnh Hoa, Nguyễn Thanh Huyền, Nguyễn Bích Liên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 68 tr. : bảng s607732

576. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 5 / Nguyễn Thị Dung, Nguyễn Thanh Huyền, Phạm Anh Mỹ, Đào Trúc Quỳnh. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 64 tr. : bảng s607742

577. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 5 / Nguyễn Thị Dung, Nguyễn Quỳnh Hoa, Nguyễn Thanh Huyền, Nguyễn Bích Liên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 68 tr. : bảng s607733

578. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 5 / Nguyễn Thị Dung, Nguyễn Thanh Huyền, Phạm Anh Mỹ, Đào Trúc Quỳnh. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 60 tr. : hình vẽ, bảng s607743

579. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Toán 1 / Nguyễn Đức Phú, Đặng Thị Phương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 6000b

T.1. - 2025. - 48 tr. : minh hoạ s607750

580. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Toán 1 / Nguyễn Đức Phú, Đặng Thị Phương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 48 tr. : minh hoạ s607748

581. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Toán 1 / Nguyễn Đức Phú, Đặng Thị Phương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 48 tr. : minh hoạ s607749

582. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Toán 1 / Nguyễn Đức Phú, Đặng Thị Phương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 6000b

T.2. - 2025. - 48 tr. : minh hoạ s607751

583. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Toán 2 / Trần Duy Nghĩa (ch.b.), Nguyễn Ngọc Thắng, Đặng Thị Phương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 6000b

T.1. - 2025. - 52 tr. : minh hoạ s607752

584. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Toán 2 / Trần Duy Nghĩa (ch.b.), Nguyễn Ngọc Thắng, Đặng Thị Phương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 6000b

T.2. - 2025. - 52 tr. : minh hoạ s607753

585. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Toán 3 / Trần Ngọc Bích (ch.b.), Lê Thị Thu Hương, Lê Thị Cẩm Nhung. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 6000b

T.1. - 2025. - 60 tr. : minh hoạ s607754

586. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Toán 3 / Trần Ngọc Bích (ch.b.), Lê Thị Thu Hương, Lê Thị Cẩm Nhung. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 6000b

T.2. - 2025. - 63 tr. : minh hoạ s607755

587. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Toán 4 / Trần Ngọc Bích (ch.b.), Lê Thị Thu Hương, Lê Thị Cẩm Nhung, Phạm Thị Hải Châu. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 6000b

T.1. - 2025. - 64 tr. : hình vẽ, bảng s607744

588. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Toán 4 / Trần Ngọc Bích (ch.b.), Lê Thị Thu Hương, Lê Thị Cẩm Nhung, Phạm Thị Hải Châu. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 6000b

T.2. - 2025. - 64 tr. : hình vẽ, bảng s607745

589. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Toán 5 / Trần Ngọc Bích (ch.b.), Phạm Thị Hồng Hạnh, Nguyễn Mạnh Cường. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 6000b

T.1. - 2025. - 72 tr. : hình vẽ, bảng s607746

590. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Toán 5 / Trần Ngọc Bích (ch.b.), Phạm Thị Hồng Hạnh, Nguyễn Mạnh Cường. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 6000b

T.2. - 2025. - 64 tr. : hình vẽ, bảng s607747

591. Bài tập cuối tuần Tiếng Anh lớp 5 : Có đáp án : Biên soạn theo SGK Tiếng Anh Global Success... / Đại Lợi (ch.b.), Hằng Nguyễn, Thảo Lê. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Học tốt tiếng Anh)(Global Success). - 98000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 195 tr. : hình vẽ, bảng s607341

592. Bài tập hằng ngày Tiếng Việt 3 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức. Có video bài giảng chi tiết / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 60000đ. - 10000b

T.1. - 2025. - 132 tr. : minh hoạ s607321

593. Bài tập hằng ngày Tiếng Việt 3 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới. Có video bài giảng chi tiết / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 60000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 108 tr. : minh hoạ s607322

594. Bài tập hằng ngày Toán 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 60000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 111 tr. : minh hoạ s607269

595. Bài tập hằng ngày Toán 2 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 60000đ. - 10000b

T.1. - 2025. - 95 tr. : minh hoạ s607270

596. Bài tập hằng ngày Toán 5 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 60000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 112 tr. : minh hoạ s607271

597. Bài tập phát triển năng lực học Tiếng Việt 2 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Phạm Văn Công. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 67000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 145 tr. s607373
598. Bài tập phát triển năng lực học Tiếng Việt 3 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Phạm Văn Công. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 80000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 159 tr. : bảng s607382
599. Bài tập phát triển năng lực môn Toán - Lớp 3 / Trần Diên Hiền. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 29000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 72 tr. : hình vẽ, bảng s606357
600. Bài tập phát triển năng lực môn Toán - Lớp 3 / Trần Diên Hiền. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 29000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 72 tr. : hình vẽ, bảng s606358
601. Bài tập phát triển năng lực môn Toán lớp 2 / Trần Diên Hiền (ch.b.), Hoàng Mai Lê, Nguyễn Thị Kiều Oanh, Lô Thuý Hương. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 29000đ. - 1000b
T.1. - 2025. - 72 tr. : minh hoạ s607415
602. Bài tập phát triển năng lực môn Toán lớp 4 / Trần Diên Hiền (ch.b.), Hoàng Mai Lê, Nguyễn Thị Kiều Oanh, Lô Thuý Hương. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 29000đ. - 1000b
T.1. - 2025. - 72 tr. : hình vẽ, bảng s607416
603. Bài tập phát triển năng lực môn Toán lớp 4 / Trần Diên Hiền (ch.b.), Hoàng Mai Lê, Nguyễn Thị Kiều Oanh, Lô Thuý Hương. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 29000đ. - 1000b
T.2. - 2025. - 72 tr. : hình vẽ, bảng s607417
604. Bài tập phát triển năng lực Tự nhiên và Xã hội 1 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thị Hồng Chuyên. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 36 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 28900đ. - 2500b s605995
605. Bài tập Tin học 3 : Phát triển theo năng lực cho học sinh; Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Phương Anh Phạm (ch.b.), Đặng Bích Việt. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 36 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 29800đ. - 3000b s605933
606. Bài tập Tin học 4 : Phát triển theo năng lực cho học sinh; Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Phương Anh Phạm (ch.b.), Đặng Bích Việt. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 40 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 29800đ. - 3000b s605934
607. Bài tập Tin học 5 : Phát triển theo năng lực cho học sinh; Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Phương Anh Phạm (ch.b.), Đặng Bích Việt. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 40 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 29800đ. - 3000b s605935
608. Bài tập Toán 3 - Cả năm : Biên soạn theo Chương trình Chân trời sáng tạo / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 108 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 60000đ. - 5000b s607284
609. Bài tập Toán 4 - Kỳ II. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai. - 26 cm. - 1500b
Đầu bìa sách ghi: Công ty Cổ phần Giáo dục Educa Corporation
T.1. - 2025. - 65 tr. : minh hoạ s605800
610. Bài tập Toán 4 - Kỳ II. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai. - 26 cm. - 1500b

Đầu bìa sách ghi: Công ty Cổ phần Giáo dục Educa Corporation
T.2. - 2025. - 91 tr. : minh hoạ s605801

611. Bài tập trắc nghiệm và đề tự kiểm tra Toán 1 : Bổ trợ kiến thức sách giáo khoa / Trần Thị Kim Cương, Đỗ Ngọc Thiện. - Tái bản lần 6. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 247 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 95000đ. - 3000b s607383

612. Bài tập tuần Tiếng Việt 1 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 40000đ. - 10000b
T.1. - 2025. - 68 tr. : minh hoạ s607295

613. Bài tập tuần Tiếng Việt 2 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 40000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 72 tr. : minh hoạ s605982

614. Bài tập tuần Toán 1 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 40000đ. - 10000b
T.1. - 2025. - 64 tr. : hình vẽ, bảng s607265

615. Bài tập tuần Toán 1 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Vương Thu Hương, Nguyễn Ngọc Lan, Nguyễn Thị Hoa... - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống). - 45000đ. - 10000b
T.2. - 2025. - 55 tr. : minh hoạ s607451

616. Bài tập tuần Toán 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 40000đ. - 5000b
T.2. - 2025. - 64 tr. : minh hoạ s607279

617. Bài tập tuần Toán 3 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 40000đ. - 10000b
T.1. - 2025. - 76 tr. : minh hoạ s607266

618. Bài tập tuần Toán 3 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 40000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 75 tr. : minh hoạ s607281

619. Bài tập tuần Toán 3 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 40000đ. - 10000b
T.2. - 2025. - 71 tr. : minh hoạ s607267

620. Bài tập tuần Toán 4 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 40000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 68 tr. : hình vẽ, bảng s607268

621. Bài tập tuần Toán 4 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 40000đ. - 5000b
T.2. - 2025. - 64 tr. : hình vẽ, bảng s607282

622. Bảo Phúc. Tản mạn nghề thầy và counseling / Bảo Phúc. - H. : Thế giới, 2025. - 212 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 75000đ. - 500b
Tên thật tác giả: Nguyễn Hoàng Dũng s607865

623. Bé học Toán / Thuý Hà, Thanh Hương, Anh Đào. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 79 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Hành trang cho bé vào Lớp 1). - 65000đ. - 5000b s607256

624. Bé làm quen với chữ cái : Chuẩn bị cho bé vào lớp Một / Hà Phương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bé vào Lớp 1)(Tủ sách Cầu vồng). - 10500đ. - 5000b s606965

625. Bé làm quen với chữ cái và tập tô chữ : Dành cho trẻ chuẩn bị vào lớp 1 / Lê Tuệ Minh, Lê Thu Ngọc. - In lần thứ 16. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 23 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Bé vào Lớp 1). - 10000đ. - 10000b s608024

626. Bé làm quen với chữ số : Chuẩn bị cho bé vào lớp Một / Hà Phương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bé vào Lớp 1)(Tủ sách Cầu vồng). - 10500đ. - 5000b s606960

627. Bé làm quen với Toán : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục mầm non mới : Dành cho bé 4 - 5 tuổi / Hà Phương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Kiến nâu). - 10500đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 15 tr. : hình vẽ s606972

628. Bé làm quen với Toán : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục mầm non mới : Dành cho bé 4 - 5 tuổi / Hà Phương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Kiến nâu). - 10500đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 15 tr. : hình vẽ s606973

629. Bé nhận biết chữ cái : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục mầm non mới : Dành cho bé 4 - 5 tuổi / Hà Phương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Kiến nâu). - 10500đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 15 tr. : hình vẽ s606966

630. Bé nhận biết chữ cái : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục mầm non mới : Dành cho bé 4 - 5 tuổi / Hà Phương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Kiến nâu). - 10500đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 15 tr. : hình vẽ s606970

631. Bé rèn luyện kỹ năng - Bé làm quen và tập tô chữ số : Dành cho bé từ 5 - 6 tuổi / Thủy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 10000b s606992

632. Bé rèn luyện kỹ năng - Bé làm quen với chữ cái : Dành cho bé từ 5 - 6 tuổi / Thủy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 10000b

T.1. - 2025. - 16 tr. : hình vẽ s606988

633. Bé rèn luyện kỹ năng - Bé làm quen với chữ cái : Dành cho bé từ 5 - 6 tuổi / Thủy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 10000b

T.2. - 2025. - 16 tr. : hình vẽ s606989

634. Bé rèn luyện kỹ năng - Bé làm quen với Toán : Dành cho bé từ 5 - 6 tuổi / Thủy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 10000b s606993

635. Bé rèn luyện kỹ năng - Bé phát triển IQ : Dành cho bé từ 5 - 6 tuổi / Thủy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 10000b s606994

636. Bé rèn luyện kỹ năng - Bé tập so sánh : Dành cho bé từ 5 - 6 tuổi / Thủy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 10000b s606990

637. Bé rèn luyện kỹ năng - Bé tập tô chữ mẫu giáo : Dành cho bé từ 5 - 6 tuổi / Thủy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 10000b s606995

638. Bé rèn luyện kỹ năng - Bé tập tô nét cơ bản : Dành cho bé từ 5 - 6 tuổi / Thủy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 10000b s606991

639. Bé tập đếm số : Dành cho độ tuổi 3+ / Sheth Publishing House ; Lam Đăng dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 26 cm. - (Rèn trí thông minh). - 30000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 31 tr. : tranh màu s606493

640. Bé tập đếm số : Dành cho độ tuổi 3+ / Sheth Publishing House ; Lam Đăng dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 26 cm. - (Rèn trí thông minh). - 30000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 32 tr. : tranh màu s606494
641. Bé tập khám phá : Dành cho độ tuổi 3+ / Sheth Publishing House ; Lam Đăng dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 26 cm. - (Rèn trí thông minh). - 30000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 31 tr. : tranh màu s606495
642. Bé tập khám phá : Dành cho độ tuổi 3+ / Sheth Publishing House ; Lam Đăng dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 26 cm. - (Rèn trí thông minh). - 30000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 32 tr. : tranh màu s606496
643. Bé tập suy luận : Dành cho độ tuổi 3+ / Sheth Publishing House ; Lam Đăng dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 26 cm. - (Rèn trí thông minh). - 30000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 31 tr. : tranh màu s606497
644. Bé tập suy luận : Dành cho độ tuổi 3+ / Sheth Publishing House ; Lam Đăng dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 26 cm. - (Rèn trí thông minh). - 30000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 32 tr. : tranh màu s606498
645. Bé tập thói quen tốt : Dành cho độ tuổi 3+ / Sheth Publishing House ; Lam Đăng dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 26 cm. - (Rèn trí thông minh). - 30000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 31 tr. : tranh màu s606499
646. Bé tập thói quen tốt : Dành cho độ tuổi 3+ / Sheth Publishing House ; Lam Đăng dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 26 cm. - (Rèn trí thông minh). - 30000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 32 tr. : tranh màu s606500
647. Bé tập tô chữ cái : Dành cho học sinh mẫu giáo lớn / Thuỳ Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 10000b
Q.1. - 2025. - 24 tr. s606985
648. Bé tập tô, tập viết chữ to : Phiên bản mới : Dành cho trẻ em 4 - 6 tuổi / Thanh Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 87 tr. ; 27 cm. - (Bé tự tin vào Lớp 1)(Hành trang cho bé chuẩn bị vào Lớp 1). - 80000đ. - 5000b s607326
649. Bé tập viết : Dành cho trẻ chuẩn bị vào lớp Một / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 17000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 39 tr. s606922
650. Bé tập viết chữ - Bé làm quen chữ hoa / Thiện Lộc, Minh Nguyệt. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 31 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 14000đ. - 5000b s607825
651. Bé test IQ / Hà Phương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bé vào Lớp 1)(Tủ sách Cầu vồng). - 10500đ. - 5000b s606959
652. Bé tô màu - Phương tiện giao thông : Song ngữ Anh - Việt : Dành cho bé 3 - 4 tuổi / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 10000đ. - 5000b s607021
653. Bé vui học Toán : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục mầm non mới : Dành cho bé 5 - 6 tuổi / Phạm Thị Thanh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Kiến nâu). - 10500đ. - 5000b s606953
654. Bé vui luyện viết - Chữ cái / Trần An. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - (Bé vui luyện viết). - 15000đ. - 2000b
Q.1. - 2025. - 31 tr. s607764

655. Bộ đề kiểm tra môn Tiếng Việt lớp 1 - CT : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Phạm Thị Kim Chi. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 96 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 45000đ. - 1000b s607379

656. Bộ đề ôn tập hệ Tiếng Việt lớp 1 lên lớp 2 : Biên soạn theo Chương trình sách mới - Dùng cho các bộ sách / Vũ Ngọc Hân, Phạm Thị Ngọc Diệp. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 96 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 65000đ. - 5000b s607303

657. Bộ đề ôn tập hệ Tiếng Việt lớp 2 lên lớp 3 : Biên soạn theo Chương trình sách mới - Dùng cho các bộ sách / Vũ Ngọc Hân, Lê Thị Hằng, Nguyễn Thị Trang. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 120 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 65000đ. - 5000b s607304

658. Bộ đề ôn tập hệ Tiếng Việt lớp 3 lên lớp 4 : Biên soạn theo Chương trình sách mới - Dùng cho các bộ sách / Vũ Ngọc Hân, Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Thị Thu Hà. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 96 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 65000đ. - 5000b s607305

659. Bộ đề ôn tập hệ Tiếng Việt lớp 4 lên lớp 5 : Biên soạn theo Chương trình sách mới - Dùng cho các bộ sách / Vũ Ngọc Hân, Trần Thị Thu Hà, Phạm Thị Nhã. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 84 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 65000đ. - 5000b s607306

660. Bộ đề ôn tập hệ vui học Toán hệ lớp 1 lên lớp 2 : Biên soạn theo Chương trình sách mới - Dùng cho các bộ sách / Vũ Ngọc Hân, Phạm Thị Ngọc Diệp. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 88 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 65000đ. - 10000b s607250

661. Bộ đề ôn tập hệ vui học Toán hệ lớp 2 lên lớp 3 : Biên soạn theo Chương trình sách mới - Dùng cho các bộ sách / Vũ Ngọc Hân, Lê Thị Hằng, Nguyễn Thị Trang. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 112 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 65000đ. - 10000b s607251

662. Bộ đề ôn tập hệ vui học Toán hệ lớp 3 lên lớp 4 : Biên soạn theo Chương trình sách mới - Dùng cho các bộ sách / Vũ Ngọc Hân, Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Thị Thu Hà. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 80 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 65000đ. - 5000b s607252

663. Bộ đề ôn tập hệ vui học Toán hệ lớp 4 lên lớp 5 : Biên soạn theo Chương trình sách mới - Dùng cho các bộ sách / Vũ Ngọc Hân, Trần Thị Thu Hà, Phạm Thị Nhã. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 80 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 65000đ. - 5000b s607253

664. Bồi dưỡng năng lực tự học Toán 1 : Nâng tầm kiến thức - Phát triển tư duy / Nguyễn Đức Tấn, Tạ Hồ Thị Dung. - Tái bản lần 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 131 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 66000đ. - 2000b s607360

665. Chạm là giỏi toán : Cộng trừ trong phạm vi 20 siêu nhanh. Em chạm đến đâu - giỏi đến đó / Lan Anh Vietkids, Phạm Phương, Hạnh Trâm. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 40 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 45000đ. - 6000b s607254

666. Chiến thuật viết văn tiểu học / Đỗ Xuân Thảo, Phan Thị Hồ Diệp. - In lần thứ 8. - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 65000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 87 tr. : minh hoạ s605936

667. Chinh phục nâng cao Toán 2 : Ôn tập nâng cao 35 tuần học / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 99 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức). - 50000đ. - 5000b s607264

668. Chinh phục Toán theo phương pháp giáo dục thông minh Montessori : Cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Huyền Linh. - H. : Văn học. - 24 cm. - 38000đ. - 3000b
T.1: Làm quen với số đếm : Phát triển toàn diện IQ. - 2025. - 32 tr. : hình vẽ s606191

669. Chinh phục Toán theo phương pháp giáo dục thông minh Montessori : Cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Huyền Linh. - H. : Văn học. - 24 cm. - 38000đ. - 3000b

- T.2: So sánh và đo lường : Phát triển toàn diện IQ. - 2025. - 32 tr. : hình vẽ s606192
670. Chinh phục Toán theo phương pháp giáo dục thông minh Montessori : Cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Huyền Linh. - H. : Văn học. - 24 cm. - 38000đ. - 3000b
- T.3: Hình khối và vị trí : Phát triển toàn diện IQ. - 2025. - 32 tr. : hình vẽ s606193
671. Chinh phục Toán theo phương pháp giáo dục thông minh Montessori : Cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Huyền Linh. - H. : Văn học. - 24 cm. - 38000đ. - 3000b
- T.4: So sánh và phân loại : Phát triển toàn diện IQ. - 2025. - 32 tr. : hình vẽ s606194
672. Chuẩn bị cho bé vào lớp Một : Dành cho trẻ từ 5 - 6 tuổi / Thuỳ Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 20000b
- T.1: Làm quen với chữ cái. - 2025. - 16 tr. : hình vẽ s606983
673. Chuẩn bị cho bé vào lớp Một : Dành cho trẻ từ 5 - 6 tuổi / Thuỳ Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 20000b
- T.2: Làm quen với chữ số. - 2025. - 16 tr. : hình vẽ s606984
674. Chữ cái vui nhộn : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục mầm non mới : Dành cho bé 5 - 6 tuổi / Phạm Thị Thanh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Kiến nâu). - 10500đ. - 5000b
- Q.1. - 2025. - 15 tr. : hình vẽ s606950
675. Chữ cái vui nhộn : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục mầm non mới : Dành cho bé 5 - 6 tuổi / Phạm Thị Thanh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Kiến nâu). - 10500đ. - 5000b
- Q.2. - 2025. - 15 tr. : hình vẽ s606951
676. Chữ số thần kỳ : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục mầm non mới : Dành cho bé 4 - 5 tuổi / Hà Phương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Kiến nâu). - 10500đ. - 5000b s606968
677. Chữ số thần kỳ : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục mầm non mới : Dành cho bé 5 - 6 tuổi / Phạm Thị Thanh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Kiến nâu). - 10500đ. - 5000b s606956
678. Chương trình khung Basic 3 dành cho học sinh khuyết tật mức độ vừa đến nặng = Basics 3 curriculum framework for students with moderate to severe disabilities / Dịch: Hoàng Trương Thuý An...; H.đ.: Hoàng Thị Nga, Nguyễn Thanh Hoa. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 383 tr. : bìa ; 29 cm. - 300b s607470
679. Công thức làm văn tiểu học : Biên soạn theo Chương trình SGK mới : Phiên bản 5.0 / Thuỳ Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : hình vẽ, sơ đồ ; 25 cm. - (Học thông minh - Tinh trí não). - 160000đ. - 5000b s606907
680. Cùng bé tô chữ : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục mầm non mới : Dành cho bé 5 - 6 tuổi / Phạm Thị Thanh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Kiến nâu). - 10500đ. - 5000b s606957
681. Cùng em khám phá ôn hè Tiếng Việt lớp 1 lên lớp 2 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới... / Hương Giang, Trung Anh, Thuỳ Trang. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 64 tr. : minh họa ; 27 cm. - 48000đ. - 10000b s605991
682. Cùng em khám phá ôn hè Toán lớp 1 lên lớp 2 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới... / Hương Giang, Trung Anh, Thuỳ Trang. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 64 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 48000đ. - 10000b s605994

683. Cùng em phát triển năng lực Tiếng Việt 2 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, dùng cho buổi học thứ hai / Hoàng Minh Huệ, Trần Thị Mai. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 25000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 68 tr. : hình vẽ, ảnh s607301

684. Cùng em phát triển năng lực Tiếng Việt 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, dùng cho buổi học thứ hai / Hoàng Minh Huệ, Trần Thị Mai. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 25000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 79 tr. : hình vẽ, ảnh s607302

685. Cùng em phát triển năng lực Toán 2 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, dùng cho buổi học thứ hai / Hoàng Mai Lê, Nguyễn Đức Mạnh, Mai Bá Bắc. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 25000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 51 tr. : minh hoạ s607257

686. Cùng em phát triển năng lực Toán 2 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, dùng cho buổi học thứ hai / Hoàng Mai Lê, Nguyễn Đức Mạnh, Mai Bá Bắc. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 25000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 47 tr. : minh hoạ s607258

687. Cùng em phát triển năng lực Toán 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, dùng cho buổi học thứ hai / Hoàng Mai Lê, Nguyễn Đức Mạnh, Mai Bá Bắc. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 25000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 63 tr. : minh hoạ s607283

688. Cùng mèo con học và chơi - Tô màu chữ cái : 2 - 6 tuổi / Thủy Trang. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 15000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 16 tr. : hình vẽ s607177

689. Cùng mèo con học và chơi - Tô màu chữ cái : 2 - 6 tuổi / Thủy Trang. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 15000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 16 tr. : hình vẽ s607174

690. Cùng mèo con học và chơi - Tô màu chữ số : 2 - 6 tuổi / Thủy Trang. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 15000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 16 tr. : hình vẽ s607173

691. Cùng mèo con học và chơi - Tô màu chữ số : 2 - 6 tuổi / Thủy Trang. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 15000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 16 tr. : hình vẽ s607178

692. Cùng mèo con học và chơi - Tô màu hình khối : 2 - 6 tuổi / Thủy Trang. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 15000đ. - 5000b s607180

693. Cùng mèo con học và chơi - Tô màu so sánh : 2 - 6 tuổi / Thủy Dương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 15000đ. - 5000b s607179

694. Cùng mèo con học và chơi - Tô màu thể giới xung quanh : 2 - 6 tuổi / Thủy Trang. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 15000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 16 tr. : hình vẽ s607175

695. Cùng mèo con học và chơi - Tô màu thể giới xung quanh : 2 - 6 tuổi / Thủy Trang. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 15000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 16 tr. : hình vẽ s607176

696. Dạy học hát xoan cho học sinh tiểu học khu vực trung du Bắc Bộ : Sách chuyên khảo / Đào Đăng Phượng (ch.b.), Lê Vinh Hưng, Nguyễn Thị Tố Mai... - H. : Văn học, 2024. - 247 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 100b

Thư mục: tr. 179-186. - Phụ lục: tr. 187-247 s606183

697. Dạy học số và quản trị nhà trường thông minh trong kỷ nguyên số / Trần Khánh Đức, Nguyễn Chí Thành (ch.b.), Kim Mạnh Tuấn... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 405 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 250000đ. - 500b

Thư mục: tr. 400-405 s607666

698. Đánh vần Tiếng Việt : Chuẩn theo Chương trình mới nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo : Dành cho bé 4 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Nguyệt. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 80 tr. : minh hoạ ; 30 cm. - 80000đ. - 10000b s607353

699. Đề kiểm tra Tiếng Việt 1 - Học kì 1 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 63 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 40000đ. - 10000b s607319

700. Đề kiểm tra Tiếng Việt 5 - Học kì 1 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 72 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 40000đ. - 10000b s607320

701. Đề kiểm tra Toán 1 - Học kì 1 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 62 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 40000đ. - 10000b s607272

702. Đề kiểm tra Toán 1 - Học kì 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 62 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 40000đ. - 5000b s607276

703. Đề kiểm tra Toán 2 - Học kì 1 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 62 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 40000đ. - 10000b s607273

704. Đề kiểm tra Toán 3 - Cả năm : Biên soạn theo Chương trình Chân trời sáng tạo / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 92 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 60000đ. - 5000b s607286

705. Đề kiểm tra Toán 3 - Học kì 1 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 62 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 40000đ. - 10000b s607274

706. Đề kiểm tra Toán 3 - Học kì 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 62 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 40000đ. - 5000b s607277

707. Đề kiểm tra Toán 3 - Học kì 2 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 62 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 40000đ. - 5000b s607278

708. Đề kiểm tra Toán 4 - Học kì 1 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 62 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 40000đ. - 10000b s607275

709. Đề giải Toán con phải giỏi tính 4 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới nhất : Dành cho học sinh lớp 4 / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 72 tr. ; 27 cm. - 40000đ. - 10000b s607285

710. Đoàn Trương Thủ Nghệ. Làm văn thật dễ - Cách diễn đạt câu : Dành cho trẻ em từ 6 - 12 tuổi / Đoàn Trương Thủ Nghệ ; Hà Giang dịch. - H. : Văn học, 2025. - 54 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 55000đ. - 2000b s606157

711. Đoàn Trương Thủ Nghệ. Làm văn thật dễ - Hãy thay đổi góc độ quan sát : Dành cho trẻ em từ 6 - 12 tuổi / Đoàn Trương Thủ Nghệ ; Hà Giang dịch. - H. : Văn học, 2025. - 43 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 55000đ. - 2000b s606159

712. Đoàn Trương Thủ Nghệ. Làm văn thật dễ - Sức mạnh của biện pháp tu từ : Dành cho trẻ em từ 6 - 12 tuổi / Đoàn Trương Thủ Nghệ ; Hà Giang dịch. - H. : Văn học, 2025. - 46 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 55000đ. - 2000b s606156

713. Đoàn Trương Thủ Nghệ. Làm văn thật dễ - Tầm quan trọng của trí tưởng tượng : Dành cho trẻ em từ 6 - 12 tuổi / Đoàn Trương Thủ Nghệ ; Hà Giang dịch. - H. : Văn học, 2025. - 46 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 55000đ. - 2000b s606158

714. Đoàn Trương Thủ Nghệ. Làm văn thật dễ - Tìm kiếm các chi tiết : Dành cho trẻ em từ 6 - 12 tuổi / Đoàn Trương Thủ Nghệ ; Hà Giang dịch. - H. : Văn học, 2025. - 50 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 55000đ. - 2000b s606155

715. Đoàn Trương Thủ Nghệ. Làm văn thật dễ - Từ loại thật phong phú : Dành cho trẻ em từ 6 - 12 tuổi / Đoàn Trương Thủ Nghệ ; Hà Giang dịch. - H. : Văn học, 2025. - 41 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 55000đ. - 2000b s606154

716. Đoàn Văn Tín. Du học hành trình khám phá bản thân / Đoàn Văn Tín. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 93 tr. ; 21 cm. - 250000đ. - 100b s606647

717. Eager, Bron. AI - Trợ thủ trong nghiên cứu và viết học thuật : Hướng dẫn cho người mới bắt đầu = AI - Powered scholar : A beginner's guide to artificial intelligence for academic writing & research / Bron Eager ; Nguyễn Ngọc Anh dịch. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 168 tr. ; 24 cm. - 135000đ. - 500b s606289

718. Em giỏi toán : Dành cho bé 3 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Hạnh, Dương Thị Mai. - H. : Nxb. Hà Nội. - 29 cm. - (Tự tin bước vào Lớp 1). - 110000đ. - 5000b Q.1. - 2025. - 112 tr. : minh hoạ s607248

719. Em học giỏi Toán 1 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng cho các bộ SGK hiện hành / Huỳnh Bảo Châu. - H. : Dân trí, 2025. - 96 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 65000đ. - 5000b s605943

720. Em học giỏi Toán 2 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng cho các bộ SGK hiện hành / Huỳnh Bảo Châu (ch.b.), Tô Hoài Phong. - H. : Dân trí, 2025. - 97 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 64000đ. - 5000b s605944

721. Em học giỏi Toán 3 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng cho các bộ SGK hiện hành / Huỳnh Bảo Châu (ch.b.), Tô Hoài Phong, Trần Huỳnh Thống. - H. : Dân trí, 2025. - 103 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 65000đ. - 5000b s605945

722. Em học giỏi Toán 4 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng cho các bộ SGK hiện hành / Huỳnh Bảo Châu (ch.b.), Tô Hoài Phong, Trần Huỳnh Thống. - H. : Dân trí, 2025. - 114 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 67000đ. - 5000b s605946

723. Em học giỏi Toán 5 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng cho các bộ SGK hiện hành / Huỳnh Bảo Châu (ch.b.), Tô Hoài Phong, Trần Huỳnh Thống. - H. : Dân trí, 2025. - 103 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 67000đ. - 5000b s605947

724. Em tập viết đúng, viết đẹp 1 : Theo Chương trình Sách giáo khoa mới : Cho trẻ 6 tuổi / Thanh Hương, Minh Phương. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Rèn kỹ năng viết chữ. Chào Lớp 1). - 38000đ. - 5000b

Q.1. - 2025. - 48 tr. s607324

725. Em tập viết đúng, viết đẹp 1 : Theo Chương trình Sách giáo khoa mới : Cho trẻ 6 tuổi / Thanh Hương, Minh Phương. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Rèn kĩ năng viết chữ. Chào Lớp 1). - 38000đ. - 5000b

Q.2. - 2025. - 48 tr. s607325

726. Em vui học Tin học 1 / Lê Đức Long, Nguyễn Thị Thiên Lý. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 71 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 45000đ. - 8000b s607461

727. Em vui học Tin học 2 / Lê Đức Long, Nguyễn Thị Thiên Lý. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 71 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 45000đ. - 8000b s607462

728. Fukuzawa Yukichi. Khuyến học : Hay những bài học về tinh thần độc lập tự cường của người Nhật Bản / Fukuzawa Yukichi ; Phạm Hữu Lợi dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 244 tr. ; 21 cm. - 80000đ. - 1500b

Dịch từ nguyên bản tiếng Nhật: 学問のすすめ s607915

729. Giải bài tập Toán lớp 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Thanh Thủy, Nguyễn Phương Anh. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 80000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 186 tr. : minh hoạ s607422

730. Giải Toán có lời văn lớp 2 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 88 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 50000đ. - 10000b s607287

731. Giải Toán có lời văn lớp 3 / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 92 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 50000đ. - 10000b s605986

732. Giải Toán có lời văn lớp 5 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 96 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 50000đ. - 10000b s607288

733. Giáo trình Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội / Dương Huy Cẩn, Lê Duy Cường (ch.b.), Huỳnh Thị Trúc Giang... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 241 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 105000đ. - 500b

Thư mục: tr. 236-239 s607683

734. Giáo trình Quản lý chất lượng giáo dục : Dùng cho đào tạo sau đại học ngành Quản lý giáo dục / Phạm Lê Cường, Nguyễn Ngọc Hiền (ch.b.), Bùi Văn Hùng, Phạm Minh Hùng. - Nghệ An : Đại học Vinh, 2025. - 287 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 120000đ. - 300b

Thư mục: tr. 281-287 s607849

735. Giúp bé học Toán cộng trừ trong phạm vi 20 / Minh Tâm. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 14000đ. - 3000b s605870

736. Giúp bé học Toán cộng trừ trong phạm vi 10 / Minh Tâm. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 32 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 14000đ. - 3000b s607842

737. Giúp bé tập tô - Tập ghép vần / Minh Tâm. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 23 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Bé vào Lớp 1). - 12000đ. - 5000b s607841

738. Giúp con học giỏi Toán lớp 1 : Theo Chương trình Sách giáo khoa mới. Dùng chung cho bộ sách giáo khoa CD, KNTT, CTST / Thanh Hương, Minh Phương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 76 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 50000đ. - 5000b s607260

739. Giúp em học Toán 1 / Đỗ Tiến Đạt (ch.b.), Nguyễn Hoài Anh, Trần Ngọc Bích... - Tái bản lần thứ 2. - Huế : Đại học Huế. - 24 cm. - (Cánh Diều). - 28000đ. - 5000b

- T.1. - 2025. - 75 tr. : hình vẽ s606382
740. Giúp em học Toán 1 / Đỗ Tiến Đạt (ch.b.), Nguyễn Hoài Anh, Trần Ngọc Bích... - Tái bản lần thứ 2. - Huế : Đại học Huế. - 24 cm. - (Cánh Diều). - 28000đ. - 5000b
- T.2. - 2025. - 75 tr. : hình vẽ, bảng s606383
741. Giúp em học Toán 3 / Đỗ Tiến Đạt (ch.b.), Nguyễn Hoài Anh, Trần Ngọc Bích... - Tái bản lần thứ 3. - Huế : Đại học Huế. - 24 cm. - (Cánh Diều). - 30000đ. - 3000b
- T.1. - 2025. - 87 tr. : minh hoạ s606384
742. Giúp em học Toán 5 / Đỗ Tiến Đạt (ch.b.), Nguyễn Hoài Anh, Trần Ngọc Bích... - Tái bản lần thứ 1. - Huế : Đại học Huế. - 24 cm. - (Cánh Diều). - 35000đ. - 3000b
- T.1. - 2025. - 111 tr. : minh hoạ s606385
743. Giúp em học Toán 5 / Đỗ Tiến Đạt (ch.b.), Nguyễn Hoài Anh, Trần Ngọc Bích... - Tái bản lần thứ 1. - Huế : Đại học Huế. - 24 cm. - (Cánh Diều). - 35000đ. - 3000b
- T.2. - 2025. - 111 tr. : minh hoạ s606386
744. Giúp em viết chữ đẹp lớp 1 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Hoàng Mỹ Anh. - In lần thứ 5. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - 18500đ. - 10000b
- T.1. - 2025. - 40 tr. s606295
745. Giúp em viết chữ đẹp lớp 1 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Hoàng Mỹ Anh. - In lần thứ 5. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - 18500đ. - 10000b
- T.2. - 2025. - 40 tr. : hình vẽ, ảnh s606296
746. Giúp em viết chữ đẹp lớp 4 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Kim Mai. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - 18500đ. - 2000b
- T.1. - 2025. - 40 tr. s606708
747. Giúp em viết chữ đẹp lớp 4 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Kim Mai. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - 18500đ. - 2000b
- T.2. - 2025. - 40 tr. s606709
748. Giúp em viết chữ đẹp lớp 5 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Hoàng Mỹ Anh. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - 18500đ. - 2000b
- T.1. - 2025. - 40 tr. s606705
749. Giúp em viết chữ đẹp lớp 5 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Hoàng Mỹ Anh. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - 18500đ. - 2000b
- T.2. - 2025. - 40 tr. s606706
750. 250 đề & bài văn hay lớp 3 : Dành chung cho các bộ SGK hiện hành / Phạm Ngọc Thắm. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 128 tr. ; 24 cm. - 58000đ. - 2000b s607704
751. 250 đề & bài văn hay lớp 4 : Dành chung cho các bộ SGK hiện hành / Phạm Ngọc Thắm. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 144 tr. ; 24 cm. - 69000đ. - 2000b s607705
752. 250 đề & bài văn hay lớp 5 : Dành chung cho các bộ SGK hiện hành / Phạm Ngọc Thắm. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 144 tr. ; 24 cm. - 65000đ. - 2000b s607706
753. Hành trang giúp bé tự tin vào lớp 1 / Nguyễn Thị Hiền ch.b. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá. - 27 cm. - 55000đ. - 1000b
- Q.1. - 2025. - 80 tr. s605910

754. Hành trang giúp bé tự tin vào lớp 1 / Nguyễn Thị Hiền ch.b. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá. - 27 cm. - 50000đ. - 1000b
Q.2. - 2025. - 68 tr. s605911
755. Hành trang giúp bé tự tin vào lớp 1 - Toán làm quen / Nguyễn Thị Hiền ch.b. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 68 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 50000đ. - 1000b s605909
756. Hoạt động trải nghiệm STEAM : Khám phá - Thực hành - Sáng tạo : Dành cho trẻ mầm non 4 - 6 tuổi / Phạm Thị Ngọc Ly (ch.b.), Trịnh Duy Khiêm, Bùi Phú Đức, Lê Thụy Quỳnh Như. - Huế : Đại học Huế, 2025. - 105 tr. : minh hoạ ; 29 cm. - 89000đ. - 1000b s605978
757. Học viết văn theo quy trình hiệu quả lớp 5 / Phạm Thị Luyện. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 150000đ. - 2000b
T.4. - 2025. - 167 tr. : minh hoạ s606803
758. Hướng dẫn giải bài tập Toán 2 : Bám sát sách giáo khoa Kết nối tri thức với cuộc sống / Nguyễn Thị Thanh Lương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 59000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 120 tr. : minh hoạ s607699
759. Hướng dẫn giải bài tập Toán 2 : Bám sát sách giáo khoa Kết nối tri thức với cuộc sống / Nguyễn Thị Thanh Lương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 59000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 120 tr. : minh hoạ s607700
760. Hướng dẫn học và làm bài Tiếng Việt 2 : Bám sát SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Phạm Ngọc Thắm. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 59000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 116 tr. : bảng s606607
761. Hướng dẫn học và làm bài Tiếng Việt 2 : Bám sát SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Phạm Ngọc Thắm. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 59000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 120 tr. : minh hoạ s607703
762. IQ Montessori logic : Phát triển toàn diện khả năng tư duy logic cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Quỳnh Hương. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Dân trí, 2025. - 63 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 89000đ. - 2000b s608021
763. Kể chuyện gương hiếu học / S.t., tuyển chọn: Phương Thủy, Hoàng Trang. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Văn học, 2025. - 199 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21 cm. - 60000đ. - 2000b s606231
764. Kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh lớp 2 môn Tiếng Việt - Học kì 2 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Phạm Văn Công. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 124 tr. : bảng ; 27 cm. - 56000đ. - 2000b s607361
765. Kỹ yếu Hội thảo khoa học: Vai trò của trường đại học với phát triển kinh tế - xã hội địa phương / Đoàn Ngọc Xuân, Phạm Ngọc Trâm, Triệu Quỳnh Trang... - H. : Tài chính, 2025. - 515 tr. : hình vẽ ; 30 cm. - 70b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủ Dầu Một. - Thư mục cuối mỗi bài s607160
766. Kỹ yếu Hội thảo quốc gia: Ứng dụng công nghệ số trong quản trị, đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường đại học gắn với phát triển kinh tế địa phương : 27/6/2025, Hải Dương, Việt Nam / Vũ Đức Lễ, Lưu Đình Vinh, Trần Mai Ước... - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2025. - 855 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 100b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Hải Dương. - Thư mục cuối mỗi bài s605930
767. Kỹ năng tập đánh vần luyện đọc : Phát triển năng lực. Tư duy ngôn ngữ. Bài tập phát triển tư duy / Phương Linh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 58 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 79000đ. - 3000b s607249

768. Kỹ năng tập viết = The magic kids / Phương Linh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 80 tr. ; 29 cm. - 79000đ. - 3000b s607317

769. Lê Thị Thảo Nguyên. Tiếp cận nghiên cứu năng lực cảm xúc xã hội cho sinh viên : Sách tham khảo / Lê Thị Thảo Nguyên (ch.b.), Nguyễn Thực Anh. - Huế : Đại học Huế, 2025. - 205 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 118000đ. - 70b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Tây Nguyên. - Thư mục: tr. 202-205 s606395

770. Lí luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học / Nguyễn Minh Thuyết (ch.b.), Lê Thị Lan Anh, Hoàng Hoà Bình... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 24 cm. - 175000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 359 tr. : minh hoạ s607783

771. Luyện Chính tả lớp 1 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Ngô Hiền Tuyên (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Loan, Nguyễn Thị Thuỷ. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 36 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 20000đ. - 2000b s606933

772. Luyện Chính tả lớp 2 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Ngô Hiền Tuyên (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Loan, Nguyễn Thị Thuỷ. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 20000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 36 tr. : hình vẽ, ảnh s606931

773. Luyện Chính tả lớp 2 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Ngô Hiền Tuyên (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Loan, Nguyễn Thị Thuỷ. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 20000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 35 tr. : ảnh, tranh vẽ s606932

774. Luyện Chính tả lớp 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Ngô Hiền Tuyên (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Loan, Nguyễn Thị Thuỷ. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 20000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 36 tr. : hình vẽ s606934

775. Luyện Chính tả lớp 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Ngô Hiền Tuyên (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Loan, Nguyễn Thị Thuỷ. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 20000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 36 tr. : ảnh, tranh vẽ s606935

776. Luyện đọc : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới. Phiên bản đặc biệt 5.0 : Dành cho bé từ 3 - 6 tuổi / Vũ Ngọc Hân. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 100 tr. : minh hoạ ; 30 cm. - (Tự tin bước vào Lớp 1). - 60000đ. - 5000b s607335

777. Luyện đọc 1 - CD / Trần Thị Minh Phương. - Tái bản lần 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 56 tr. : hình vẽ, bảng ; 29 cm. - 20000đ. - 6000b s607385

778. Luyện đọc 1 - KN / Trần Thị Minh Phương. - Tái bản lần 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 56 tr. : hình vẽ, bảng ; 29 cm. - 20000đ. - 6000b s607372

779. Luyện đọc lớp 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Lê Phương Nga (ch.b.), Trần Thị Quỳnh Nga. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 87 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 40000đ. - 3000b s607333

780. Luyện đọc lớp 4 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Lê Phương Nga (ch.b.), Phan Thị Hồng Xuân. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 87 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 40000đ. - 3000b s607334

781. Luyện đọc tăng cường lớp 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới. Phiên bản đặc biệt 5.0 / Vũ Ngọc Hân. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 80 tr. : minh hoạ ; 30 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 50000đ. - 10000b s607336

782. Luyện đọc tư duy - ngôn ngữ : Bí quyết đọc sớm - đọc nhanh cho bé từ 3 - 6 tuổi... / Hương Giang, Trung Anh. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Hành trang vào Lớp 1). - 50000đ. - 7000b

Q.1. - 2025. - 48 tr. : hình vẽ, bảng s607332

783. Luyện viết : Hành trang giúp bé tự tin vào lớp 1... / Nguyễn Thị Hương. - H. : Công Thương, 2025. - 83 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 99000đ. - 3000b s607449

784. Luyện viết : Dành cho học sinh tiền Tiểu học / Thuý Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Hành trang cho bé vào Lớp 1). - 64000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 60 tr. s607331

785. Luyện viết - Trọn bộ tăng cường cỡ chữ theo nhóm : Dành cho trẻ từ 4 - 6 tuổi... / Hương Giang, Trung Anh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 48 tr. ; 27 cm. - (Hành trang vào Lớp 1). - 48000đ. - 7000b s607312

786. Luyện viết chữ cái : Biên soạn theo Chương trình mới / Thuý Hằng b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. ; 21 cm. - 45000đ. - 10000b s606795

787. Luyện viết chữ đẹp lớp 1 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Ngô Hiền Tuyên (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Loan, Nguyễn Thị Thuỷ. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 20000đ. - 1500b

T.1. - 2025. - 43 tr. s606936

788. Luyện viết chữ đẹp lớp 1 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Ngô Hiền Tuyên (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Loan, Nguyễn Thị Thuỷ. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 20000đ. - 1500b

T.2. - 2025. - 43 tr. s606937

789. Luyện viết chữ đẹp lớp 2 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Ngô Hiền Tuyên (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Loan, Nguyễn Thị Thuỷ. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 20000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 39 tr. s606938

790. Luyện viết chữ đẹp lớp 2 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Ngô Hiền Tuyên (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Loan, Nguyễn Thị Thuỷ. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 20000đ. - 1500b

T.2. - 2025. - 39 tr. s606939

791. Luyện viết chữ đẹp lớp 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Ngô Hiền Tuyên (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Loan, Nguyễn Thị Thuỷ. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 20000đ. - 1000b

T.1. - 2025. - 39 tr. s606940

792. Luyện viết chữ đẹp lớp 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Ngô Hiền Tuyên (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Loan, Nguyễn Thị Thuỷ. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 20000đ. - 1000b

T.2. - 2025. - 36 tr. s606941

793. Luyện viết chữ đẹp lớp 4 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Ngô Hiền Tuyên (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Loan, Nguyễn Thị Thuỷ. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 20000đ. - 2500b

T.1. - 2025. - 43 tr. s606942

794. Luyện viết chữ đẹp lớp 4 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Ngô Hiền Tuyên (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Loan, Nguyễn Thị Thuỷ. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 20000đ. - 2500b

- T.2. - 2025. - 43 tr. s606943
795. Luyện viết chữ đẹp lớp 5 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Ngô Hiền Tuyên (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Loan, Nguyễn Thị Thuý. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 20000đ. - 1500b
- T.1. - 2025. - 43 tr. s606944
796. Luyện viết chữ đẹp lớp 5 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Ngô Hiền Tuyên (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Loan, Nguyễn Thị Thuý. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 20000đ. - 1500b
- T.2. - 2025. - 43 tr. s606945
797. Luyện viết chữ hoa / Thuý Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 52 tr. ; 27 cm. - 40000đ. - 3000b s607314
798. Luyện viết chữ hoa chữ nhỏ học theo nhóm : Biên soạn theo Chương trình mới, dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Hoàng Sơn, Nam Thuận. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 40 tr. ; 27 cm. - (Tủ sách Luyện mãi thành tài - Miệt mài tất giỏi). - 22000đ. - 3000b s607365
799. Luyện viết chữ số : Biên soạn theo Chương trình mới / Thuý Hằng b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 45000đ. - 10000b s606794
800. Luyện viết nét cơ bản : Biên soạn theo Chương trình mới / Thuý Hằng b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 45000đ. - 10000b s606796
801. Mind map vocabulary English : Bé học từ vựng tiếng Anh bằng sơ đồ tư duy : Học tiếng Anh bằng hình ảnh và Mind map / Nguyễn Hào b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 79 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 64000đ. - 3000b s606904
802. Một số vấn đề về phát triển Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 VNIES.P1.24 : Kỷ yếu Hội thảo 11. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 607 tr. ; 24 cm. - 450000đ. - 100b
ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. Trung tâm Phát triển bền vững chất lượng giáo dục phổ thông quốc gia. - Thư mục cuối mỗi bài s606602
803. 100 bài làm văn hay lớp 5 : Biên soạn theo Chương trình SGK mới của Bộ GD&ĐT... / Lê Xuân Soan. - H. : Dân trí, 2025. - 115 tr. ; 27 cm. - 89000đ. - 10000b s605961
804. 100 đề kiểm tra Toán lớp 5 : Dùng chung cho 3 bộ sách giáo khoa hiện hành / Trần Thị Kim Cương, Nguyễn Thuý Chung, Hồ Thị Thu Hường... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 146 tr. : minh hoạ ; 29 cm. - 169000đ. - 10000b s607425
805. 500 bài toán cơ bản và nâng cao lớp 5 : Dùng chung cho các bộ sách giáo khoa hiện hành / Vũ Quốc Chung (ch.b.), Phạm Thị Diệu Thuý, Chu Huyền Trang, Nguyễn Văn Đệ. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 104 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 139000đ. - 3000b s607096
806. Nâng cao hiệu quả quản lý xây dựng văn hoá chất lượng ở các cơ sở giáo dục đại học có chức năng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục : Sách chuyên khảo / Hoàng Thị Ái Vân (ch.b.), Vương Hồng Hạnh, Nguyễn Lê Văn Dung... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 240 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 120000đ. - 100b
Thư mục: tr. 239-240 s607793
807. Nét chữ kì diệu : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục mầm non mới : Dành cho bé 5 - 6 tuổi / Phạm Thị Thanh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Kiến nâu). - 10500đ. - 5000b s606952

808. Ngành Giáo dục và đào tạo Quận 1 - 50 năm tự hào và phát triển / Dương Anh Đức, Hoàng Thị Tô Nga, Lê Đức Thanh... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 391 tr. : ảnh ; 29 cm. - 1200b s607458

809. Nguyễn Thành Nam. Giữ gìn, phát huy giá trị di sản văn hoá giáo dục thời Lê sơ (1428 - 1527) : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thành Nam. - H. : Văn học, 2025. - 187 tr. : bảng ; 24 cm. - 168000đ. - 300b

Thư mục: tr. 162-167. - Phụ lục: tr. 168-186 s606181

810. Nguyễn Thị Phương Nhung. Giáo trình Đạo đức và phương pháp dạy học môn Đạo đức : Dùng cho đào tạo cử nhân chuyên ngành Giáo dục tiểu học / B.s.: Nguyễn Thị Phương Nhung (ch.b.), Phan Anh Tuấn. - Nghệ An : Đại học Vinh, 2025. - 303 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 150000đ. - 400b

Thư mục cuối mỗi chương. - Phụ lục: tr. 251-299 s605788

811. Nguyễn Văn Dũng. Lạc lối và tìm thấy : Hành trình 20 năm từ quán net nhỏ đến thương hiệu giáo dục Nhật ngữ Dũng Mori / Nguyễn Văn Dũng. - H. : Dân trí, 2025. - 142 tr. : ảnh ; 21 cm. - 285000đ. - 2000b

Phụ lục: tr. 129-142 s606335

812. Nguyễn Văn Tùng. Dạy học trẻ em chỉ là chuyện nhỏ : Những bí mật để trở thành giáo viên tự tin toả sáng / Nguyễn Văn Tùng. - H. : Dân trí, 2025. - 291 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - (Bộ sách "Lớp học yêu thương tròn đầy hạnh phúc"). - 368000đ. - 2000b

Phụ lục: tr. 241-273 s606331

813. Nhận biết chữ cái : Theo Chương trình Giáo dục mầm non mới : Dành cho bé 3 - 4 tuổi / Phạm Thị Thanh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 10000đ. - 5000b s606982

814. Những bài làm văn mẫu hay nhất lớp 2 : Theo Chương trình SGK Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 96 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 50000đ. - 5000b s605989

815. Những bài làm văn mẫu hay nhất lớp 5 : Theo Chương trình SGK Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 112 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 50000đ. - 5000b s607318

816. Những bài làm văn mẫu lớp 5 / Lê Xuân Soan (ch.b.), Trần Thìn. - H. : Dân trí. - 27 cm. - (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống). - 89000đ. - 20000b

T.1. - 2025. - 115 tr. s605959

817. Ôn hè Tiếng Anh 5 : Dành cho học sinh lớp 5 lên lớp 6 : Theo Chương trình Sách giáo khoa mới nhất / Nguyễn Văn Quân, Nguyễn Văn Sơn, Đặng Hồng Thụy. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 72 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 40000đ. - 10000b s607340

818. Ôn hè Tiếng Anh lớp 1 lên lớp 2 : Hệ thống kiến thức năm học lớp 1 theo sơ đồ tư duy... / Hương Lê b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 59 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 40000đ. - 2000b s607338

819. Ôn hè Tiếng Anh lớp 2 lên lớp 3 : Hệ thống kiến thức năm học lớp 2 theo sơ đồ tư duy... / Hương Lê b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 67 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 40000đ. - 2000b s607339

820. Ôn hè Toán 1 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Vũ Quốc Chung (ch.b.), Chu Thị Huyền, Trần Thị Thuý Quỳnh. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 59 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 45000đ. - 10000b s607452

821. Ôn kiến thức, rèn kỹ năng Tiếng Anh 1 : Giúp em học ôn trong hè : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Quốc Tuấn (ch.b.), Nguyễn Quốc Anh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 36 tr. : minh họa ; 27 cm. - 29800đ. - 9000b s607231
822. Ôn kiến thức, rèn kỹ năng Tiếng Anh 2 : Giúp em học ôn trong hè : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Quốc Tuấn (ch.b.), Nguyễn Quốc Anh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 36 tr. : minh họa ; 27 cm. - 29800đ. - 9000b s607232
823. Ôn kiến thức, rèn kỹ năng Tiếng Anh 3 : Giúp em học ôn trong hè : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Quốc Tuấn (ch.b.), Nguyễn Quốc Anh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 44 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 29800đ. - 9000b s607233
824. Ôn kiến thức, rèn kỹ năng Tiếng Anh 4 : Giúp em học ôn trong hè : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Quốc Tuấn (ch.b.), Nguyễn Quốc Anh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 44 tr. : minh họa ; 27 cm. - 29800đ. - 9000b s607234
825. Ôn kiến thức, rèn kỹ năng Tiếng Anh 5 : Giúp em học ôn trong hè : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Quốc Tuấn, Nguyễn Quốc Anh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 44 tr. : minh họa ; 27 cm. - 29800đ. - 6000b s607235
826. Ôn kiến thức, rèn kỹ năng Tiếng Việt 1 : Giúp em học ôn trong hè : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Phương, Mạc Đăng Khôi. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 40 tr. : minh họa ; 27 cm. - 29800đ. - 9000b s607236
827. Ôn kiến thức, rèn kỹ năng Tiếng Việt 2 : Giúp em học ôn trong hè : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Phương, Mạc Đăng Khôi. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 36 tr. : minh họa ; 27 cm. - 29800đ. - 9000b s607237
828. Ôn kiến thức, rèn kỹ năng Tiếng Việt 3 : Giúp em học ôn trong hè : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Phương, Mạc Đăng Khôi. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 32 tr. : minh họa ; 27 cm. - 29800đ. - 9000b s607238
829. Ôn kiến thức, rèn kỹ năng Tiếng Việt 4 : Giúp em học ôn trong hè : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Phương, Mạc Đăng Khôi. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 36 tr. : minh họa ; 27 cm. - 29800đ. - 9000b s607239
830. Ôn kiến thức, rèn kỹ năng Tiếng Việt 5 : Giúp em học ôn trong hè : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Phương, Mạc Đăng Khôi. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 40 tr. : bảng ; 27 cm. - 29800đ. - 6000b s607240
831. Ôn kiến thức, rèn kỹ năng Toán 1 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 : Giúp em học ôn trong hè / Vũ Thị Ái Nhu, Đào Hồng Hạnh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 40 tr. : minh họa ; 27 cm. - 29800đ. - 9000b s605997
832. Ôn kiến thức, rèn kỹ năng Toán 2 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 : Giúp em học ôn trong hè / Vũ Thị Ái Nhu, Đào Hồng Hạnh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 48 tr. : minh họa ; 27 cm. - 29800đ. - 9000b s605983
833. Ôn kiến thức, rèn kỹ năng Toán 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 : Giúp em học ôn trong hè / Nguyễn Việt An. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 44 tr. : minh họa ; 27 cm. - 29800đ. - 9000b s605996
834. Ôn kiến thức, rèn kỹ năng Toán 4 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 : Giúp em học ôn trong hè / Nguyễn Việt An. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 44 tr. : minh họa ; 27 cm. - 29800đ. - 9000b s605998

835. Ôn kiến thức, rèn kỹ năng Toán 5 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 : Giúp em học ôn trong hè / Nguyễn Việt An. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 40 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 29800đ. - 6000b s607241

836. Ôn luyện trong hè dành cho học sinh lớp 1: Toán - Tiếng Việt - Kỹ năng sống / Trần Diên Hiền, Mai Bá Bắc, Lê Phương Nga, Lê Thị Chi. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 83 tr. : minh họa ; 24 cm. - 30000đ. - 1000b s606918

837. Ôn luyện trong hè dành cho học sinh lớp 2: Toán - Tiếng Việt - Kỹ năng sống / Trần Diên Hiền, Lê Phương Nga, Lê Thị Chi. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 87 tr. : minh họa ; 24 cm. - 30000đ. - 1000b s606919

838. Ôn luyện trong hè dành cho học sinh lớp 3: Toán - Tiếng Việt - Kỹ năng sống / Trần Diên Hiền, Trần Thị Mai, Lê Thị Chi. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 83 tr. : minh họa ; 24 cm. - 30000đ. - 1000b s606920

839. Ôn luyện trong hè dành cho học sinh lớp 4: Toán - Tiếng Việt - Kỹ năng sống / Trần Diên Hiền, Trần Thị Mai, Lê Thị Chi. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 87 tr. : minh họa ; 24 cm. - 30000đ. - 2000b s606921

840. Ôn luyện, kiểm tra đánh giá năng lực môn Toán 1 / Lê Như Mai, Nguyễn Mạnh Hải, Nguyễn Đức Hùng. - Tái bản lần 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 25000đ. - 2000b T.2. - 2025. - 48 tr. : hình vẽ, bảng s607364

841. Ôn tập hè Tiếng Việt 2 và làm quen với chương trình cơ bản Tiếng Việt 3 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Lê Thị Nguyên, Trần Minh Khuê, Nguyễn Bảo Khang... - H. : Dân trí, 2025. - 64 tr. : minh họa ; 27 cm. - 45000đ. - 5000b s605950

842. Ôn tập hè Tiếng Việt 3 : Ôn luyện và củng cố kiến thức chuẩn bị lên lớp 4 / Nguyễn Thị Hồng Nga, Trương Thu Trang. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 48 tr. : hình vẽ, ảnh ; 29 cm. - 37000đ. - 9000b s607384

843. Ôn tập hè Tiếng Việt 3 và làm quen với chương trình cơ bản Tiếng Việt 4 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Lê Thị Nguyên, Trần Minh Khuê, Nguyễn Bảo Khang... - H. : Dân trí, 2025. - 56 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 45000đ. - 5000b s605951

844. Ôn tập hè Tiếng Việt 4 và làm quen với chương trình cơ bản Tiếng Việt 5 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Lê Thị Nguyên, Trần Minh Khuê, Nguyễn Bảo Khang... - H. : Dân trí, 2025. - 59 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 45000đ. - 5000b s605952

845. Ôn tập hè Tiếng Việt 5 và tiếp cận với chương trình cơ bản Ngữ văn 6 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Lê Thị Nguyên, Trần Minh Khuê, Nguyễn Bảo Khang... - H. : Dân trí, 2025. - 63 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 48000đ. - 5000b s605953

846. Phạm Thế Kiên. Quản lý dựa trên nhà trường: Nghiên cứu tại các trường phổ thông ở Việt Nam / Phạm Thế Kiên (ch.b.), Trương Đình Thắng. - Huế : Đại học Huế, 2025. - 175 tr. : bảng, sơ đồ ; 24 cm. - 130000đ. - 50b

Thư mục: tr. 166-175 s606372

847. Phát triển IQ cho bé - Bé làm quen chữ cái : 3 - 4 tuổi / Thuỳ Trang. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b

T.1. - 2025. - 16 tr. : hình vẽ s607001

848. Phát triển IQ cho bé - Bé làm quen chữ cái : 3 - 4 tuổi / Thủy Trang. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b
T.2. - 2025. - 16 tr. : hình vẽ s607002
849. Phát triển IQ cho bé - Bé làm quen hình dạng và màu sắc : 3 - 4 tuổi / Thủy Trang. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s606996
850. Phát triển IQ cho bé - Bé làm quen Toán : 3 - 4 tuổi / Thủy Trang. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b
T.1. - 2025. - 16 tr. : hình vẽ s606998
851. Phát triển IQ cho bé - Bé làm quen Toán : 3 - 4 tuổi / Thủy Trang. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b
T.2. - 2025. - 16 tr. : hình vẽ s606999
852. Phát triển IQ cho bé - Bé tập so sánh : 3 - 4 tuổi / Thủy Trang. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s606997
853. Phát triển IQ cho bé - Tìm quy luật : 3 - 4 tuổi / Thủy Trang. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s607000
854. Phát triển IQ cho bé - Tư duy logic : 3 - 4 tuổi / Thủy Trang. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s607003
855. Phát triển năng lực trong môn Tiếng Việt lớp 4 / Trần Hải Toàn, Lê Thu Hà, Nguyễn Thị Thủy. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Nxb. Hà Nội. - 26 cm. - 32000đ. - 6000b
T.1. - 2025. - 83 tr. : minh hoạ s606359
856. Phát triển năng lực trong môn Tiếng Việt lớp 4 / Trần Hải Toàn, Lê Thu Hà, Nguyễn Thị Thủy. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Nxb. Hà Nội. - 26 cm. - 32000đ. - 6000b
T.2. - 2025. - 83 tr. : minh hoạ s606360
857. Phát triển trí thông minh Toán 4 : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành : Giúp học sinh tự học, rèn luyện mỗi ngày / Nguyễn Ngọc Lan, Nguyễn Thanh Thủy, Ngô Thị Thu Huyền... - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 63 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 55000đ. - 10000b s607376
858. Phát triển trí tuệ : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục mầm non mới : Dành cho bé 4 - 5 tuổi / Hà Phương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Kiến nâu). - 10500đ. - 5000b s606971
859. Phát triển tư duy : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục mầm non mới : Dành cho bé 5 - 6 tuổi / Phạm Thị Thanh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Kiến nâu). - 10500đ. - 5000b
Q.1. - 2025. - 15 tr. : hình vẽ s606954
860. Phát triển tư duy : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục mầm non mới : Dành cho bé 5 - 6 tuổi / Phạm Thị Thanh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Kiến nâu). - 10500đ. - 5000b
Q.2. - 2025. - 15 tr. : hình vẽ s606955
861. Phiếu bài tập cuối tuần phát triển năng lực Tiếng Việt 1 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Vũ Lan Chi, Trịnh Thị Hương, Trần Thị Phương Thảo. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 72 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 39000đ. - 1000b s605939
862. Phiếu tự đánh giá cuối tuần và kiểm tra định kì môn Tiếng Việt 1 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Cánh Diều / Trần Thị Mai (ch.b.), Trần Hải Toàn, Nguyễn Thị Thủy,

Nguyễn Huyền Trang. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 75 tr. : bảng ; 27 cm. - 48000đ. - 3000b s607298

863. Phiếu tự đánh giá cuối tuần và kiểm tra định kì môn Tiếng Việt 2 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Cánh Diều / Trần Thị Mai (ch.b.), Trần Hải Toàn, Nguyễn Thị Thuý, Nguyễn Huyền Trang. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 76 tr. : bảng ; 27 cm. - 48000đ. - 3000b s607299

864. Phiếu tự đánh giá cuối tuần và kiểm tra định kì môn Tiếng Việt 3 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Cánh Diều / Trần Thị Mai (ch.b.), Trần Hải Toàn, Nguyễn Thị Thuý, Nguyễn Huyền Trang. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 79 tr. : bảng ; 27 cm. - 48000đ. - 3000b s607300

865. Phiếu tự đánh giá cuối tuần và kiểm tra định kì môn Tiếng Việt 4 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Cánh Diều / Trần Thị Mai (ch.b.), Trần Hải Toàn, Nguyễn Thị Thuý, Nguyễn Huyền Trang. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 79 tr. : bảng ; 26 cm. - 48000đ. - 3000b s606914

866. Phiếu tự đánh giá cuối tuần và kiểm tra định kì môn Toán 2 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Cánh Diều / Hoàng Mai Lê (ch.b.), Lê Thu Huyền, Phan Duy Nghĩa, Trần Thị Thu. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 79 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 48000đ. - 3000b s607289

867. Phiếu tự đánh giá cuối tuần và kiểm tra định kì môn Toán 3 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Cánh Diều / Hoàng Mai Lê (ch.b.), Lê Thu Huyền, Phan Duy Nghĩa, Trần Thị Thu. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 79 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 48000đ. - 3000b s607290

868. Phiếu tự đánh giá cuối tuần và kiểm tra định kì môn Toán 4 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Cánh Diều / Hoàng Mai Lê (ch.b.), Lê Thu Huyền, Phan Duy Nghĩa, Trần Thị Thu. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 83 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 48000đ. - 3000b s607291

869. Phiếu tự đánh giá cuối tuần và kiểm tra định kì môn Toán 5 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Cánh Diều / Hoàng Mai Lê (ch.b.), Lê Thu Huyền, Phan Duy Nghĩa, Trần Thị Thu. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 83 tr. : minh hoạ ; 26 cm. - 48000đ. - 3000b s606915

870. Phương Quân. Cách mạng học tập với AI : Ứng dụng công nghệ để x10 hiệu quả học tập / Phương Quân, Trương Hoa ; Ymate dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 443 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 182000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 重新学会学习: 善用AI新工具10倍提效 s607980

871. Rèn kĩ năng giải Toán lớp 4 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Trần Thị Kim Cương, Đặng Phương Hoa, Phạm Thị Yến. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 90000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 207 tr. : hình vẽ s607375

872. Rèn kĩ năng học tốt Toán 3 : Hỗ trợ phát triển năng lực giải toán / Trần Thị Kim Cương, Tạ Hoàng Đồng. - Tái bản lần 7. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 245 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 95000đ. - 3000b s607446

873. Rèn kỹ năng viết chữ đẹp - Rèn chính tả : Dành cho học sinh tiểu học và người yêu chữ / Hương Giang, Trung Anh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 48 tr. ; 24 cm. - 48000đ. - 7000b s606930

874. Sổ theo dõi sức khoẻ trẻ mẫu giáo : Dành cho trẻ từ 3 đến 6 tuổi : Dùng trong các cơ sở giáo dục mầm non / Nguyễn Minh Huyền, Nguyễn Thị Hải Yến. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 36 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 10500đ. - 1000b s608055

875. Tài liệu chuyên đề Giáo dục nếp sống thanh lịch, văn minh cho học sinh Hà Nội : Dành cho học sinh lớp 1 / B.s.: Phạm Xuân Tiên, Mai Nhị Hà, Nguyễn Thị Thu Huyền... - Tái bản. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 35 tr. : bảng, tranh màu ; 24 cm. - 15000đ. - 25010b
ĐTTS ghi: Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội s607047

876. Take note! Toán 5 : Dành cho cả 3 bộ sách giáo khoa mới: Cánh Diều - Kết nối tri thức với cuộc sống - Chân trời sáng tạo / Mai Quỳnh (ch.b.), Thanh Lan. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 66 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 65000đ. - 10000b s607045

877. Take notes Tiếng Việt 4 / Thủy Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 37 tr. : hình vẽ ; 20 cm. - 70000đ. - 10000b s606779

878. Take notes Toán 2 - 3 / Thủy Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 34 tr. : minh họa ; 20 cm. - 60000đ. - 10000b s606775

879. Take notes Toán 4 / Thủy Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 41 tr. : hình vẽ, bảng ; 20 cm. - 60000đ. - 10000b s606776

880. Take notes Toán 5 / Thủy Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 32 tr. : hình vẽ ; 20 cm. - 60000đ. - 10000b s606777

881. Tập tô chữ : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 32 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 13000đ. - 10000b s606986

882. Tập tô chữ : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 32 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 13000đ. - 10000b s606974

883. Tập tô chữ : Mẫu giáo 4 - 5 tuổi / Thiện Lộc, Minh Nguyệt. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 23 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 10000đ. - 5000b s607827

884. Tập tô chữ : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục mầm non mới : Dành cho bé 4 - 5 tuổi / Hà Phương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Kiến nâu). - 10500đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 15 tr. : tranh màu s607022

885. Tập tô chữ : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục mầm non mới : Dành cho bé 4 - 5 tuổi / Hà Phương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Kiến nâu). - 10500đ. - 5000b
T.2. - 2025. - 16 tr. : hình vẽ s606967

886. Tập tô chữ 1 : Bé luyện viết theo mẫu chữ mới / Thiện Lộc, Minh Nguyệt. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 24 cm. - 10000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 23 tr. : tranh vẽ s607824

887. Tập tô màu nhà trẻ - Các loại quả : Song ngữ Anh - Việt / Ngô Minh Hiếu b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 5000b s607019

888. Tập tô màu nhà trẻ - Đồ chơi của bé : Song ngữ Anh - Việt / Ngô Minh Hiếu b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 5000b s607018

889. Tập tô màu nhà trẻ - Đồ dùng của bé : Song ngữ Anh - Việt / Ngô Minh Hiếu b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 5000b s607015

890. Tập tô màu nhà trẻ - Động vật đại dương : Song ngữ Anh - Việt / Ngô Minh Hiếu b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 5000b s607017

891. Tập tô màu nhà trẻ - Động vật hoang dã : Song ngữ Anh - Việt / Ngô Minh Hiếu b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 5000b s607016

892. Tập tô màu nhà trẻ - Động vật nuôi : Song ngữ Anh - Việt / Ngô Minh Hiếu b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 5000b s607013

893. Tập tô màu nhà trẻ - Phương tiện giao thông : Song ngữ Anh - Việt / Ngô Minh Hiếu b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 5000b s607020
894. Tập tô màu nhà trẻ - Rau củ quả : Song ngữ Anh - Việt / Ngô Minh Hiếu b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 5000b s607014
895. Tập tô nét cơ bản / Thiện Lộc, Minh Nguyệt. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 23 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 10000đ. - 5000b s607823
896. Tập tô nét cơ bản : Dành cho trẻ chuẩn bị vào lớp Một / Lê Tuệ Minh, Lê Thu Ngọc. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 23 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bé vào lớp Một). - 10000đ. - 10000b s607916
897. Tập tô nét cơ bản : Luyện viết theo mẫu chữ mới / Hà Phương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bé vào Lớp 1)(Tủ sách Cầu vồng). - 10500đ. - 5000b s606961
898. Tập tô số / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 10000b s606987
899. Tập tô số : Luyện viết theo mẫu chữ mới / Hà Phương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bé vào Lớp 1)(Tủ sách Cầu vồng). - 10500đ. - 5000b s606963
900. Tập tô số 1 : Bé luyện viết theo mẫu chữ mới / Thiện Lộc, Minh Nguyệt. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 23 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 10000đ. - 5000b s607826
901. Tập tô tập viết : Luyện viết theo mẫu chữ mới / Hà Phương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bé vào Lớp 1)(Tủ sách Cầu vồng). - 10500đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 15 tr. : hình vẽ s606958
902. Tập tô tập viết : Luyện viết theo mẫu chữ mới / Hà Phương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bé vào Lớp 1)(Tủ sách Cầu vồng). - 10500đ. - 5000b
T.2. - 2025. - 15 tr. : hình vẽ s606962
903. Tập viết 1 / Nguyễn Thị Thơm, Đặng Thị Huệ. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 3500b
T.1. - 2025. - 40 tr. s607718
904. Tập viết 1 / Nguyễn Thị Thơm, Đặng Thị Huệ. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 36 tr. s607712
905. Tập viết 1 / Nguyễn Thị Thơm, Đặng Thị Huệ. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 3500b
T.2. - 2025. - 28 tr. s607719
906. Tập viết 1 / Nguyễn Thị Thơm, Đặng Thị Huệ. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 40 tr. s607713
907. Tập viết 2 / Nguyễn Lan Anh (ch.b.), Lê Minh Hà. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 3500b
T.1. - 2025. - 40 tr. s607720
908. Tập viết 2 / Nguyễn Lan Anh (ch.b.), Lê Minh Hà, Nguyễn Đức Hùng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 36 tr. s607714

909. Tập viết 2 / Nguyễn Lan Anh (ch.b.), Lê Minh Hà. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 3500b
T.2. - 2025. - 36 tr. s607721
910. Tập viết 2 / Nguyễn Lan Anh (ch.b.), Lê Minh Hà, Nguyễn Đức Hùng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 36 tr. s607715
911. Tập viết 3 / Đặng Như Quỳnh (ch.b.), Nguyễn Thuý Hoài, Nguyễn Thanh Huyền. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 3500b
T.1. - 2025. - 36 tr. s607722
912. Tập viết 3 / Đặng Thị Như Quỳnh (ch.b.), Nguyễn Thuý Hoài, Nguyễn Thanh Huyền. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 36 tr. s607716
913. Tập viết 3 / Đặng Như Quỳnh (ch.b.), Nguyễn Thuý Hoài, Nguyễn Thanh Huyền. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 32 tr. : hình vẽ s607717
914. Tập viết 3 / Đặng Như Quỳnh (ch.b.), Nguyễn Thuý Hoài, Nguyễn Thanh Huyền. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 3500b
T.2. - 2025. - 36 tr. s607723
915. Tập viết chữ hoa cỡ nhỏ, theo nhóm : Dành cho học sinh tiểu học / Thuý Hà, Thanh Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 44 tr. ; 24 cm. - (Luyện viết đúng, viết đẹp). - 18000đ. - 5000b s606948
916. Thu Thủy. Sổ tay Hướng dẫn bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lí và giáo viên mầm non theo quy định hiện nay / Thu Thủy, Lê Mỹ Dung. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 47 tr. : biểu đồ ; 21 cm. - 15000đ. - 2000b
Phụ lục: tr. 18-45. -Thư mục: tr. 46-47 s608058
917. Thực hành Mĩ thuật lớp 1 / Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Thị Nhung (ch.b.), Phạm Văn Thuận... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 39 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 20000đ. - 9000b s607227
918. Thực hành Mĩ thuật lớp 2 / Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Thị Nhung (ch.b.), Phạm Văn Thuận... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 39 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 20000đ. - 3000b s607228
919. Thực hành Mĩ Thuật lớp 3 / Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Thị Nhung (ch.b.), Phạm Văn Thuận... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 39 tr. : minh hoạ ; 26 cm. - 20000đ. - 3000b s606909
920. Thực hành Mĩ thuật lớp 4 / Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Thị Nhung (ch.b.), Phạm Văn Thuận... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 39 tr. : minh hoạ ; 26 cm. - 20000đ. - 9000b s607229
921. Thực hành Mĩ thuật lớp 5 / Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Thị Nhung (ch.b.), Phạm Văn Thuận... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 39 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 20000đ. - 9000b s607230
922. Thực hành Tiếng Việt 4 / Đặng Kim Nga (ch.b.), Vũ Trọng Đông, Nguyễn Khánh Hà. - Tái bản lần thứ 2. - Huế : Đại học Huế. - 24 cm. - (Cánh Diều). - 30000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 103 tr. : minh hoạ s606389

923. Thực hành Tiếng Việt 5 / Đặng Kim Nga (ch.b.), Nguyễn Hoàng Mỹ Anh, Vũ Trọng Đông... - Tái bản lần thứ 1. - Huế : Đại học Huế. - 24 cm. - (Cánh Diều). - 30000đ. - 5000b
T.2. - 2025. - 103 tr. : minh hoạ s606390
924. Thực hành trải nghiệm Tiếng Việt 1 / Lương Thị Hiền (ch.b.), Thạch Lan Anh. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 39000đ. - 7000b
T.1. - 2025. - 79 tr. : bảng, tranh vẽ s607389
925. Thực hành trải nghiệm Tiếng Việt 1 / Lương Thị Hiền (ch.b.), Thạch Lan Anh. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 35000đ. - 7000b
T.2. - 2025. - 72 tr. : bảng, tranh vẽ s607390
926. Thực hành trải nghiệm Tiếng Việt 2 / Lương Thị Hiền (ch.b.), Thạch Lan Anh, Nguyễn An Nguyên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 35000đ. - 7000b
T.1. - 2025. - 82 tr. : bảng, tranh vẽ s607391
927. Thực hành trải nghiệm Tiếng Việt 2 / Lương Thị Hiền (ch.b.), Thạch Lan Anh, Nguyễn An Nguyên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 36000đ. - 7000b
T.2. - 2025. - 88 tr. : bảng, tranh vẽ s607392
928. Thực hành trải nghiệm Tiếng Việt 3 / Lương Thị Hiền (ch.b.), Thạch Lan Anh, Dương Thị Hương, Nguyễn An Nguyên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 39000đ. - 7000b
T.1. - 2025. - 92 tr. : bảng, tranh vẽ s607393
929. Thực hành trải nghiệm Tiếng Việt 3 / Lương Thị Hiền (ch.b.), Dương Thị Hương, Võ Thanh Hà, Nguyễn An Nguyên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 35000đ. - 7000b
T.2. - 2025. - 84 tr. : bảng, tranh vẽ s607394
930. Thực hành trải nghiệm Tiếng Việt 4 / Lương Thị Hiền (ch.b.), Thạch Lan Anh, Dương Thị Hương, Trần Thị Lơ. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 33000đ. - 7000b
T.1. - 2025. - 80 tr. : minh hoạ s607395
931. Thực hành trải nghiệm Tiếng Việt 4 / Lương Thị Hiền (ch.b.), Dương Thị Hương, Võ Thanh Hà, Phạm Thị Xuyên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 36000đ. - 7000b
T.2. - 2025. - 88 tr. : bảng, tranh vẽ s607396
932. Thực hành trải nghiệm Tiếng Việt 5 / Lương Thị Hiền (ch.b.), Thạch Lan Anh, Dương Thị Hương, Trần Thị Lơ. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 39000đ. - 7000b
T.1. - 2025. - 91 tr. : minh hoạ s607397
933. Thực hành trải nghiệm Tiếng Việt 5 / Lương Thị Hiền (ch.b.), Dương Thị Hương, Võ Thanh Hà, Phạm Thị Xuyên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 43000đ. - 7000b
T.2. - 2025. - 99 tr. : bảng, tranh vẽ s607398
934. Thực hành trải nghiệm Toán 1 / Trần Thị Kim Cương, Đặng Phương Hoa, Nguyễn Thị Minh Hồng, Ngô Văn Nghi. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 49000đ. - 7000b
T.1. - 2025. - 99 tr. : hình vẽ, bảng s607405
935. Thực hành trải nghiệm Toán 1 / Trần Thị Kim Cương, Đặng Phương Hoa, Nguyễn Thị Minh Hồng, Ngô Văn Nghi. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 41000đ. - 7000b
T.2. - 2025. - 83 tr. : hình vẽ, bảng s607406
936. Thực hành trải nghiệm Toán 2 / Trần Thị Kim Cương, Đặng Phương Hoa, Nguyễn Thị Minh Hồng, Ngô Văn Nghi. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 49000đ. - 7000b
T.1. - 2025. - 116 tr. : hình vẽ, bảng s607407
937. Thực hành trải nghiệm Toán 2 / Trần Thị Kim Cương, Đặng Phương Hoa, Nguyễn Thị Minh Hồng, Ngô Văn Nghi. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 49000đ. - 7000b

- T.2. - 2025. - 115 tr. : hình vẽ, bảng s607408
938. Thực hành trải nghiệm Toán 3 / Trần Thị Kim Cương, Đặng Phương Hoa, Nguyễn Thị Minh Hồng, Ngô Văn Nghi. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 49000đ. - 7000b
T.1. - 2025. - 115 tr. : hình vẽ, bảng s607409
939. Thực hành trải nghiệm Toán 3 / Trần Thị Kim Cương, Đặng Phương Hoa, Nguyễn Thị Minh Hồng, Ngô Văn Nghi. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 47000đ. - 7000b
T.2. - 2025. - 112 tr. : hình vẽ, bảng s607410
940. Thực hành trải nghiệm Toán 4 / Trần Thị Kim Cương, Đặng Phương Hoa, Nguyễn Thị Minh Hồng, Ngô Văn Nghi. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 50000đ. - 7000b
T.1. - 2025. - 120 tr. : hình vẽ, bảng s607411
941. Thực hành trải nghiệm Toán 4 / Trần Thị Kim Cương, Đặng Phương Hoa, Nguyễn Thị Minh Hồng, Ngô Văn Nghi. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 49000đ. - 7000b
T.2. - 2025. - 116 tr. : hình vẽ, bảng s607412
942. Thực hành trải nghiệm Toán 5 / Trần Thị Kim Cương, Đặng Phương Hoa, Nguyễn Thị Minh Hồng, Ngô Văn Nghi. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 49000đ. - 7000b
T.1. - 2025. - 115 tr. : hình vẽ, bảng s607413
943. Thực hành trải nghiệm Toán 5 / Trần Thị Kim Cương, Đặng Phương Hoa, Nguyễn Thị Minh Hồng, Ngô Văn Nghi. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 50000đ. - 7000b
T.2. - 2025. - 120 tr. : hình vẽ, bảng s607414
944. Tiếng Anh 1 - Extra and Friends - Vở tập viết : Luyện tập và củng cố từ vựng, ngữ pháp. Ôn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết. - Huế : Đại học Huế, 2025. - 52 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 28000đ. - 3000b s605999
945. Tiếng Việt lớp 1 : Dành cho buổi học thứ hai / Đặng Thị Hảo Tâm (ch.b.), Trần Thọ Xương, Vũ Thị Lan... - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 29000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 68 tr. : minh hoạ s607315
946. Tiếng Việt lớp 1 : Dành cho buổi học thứ hai / Đặng Thị Hảo Tâm (ch.b.), Trần Thọ Xương, Vũ Thị Lan... - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 29000đ. - 3000b
T.2. - 2025. - 68 tr. : minh hoạ s607316
947. Tiếng Việt tiền Tiểu học : Dành cho bé 3 - 6 tuổi : Bài tập ứng dụng Âm - Vần - Tiếng - Từ - Câu... / Nguyễn Thị Hạnh, Dương Thị Mai. - H. : Nxb. Hà Nội. - 29 cm. - (Tự tin bước vào Lớp 1). - 60000đ. - 5000b
Q.2. - 2025. - 76 tr. : minh hoạ s607337
948. Tin học 3 / Lê Khắc Thành (ch.b.), Nguyễn Tân Ân, Ngô Thị Tú Quyên... - Tái bản lần thứ 1. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 79 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Rô-bốt thông minh). - 11900đ. - 50000b s607614
949. Tin học 4 / Lê Khắc Thành (tổng ch.b.), Trịnh Đình Thắng (ch.b.), Ngô Thị Tú Quyên... - Tái bản lần thứ 1. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 95 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Rô-bốt thông minh). - 11900đ. - 50000b s607615
950. Tin học 5 / Lê Khắc Thành (tổng ch.b.), Trịnh Đình Thắng (ch.b.), Ngô Thị Tú Quyên... - Tái bản lần thứ 1. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 99 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Rô-bốt thông minh). - 11000đ. - 50000b s607616
951. Toán lớp 1 : Dành cho buổi học thứ hai / Trần Diên Hiền, Vương Thị Kim Liên. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 29000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 64 tr. : minh hoạ s607262

952. Toán lớp 1 : Dành cho buổi học thứ hai / Trần Diên Hiên, Vương Thị Kim Liên. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 29000đ. - 3000b
T.2. - 2025. - 64 tr. : minh hoạ s607263
953. Toán nâng cao 3 : Bồi dưỡng học sinh khá, giỏi... / Huỳnh Bảo Châu, Lê Quang, Tô Hoài Phong. - H. : Dân trí, 2025. - 119 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 63000đ. - 5000b s605942
954. Toán nâng cao lớp 4 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dành chung cho các bộ sách giáo khoa hiện hành / Trần Thị Kim Cương, Hồ Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Bích Loan, Ngô Văn Nghi. - In lần 2. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 111 tr. : bảng, biểu đồ ; 27 cm. - 89000đ. - 2500b s607352
955. Toán tiền tiểu học : Phát triển tư duy : Cho bé 5 - 6 tuổi, chuẩn bị vào lớp 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Thanh Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 64 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Hành trang cho bé vào Lớp 1). - 50000đ. - 5000b s607255
956. Tô màu / Hà Phương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bé vào Lớp 1)(Tủ sách Cầu vồng). - 10500đ. - 5000b s606964
957. Tô màu kỹ năng sống : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục mầm non mới : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ học mẫu giáo / Nguyễn Quang Vũ b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Cầu vồng). - 10000đ. - 5000b s606981
958. Tổng hợp đề thi Toán lớp 4 - Kì II. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 34 tr. : minh hoạ ; 26 cm. - 1500b
Đầu bìa sách ghi: Công ty Cổ phần Giáo dục Educa Corporation s605802
959. Trần Văn Đạt. Phương pháp nghiên cứu Khoa học giáo dục - Tiến trình thực hiện một nghiên cứu / Trần Văn Đạt. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 602 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 310000đ. - 200b
Thư mục: tr. 591-602 s607812
960. Trần Xuân Tuyết. Trường Thành Chung - Lê Hồng Phong Nam Định (1920 - 2025) / Trần Xuân Tuyết. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 483 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 200000đ. - 500b
Thư mục: tr. 479 s606772
961. Trọn bộ Tiếng Việt - Luyện đọc, đọc mở rộng 1 / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 10000đ. - 5000b s607188
962. Trọn bộ Tiếng Việt - Luyện từ và câu 1 / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 24 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 10000đ. - 5000b s607190
963. Trọn bộ Tiếng Việt - Luyện từ và câu 2 : Theo Chương trình SGK Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 10000đ. - 5000b s607191
964. Trọn bộ Tiếng Việt - Luyện từ và câu 3 : Theo Chương trình SGK Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 10000đ. - 5000b s607202
965. Trọn bộ Tiếng Việt - Mở rộng vốn từ 1 / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 10000đ. - 5000b s607187
966. Trọn bộ Tiếng Việt - Mở rộng vốn từ 2 : Tổng hợp, giải nghĩa ca dao, tục ngữ, thành ngữ Việt Nam : Theo Chương trình SGK Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 10000đ. - 5000b s607195

967. Trọn bộ Tiếng Việt - Mở rộng vốn từ 3 : Tổng hợp, giải nghĩa ca dao, tục ngữ, thành ngữ Việt Nam : Theo Chương trình SGK Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 10000đ. - 5000b s607198

968. Trọn bộ Tiếng Việt - Tập làm văn 2 : 78 bài văn mẫu trọn bộ cả năm : Theo Chương trình SGK Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 5000b s607194

969. Trọn bộ Tiếng Việt - Tập làm văn 3 : 72 bài văn mẫu trọn bộ cả năm : Theo Chương trình SGK Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 5000b s607197

970. Trọn bộ Tiếng Việt - Truyện đọc, đọc mở rộng 2 : Theo Chương trình SGK Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 10000đ. - 5000b s607193

971. Trọn bộ Tiếng Việt - Truyện đọc, đọc mở rộng 3 : Theo Chương trình SGK Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 5000b s607200

972. Trọn bộ Tiếng Việt - Vở bài tập Chính tả 1 / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 10000đ. - 5000b s607186

973. Trọn bộ Tiếng Việt - Vở bài tập Chính tả 2 : Theo Chương trình SGK Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 12 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 10000đ. - 5000b s607196

974. Trọn bộ Tiếng Việt - Vở bài tập Chính tả 3 : Theo Chương trình SGK Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 12 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 10000đ. - 5000b s607199

975. Trọn bộ Tiếng Việt - Vở luyện viết Chính tả 3 : Theo Chương trình SGK Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. ; 27 cm. - 10000đ. - 5000b s607201

976. Trọn bộ Tiếng Việt - Vở tập viết Chính tả 1 / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 24 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 10000đ. - 5000b s607189

977. Trọn bộ Tiếng Việt - Vở tập viết chữ hoa 2 : Theo Chương trình SGK Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. ; 27 cm. - 10000đ. - 5000b s607192

978. Trọn bộ Toán lớp 2 - Chuyên đề Các số trong phạm vi 1000 : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : bảng ; 27 cm. - 10000đ. - 5000b s607209

979. Trọn bộ Toán lớp 2 - Chuyên đề Giải bài toán có lời văn : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. ; 27 cm. - 10000đ. - 5000b s607203

980. Trọn bộ Toán lớp 2 - Chuyên đề Hình học, đo lường : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 10000đ. - 5000b s607205

981. Trọn bộ Toán lớp 2 - Chuyên đề Làm quen với yếu tố thống kê, xác suất : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 10000đ. - 5000b s607204
982. Trọn bộ Toán lớp 2 - Chuyên đề Phép cộng, phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : bảng ; 27 cm. - 10000đ. - 5000b s607207
983. Trọn bộ Toán lớp 2 - Chuyên đề Phép cộng, phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 100 : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : bảng ; 27 cm. - 10000đ. - 5000b s607208
984. Trọn bộ Toán lớp 2 - Chuyên đề Phép cộng, phép trừ trong phạm vi 1000 : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : bảng ; 27 cm. - 10000đ. - 5000b s607210
985. Trọn bộ Toán lớp 2 - Chuyên đề Phép nhân, phép chia : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : bảng ; 27 cm. - 10000đ. - 5000b s607206
986. Trọn bộ Toán lớp 3 - Chuyên đề Chu vi và diện tích các hình : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : bảng ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s607214
987. Trọn bộ Toán lớp 3 - Chuyên đề Gấp một số lên một số lần, giảm một số đi một số lần, so sánh số lớn gấp mấy lần số bé : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : bảng ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s607212
988. Trọn bộ Toán lớp 3 - Chuyên đề Giải bài toán bằng hai bước tính : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : bảng ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s607213
989. Trọn bộ Toán lớp 3 - Chuyên đề Luyện tập kỹ năng cộng trừ, nhân chia trong phạm vi 100000 : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : bảng ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s607215
990. Trọn bộ Toán lớp 3 - Chuyên đề Phép nhân, phép chia trong phạm vi 1000 : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : bảng ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s607218
991. Trọn bộ Toán lớp 3 - Chuyên đề Thành thực bảng nhân, bảng chia 3, 4, 6, 7, 8, 9 : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : bảng ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s607216
992. Trọn bộ Toán lớp 3 - Chuyên đề Thống kê và xác suất : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : bảng ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s607211
993. Trọn bộ Toán lớp 3 - Chuyên đề Tìm thành phần chưa biết trong phép tính, tính giá trị của biểu thức : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : bảng ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s607217
994. Trọn bộ Toán lớp 4 - Chuyên đề Cộng, trừ, nhân, chia phân số : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : bảng ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s607226

995. Trọn bộ Toán lớp 4 - Chuyên đề Giải bài toán có lời văn : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : bìa ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s607221

996. Trọn bộ Toán lớp 4 - Chuyên đề Hình học và đo lường. Làm quen với yếu tố thống kê - xác suất : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : bìa ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s607220

997. Trọn bộ Toán lớp 4 - Chuyên đề Phân số, rút gọn phân số, quy đồng và so sánh phân số : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : bìa ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s607224

998. Trọn bộ Toán lớp 4 - Chuyên đề Phép cộng, phép trừ các số có nhiều chữ số. Phép nhân, phép chia các số có nhiều chữ số : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : bìa ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s607219

999. Trọn bộ Toán lớp 4 - Chuyên đề Tìm hai số khi biết tổng và hiệu : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : bìa ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s607222

1000. Trọn bộ Toán lớp 4 - Chuyên đề Tìm số trung bình cộng và các bài toán liên quan : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : bìa ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s607223

1001. Trọn bộ Toán lớp 4 - Chuyên đề Tính nhanh, tính bằng cách thuận tiện, tính giá trị của biểu thức : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : bìa ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s607225

1002. Tuyển chọn 400 bài tập Toán 3 : Dành chung cho các bộ SGK hiện hành / Trần Thị Kim Cương, Hồ Thị Thu Hương, Ngô Văn Nghi, Phạm Thị Yến. - In lần thứ 3. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 74 tr. : hình vẽ, bìa ; 27 cm. - 69000đ. - 4000b s605938

1003. Tuyển chọn đề ôn luyện và tự kiểm tra Toán 1 : Ôn tập lý thuyết và bổ sung bài tập ngoài giờ / Trần Thị Kim Cương. - Tái bản lần 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 215 tr. : hình vẽ, bìa ; 27 cm. - 85000đ. - 3000b s607441

1004. Tuyển chọn đề ôn luyện và tự kiểm tra Toán 3 : Ôn tập lý thuyết và bổ sung bài tập ngoài giờ / Trần Thị Kim Cương. - Tái bản lần 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 215 tr. : hình vẽ, bìa ; 27 cm. - 85000đ. - 3000b s607448

1005. Tuyển chọn những bài văn miêu tả 4 : Suru tầm và tuyển chọn / Tạ Đức Hiền, Ngô Thu Yến, Nguyễn Minh Hoà... - Tái bản lần 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 127 tr. ; 27 cm. - 55000đ. - 3000b s607377

1006. Tuyển tập các bài toán hay và khó 2 : Dành cho học sinh yêu thích Toán... / Huỳnh Hùng, Lê Quang, Huỳnh Bảo Châu. - H. : Dân trí, 2025. - 102 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 58000đ. - 5000b s605948

1007. Tuyển tập các bài toán hay và khó 4 : Bồi dưỡng học sinh khá, giỏi... / Huỳnh Bảo Châu. - H. : Dân trí, 2025. - 119 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 69000đ. - 5000b s605949

1008. Vở bài tập nâng cao từ và câu lớp 2 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Định hướng phát triển năng lực / Lê Phương Nga (ch.b.), Nguyễn Thị Trang. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 111 tr. : bìa, tranh vẽ ; 24 cm. - 55000đ. - 1000b s607857

1009. Vở bài tập nâng cao từ và câu lớp 3 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Lê Phương Nga (ch.b.), Nguyễn Thị Trang. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 119 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - 59000đ. - 1000b s607858

1010. Vở bài tập thực hành Lịch sử và Địa lí 5 / Nguyễn Thị Dung, Nguyễn Quỳnh Hoa, Nguyễn Thanh Huyền, Nguyễn Bích Liên. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 76 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 25000đ. - 2000b s607419

1011. Vở bài tập thực hành Toán 2 / Nhữ Thị Mai Lan, Nguyễn Lan Hương, Lê Thu Trang, Nguyễn Thị Thu Huyền. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 28000đ. - 6000b

T.2. - 2025. - 71 tr. : minh hoạ s607418

1012. Vở bài tập Tin học 3 / Cao Hồng Huệ (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Phương, Nguyễn Phát Tài... - Tái bản lần thứ 1. - Nghệ An : Đại học Vinh, 2025. - 79 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Kiến tạo công dân toàn cầu). - 20000đ. - 4100b s605791

1013. Vở bài tập Tin học 3 / Lê Khắc Thành (ch.b.), Nguyễn Tân Ân, Ngô Thị Tú Quyên... - Tái bản lần thứ 3. - Nghệ An : Đại học Vinh, 2025. - 91 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 25000đ. - 20000b s607852

1014. Vở bài tập Tin học 3 / Nguyễn Tương Tri (ch.b.), Nguyễn Phúc Xuân Quỳnh, Nguyễn Vũ Đoàn Trang. - Tái bản lần thứ 3. - Huế : Đại học Huế, 2025. - 72 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Cùng khám phá). - 18000đ. - 28000b s605984

1015. Vở bài tập Tin học 4 / Cao Hồng Huệ (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Phương, Nguyễn Phát Tài... - Tái bản lần thứ 1. - Nghệ An : Đại học Vinh, 2025. - 67 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 21000đ. - 3500b s605792

1016. Vở bài tập Tin học 4 / Lê Khắc Thành (tổng ch.b.), Trịnh Đình Thắng (ch.b.), Ngô Thị Tú Quyên... - Tái bản lần thứ 2. - Nghệ An : Đại học Vinh, 2025. - 87 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 24000đ. - 20000b s607853

1017. Vở bài tập Tin học 4 / Nguyễn Tương Tri (ch.b.), Nguyễn Văn Khang, Nguyễn Phúc Xuân Quỳnh, Nguyễn Vũ Đoàn Trang. - Tái bản lần thứ 2. - Huế : Đại học Huế, 2025. - 80 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Cùng khám phá). - 18000đ. - 25000b s605985

1018. Vở bài tập Tin học 5 / Cao Hồng Huệ (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Phương, Nguyễn Phát Tài... - Tái bản lần thứ 1. - Nghệ An : Đại học Vinh, 2025. - 75 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Kiến tạo công dân toàn cầu). - 21000đ. - 2200b s605793

1019. Vở bài tập Tin học 5 / Lê Khắc Thành (tổng ch.b.), Trịnh Đình Thắng (ch.b.), Ngô Thị Tú Quyên... - Tái bản lần thứ 1. - Nghệ An : Đại học Vinh, 2025. - 83 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 24000đ. - 50000b s607854

1020. Vở bài tập Toán nâng cao 5 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới : Hỗ trợ buổi học thứ hai, lớp học 2 buổi/ngày / Nguyễn Ngọc Lan, Nguyễn Thanh Thủy, Ngô Thị Thu Huyền, Dương Thị Hà. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 59000đ. - 10000b

T.2. - 2025. - 78 tr. : minh hoạ s607363

1021. Vở Chính tả 1 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Trần Thị Mai. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 40 tr. ; 24 cm. - 17000đ. - 3000b s606917

1022. Vở Chính tả 2 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Trần Thị Mai. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 17000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 48 tr. s606928

1023. Vở Chính tả 2 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Trần Thị Mai. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 17000đ. - 3000b
T.2. - 2025. - 48 tr. s606929
1024. Vở Chính tả 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Trần Thị Mai. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 17000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 55 tr. s606946
1025. Vở Chính tả 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Trần Thị Mai. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 17000đ. - 3000b
T.2. - 2025. - 51 tr. s606947
1026. Vở luyện viết : Nét cơ bản - Chữ cái - Chữ ghép - Chữ số - Dấu... / Vũ Ngọc Hân. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 80 tr. ; 27 cm. - (Tự tin bước vào Lớp 1). - 50000đ. - 5000b s607313
1027. Vở luyện viết 1 : Theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Minh Phương, Thanh Hương. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Kết nối tri thức). - 29500đ. - 5000b
Q.1. - 2025. - 51 tr. s607327
1028. Vở luyện viết 1 : Theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Minh Phương, Thanh Hương. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Kết nối tri thức). - 29500đ. - 5000b
Q.2. - 2025. - 51 tr. s607328
1029. Vở luyện viết 1 / Nguyễn Minh Đức, Nguyễn Văn Đông. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 24000đ. - 7000b
T.1. - 2025. - 47 tr. s607399
1030. Vở luyện viết 1 / Nguyễn Minh Đức, Nguyễn Văn Đông. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 24000đ. - 7000b
T.2. - 2025. - 47 tr. s607400
1031. Vở luyện viết 2 / Nguyễn Minh Đức, Nguyễn Văn Đông. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 21000đ. - 7000b
T.1. - 2025. - 39 tr. s607401
1032. Vở luyện viết 2 / Nguyễn Minh Đức, Nguyễn Văn Đông. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 19000đ. - 7000b
T.2. - 2025. - 39 tr. s607402
1033. Vở luyện viết 3 / Nguyễn Minh Đức, Nguyễn Văn Đông. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 21000đ. - 7000b
T.1. - 2025. - 39 tr. s607403
1034. Vở luyện viết 3 / Nguyễn Minh Đức, Nguyễn Văn Đông. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 21000đ. - 7000b
T.2. - 2025. - 39 tr. s607404
1035. Vở luyện viết chữ 1 - KN / Trần Thị Minh Phương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - (Luyện nét chữ. Rèn nét người). - 20000đ. - 9000b
Q.1. - 2025. - 52 tr. s606620
1036. Vở luyện viết chữ 2 / Trần Thị Minh Phương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - (Luyện nét chữ. Rèn nét người). - 14000đ. - 9000b
Q.2. - 2025. - 32 tr. s606622
1037. Vở luyện viết chữ 2 - KN / Trần Thị Minh Phương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - (Luyện nét chữ. Rèn nét người). - 14000đ. - 9000b
Q.1. - 2025. - 32 tr. s606621

1038. Vở luyện viết chữ 3 / Trần Thị Minh Phương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - (Luyện nét chữ. Rèn nét người). - 14000đ. - 9000b
Q.1. - 2025. - 32 tr. s606623
1039. Vở luyện viết chữ 3 / Trần Thị Minh Phương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - (Luyện nét chữ. Rèn nét người). - 14000đ. - 9000b
Q.2. - 2025. - 32 tr. s606624
1040. Vở ô li Bài tập Tiếng Việt 1 : Theo Chương trình Tiểu học mới - Định hướng phát triển năng lực : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Hoàng Minh Diễn. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 35000đ. - 1000b
Q.1. - 2025. - 48 tr. : minh hoạ s607697
1041. Vở ô li Bài tập Toán 1 - CD / Vũ Dương Thụy (ch.b.), Trần Thị Minh Hương. - Tái bản lần 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 22000đ. - 7000b
Q.1. - 2025. - 64 tr. : hình vẽ, bảng s606618
1042. Vở ô li Bài tập Toán 1 - CD / Vũ Dương Thụy (ch.b.), Trần Thị Minh Hương. - Tái bản lần 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 22000đ. - 7000b
Q.2. - 2025. - 64 tr. : hình vẽ, bảng s606619
1043. Vở ô li Bài tập Toán lớp 3 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Đức Tấn (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Phụng. - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 55000đ. - 3000b
Q.2. - 2025. - 88 tr. : hình vẽ, bảng s605937
1044. Vở ô li Bài tập Toán lớp 3 - CH-T / Phạm Văn Công. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 58000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 128 tr. : hình vẽ, bảng s607762
1045. Vở ô li Bài tập Toán tăng cường lớp 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Vũ Ngọc Hân, Vũ Thị Thu. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống). - 60000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 92 tr. : hình vẽ s607292
1046. Vở ô li Bài tập Toán tăng cường lớp 1 : Ghi nhớ thông minh cùng sơ đồ tư duy : Chương trình mới theo định hướng giáo dục mở / Hương Giang, Trung Anh. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 60000đ. - 10000b
T.1. - 2025. - 76 tr. : minh hoạ s607261
1047. Vở ô li Bài tập Toán tăng cường lớp 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Vũ Ngọc Hân, Vũ Thị Thu. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống). - 60000đ. - 5000b
T.2. - 2025. - 88 tr. : hình vẽ s607293
1048. Vở ô li có mẫu chữ 1 - CD / Trần Thị Minh Hương. - Tái bản lần 5. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - (Luyện nét chữ - Rèn nét người). - 18000đ. - 6000b
Q.1. - 2025. - 48 tr. s606612
1049. Vở ô li có mẫu chữ 1 - CD / Trần Thị Minh Phương, Trần Thị Minh Hương. - Tái bản lần 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - (Luyện nét chữ - Rèn nét người). - 20000đ. - 8000b
Q.2. - 2025. - 52 tr. s606613
1050. Vở ô li có mẫu chữ 1 - PT / Trần Thị Minh Phương. - Tái bản lần 5. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - (Luyện nét chữ - Rèn nét người). - 18000đ. - 6000b
Q.1. - 2025. - 48 tr. s606610

1051. Vở ô li có mẫu chữ 1 - PT / Trần Thị Minh Phương. - Tái bản lần 5. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - (Luyện nét chữ - Rèn nét người). - 15000đ. - 7000b
Q.2. - 2025. - 40 tr. s606611
1052. Vở ô li có mẫu chữ 1 - ST : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Trần Thị Minh Phương, Trần Thị Minh Hương. - Tái bản lần 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - (Luyện nét chữ - Rèn nét người). - 18000đ. - 10000b
Q.2. - 2025. - 52 tr. s606617
1053. Vở ô li có mẫu chữ 1 - ST : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Trần Thị Minh Phương. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - (Luyện nét chữ - Rèn nét người). - 14000đ. - 6000b
Q.3. - 2025. - 32 tr. s606614
1054. Vở ô li có mẫu chữ 2 - KN / Trần Thị Minh Phương. - Tái bản lần 5. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - (Luyện nét chữ. Rèn nét người). - 14000đ. - 6000b
Q.1. - 2025. - 32 tr. s606615
1055. Vở ô li có mẫu chữ 2 - KN / Trần Thị Minh Phương. - Tái bản lần 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - (Luyện nét chữ - Rèn nét người). - 14000đ. - 6000b
Q.2. - 2025. - 32 tr. s606616
1056. Vở ô li luyện viết chữ cỡ nhỏ - Theo nhóm : Hỗ trợ viết mẫu cho học sinh... / Bích Ngọc, Cát Ly, Lâm Trang, Thanh Thảo. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 47 tr. ; 24 cm. - 34000đ. - 10000b s607072
1057. Vở ô li rèn chữ đẹp : Dành cho học sinh tiểu học và người yêu chữ : Mẫu chữ đứng. Viết theo bài / Hương Giang, Trung Anh. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 45000đ. - 7000b
Q.2. - 2025. - 64 tr. s606923
1058. Vở ô li có mẫu chữ / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 17000đ. - 10000b
Q.2. - 2025. - 47 tr. s606925
1059. Vở tập tô chữ : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục mầm non mới : Dành cho trẻ chuẩn bị vào lớp 1 / Thiên Ân. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bé chuẩn bị vào Lớp 1). - 15000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 32 tr. : hình vẽ s606626
1060. Vở tập tô chữ : Dành cho trẻ mẫu giáo / Lê Hồng Đăng, Lê Thị Ngọc Ánh. - In lần thứ 14. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - (Mai em vào Lớp 1). - 15000đ. - 10000b
T.1. - 2025. - 31 tr. : tranh vẽ s606297
1061. Vở tập tô chữ ghép - số - dấu : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới. Phiên bản đặc biệt 5.0 / Vũ Ngọc Hân. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 32 tr. ; 27 cm. - (Tự tin bước vào Lớp 1). - 30000đ. - 5000b s607329
1062. Vở tập tô chữ số : Luyện viết theo mẫu chữ mới : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục mầm non mới : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Thiên Ân. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 23 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bé chuẩn bị vào Lớp 1). - 11000đ. - 3000b s606627
1063. Vở tập tô nét cơ bản : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Lê Hồng Đăng, Lê Thị Ngọc Ánh. - In lần thứ 16. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 31 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Mai em vào Lớp 1). - 15000đ. - 10000b s606707
1064. Vở tập tô nét cơ bản : Luyện viết theo mẫu chữ mới : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục mầm non mới : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Thiên Ân. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Đại học

Quốc gia Hà Nội, 2025. - 31 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bé chuẩn bị vào lớp Một). - 12000đ. - 3000b s606628

1065. Vở tập tô nét cơ bản - chữ cái : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới. Phiên bản đặc biệt 5.0 / Vũ Ngọc Hân. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 52 tr. ; 27 cm. - (Tự tin bước vào Lớp 1). - 40000đ. - 5000b s607330

1066. Vở tập tô, tập viết cho trẻ khi vào lớp 1 : Biên soạn theo Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT / Lê Thu Hà, Nguyễn Ngọc Mai. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 40 tr. ; 24 cm. - 18000đ. - 8000b s606926

1067. Vở tập viết / Nguyễn Thị Hương Giang. - Tái bản lần thứ 12. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 15000đ. - 10000b
T.1. - 2025. - 36 tr. s607763

1068. Vở thực hành luyện viết tăng cường 1 : Theo Chương trình SGK Cánh Diều / Bùi Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 48000đ. - 3000b
Q.1. - 2025. - 87 tr. s607309

1069. Vở thực hành luyện viết tăng cường 1 : Theo Chương trình SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Bùi Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 48000đ. - 3000b
Q.1. - 2025. - 88 tr. s607307

1070. Vở thực hành luyện viết tăng cường 1 : Theo Chương trình SGK Cánh Diều / Bùi Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 46000đ. - 3000b
Q.2. - 2025. - 63 tr. s607310

1071. Vở thực hành luyện viết tăng cường 1 : Theo Chương trình SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Bùi Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 48000đ. - 3000b
Q.2. - 2025. - 71 tr. s607308

1072. Vở thực hành luyện viết trọn bộ : Luyện viết nét cơ bản. Luyện viết chữ ghép. Luyện viết chữ số. Luyện viết từ và câu / Minh Thảo b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 95 tr. ; 27 cm. - 65000đ. - 5000b s607311

1073. Vở viết chữ hoa lớp 1 / Thiên Ân. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 32 tr. ; 24 cm. - (Luyện viết theo mẫu chữ mới). - 12000đ. - 3000b s606625

1074. Vương Tịnh Phạm. 30 thói quen học sinh tiểu học cần phải rèn luyện / Vương Tịnh Phạm ; Tuệ Văn dịch. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 143 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Rèn luyện kỹ năng sống dành cho học sinh). - 60000đ. - 3000b s607758

1075. Xây dựng lối sống văn hoá cho sinh viên dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh : Sách chuyên khảo / Phan Văn Tuấn, Nguyễn Khánh Ly (ch.b.), Nguyễn Thị Thuý Dung, Hoàng Thị Thanh Dàn. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 231 tr. ; 21 cm. - 95000đ. - 200b
Thư mục: tr. 222-227 s605777

THƯƠNG MẠI, CÁC PHƯƠNG TIỆN TRUYỀN THÔNG VÀ GIAO THÔNG VẬN TẢI

1076. Bài giảng Kinh doanh kho và bao bì trong logistics / Trần Văn Bảo, Nguyễn Phương Lan (ch.b.), Đặng Đình Đào... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 157 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 228000đ. - 70b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Kinh tế và Quản lý. - Thư mục: tr. 156-157 s607129

1077. Giáo trình Nhập môn Logistics và quản lý chuỗi cung ứng / B.s.: Trần Thị Thu Hương, An Thị Thanh Nhân (ch.b.), Nguyễn Văn Minh... - H. : Thông kê, 2025. - 323 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 165000đ. - 250b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thương mại. - Thư mục cuối mỗi chương s606716

1078. Giáo trình Thuật ngữ thương mại điện tử = Electronic commerce terminology / Bùi Thành Khoa (ch.b.), Trần Khánh, Đỗ Bùi Xuân Cường, Phạm Thị Thuỳ Phương. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 223 tr. : minh hoạ ; 28 cm. - 100000đ. - 700b

Thư mục cuối mỗi bài s607161

1079. Nguyễn Dương Chân. Xu hướng truyền hình đa nền tảng ở Việt Nam hiện nay : Sách chuyên khảo / Nguyễn Dương Chân. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 254 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 80000đ. - 500b

Thư mục: tr. 243-251 s608142

PHONG TỤC, NGHI LỄ VÀ VĂN HOÁ DÂN GIAN

1080. Ai mua hành tôi = Who wants to buy my onions? : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tranh truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 10000b s606861

1081. Aladanh và cây đèn thần = Aladdin and the magic lamp : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tranh truyện cổ tích thế giới). - 12000đ. - 10000b s606841

1082. Alibaba và 40 tên cướp = Alibaba and the forty thieves : Truyện tranh / Thuỳ Trang b.s. ; Minh hoạ: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích nổi tiếng thế giới). - 12000đ. - 10000b s606849

1083. Alibaba và 40 tên cướp = Alibaba and the forty thieves : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tranh truyện cổ tích thế giới). - 12000đ. - 10000b s606842

1084. Anh chàng nhanh trí = The wise man : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tranh truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 10000b s606870

1085. Ba chú lợn con = Three little pigs : Truyện tranh / Thuỳ Trang b.s. ; Minh hoạ: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích nổi tiếng thế giới). - 12000đ. - 10000b s606848

1086. Ba chú lợn con : Phỏng theo truyện của Joseph Jacobs : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 3 - 10 tuổi / Tuệ Văn dịch. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Văn học, 2025. - 20 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện)(Truyện cổ tích thế giới hay nhất). - 16000đ. - 1500b s606253

1087. Ba người lùn trong rừng = The three little men in the woods : Truyện tranh / Thuỳ Trang b.s. ; Minh hoạ: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích nổi tiếng thế giới). - 12000đ. - 10000b s606851

1088. Bành Lâm. Văn minh lễ nghi cổ đại Trung Quốc / Bành Lâm ; Dịch: Cầm Tú Tài... ; H.đ.: Chen Yuanyuan, Liang Yonggui. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 391 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 199000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 中国古代礼仪文明 s607675

1089. Ca dao, tục ngữ, câu đố, truyện dân gian các dân tộc thiểu số huyện Nậm Pồ / B.s.: Phan Ngọc Linh, Lầu A Gấu, Hà Ngọc Hà, Điều Văn Nhân ; S.t.: Hà Ngọc Hà, Điều Văn Nhân ; Dịch, h.đ.: Lầu A Gấu... - H. : Văn hoá dân tộc, 2025. - 258 tr. ; 21 cm. - 132b s606586

1090. Cái mũi của chú lùn = The dwarf's nose : Truyện tranh / Thủy Trang b.s. ; Minh hoạ: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích nổi tiếng thế giới). - 12000đ. - 10000b s606821

1091. Cậu bé người gỗ Pinocchio : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Hà Giang dịch. - In lần thứ 5. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện)(Truyện kể cho bé trước giờ đi ngủ. Ngày xưa ngày xưa). - 16000đ. - 1000b s606102

1092. Cây khế = Starfruit tree : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tranh truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 10000b s606868

1093. Cây khế = The golden star fruit tree : Truyện tranh / Thủy Trang b.s. ; Minh hoạ: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 10000b s606856

1094. Cây khế : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Lời: Thủy Dương ; Tranh: Cá, Kim Nhi. - In lần thứ 3. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 16000đ. - 2000b s606144

1095. Cây tre trăm đốt = The one hundred section bamboo : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tranh truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 10000b s606873

1096. Chú mèo đi hia = Puss in boots : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tranh truyện cổ tích thế giới). - 12000đ. - 10000b s606837

1097. Cốc kiến trời : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Lời: Thủy Dương ; Tranh: Cá, Finger Print Studio. - In lần thứ 3. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 16000đ. - 2000b s606146

1098. Cô bé bán diêm = The little match girl : Truyện tranh / Thủy Trang b.s. ; Minh hoạ: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích nổi tiếng thế giới). - 12000đ. - 10000b s606845

1099. Cô bé bán diêm = The little match girl : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tranh truyện cổ tích thế giới). - 12000đ. - 10000b s606838

1100. Cô bé Lọ Lem = Cinderella : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tranh truyện cổ tích thế giới). - 12000đ. - 10000b s606839

1101. Cô bé quần khăn đỏ = Little red riding hood : Truyện tranh / Thủy Trang b.s. ; Minh hoạ: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích nổi tiếng thế giới). - 12000đ. - 10000b s606843

1102. Cô bé quần khăn đỏ = Little red riding hood : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tranh truyện cổ tích thế giới). - 12000đ. - 10000b s606840

1103. Công chúa tóc mây = Rapunzel : Truyện tranh / Thuỳ Trang b.s. ; Minh hoạ: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích nổi tiếng thế giới). - 12000đ. - 10000b s606847

1104. Dương Thu Ái. Trí tuệ của người xưa / B.s.: Dương Thu Ái, Nguyễn Kim Hanh. - H. : Văn học, 2025. - 255 tr. ; 21 cm. - (Cổ học kỳ thư). - 138000đ. - 50000b s606167

1105. Đồng dao và trò chơi dân gian người Việt / Tuệ Minh tuyển chọn. - H. : Văn học, 2025. - 186 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 80000đ. - 1500b
Thư mục: tr. 184 s606051

1106. Galland, Antoine. Nghìn lẻ một đêm - Những truyện hay chọn lọc / Antoine Galland ; Phan Quang dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 346 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Văn học cổ điển). - 100000đ. - 2000b

Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp: Les mille et une nuits s606227

1107. Grimm, Jacob Ludwig Karl. Truyện cổ Grimm / Jacob Ludwig Karl Grimm, Wilhelm Karl Grimm ; Minh hoạ: Philipp Grot Johann, Robert Leinweber ; Hữu Ngọc dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 647 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Văn học cổ điển). - 180000đ. - 2000b s606228

1108. Hai anh em = The two brothers : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tranh truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 10000b s606860

1109. Lo việc người, được cả việc mình : Truyện ngụ ngôn / Gia Khánh tuyển chọn. - H. : Văn học, 2025. - 187 tr. ; 21 cm. - 84000đ. - 1500b s606047

1110. 109 truyện cổ tích Việt Nam / Vân Anh tuyển chọn. - H. : Dân trí, 2025. - 339 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 78000đ. - 3000b s607978

1111. 101 truyện kể hay nhất : Truyện dành cho trẻ từ 3 tuổi / Kể: Piccole Grandi ; Bùi Thái Dương dịch. - H. : Văn học, 2025. - 123 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Tủ sách Vàng cho con). - 150000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: 101 storie incantate s606258

1112. Nàng Bạch Tuyết và 7 chú lùn = Snow White and the seven dwarfs : Truyện tranh / Thuỳ Trang b.s. ; Minh hoạ: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích nổi tiếng thế giới). - 12000đ. - 10000b s606850

1113. Nàng công chúa và bảy thiên nga = Princess and the wild swans : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tranh truyện cổ tích thế giới). - 12000đ. - 10000b s606836

1114. Nàng tiên cá = The little mermaid : Truyện tranh / Thuỳ Trang b.s. ; Minh hoạ: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích nổi tiếng thế giới). - 12000đ. - 10000b s606846

1115. Nàng tiên Cóc = The fairy Toad : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tranh truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 10000b s606859

1116. Năm hũ vàng = Five golden jars : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tranh truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 10000b s606872

1117. Nguyễn Thị Thu Hoà. Đồ mã đồ giấy Việt Nam / Nguyễn Thị Thu Hoà. - H. : Thế giới, 2025. - 259 tr. : tranh, ảnh ; 30 cm. - 620000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 258 s607280
1118. Ông lão đánh cá và con cá vàng = The tale of the fisherman and the golden fish : Truyện tranh / Thủy Trang b.s. ; Minh hoạ: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích nổi tiếng thế giới). - 12000đ. - 10000b s606844
1119. Phan Kế Bính. Việt Nam phong tục / Phan Kế Bính. - H. : Văn học, 2025. - 399 tr. ; 24 cm. - 168000đ. - 1000b s606121
1120. Quả bầu tiên = The magical bottle gourd : Truyện tranh / Thủy Trang b.s. ; Minh hoạ: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 10000b s606853
1121. Sơn Tinh - Thủy Tinh = Legend of Sơn Tinh and Thuy Tinh : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tranh truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 10000b s606869
1122. Sơn Tinh - Thủy Tinh : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Lời: Thủy Dương ; Tranh: Cá, Finger Print Studio. - In lần thứ 3. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 16000đ. - 2000b
Chính văn bản 2 thứ tiếng: Việt - Anh s606148
1123. Sự tích cái bình vôi = The story about the lime pot : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tranh truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 10000b s606866
1124. Sự tích Hồ Ba Bể = The legend of Ba Be lake : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tranh truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 10000b s606858
1125. Sự tích Hồ Gươm = The legend of Sword Lake : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tranh truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 10000b s606865
1126. Sự tích ông ba mươi = The story of the tiger : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tranh truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 10000b s606867
1127. Sự tích trâu vàng Hồ Tây = Legend of the golden buffalo : Song ngữ Việt - Anh : Truyện tranh / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tranh truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 10000b s606857
1128. Sự tích viên ngọc ếch = The tale of frog pearl : Truyện tranh / Thủy Trang b.s. ; Minh hoạ: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 10000b s606852
1129. Tấm Cám : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Lời: Thủy Dương ; Tranh: Cá, Tammy Do. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 16000đ. - 2000b s606145
1130. Thánh Gióng : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Lời: Thủy Dương ; Tranh: Cá, Finger Print Studio. - In lần thứ 3. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 16000đ. - 2000b s606147

1131. Tích Chu = Tich Chu : Truyện tranh / Thuỳ Trang b.s. ; Minh hoạ: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 10000b s606854

1132. Tích Chu = Tich Chu : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tranh truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 10000b s606871

1133. Tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần và việc xây dựng đền thờ Đức Thánh Trần ở Điện Biên / Trần Quốc Cường, Nguyễn Ngọc Minh, Nguyễn Hải Bình... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 258 tr., 10 tr. ảnh : bìa ; 21 cm. - 143000đ. - 1000b s608141

1134. Trần Huyền Ân. Ăn, uống, nói, cười & khóc / Trần Huyền Ân. - In lần thứ 4. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 189 tr. ; 20 cm. - (Tiếng Việt giàu đẹp). - 80000đ. - 1000b
Tên thật tác giả: Trần Sĩ Huệ. - Thư mục: tr. 185-186 s606537

1135. Tuyển tập truyện cổ tích Việt Nam : Dành cho thiếu nhi / Hà Minh tuyển chọn. - Tái bản lần 6. - H. : Văn học, 2025. - 199 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 125000đ. - 3000b s606257

1136. Vua Heo = The Heo king : Truyện tranh / Thuỳ Trang b.s. ; Minh hoạ: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 10000b s606855

NGÔN NGỮ

1137. Bài tập bổ trợ & nâng cao Tiếng Anh lớp 7 : Có đáp án : Nâng cao kiến thức và bồi dưỡng học sinh khá, giỏi... / Bùi Văn Vinh (ch.b.), Thái Văn Anh, Nguyễn Thị Phương Anh. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Học tốt tiếng Anh)(Global Success). - 110000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 190 tr. : hình vẽ, bảng s607343

1138. Bài tập cuối tuần Tiếng Anh lớp 8 : Có đáp án : Biên soạn theo SGK Tiếng Anh Global Success... / Đại Lợi (ch.b.), Hằng Nguyễn, Vân Anh. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Học tốt tiếng Anh). - 95000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 191 tr. : bảng s607345

1139. Bài tập cuối tuần Tiếng Anh lớp 9 : Có đáp án : Biên soạn theo SGK Tiếng Anh Global Success... / Đại Lợi (ch.b.), Hằng Nguyễn, Sơn Nguyễn. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Học tốt tiếng Anh). - 82000đ. - 3000b
T.2. - 2025. - 147 tr. : bảng s607346

1140. Bài tập phát triển năng lực Tiếng Anh 8 - Friends plus : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới... / Phan Thị Minh Châu, Đặng Thị Nguyên. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 190 tr. : bảng ; 27 cm. - 87000đ. - 2000b s607381

1141. Bài tập Tiếng Anh 9 : Có đáp án : Dùng kèm SGK Tiếng Anh 9 Global Success. - H. : Thế giới, 2025. - 195 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - (Lighthouse writers). - 105000đ. - 5000b s607297

1142. Bài tập Tiếng Anh 9 : Không đáp án : Dùng kèm SGK Tiếng Anh 9 Global Success. - H. : Thế giới, 2025. - 172 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - (Lighthouse writers). - 95000đ. - 10000b s607296

1143. Bài tập Tiếng Anh lớp 9 : Có đáp án : Nâng cao kiến thức và bồi dưỡng học sinh khá, giỏi... / Bùi Văn Vinh (ch.b.), Thái Văn Anh, Nguyễn Thị Phương Anh, Như Quỳnh. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Học tốt tiếng Anh)(Global Success). - 98000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 195 tr. : hình vẽ, bảng s607344

1144. Bài tập trắc nghiệm Tiếng Anh lớp 9 : Có đáp án / Bùi Văn Vinh (ch.b.), Thái Văn Anh, Hằng Nguyễn, Nguyễn Thị Phương Anh. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Học tốt tiếng Anh)(Global Success). - 82000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 147 tr. : hình vẽ, bảng s607349
1145. 702 câu trắc nghiệm Tiếng Anh 6 - Không đáp án : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới... / Nguyễn Hoàng Thanh Ly, Nguyễn Văn Hai. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 69 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 59000đ. - 1500b s606630
1146. Beyond Limits - 15 đề thi minh hoạ tốt nghiệp THPT môn Anh / Lê Xuân Phương. - H. : Dân trí, 2025. - 143 tr. : bảng ; 27 cm. - 150000đ. - 500b s605971
1147. Bộ đề kiểm tra Tiếng Anh lớp 9 : Có đáp án : Biên soạn theo Sách giáo khoa Tiếng Anh Global Success / Nguyễn Thị Thu Huế. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Học tốt tiếng Anh). - 109000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 191 tr. : hình vẽ, bảng s607347
1148. Bộ đề kiểm tra Tiếng Anh lớp 9 : Có đáp án : Biên soạn theo sách giáo khoa Tiếng Anh Global Success / Nguyễn Thị Thu Huế. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Học tốt tiếng Anh). - 105000đ. - 3000b
T.2. - 2025. - 183 tr. : hình vẽ, bảng s607348
1149. Bộ đề luyện thi THPT môn Tiếng Anh / Lighthouse writers. - H. : Thế giới, 2025. - 215 tr. ; 24 cm. - 98000đ. - 3000b s607898
1150. Bộ đề thi thử tuyển sinh 10 môn Tiếng Anh. - Huế : Đại học Huế. - 28 cm. - (Luyện thi tuyển sinh 10). - 89000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 103 tr. s606007
1151. Bồi dưỡng học sinh giỏi Tiếng Anh lớp 7 : Theo Chương trình SGK mới / Hoàng Thị Nga, Đan Thị Thuý Anh, Bùi Phương Anh. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 295 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 89000đ. - 1500b s607420
1152. Cầm Xu. Emotional Chinese - Học tiếng Trung dễ như ăn kẹo / B.s.: Cầm Xu (ch.b.), Trần Nhật Trọng (phó ch.b.). - Tái bản lần thứ 4. - H. : Dân trí. - 27 cm. - 287000đ. - 2000b
Tên thật tác giả: Nguyễn Thanh Cầm
T.1: Khởi động. - 2025. - 239 tr. s608020
1153. Cẩm nang cấu trúc tiếng Anh : Kiến thức siêu đầy đủ - Áp dụng cực dễ dàng / Trang Anh. - Tái bản lần 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 238 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 98000đ. - 2000b s606631
1154. Chinh phục cấu trúc - mẫu câu trong tiếng Hoa từ A - Z : Bí quyết nghe hiểu - nói đúng - viết hay - dịch chuẩn / B.s.: Trương Gia Quyền, Bùi Thị Hạnh Quyền, Nguyễn Thị Thu Hằng... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 439 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 185000đ. - 1500b s608050
1155. Chinh phục kì thi Tiếng Anh - Tuyển sinh 10 : Hơn 1500 câu hỏi bám sát khung chương trình của Bộ GD & ĐT và các dạng đề trên cả nước. Lý thuyết và bài tập phát âm, từ vựng và ngữ pháp. Chiến lược làm bài hiệu quả. - Huế : Đại học Huế. - 28 cm. - 139000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 147 tr. : hình vẽ, ảnh s606008
1156. Cùng đậu vào 10 - Tổng ôn môn Anh : Bám sát đề thi vào 10 theo Chương trình mới / Đặng Nguyệt Hà, Nguyễn Thị Diệu Linh, Vũ Bích Ngọc. - H. : Dân trí, 2025. - 255 tr. : bảng ; 27 cm. - 200000đ. - 15000b s608013

1157. DOL Pre-IELTS with Linear / Lê Đình Lực, Hà Đăng Như Quỳnh, Trần Giang Thanh... - H. : Dân trí, 2025. - 330 tr. : minh hoạ ; 25 cm. - 2000b s606361
1158. Dững Mori. Học nhanh - Nhớ lâu - Hiểu sâu: 393 chữ Hán N3 bằng phương pháp "Học 1 nhớ 3" + hệ thống bài test đa dạng = ぐんぐん上達! 漢字N3 / Dững Mori. - H. : Dân trí, 2025. - 230 tr. : bìa ; 26 cm. - 395000đ. - 1000b
Tên thật tác giả: Nguyễn Văn Dững s605955
1159. Dững Mori. Học nhanh - Nhớ lâu - Hiểu sâu: 455 chữ Hán N2 bằng phương pháp "Học 1 nhớ 3" + hệ thống bài test đa dạng / Dững Mori, Phương Thị Thanh, Ishibashi Yuuko. - H. : Dân trí, 2025. - 270 tr. : bìa ; 26 cm. - 395000đ. - 1000b s605954
1160. Dững Mori. Sách luyện chuyên sâu chữ Hán - Từ vựng - Ngữ pháp N1 = ぐんぐん上達! 漢字・文字語彙・文法 N1 : Bám sát đề thi - Giải thích cụ thể / Dững Mori, Phương Thị Thanh, Ishibashi Yuuko. - H. : Dân trí, 2025. - 275 tr. ; 26 cm. - 395000đ. - 1000b s605956
1161. Dững Mori. Sách luyện chuyên sâu chữ Hán - Từ vựng - Ngữ pháp N2 = ぐんぐん上達! 文字語彙. 文法 N2 試験対策 : Bám sát đề thi - Giải thích cụ thể / Dững Mori. - H. : Dân trí, 2025. - 324 tr. : hình vẽ, bìa ; 26 cm. - 395000đ. - 1000b s608017
1162. Dững Mori. Tổng ôn sơ cấp tiếng Nhật N4 / Dững Mori. - H. : Dân trí, 2025. - 330 tr. : bìa ; 26 cm. - 450000đ. - 1000b s608018
1163. Dững Mori. Tổng ôn sơ cấp tiếng Nhật N5 / Dững Mori. - H. : Dân trí, 2025. - 294 tr. ; 26 cm. - 450000đ. - 1000b s608019
1164. Dương Kỳ Châu. Giáo trình Hán ngữ 3 = 汉语教程 : Phiên bản 3 / Dương Kỳ Châu ch.b. ; Biên dịch: Trần Thị Thanh Liêm... - Tái bản lần 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 145000đ. - 2000b
ĐTTS ghi: Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh
T.2, Q. Thượng. - 2025. - 264 tr. : hình vẽ, ảnh s607374
1165. Giáo trình Tiếng Trung giao tiếp cấp tốc = 汉语 口语 速成 成 / B.s.: Lê Chí Chính, Thương Vũ, Phạm Hồng Phong (ch.b.)... - H. : Thế giới, 2025. - 227 tr. : minh hoạ ; 26 cm. - 249000đ. - 500b
Thư mục: tr. 193-205 s606314
1166. Gleeson, Jim. Tự học viết tiếng Nhật căn bản Katakana / Jim Gleeson ; Ngô Mỹ Linh dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 87 tr. : hình vẽ, biểu đồ ; 24 cm. - 48000đ. - 5000b
Tên sách tiếng Anh: Writing Japanese Katakana s607847
1167. Hà Anh. 5000 từ vựng HSK: HSK 1 - 6 : Bí kíp chinh phục kỳ thi HSK / Hà Anh. - H. : Dân trí, 2025. - 432 tr. : bìa ; 21 cm. - 220000đ. - 5000b s606329
1168. Hoàng Sơn. Tập viết tiếng Nhật - Hiragana / Hoàng Sơn. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 24 tr. : bìa ; 24 cm. - 25000đ. - 3000b s607026
1169. Hoàng Tuệ. Cuộc sống ở trong ngôn ngữ / Hoàng Tuệ. - In lần thứ 4. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 206 tr. ; 20 cm. - (Tiếng Việt giàu đẹp). - 80000đ. - 1000b s606539
1170. Hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp trung học phổ thông môn Tiếng Anh : Theo định hướng thi tốt nghiệp trung học phổ thông từ năm 2025 / Lại Thị Phương Thảo (ch.b.), Phùng Thị Kim Dung, Nguyễn Thu Hiền... - Huế : Đại học Huế, 2025. - 231 tr. : bìa ; 24 cm. - 90000đ. - 3000b s606392

1171. Hy Thị Hồng Nhung. Thực hành biên dịch Trung - Việt, Việt - Trung theo chủ đề (HSK 3 - 5) / Hy Thị Hồng Nhung. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 127 tr. : bảng ; 24 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 99000đ. - 2000b
Thư mục: tr. 127 s607027
1172. Jane Le. 33 ngày thần kỳ biến hoá khả năng giao tiếp tiếng Anh / Jane Le. - H. : Thế giới, 2025. - 256 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 179000đ. - 500b s607906
1173. Jane Le. Sổ tay Vạn năng : Thực hành thay đổi thói quen sống và ghi nhớ tiếng Anh hiệu quả / Jane Le. - H. : Thế giới, 2025. - 180 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 129000đ. - 500b s607907
1174. Jang Heung Seok. Tự học tiếng Trung cho người mới bắt đầu / Jang Heung Seok ; Thu Hà dịch. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 247 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 215000đ. - 10000b s607423
1175. Lan Chi. Tự học ghép từ - tạo câu tiếng Trung - HSK 3 : Ghép từ đơn giản - Tạo câu dễ dàng / Lan Chi ch.b. - H. : Dân trí, 2025. - 115 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 150000đ. - 500b s606355
1176. Lan Chi. Tự học ghép từ - tạo câu tiếng Trung - HSK 4 : Ghép từ đơn giản - Tạo câu dễ dàng / Lan Chi ch.b. - H. : Dân trí, 2025. - 127 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 150000đ. - 500b s606356
1177. Lan Chi. Từng bước một tự học ghép từ - tạo câu tiếng Trung cho người mới bắt đầu HSK 1 - 2 : Ghép từ đơn giản - Tạo câu dễ dàng / Lan Chi ch.b. - H. : Dân trí, 2025. - 117 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 150000đ. - 1000b
Tên sách ngoài bìa: Từng bước một tự học ghép từ - Tạo câu tiếng Trung HSK 1 - 2 s606354
1178. Lê Đình Lực. Thông thạo IELTS reading cùng Linear / Lê Đình Lực, Hà Đặng Như Quỳnh ; Thiết kế, minh hoạ: Hoàng Tuấn Quyền. - H. : Dân trí, 2025. - 207 tr. : bảng, tranh vẽ ; 25 cm. - (Tủ sách Dành cho IELTS của DOL; Book 1). - 499000đ. - 5000b
Thư mục: tr. 205 s608025
1179. Lê Minh Thanh. Giáo trình Nhập môn Phiên dịch = 汉越翻译入门 / Lê Minh Thanh (ch.b.), Cái Thi Thủy, Hoàng Tố Nguyên. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - iv, 188 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 90000đ. - 300b
Tên sách ngoài bìa: Nhập môn Phiên dịch. - ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. - Thư mục: tr. 187-188 s607772
1180. Lê Phạm Hoài Hương. Giáo trình Kiểm tra và đánh giá ngôn ngữ = Language testing and assessment / Lê Phạm Hoài Hương. - Huế : Đại học Huế, 2025. - 190 p. : fig., tab. ; 24 cm. - 120000đ. - 100b
At head of title: Đại học Huế. Trường Đại học Ngoại ngữ. - Bibliogr. at the end of the chapter s606394
1181. Lý Hiếu Nhân. Giáo trình Luyện và nhớ nhanh từ vựng - Cấp độ 7 - 9 : Tiêu chuẩn các cấp độ tiếng Trung trong giáo dục tiếng Trung quốc tế = 词汇速记速练手册 - 三级 : 国际中文教育中文水平等级标准 / B.s.: Lý Hiếu Nhân, Vạn Doanh ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 26 cm. - 368000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 323 tr. s608051

1182. Mind map - Giải thích ngữ pháp tiếng Anh theo sơ đồ tư duy / Bùi Văn Vinh (ch.b.), Thái Văn Anh, Nguyễn Thị Thu Huệ, Bùi Thị Thuý. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 407 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 135000đ. - 3000b s606807

1183. 500 câu hỏi luyện thi đánh giá năng lực theo cấu trúc đề của Đại học Quốc gia Hà Nội - Ngoại ngữ tiếng Anh : Kèm đáp án - lời giải / Nguyễn Hữu Cương (ch.b.), Trần Thị Thu Hương, Phạm Thị Xuân Quỳnh. - H. : Dân trí, 2025. - 322 tr. ; 27 cm. - 250000đ. - 1000b s608015

1184. Nguyễn Cung. Tiếng Anh cho tôi cơ hội nhìn ra thế giới 2 = English - An opportunity to see the world 2 : Sách có kèm audio / Nguyễn Cung. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 234 tr. ; 24 cm. - 2239000đ. - 1000b s607771

1185. Nguyễn Đức Dân. Nỗi oan thì, là, mà / Nguyễn Đức Dân. - In lần thứ 5. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 277 tr. : bảng, sơ đồ ; 20 cm. - (Tiếng Việt giàu đẹp). - 105000đ. - 1000b s606538

1186. Nguyễn Khánh Linh. Tiếng Hàn thực chiến nâng cao = 실전 한국어 고급 / Nguyễn Khánh Linh. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 136 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 95000đ. - 1500b

Bút danh tác giả: Linhnasu s607702

1187. Nguyễn Thị Linh. Thực chiến tiếng Trung du lịch và buôn bán : Du lịch và làm ăn cùng hàng tỷ người Trung Quốc / Nguyễn Thị Linh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 182 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 243000đ. - 2000b s606760

1188. Nguyễn Thức Thành Tín. Từ vựng học tiếng Pháp / Nguyễn Thức Thành Tín (ch.b.), Phan Nguyễn Thái Phong. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 160 tr. : bảng ; 27 cm. - 150000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh s607459

1189. Nguyễn Việt Hương. Tiếng Việt cơ sở dành cho người nước ngoài : = Elementary Vietnamese use for non-Vietnamese speakers / Nguyễn Việt Hương. - Tái bản lần thứ 16. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 130000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Viện Phát triển Ngôn ngữ

Q.1: Pre-elementary. - 2025. - 240 tr. : minh hoạ. - Thư mục: tr. 232-240 s607427

1190. Nguyễn Việt Hương. Tiếng Việt cơ sở dành cho người nước ngoài = Elementary Vietnamese use for non-Vietnamese speakers / Nguyễn Việt Hương. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 145000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Viện Phát triển Ngôn ngữ

Q.2: Upper-elementary. - 2025. - 274 tr. : minh hoạ. - Phụ lục: tr. 269-274 s607428

1191. Ngữ pháp tiếng Pháp căn bản / Nguyễn Thức Thành Tín (ch.b.), Vũ Triết Minh, Phạm Song Hoàng Phúc, Viên Thế Khánh Toàn. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 183 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 149000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 180-181 s607463

1192. Nhớ nhanh 214 bộ thủ chữ Hán / NHT Team b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 115 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 250000đ. - 5000b s607351

1193. Patra Patphureerat. Gia đình song ngữ - 365 ngày cả nhà cùng nói tiếng Anh như người bản ngữ - Hoạt động bên ngoài = Outdoor activities : Dành cho trẻ em từ 2 tuổi trở lên / Patra Patphureerat ; Minquie dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 191 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 168000đ. - 1000b s607051

1194. Patra Patphureerat. Gia đình song ngữ - 365 ngày cả nhà cùng nói tiếng Anh như người bản ngữ - Hoạt động tại nhà = At-home activities : Dành cho trẻ em từ 2 tuổi trở lên / Patra Patphureerat ; Minquie dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 195 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 168000đ. - 1000b s607050

1195. Phan Thái. Giáo trình Luyện và nhớ nhanh từ vựng - Cấp độ 7 - 9 : Tiêu chuẩn các cấp độ tiếng Trung trong giáo dục tiếng Trung quốc tế = 词汇速记速练手册 - 三级 : 国际中文教育中文水平等级标准 / B.s.: Phan Thái, Vạn Doanh ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 26 cm. - 388000đ. - 2000b T.2. - 2025. - 343 tr. s608052

1196. Phương Thị Thanh. Luyện giao tiếp tiếng Nhật đột phá / Phương Thị Thanh, Ishibashi Yuuko. - H. : Dân trí, 2025. - 199 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 395000đ. - 1000b ĐTTS ghi: Dũng Mori s606333

1197. Take note Tiếng Anh lớp 11 : Tổng hợp kiến thức - Hiểu nhanh, nhớ lâu! / Ngọc Hà, Nhung Đỗ. - H. : Dân trí, 2025. - 103 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 70000đ. - 2000b s607986

1198. Take note Tiếng Anh lớp 12 : Tổng hợp kiến thức - Hiểu nhanh, nhớ lâu! / Ngọc Hà, Nhung Đỗ. - H. : Dân trí, 2025. - 103 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 70000đ. - 2000b s607990

1199. Take note! Sổ tay ngữ pháp Tiếng Anh : Ôn luyện nhanh trọng tâm kiến thức ngữ pháp Tiếng Anh Tiểu học và THCS... / Bùi Văn Vinh (ch.b.), Thái Văn Anh, Nguyễn Thị Phương Anh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 93 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 75000đ. - 10000b s607044

1200. Take note! Trọng tâm kiến thức Tiếng Anh trung học cơ sở : Tóm tắt Ngữ pháp - Từ vựng - Mẫu câu quan trọng... / Bùi Văn Vinh (ch.b.), Thái Văn Anh, Nguyễn Thị Phương Anh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 155 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 95000đ. - 10000b s606774

1201. Tiếng Anh 6 - I-Learn smart world : Student's book / Võ Đại Phúc (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 131 tr. : minh họa ; 28 cm. - 70465đ. - 50000b s607467

1202. Tiếng Anh 6 - I-Learn smart world : Workbook / Võ Đại Phúc (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 71 tr. : minh họa ; 28 cm. - 68000đ. - 50000b s607464

1203. Tiếng Anh 7 - English discovery : Workbook / Trần Thị Lan Anh (ch.b.), Nguyễn Thu Hiền. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 85 tr. : minh họa ; 28 cm. - (Cánh Buồm). - 99000đ. - 2500b s607369

1204. Tiếng Anh 7 Discovery : Students' book / Trần Thị Lan Anh (ch.b.), Nguyễn Thu Hiền. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 107 tr. : minh họa ; 28 cm. - 63000đ. - 5000b s607366

1205. Tiếng Anh 8 - I-Learn smart world : Student's book / Võ Đại Phúc (tổng ch.b.), Huỳnh Tuyết Mai (ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Quyên... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 125 tr. : minh họa ; 28 cm. - 68309đ. - 50000b s607468

1206. Tiếng Anh 8 - I-Learn smart world : Workbook / Võ Đại Phúc (tổng ch.b.), Huỳnh Tuyết Mai (ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Quyên... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 74 tr. : minh họa ; 28 cm. - 70000đ. - 50000b s607465

1207. Tiếng Anh 9 - English discovery : Workbook / Trần Thị Lan Anh (ch.b.), Nguyễn Thu Hiền. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 94 tr. : minh họa ; 28 cm. - (Cánh Buồm). - 96000đ. - 2700b s607370

1208. Tiếng Anh 9 - I-Learn smart world : Student's book / Võ Đại Phúc (tổng ch.b.), Nguyễn Dương Hoài Thương (ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Lê Huỳnh Phương Dung. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 134 tr. : minh hoạ ; 28 cm. - 72848đ. - 50000b s607469

1209. Tiếng Anh 9 - I-Learn smart world : Workbook / Võ Đại Phúc (tổng ch.b.), Nguyễn Dương Hoài Thương (ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Lê Huỳnh Phương Dung. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 74 tr. : minh hoạ ; 28 cm. - 70000đ. - 50000b s607466

1210. Tiếng Anh 10 - Bright : Workbook / Võ Đại Phúc (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Quyên. - Huế : Đại học Huế, 2025. - 87 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 65000đ. - 40000b s606000

1211. Tiếng Anh 10 - English discovery : Student's book / Trần Thị Lan Anh (ch.b.), Cao Thuý Hồng, Nguyễn Thu Hiền. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 112 tr. : minh hoạ ; 28 cm. - (Cánh Buồm). - 71000đ. - 2500b s607367

1212. Tiếng Anh 10 - English discovery : Workbook / Trần Thị Lan Anh (ch.b.), Cao Thuý Hồng, Nguyễn Thu Hiền. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 93 tr. : minh hoạ ; 28 cm. - (Cánh Buồm). - 98000đ. - 1500b s607371

1213. Tiếng Anh 11 - Bright : Student's book / Võ Đại Phúc (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Quyên. - Huế : Đại học Huế, 2025. - 136 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 62484đ. - 10000b s606003

1214. Tiếng Anh 11 - Bright : Workbook / Võ Đại Phúc (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Quyên. - Huế : Đại học Huế, 2025. - 86 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 65000đ. - 5000b s606001

1215. Tiếng Anh 11 - I-Learn smart world : Student's Book / Võ Đại Phúc (tổng ch.b.), Huỳnh Tuyết Mai (ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Quyên... - Huế : Đại học Huế, 2025. - 138 tr. : minh hoạ ; 29 cm. - 62484đ. - 5000b s606010

1216. Tiếng Anh 11 - I-Learn smart world : Student's book / Võ Đại Phúc (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh... - Huế : Đại học Huế, 2025. - 114 tr. : minh hoạ ; 29 cm. - 716840đ. - 25000b s606009

1217. Tiếng Anh 11 - I-Learn smart world : Workbook / Võ Đại Phúc (tổng ch.b.), Huỳnh Tuyết Mai (ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Quyên... - Huế : Đại học Huế, 2025. - 73 tr. : minh hoạ ; 29 cm. - 78000đ. - 5000b s606011

1218. Tiếng Anh 12 - Bright : Student's book / Võ Đại Phúc (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Quyên. - Huế : Đại học Huế, 2025. - 154 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 67244đ. - 20000b s606004

1219. Tiếng Anh 12 - Bright : Workbook / Võ Đại Phúc (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Quyên. - Huế : Đại học Huế, 2025. - 88 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 65000đ. - 30000b s606002

1220. Tiếng Anh 12 - English discovery : Student's book / Trần Thị Lan Anh (ch.b.), Cao Thuý Hồng, Nguyễn Thu Hiền. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 127 tr. : minh hoạ ; 28 cm. - (Cánh Buồm). - 67000đ. - 4500b s607368

1221. Tiếng Anh toàn diện kèm khoá học : Dễ nhớ từ vựng - Chắc ngữ pháp - Luyện mẫu câu / Weupbooks b.s. - H. : Dân trí, 2025. - 115 tr. : minh hoạ ; 30 cm. - 200000đ. - 20000b s605977

1222. Trần Nguyệt Thái Châu. Study skills : Student's book / B.s.: Trần Nguyệt Thái Châu (ch.b.), Từ Thuý Thanh Trà. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 124 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 50000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Bình Dương. Khoa Ngoại ngữ. - Thư mục: tr. 122-123 s607804

1223. Trần Thị Ngọc Lang. Nghiêng mình nghe tiếng phương Nam : Biên khảo / Trần Thị Ngọc Lang. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 101 tr. ; 20 cm. - 50000đ. - 1000b s606479

1224. Trần Thị Thanh Trúc. Ấn dụng ý niệm: Lý thuyết và ứng dụng liên ngành : Sách chuyên khảo / Trần Thị Thanh Trúc. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 312 tr. : bìa ; 24 cm. - 200000đ. - 100b

Thư mục: tr. 292-306 s607808

1225. Trọng tâm kiến thức ôn thi THPT môn Tiếng Anh / Trang Anh (ch.b.), Huỳnh Tài. - H. : Dân trí, 2025. - 383 tr. ; 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng sách). - 199000đ. - 10000b s608022

1226. Trọng tâm ngữ pháp Tiếng Anh lớp 8 : Có đáp án : Biên soạn theo sách giáo khoa Tiếng Anh Global Success / Trần Mạnh Hưởng. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Học tốt tiếng Anh). - 95000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 187 tr. : hình vẽ, bảng s607350

1227. Tuyển tập bộ đề tham khảo luyện thi tốt nghiệp THPT môn Tiếng Anh = Mastery comes through practice / Hoàng Thị Huyền Nhung, Nguyễn Thị Sương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 227 tr. ; 27 cm. - 120000đ. - 1000b s607362

1228. Từ Thuỷ Thanh Trà. Basic translation / B.s.: Từ Thuỷ Thanh Trà (ch.b.), Trương Linh Trang. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 212 tr. ; 24 cm. - 80000đ. - 200b s607807

1229. Tự học tiếng Nhật cho người đi làm = 今日から即使える仕事の日本語 / Quang Diệu, Xuân Thu, Koi Nguyễn, Minh Anh ; H.đ.: Hồng Nga, Mizuguchi Sayo. - H. : Hồng Đức, 2025. - 291 tr. : bìa ; 24 cm. - 179000đ. - 1000b s607882

1230. Văn Hi. Cẩm nang mở rộng từ vựng tiếng Trung / Văn Hi. - H. : Dân trí, 2025. - 187 tr. ; 21 cm. - 250000đ. - 2000b s606325

1231. Vở luyện viết tốc ký đẹp lên tức thì : Dành cho học sinh THCS & THPT / Lê Trần Diệu Thu, Nguyễn Quỳnh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 72 tr. ; 24 cm. - 199000đ. - 2000b s606927

1232. Vở tập viết 214 bộ thủ chữ Hán / NHT Team b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 64 tr. : hình vẽ, bảng ; 26 cm. - 5000b s606913

1233. Vũ Dung. Danh từ trong tiếng Anh / Vũ Dung, Vũ Thuỷ ; Jack Crean h.đ. - H. : Thế giới, 2025. - 287 tr. : bìa ; 21 cm. - 97000đ. - 500b s607889

1234. Vũ Dung. Trạng từ trong tiếng Anh / Vũ Dung, Vũ Thuỷ ; Jack Crean h.đ. - H. : Dân trí, 2025. - 287 tr. ; 21 cm. - 98000đ. - 500b s607891

1235. Vũ Dung. Từ đúng, từ sai trong tiếng Anh / Vũ Dung, Vũ Thuỷ ; Jack Crean h.đ. - H. : Dân trí, 2025. - 316 tr. ; 21 cm. - 109000đ. - 500b s607892

KHOA HỌC TỰ NHIÊN

1236. Bài tập cơ bản và nâng cao Khoa học tự nhiên 8 / Cao Cự Giác (ch.b.), Nguyễn Văn Cần, Nguyễn Thanh Mai, Nguyễn Huỳnh Hữu Tài. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 180 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 90000đ. - 2000b s607432

1237. Bài tập phát triển năng lực môn Khoa học tự nhiên 8 / Trần Trung Ninh (ch.b.), Nguyễn Đức Mậu, Nguyễn Thị Mai... - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 235 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 105000đ. - 2000b s607430

1238. Bài tập phát triển năng lực môn Khoa học tự nhiên 9 / Trần Trung Ninh (ch.b.), Nguyễn Mậu Đức, Nguyễn Thị Mai... - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 239 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 108000đ. - 2000b s607431

1239. Dạy học Khoa học tự nhiên 6 / Ch.b.: Mai Văn Hưng (tổng ch.b.), Lê Chí Nguyễn, Lê Thị Phượng... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 299 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 120000đ. - 200b

Thư mục: tr. 296 s607662

1240. Dạy học Khoa học tự nhiên 7 / Ch.b.: Mai Văn Hưng (tổng ch.b.), Lê Chí Nguyễn, Lê Thị Phượng... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 269 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 108000đ. - 200b

Thư mục: tr. 264-265 s607665

1241. Kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh môn Khoa học tự nhiên : Biên soạn theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 / Phạm Thị Bích Đào, Phan Thị Thanh Hội, Đào Văn Toàn (ch.b.)... - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 299 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 119000đ. - 1000b s606704

1242. Kiến thức cần nhớ Khoa học tự nhiên 9 : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Mai Trọng Ý. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 18 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 85000đ. - 2000b s607698

1243. Kỹ thuật đọc đề giải nhanh Toán Lý Hoá 8 / Weupbooks b.s. - H. : Dân trí, 2025. - 205 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 160000đ. - 20000b s607995

1244. Take notes Khoa học tự nhiên 6 / Thuỳ Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 43 tr. : minh hoạ ; 20 cm. - 60000đ. - 10000b s606789

1245. Take notes Khoa học tự nhiên 7 / Thuỳ Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 43 tr. : hình vẽ, bảng ; 20 cm. - 60000đ. - 10000b s606790

1246. Take notes Khoa học tự nhiên 8 / Thuỳ Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 51 tr. : hình vẽ, bảng ; 20 cm. - 60000đ. - 10000b s606791

1247. Take notes Khoa học tự nhiên 9 / Thuỳ Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 54 tr. : minh hoạ ; 20 cm. - 60000đ. - 10000b s606792

TOÁN HỌC

1248. Bài tập phát triển năng lực Toán 7 / Nguyễn Đức Tấn, Phạm Văn Tường, Nguyễn Đức Hoà. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 74000đ. - 1500b T.1. - 2025. - 145 tr. : minh hoạ s607450

1249. Bài tập theo chủ đề Toán 9 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Đinh Thế Tho. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 50000đ. - 1000b T.1. - 2025. - 125 tr. : hình vẽ s607695

1250. Bảng tổng hợp công thức Toán THCS : Tóm tắt kiến thức Toán lớp 6, 7, 8, 9... - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 33 tr. : minh hoạ ; 25 cm. - (Học thông minh - Tinh trí não). - 190000đ. - 5000b s606908

1251. Beyond Limits - 15 đề thi minh họa tốt nghiệp THPT môn Toán / Nguyễn Hiếu Trung, Phạm Thị Huyền Trang. - H. : Dân trí, 2025. - 103 tr. : minh họa ; 27 cm. - 150000đ. - 500b s605975

1252. Bộ đề kiểm tra Toán 8 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Bám sát SGK "Cánh Diều" / Trịnh Văn Bằng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 160 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 79000đ. - 1500b s606608

1253. Bồi dưỡng năng lực tự học Toán 11 / Đặng Đức Trọng, Huỳnh Nguyễn Luân Lưu (ch.b.), Nguyễn Thị Duy An... - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 355 tr. : minh họa ; 27 cm. - 140000đ. - 2000b s607445

1254. Cùng bé chinh phục Toán học = Conquer pre-school Math : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho bé 4 - 6 tuổi / Phạm Thị Thanh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 99 tr. : hình vẽ ; 30 cm. - 100000đ. - 3000b s607247

1255. Đào Thu Thủy. Giáo trình Hình học họa hình - Phương pháp hình chiếu thẳng góc / Đào Thu Thủy. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 207 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 173000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. - Phụ lục: tr. 165-205. - Thư mục: tr. 206 s607125

1256. Đỗ Đức Nhuận. Một số tính chất bền vững của hệ điều khiển tuyến tính / Đỗ Đức Nhuận. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 223 tr. ; 24 cm. - 150000đ. - 290b
Thư mục: tr. 214-223 s606418

1257. Fisher, Len. Lý thuyết trò chơi ứng dụng trong cuộc sống thường ngày / Len Fisher ; Khánh Trang dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Công Thương, 2025. - 279 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 139000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Rock, paper, scissors s606687

1258. Hướng dẫn giải bài tập Toán 9 : Bám sát sách giáo khoa Kết nối tri thức với cuộc sống / Võ Mộng Trình, Lê Anh Vũ. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 183 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 89000đ. - 1500b s607701

1259. Hướng dẫn học và giải các dạng bài tập Toán 6 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Bám sát SGK "Kết nối tri thức với cuộc sống" / Trịnh Văn Bằng. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - 65000đ. - 1000b
T.2. - 2025. - 139 tr. : minh họa s606293

1260. Hướng dẫn ôn thi vào lớp 10 trung học phổ thông môn Toán : Theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 / Phan Mạnh Trường (ch.b.), Từ Hữu Sơn, Nguyễn Ngọc Hùng, Phan Đăng Nhân. - Nghệ An : Đại học Vinh, 2025. - 223 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 78000đ. - 1000b s607848

1261. Kỹ thuật casio từ A - Z : Dành cho kỳ thi: Trên trường - THPT Quốc gia - TSA - HSA - V-ACT : Áp dụng cho dòng máy CASIO 580 & 880 / Nguyễn Tiến Đạt. - H. : Dân trí, 2025. - 257 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 399000đ. - 3000b s608026

1262. Làm chủ kiến thức Toán bằng sơ đồ tư duy lớp 6 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới Bộ Giáo dục và Đào tạo : Theo sách giáo khoa bộ Kết nối tri thức với cuộc sống / Nguyễn Thị Phương, Đỗ Đường Hiếu, Lê Văn Tiến. - H. : Dân trí. - 24 cm. - 138000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 211 tr. : minh họa s606353

1263. 500 câu hỏi luyện thi đánh giá năng lực theo cấu trúc đề của Đại học Quốc gia Hà Nội - Tư duy định lượng Toán học và Xử lý số liệu : Kèm đáp án - lời giải / Phạm Thị Thu,

Nguyễn Thị Tuyết Mai, Cao Văn Hoà, Bùi Nhật Mai. - H. : Dân trí, 2025. - 311 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 250000đ. - 1000b s608012

1264. Năm chắc kiến thức và kỹ năng Toán 6 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Đức Trường (ch.b.), Đặng Thành Trung, Tô Thị Bình... - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 90000đ. - 1000b

T.1: Số học. - 2025. - 190 tr. : hình vẽ, bảng s607242

1265. Năm chắc kiến thức và kỹ năng Toán 6 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Đức Trường (ch.b.), Đặng Thành Trung, Phạm Thị Ngân Hà... - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 80000đ. - 1000b

T.2: Hình học, xác suất thống kê. - 2025. - 164 tr. : hình vẽ, bảng s607243

1266. Năm chắc kiến thức và kỹ năng Toán 7 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Đức Trường (ch.b.), Tô Thị Bình, Phạm Thị Liên... - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 95000đ. - 1000b

T.1: Đại số. - 2025. - 222 tr. : hình vẽ, bảng s607244

1267. Năm chắc kiến thức và kỹ năng Toán 7 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Đức Trường, Đặng Thành Trung (ch.b.), Phạm Thị Liên... - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 120000đ. - 1000b

T.2: Hình học, xác suất thống kê. - 2025. - 287 tr. : hình vẽ, bảng s607245

1268. Nền tảng tư duy Toán 12 / Ngọc Huyền LB. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 255 tr. ; 27 cm. - 59000đ. - 5000b

Tên thật tác giả: Vũ Thị Ngọc Huyền s607424

1269. Nguyễn Thị Nhung. Giáo trình Thống kê ứng dụng với R và RStudio / Nguyễn Thị Nhung. - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2025. - 438 tr. : bảng, biểu đồ ; 27 cm. - 225000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thăng Long. - Thư mục: tr. 425-426. - Phụ lục: tr. 431-438 s605928

1270. Ôn hè Toán 6 : Dành cho học sinh lớp 6 lên lớp 7 : Theo Chương trình Sách giáo khoa mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 68 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 40000đ. - 10000b s607259

1271. Ôn luyện cơ bản và nâng cao Toán 6 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Thị Tuyền, Ngô Thị Hà, Đỗ Anh Thư. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 75000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 172 tr. : minh hoạ s607436

1272. Ôn luyện cơ bản và nâng cao Toán 7 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Bám sát Bộ sách Cánh Diều / Nguyễn Thị Tuyền, Trần Thủy Trúc, Phạm Thị Huyền Trang, Đỗ Anh Thư. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 80000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 203 tr. : minh hoạ s607437

1273. Ôn luyện cơ bản và nâng cao Toán 7 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Bám sát SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Nguyễn Thị Tuyền, Đỗ Anh Thư, Trần Thủy Trúc, Phạm Thị Huyền Trang. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 75000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 155 tr. : hình vẽ, bảng s607433

1274. Ôn luyện cơ bản và nâng cao Toán 8 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Thị Tuyền, Ngô Thị Hà, Phạm Thị Huyền Trang, Đinh Thị Mỹ Bình. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Cánh Diều). - 80000đ. - 5000b

- T.1. - 2025. - 203 tr. : minh hoạ s607438
1275. Ôn luyện cơ bản và nâng cao Toán 8 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Thị Tuyền, Ngô Thị Hà, Phạm Thị Huyền Trang, Đinh Thị Mỹ Bình. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống). - 75000đ. - 5000b
- T.1. - 2025. - 175 tr. : minh hoạ s607434
1276. Ôn luyện cơ bản và nâng cao Toán 8 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Thị Tuyền, Ngô Thị Hà, Phạm Thị Huyền Trang, Trần Thủy Trúc. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Cánh Diều). - 70000đ. - 5000b
- T.2. - 2025. - 139 tr. : minh hoạ s607439
1277. Ôn luyện cơ bản và nâng cao Toán 8 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Thị Tuyền, Ngô Thị Hà, Phạm Thị Huyền Trang, Trần Thủy Trúc. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống). - 75000đ. - 5000b
- T.2. - 2025. - 171 tr. : minh hoạ s607435
1278. Ôn tập - Kiểm tra nâng cao và phát triển năng lực Toán 6 / Nguyễn Đức Tấn, Nguyễn Bình Dương, Tạ Hồ Thị Dung. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 45000đ. - 2000b
- T.1. - 2025. - 98 tr. : hình vẽ, bảng s607378
1279. Phạm Thị Vui. Giáo trình Quy hoạch tuyến tính / Phạm Thị Vui (ch.b.), Lê Phương Thảo. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 109 tr. : bảng ; 28 cm. - 87000đ. - 300b
- Thư mục: tr. 109 s605920
1280. Phát triển năng lực tự học Toán 8 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Đức Tấn (ch.b.), Võ Mộng Trình, Trần Văn Đô. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 89 tr. : hình vẽ ; 29 cm. - 89000đ. - 5000b s607386
1281. Phân loại và phương pháp giải Toán bất đẳng thức : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Vasile Cirtoaje, Võ Quốc Bá Cẩn, Trần Quốc Anh. - Tái bản lần 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 300 tr. ; 24 cm. - 135000đ. - 1000b
- Thư mục cuối chính văn s607761
1282. Phương pháp giải các dạng toán thực tế 6 : Tài liệu dùng chung cho các bộ sách / Vũ Văn Thiện, Nguyễn Tín, Hồ Lộc Thuận... - H. : Dân trí, 2025. - 174 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 118000đ. - 1900b s607964
1283. Phương pháp sơ cấp giải các bài Toán số học / Nguyễn Hoàng Tiến Đạt, Nguyễn Tú Oanh, Đỗ Việt Huy... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 227 tr. : bảng ; 24 cm. - 100000đ. - 1000b
- Thư mục: tr. 227 s607674
1284. Phương pháp tư duy tìm cách giải toán Đại số 8 : Dung chung cho các bộ SGK hiện hành / Nguyễn Toàn Anh. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 240 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 110000đ. - 1000b s607856
1285. Rèn kĩ năng giải Toán lớp 7 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới... / Nguyễn Đức Tấn, Thái Nhật Phương, Bùi Anh Trang. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 85000đ. - 3000b
- T.2. - 2025. - 178 tr. : hình vẽ, bảng s607444

1286. Rèn kĩ năng học tốt Toán 7 : Hỗ trợ phát triển năng lực giải toán / Nguyễn Đức Tấn (ch.b.), Nguyễn Thị Kim Yến Chi, Tạ Hoàng Đồng. - Tái bản lần 6. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 207 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 85000đ. - 3000b s607447

1287. Take notes Toán 8 / Thuỳ Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 35 tr. : hình vẽ ; 20 cm. - 60000đ. - 10000b s606778

1288. Toán nâng cao lớp 9 : Bồi dưỡng và phát triển năng lực Toán / Nguyễn Đức Tấn, Nguyễn Đức Hoà, Trần Văn Đô... - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 63000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 138 tr. : minh hoạ s607380

1289. Toán thực tế lớp 9 : 9 chuyên đề... / Vũ Văn Thiện, Lê Trung Nguyên (ch.b.), Hồ Lộc Thuận... - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 166 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 76000đ. - 2000b s607440

1290. Toán tư duy = Beginning creative Math : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho bé 4 - 6 tuổi / Phạm Thị Thanh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 103 tr. : minh hoạ ; 30 cm. - (Giúp bé phát triển chỉ số sáng tạo CQ). - 110000đ. - 5000b s607246

1291. Toán tư duy : Dành cho trẻ em 3 - 4 tuổi / Thanh Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 112 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Trò chơi Toán học. Học mà chơi, chơi mà học). - 98000đ. - 5000b s607294

1292. Tổng ôn toàn diện 360° Toán 12 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới... / Vũ Ngọc Anh, Nguyễn Chí Nhân, Phạm Ngọc Lam Trường... - H. : Dân trí, 2025. - 479 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 300000đ. - 2000b s608016

1293. Tuyển tập 3 chủ đề hay và khó: Xác suất có điều kiện - Một số yếu tố của lý thuyết đồ thị - Một số ứng dụng của toán học trong bài toán tối ưu và tài chính : Bám sát chương trình GDPT 2018 : Dành cho học sinh cấp 3 và thi tốt nghiệp / Vũ Văn Thiện, Lương Văn Huy, Nguyễn Quang Hợp... - H. : Dân trí, 2025. - 278 tr. : minh hoạ ; 30 cm. - 234000đ. - 1900b s605976

1294. Tư duy Toán 12 / Cung Thế Anh, Ngọc Huyền LB. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 399 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 250000đ. - 5000b

Tên thật tác giả: Vũ Thị Ngọc Huyền s607443

1295. Tự học - Nâng cao kiến thức Toán 7 : Cơ bản - nâng cao - ôn tập - tự luận và trắc nghiệm / Lê Hồng Đức (ch.b.), Đỗ Hoàng Hà, Lê Hoàng Nam... - Tái bản lần 5. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 311 tr. : hình vẽ, bảng ; 26 cm. - 130000đ. - 3000b s607442

1296. Xác suất - thống kê : Dành cho khối ngành Nông - Lâm : Tài liệu tham khảo / Lê Đình Lương (ch.b.), Mai Hải Châu, Lê Văn Cường, Trần Thị Bích Hường. - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2025. - 385 tr. : bảng ; 27 cm. - 337000đ. - 90b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Lâm nghiệp. - Phụ lục: tr. 366-381. - Thư mục: tr. 383-385 s607157

1297. Xu hướng giáo dục Toán học phổ thông / Nguyễn Danh Nam (ch.b.), Trần Trung, Nguyễn Tiến Trung... - Thái Nguyên : Đại học Thái Nguyên, 2025. - 551 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 300000đ. - 100b

Thư mục cuối mỗi chương s605771

THIÊN VĂN HỌC

1298. Cuốn sách khổng lồ về các ngôi sao và các hành tinh = Big book of stars and planets : Dành cho trẻ em từ 5 - 15 tuổi / Emily Bone ; Tranh: Fabiano Fiorin ; Quách Cẩm Phương dịch. - In lần thứ 9. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 29 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 168000đ. - 1000b s607168

1299. Gater, Will. Bách khoa thư kỳ thú về Vũ trụ / Will Gater ; Minh hoạ: Angela Rizza, Daniel Long ; Thuỳ Dương dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 224 tr. : hình vẽ, ảnh ; 28 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 350000đ. - 1000b s607355

VẬT LÝ

1300. Beyond Limits - 15 đề thi minh hoạ tốt nghiệp THPT môn Vật lý / Dương Văn Hiếu, Hoàng Thị Yến Nhi. - H. : Dân trí, 2025. - 91 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 150000đ. - 500b s605968

1301. 45 mô hình Vật lý thực tế - Vật lý 12 : Áp dụng cho kì thi tốt nghiệp THPT từ năm 2025. Theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Vũ Ngọc Anh, Trần Quốc Tuấn, Đinh Hoàng Tùng. - H. : Dân trí, 2025. - 140 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 200000đ. - 5000b s608009

1302. Huỳnh Vĩnh Phúc. Tính chất quang - từ của các hệ thấp chiều : Sách chuyên khảo / Huỳnh Vĩnh Phúc. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - xxii, 224 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 180000đ. - 300b

Thư mục: tr. 209-224. - Phụ lục cuối chính văn s607680

1303. Khoa học tích hợp - Sách bài tập Vật lý = Combined and co-ordinated sciences : Chỉ dùng cho Vinschool / Mary Jones, Richard Harwood, Ian Lodge, David Sang ; Dịch: Nguyễn Lâm Duy... ; H.đ.: Đặng Đình Long... - H. : Thế giới, 2025. - 136 tr. : minh hoạ ; 28 cm. - 2500b s607950

1304. Khoa học tích hợp - Sách giáo khoa Vật lý = Combined and co-ordinated sciences : Chỉ dùng cho Vinschool / Mary Jones, Richard Harwood, Ian Lodge, David Sang ; Dịch: Nguyễn Lâm Duy... ; H.đ.: Đặng Đình Long... - H. : Thế giới, 2025. - 334 tr. : minh hoạ ; 28 cm. - 2500b s607949

1305. Nguyễn Văn Mện. Vật lý cho Tin học / Nguyễn Văn Mện (ch.b.), Đồng Thị Kim Phượng, Trương Tín Thành. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - xxiv, 324 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 160000đ. - 800b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học An Giang. - Thư mục: tr. 323 s607788

1306. Take notes Vật lý THCS / Thuỳ Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 58 tr. : minh hoạ ; 20 cm. - 60000đ. - 10000b s606783

1307. Trọng tâm lý thuyết tốt nghiệp phổ thông môn Vật lý / Lại Đắc Hợp, Nghiêm Xuân Tân. - H. : Dân trí, 2025. - 205 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 99000đ. - 10000b s608023

HOÁ HỌC

1308. 360° lý thuyết Hoá học 12 : Lý thuyết hữu cơ - Lý thuyết vô cơ / Nguyễn Anh Phong. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 447 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 300000đ. - 5000b s607358

1309. Beyond Limits - 15 đề thi minh hoạ tốt nghiệp THPT môn Hoá / Nguyễn Kim Cúc, Lê Đăng Bảo Khanh. - H. : Dân trí, 2025. - 131 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 150000đ. - 500b s605974

1310. Bồi dưỡng học sinh giỏi Hoá học 8 : Phiên bản mới nhất : Tài liệu dành cho: Học sinh giỏi và chuyên Hoá học. Sinh viên sư phạm Hoá học. Giáo viên dạy bồi dưỡng học sinh giỏi Hoá học / Cao Cự Giác. - H. : Dân trí, 2025. - 214 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 79000đ. - 500b s606317

1311. Chinh phục đề thi 9 vào 10 chuyên Hoá học : Đề thi vào lớp 10 chuyên Hoá của các trường nổi tiếng trên toàn quốc. Phân tích, giải chi tiết và bình luận / Lưu Văn Dầu. - H. : Dân trí, 2025. - 630 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 189000đ. - 500b s607998

1312. Đặng Văn Sửu. Giáo trình Các phương pháp xác định cấu trúc hợp chất hữu cơ / Đặng Văn Sửu. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - ix, 147 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 55000đ. - 500b
Thư mục: tr. 147 s607782

1313. Đỗ Quang Minh. Hoá lý silicat : Giáo trình cho sinh viên ngành Công nghệ silicat / Đỗ Quang Minh. - Tái bản lần thứ 2 có sửa chữa, bổ sung. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 406 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 98000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. Trường Đại học Bách Khoa. - Thư mục: tr. 397-406 s607819

1314. Giáo trình Giảng dạy đại học: Thực tập Hoá phân tích / B.s.: Nguyễn Đức Tuấn, Phan Thanh Dũng (ch.b.), Vĩnh Định... - Tái bản lần thứ 3, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Y học, 2025. - xii, 155 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 60000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh - Khoa Dược. Bộ môn Phân tích - Kiểm nghiệm s607543

1315. Giáo trình Hoá học / B.s.: Nguyễn Thị Thu Trâm (ch.b.), Lê Minh Nhân, Nguyễn Quốc Châu Thanh, Hoàng Minh Đăng. - H. : Y học, 2025. - 243 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 85000đ. - 1500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Hoá học. - Thư mục: tr. 243 s607476

1316. Hoá phân tích : Giáo trình giảng dạy đại học / B.s.: Vĩnh Định, Võ Thị Bạch Huệ (ch.b.), Nguyễn Đức Tuấn... - Tái bản lần thứ 3, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Y học. - 27 cm. - 125000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Phân tích - Kiểm nghiệm T.2. - 2025. - vi, 341 tr. : hình vẽ, bảng. - Thư mục: tr. 341 s607494

1317. Huỳnh Thị Thanh Trúc. Thí nghiệm Hoá đại cương A - Kỹ thuật hoá học / Ch.b.: Huỳnh Thị Thanh Trúc, Nguyễn Văn Hồng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 135 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 38000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học An Giang. - Phụ lục: tr. 126-134. - Thư mục: tr. 135 s607799

1318. Khoa học tích hợp - Sách bài tập Hoá học = Combined and co-ordinated sciences : Chỉ dùng cho Vinschool / Mary Jones, Richard Harwood, Ian Lodge, David Sang ; Dịch: Nguyễn Ngọc Hưng... ; H.đ.: Đặng Đình Long... - H. : Thế giới, 2025. - 139 tr. : minh hoạ ; 28 cm. - 2500b s607948

1319. Khoa học tích hợp - Sách giáo khoa Hoá học = Combined and co-ordinated sciences : Chỉ dùng cho Vinschool / Mary Jones, Richard Harwood, Ian Lodge, David Sang ; Dịch: Nguyễn Ngọc Hưng... ; H.đ.: Đặng Đình Long... - H. : Thế giới, 2025. - 303 tr. : minh hoạ ; 28 cm. - 2500b s607947

1320. Làm chủ kiến thức 10 môn Hoá học / Nguyễn Anh Phong. - H. : Dân trí. - 30 cm. - 200000đ. - 3000b

- T.1. - 2025. - 205 tr. : hình vẽ, bảng s605966
1321. Làm chủ kiến thức môn Hoá học 10 / Nguyễn Anh Phong. - H. : Dân trí. - 30 cm. - 200000đ. - 3000b
- T.2. - 2025. - 190 tr. : minh hoạ s605967
1322. 50 đề minh hoạ tốt nghiệp THPT 2025 môn Hoá học / Trần Công Minh, Lê Quỳnh Trang, Phạm Kim Oanh, Phạm Hùng Vương. - H. : Dân trí, 2025. - 373 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 200000đ. - 20000b s608027
1323. Nguyễn Thị Nga. Giáo trình thực hành Hoá phân tích : Dành cho đào tạo cao đẳng ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học / B.s.: Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Thị Quyên (ch.b.), Lê Thị Hải Yến. - H. : Y học, 2025. - 61 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 345000đ. - 50b
ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 61 s607563
1324. Nguyễn Thị Quyên. Giáo trình Lý thuyết Hoá phân tích : Dành cho đào tạo cao đẳng ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học / B.s.: Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Thị Quyên (ch.b.), Lê Thị Hải Yến. - H. : Y học, 2025. - 143 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 575000đ. - 50b
ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 142 s607565
1325. Phạm Thị Bé. Giáo trình Động học xúc tác / Phạm Thị Bé b.s. - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2025. - 266 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 235000đ. - 100b
Thư mục: tr. 266 s606713
1326. Phan Thanh Sơn Nam. Bài tập Hoá hữu cơ / Phan Thanh Sơn Nam. - Tái bản lần thứ 7. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 622 tr. ; 24 cm. - 141000đ. - 500b
ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh. Trường Đại học Bách khoa. - Thư mục: tr. 621-622 s607818
1327. Take notes Hoá học THCS / Thuỳ Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 48 tr. : minh hoạ ; 20 cm. - 60000đ. - 10000b s606793
1328. Tổng ôn Hoá học / Trần Công Minh, Lê Quỳnh Trang, Phạm Kim Oanh. - H. : Dân trí. - 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 200000đ. - 30000b
T.2. - 2025. - 422 tr. : minh hoạ s605957
1329. Tự học Hoá học lớp 10 / Trần Công Minh, Lê Quỳnh Trang, Phạm Hùng Vương. - H. : Dân trí. - 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 200000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 444 tr. : minh hoạ s605940
1330. Tự học Hoá học lớp 11 / Trần Công Minh, Lê Quỳnh Trang, Phạm Hùng Vương. - H. : Dân trí. - 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 200000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 472 tr. : minh hoạ s605941

KHOA HỌC VỀ TRÁI ĐẤT

1331. Bách khoa thư về phát triển kỹ năng - Địa lý / John Woodward, John Farndon, Felicity Maxwell... ; Ngọc Anh dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 256 tr. : minh hoạ ; 23 cm. - 280000đ. - 2000b s606814

KHOA HỌC VỀ SỰ SỐNG, SINH VẬT HỌC

1332. Beyond Limits - 15 đề thi minh hoạ tốt nghiệp THPT môn Sinh / Phan Văn Khải. - H. : Dân trí, 2025. - 139 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 150000đ. - 500b s605969

1333. Bồi dưỡng Sinh học 10 : Theo Chương trình THPT 2018 / Nguyễn Tấn Thành, Nghiêm Xuân Chiến, Đỗ Thanh Phôn, Phạm Quang Minh. - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2025. - 304 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Bộ sách Alpha Biology). - 199000đ. - 1000b s605825

1334. Giáo trình giảng dạy đại học: Thực tập vi sinh / B.s.: Nguyễn Tú Anh, Nguyễn Minh Thái (ch.b.), Lê Tuấn Anh... - H. : Y học, 2025. - viii, 151 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 110000đ. - 2200b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Khoa Dược. Bộ môn Vi sinh ký sinh. - Thư mục: tr. 106-107. - Phụ lục: tr. 108-132 s607525

1335. Khoa học tích hợp - Sách bài tập Sinh học = Combined and co-ordinated sciences : Chỉ dùng cho Vinschool / Mary Jones, Richard Harwood, Ian Lodge, David Sang ; Dịch: Lê Phan Quốc... ; H.đ.: Đặng Đình Long... - H. : Thế giới, 2025. - 95 tr. : minh hoạ ; 28 cm. - 2500b s607946

1336. Khoa học tích hợp - Sách giáo khoa Sinh học = Combined and co-ordinated sciences : Chỉ dùng cho Vinschool / Mary Jones, Richard Harwood, Ian Lodge, David Sang ; Dịch: Lê Phan Quốc... ; H.đ.: Đặng Đình Long... - H. : Thế giới, 2025. - 233 tr. : minh hoạ ; 28 cm. - 2500b s607945

1337. Lê Diễm Kiều. Giáo trình Sinh thái môi trường / Lê Diễm Kiều. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - ix, 206 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 185000đ. - 120b
Thư mục: tr. 200-205 s605894

1338. Rèn kĩ năng giải nhanh bài Toán di truyền : Ôn thi THPT. Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Phan Khắc Nghệ. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 331 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 150000đ. - 1000b s607760

1339. Sinh học phân tử : Dành cho học viên đại học khối ngành sức khỏe / Ch.b.: Nguyễn Hữu Ngọc Tuấn, Nguyễn Minh Hà. - H. : Y học, 2025. - xvi, 231 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 120000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch. Khoa Khoa học cơ bản - Y học cơ sở. Bộ môn Hoá sinh - Sinh học phân tử y học. - Tên sách ngoài bìa: Giáo trình giảng dạy sau đại học Sinh học phân tử. - Thư mục cuối mỗi bài s607593

1340. Take notes Sinh học THCS / Thuỳ Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 79 tr. : hình vẽ, bảng ; 20 cm. - 60000đ. - 1000b s606784

1341. Tuyển tập báo cáo toàn văn: Hội nghị Năm học toàn quốc lần thứ VI - Năm 2024 = Proceedings: The 6th VietNam national mycology conference - 2024 : Thành phố Đà Nẵng, ngày 07 - 09 tháng 11 năm 2024 / Lê Thanh Huyền, Mai Thị Phương, Lê Văn Sơn... - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2025. - 289 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Hội Năm học Việt Nam; Trung tâm Công nghệ sinh học Đà Nẵng. - Thư mục cuối mỗi bài s605929

ĐỘNG VẬT

1342. Trương Công Kiên. Phác đồ Sinh về đích : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Trương Công Kiên (ch.b.), Phạm Ngọc Ánh, Nguyễn Thế Phương. - H. : Dân trí, 2025. - 307 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 400000đ. - 2000b s606362

CÔNG NGHỆ

1343. Hoá học và đời sống : Sách chuyên khảo / Phạm Thị Kim Giang, Phạm Ngọc Sơn (ch.b.), Đặng Thị Thuận An... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 150000đ. - 200b
T.2. - 2025. - 297 tr. : minh hoạ. - Thư mục: tr. 289-297 s606593

1344. Jackson, Tom. Công nghệ xanh – Vì một thế giới trong lành = Basher science mini - Green technology : 9+ / Tom Jackson ; Minh hoạ: Simon Basher ; Lê Nguyễn Phi Cát dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 81 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Phiêu lưu cùng STEM). - 65000đ. - 1500b s606481

1345. Kay, Adam. Những khối óc sáng chói của Kay = Kay's brilliant brains : Sách dành cho học giả từ 8 - 99+ / Adam Kay ; Minh hoạ: Henry Parker ; Bùi Phương Anh dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 87 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 40000đ. - 2000b s606864

1346. Phạm Văn Nhuận. Bài giảng Về kỹ thuật và hướng dẫn sử dụng AutoCAD : Dành cho sinh viên Trường Cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội / Phạm Văn Nhuận, Nguyễn Văn Nhiên. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 124 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 65000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 122 s607087

Y HỌC

1347. Aihara, Herman. Axit và kiềm trong thực dưỡng / Herman Aihara ; Hoàng Lan dịch. - In lần 8. - H. : Thế giới, 2025. - 214 tr. : hình vẽ, bảng ; 19 cm. - 89000đ. - 1500b
Tên sách tiếng Anh: Acid and alkaline. - Thư mục: tr. 207-211 s607920

1348. Bài giảng bệnh học Ngoại khoa : Dành cho sinh viên năm thứ sáu / B.s.: Dương Đức Hùng, Đoàn Quốc Hưng (ch.b.), Nguyễn Tiến Quyết... - Tái bản lần thứ 3 có sửa chữa, bổ sung. - H. : Y học, 2025. - 387 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 155000đ. - 1000b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Ngoại. - Thư mục cuối mỗi bài s607595

1349. Bài giảng Nhi khoa : Dành cho đào tạo bác sĩ y khoa / B.s.: Bùi Quang Nghĩa, Trần Quang Khải (ch.b.), Nguyễn Minh Phương... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Y học. - 27 cm. - 90000đ. - 1000b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Nhi
T.1. - 2025. - 167 tr. : minh hoạ. - Thư mục: tr. 166-167 s607479

1350. Bài giảng Nhi khoa : Dành cho đào tạo bác sĩ y khoa / B.s.: Trần Quang Khải, Lê Thị Thuý Loan (ch.b.), Nguyễn Minh Phương... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Y học. - 27 cm. - 90000đ. - 1000b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Nhi
T.2. - 2025. - 167 tr. : minh hoạ. - Thư mục: tr. 166-167 s607480

1351. Bài giảng Nhi khoa : Dành cho đào tạo bác sĩ y khoa / B.s.: Lê Thị Thuý Loan, Bùi Quang Nghĩa (ch.b.), Nguyễn Minh Phương... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Y học. - 27 cm. - 95000đ. - 1000b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Nhi
T.3. - 2025. - x, 177 tr. : minh hoạ. - Thư mục: tr. 176 s607481

1352. Bào chế và sinh dược học / B.s.: Nguyễn Đăng Hoà (ch.b.), Vũ Thị Thu Giang, Nguyễn Thị Mai Anh... - Xuất bản lần thứ 3. - H. : Y học. - 27 cm. - 140000đ. - 600b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Dược Hà Nội. Bộ môn Bào chế
T.1. - 2025. - 299 tr. - Thư mục: tr. 299 s607511

1353. Bào chế và sinh dược học : Sách đào tạo dược sĩ đại học / B.s.: Phạm Thị Minh Huệ (ch.b.), Võ Xuân Minh, Vũ Thị Thu Giang... - Xuất bản lần thứ 3. - H. : Y học. - 27 cm. - 115000đ. - 600b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Dược Hà Nội. Bộ môn Bào chế
T.2. - 2025. - 243 tr. : minh hoạ. - Thư mục: tr. 242-243 s607578

1354. Bệnh da bọng nước tự miễn : Sách tham khảo / B.s.: Lê Thái Vân Thanh (ch.b.), Văn Thế Trung, Trần Ngọc Ánh... - H. : Y học, 2025. - xviii, 277 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 290000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Da liễu. - Thư mục cuối mỗi chương s607483

1355. Bệnh động mạch chi dưới: Cập nhật chẩn đoán và điều trị : Sách chuyên khảo / B.s.: Hồ Anh Bình, Hoàng Anh Tiến (ch.b.), Nguyễn Tá Đông... - Huế : Đại học Huế, 2025. - x, 395 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 250000đ. - 300b

Thư mục cuối mỗi chương s606377

1356. Bệnh học : Dành cho đào tạo Cao đẳng - Ngành Dược / B.s.: Nguyễn Minh An (ch.b.), Trần Thanh Tâm, Trần Thuý Liễu... - H. : Y học, 2025. - 291 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 955000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục cuối mỗi bài s607596

1357. Bệnh học nội khoa Thận - Tiết niệu : Giáo trình dùng cho đào tạo sau đại học / B.s.: Đỗ Gia Tuyền (ch.b.), Hà Phan Hải An, Đặng Thị Việt Hà... - Xuất bản lần thứ 2, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Y học. - 27 cm. - 260000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Nội tổng hợp
T.1. - 2025. - 518 tr. : minh hoạ. - Thư mục cuối mỗi chương s607558

1358. Bệnh học nội khoa Thận - Tiết niệu : Giáo trình dùng cho đào tạo sau đại học / B.s.: Đỗ Gia Tuyền (ch.b.), Hà Phan Hải An, Đặng Thị Việt Hà... - Xuất bản lần thứ 2, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Y học. - 27 cm. - 325000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Nội tổng hợp
T.2. - 2025. - 639 tr. : minh hoạ. - Thư mục cuối mỗi chương s607555

1359. Bệnh học răng : Giáo trình giảng dạy đại học / B.s.: Phạm Văn Khoa (ch.b.), Bùi Huỳnh Anh, Huỳnh Thị Thuý Trang... - H. : Y học. - 27 cm. - 190000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Chữa răng - Nội nha

T.1. - 2025. - 261 tr. : minh hoạ. - Thư mục cuối mỗi bài s607505

1360. Bệnh lý nội khoa người cao tuổi - Tiếp cận qua ca lâm sàng : Sách chuyên khảo / B.s.: Nguyễn Văn Trí, Nguyễn Hoàng Hải (ch.b.), Lê Thị Kim Nhung... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - xiv, 175 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 120000đ. - 1700b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Khoa Y. Bộ môn Nội tổng quát. - Thư mục cuối mỗi bài s607778

1361. Bí kíp dậy thì thành công : Cẩm nang trở thành phiên bản xịn nhất của bạn : Dành cho bạn nam : 10 - 15 tuổi. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 84 tr. : tranh vẽ ; 26 cm. - 299000đ. - 2000b s606815

1362. Bí kíp dậy thì thành công : Cẩm nang trở thành phiên bản xịn nhất của bạn : Dành cho bạn nữ : 10 - 15 tuổi. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 92 tr. : tranh vẽ ; 26 cm. - 299000đ. - 2000b s606816

1363. Bickley, Lynn S. Hướng dẫn khám lâm sàng & hỏi bệnh sử Bates = Bates' guide to physical examination and history taking / Lynn S. Bickley, Peter G. Szilagyi, Richard M. Hoffman ; Dịch: Nguyễn Huỳnh Kim Ngân... - Tái bản. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 1009 tr. ; 30 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 1000000đ. - 300b s607388

1364. Bollinger, Ty. Ung thư : Sự thật, hư cấu, gian lận và những phương pháp chữa lành không độc hại / Ty Bollinger ; Nguyễn Anh Tuấn dịch. - In lần 19. - H. : Thế giới, 2025. - 523 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 219000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: Cancer - Step outside the box. - Phụ lục: tr. 491-523 s607935

1365. Bò Đề Đạt Ma. Dịch cân kinh : Bí quyết dưỡng sinh, tăng cường thể lực... / Bò Đề Đạt Ma ; Toàn Chân biên dịch. - Tái bản. - H. : Dân trí, 2025. - 327 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 128000đ. - 2000b s607974

1366. Bò Đề Đạt Ma. Tẩy tủy kinh / Bò Đề Đạt Ma ; Toàn Chân biên dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 147 tr. : sơ đồ ; 21 cm. - 68000đ. - 2000b

Phụ lục: tr. 126-147 s607975

1367. Cao Thi. Cổ định ngoài : Sách chuyên khảo / Cao Thi. - H. : Y học, 2025. - 171 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 250000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Chấn thương chỉnh hình và Phục hồi chức năng. - Thư mục cuối mỗi chương s607518

1368. Cao Xuân Thuỷ. Giáo trình Sinh lý tiêu hoá, hấp thu và chuyển hoá các chất dinh dưỡng / Cao Xuân Thuỷ (ch.b.), Nguyễn Thuý Hà, Nguyễn Thị Thu Sang. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - xii, 202 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 60000đ. - 500b

Thư mục: tr. 202 s607775

1369. Cẩm nang An toàn người bệnh dành cho điều dưỡng / B.s.: Thân Trọng Hưng (ch.b.), Vũ Thanh Giang, Nguyễn Thị Hoài Thu... - H. : Y học, 2025. - viii, 73 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang; Viện Đào tạo Y học Dự phòng và Y tế công cộng. - Thư mục: tr. 72-73 s606924

1370. Cẩm nang Sống khoẻ cùng bệnh giảm tiểu cầu miễn dịch. - H. : Y học, 2025. - 19 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 1000b

Thư mục cuối chính văn s607630

1371. Cẩm nang Sức khoẻ phòng chống đột quỵ / Trần Chí Cường, Châu Thị Thuý Liễu, Bùi Thị Bích... ; B.s.: Trần Chí Cường (ch.b.), Hồ Kim Cương ; Hình ảnh: Hồ Kim Cương... - H. : Thế giới, 2025. - 221 tr. : hình vẽ, ảnh ; 21 cm. - 125000đ. - 10000b s607914

1372. Cấn Văn Mão. Liệu pháp tế bào CAR-T trong điều trị bệnh bạch cầu cấp dòng lympho : Kỹ thuật tạo khối tế bào CAR-T... / Cấn Văn Mão ch.b. - H. : Y học, 2025. - 301 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 220000đ. - 200b

Thư mục: tr. 275-301 s607643

1373. Cấp cứu hồi sức nhi khoa - Triệu chứng, chẩn đoán và điều trị / B.s.: Phạm Văn Thắng (ch.b.), Lê Thị Thuý Dung, Hoàng Kim Lâm... - Tái bản lần thứ 1 có sửa chữa, bổ sung. - H. : Y học. - 22 cm. - 180000đ. - 600b

T.1. - 2025. - 342 tr. : minh hoạ. - Thư mục: tr. 333-342 s607025

1374. Cấp cứu hồi sức nhi khoa - Triệu chứng, chẩn đoán và điều trị / B.s.: Phạm Văn Thắng (ch.b.), Phạm Thanh Tâm, Lương Thị Phượng... - Tái bản lần thứ 1 có sửa chữa, bổ sung. - H. : Y học. - 22 cm. - 180000đ. - 600b

- T.2. - 2025. - 358 tr. : minh hoạ. - Thư mục: tr. 350-358 s607028
1375. Cấp cứu ngoại khoa Thần kinh : Sách tham khảo / B.s.: Kiều Đình Hùng (ch.b.), Nguyễn Thế Hào, Đồng Văn Hệ... - H. : Y học, 2025. - 418 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 560000đ. - 300b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Ngoại. - Thư mục cuối mỗi bài s607574
1376. Cấp cứu y nha khoa trong thực hành nha khoa / Trần Ngọc Quảng Phi (ch.b.), Hoàng Bùi Hải, Nguyễn Đỗ Anh, Nguyễn Thị Hoàng Trúc. - H. : Y học, 2025. - xii, 355 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 299000đ. - 1000b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Văn Lang. Khoa Răng Hàm Mặt. - Thư mục cuối mỗi bài s607598
1377. Chăm sóc sức khoẻ tâm thần cho nhân viên y tế trong bối cảnh đại dịch COVID-19: Thực trạng và các khuyến nghị chính sách cho Thành phố Hồ Chí Minh : Sách chuyên khảo / Lê Minh Công (ch.b.), Nguyễn Văn Tường, Nguyễn Hoàng Anh Thư, Hứa Đoan Thuý. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - xv, 235 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 300000đ. - 200b
Thư mục: tr. 197-215. - Phụ lục: tr. 216-235 s607796
1378. Chẩn đoán học và các nguyên tắc điều trị cơ bản Y học cổ truyền : Giáo trình đào tạo đại học / B.s.: Vũ Nam, Phạm Quốc Bình, Trần Thị Hồng Ngải (ch.b.)... - H. : Y học, 2025. - 198 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 250000đ. - 200b
ĐTTS ghi: Học viện Y - Dược cổ truyền Việt Nam. Khoa Y học lâm sàng. Bộ môn Y lý Y học cổ truyền. - Thư mục: tr. 198 s607580
1379. Chẩn đoán X-quang chấn thương xương khớp / B.s.: Nguyễn Duy Hùng (ch.b.), Lê Thanh Dũng, Nguyễn Đình Minh. - H. : Y học, 2025. - 346 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 290000đ. - 600b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh. - Thư mục cuối mỗi chương s607485
1380. Church, Dawson. Từ tâm trí đến vật chất = Mind to matter : Khoa học đáng kinh ngạc về cách não bộ của bạn tạo ra thực tế hữu hình / Dawson Church ; Dịch: Thái Phạm, Thu An. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 326 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Tủ sách Phát triển bản thân). - 299000đ. - 1000b s607939
1381. Chuyên đề Tâm thần học / Jill N. Fenske, Ketti Petersen, Lê Hiếu... ; B.s.: Nguyễn Đăng Khoa (ch.b.)... ; Dịch: Trần Thị Minh Ngọc... - H. : Y học. - 27 cm. - 300b
ĐTTS ghi: Liên chi hội Tâm thần học Thành phố Hồ Chí Minh. Bệnh viện Tâm thần
T.1. - 2025. - 143 tr. : minh hoạ. - Thư mục trong mỗi bài s607504
1382. Cơ xương khớp người cao tuổi / B.s.: Võ Thanh Toàn, Lê Đình Thanh (ch.b.), Phan Ngọc Tuấn... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 26 cm. - 170000đ. - 200b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Khoa học sức khoẻ. Bộ môn Chấn thương chỉnh hình
T.1: Nội cơ xương khớp. - 2025. - 243 tr. : minh hoạ. - Thư mục cuối mỗi bài s607813
1383. Cơ xương khớp người cao tuổi / B.s.: Võ Thanh Toàn, Lê Đình Thanh (ch.b.), Phan Ngọc Tuấn... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 26 cm. - 180000đ. - 200b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Khoa học sức khoẻ. Bộ môn Chấn thương chỉnh hình
T.2: Ngoại chấn thương chỉnh hình. - 2025. - 298 tr. : minh hoạ. - Thư mục cuối mỗi bài s607814

1384. Cuốn sách khổng lồ về cơ thể người = Big book of the body : Dành cho trẻ em từ 5 - 15 tuổi / Minna Lacey ; Tranh: Peter Allen ; Quách Cẩm Phương dịch. - In lần thứ 8. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 29 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 168000đ. - 1000b s607169

1385. Dịch tễ học cơ bản : Sách dùng cho các đối tượng đại học / Lê Minh Giang (ch.b.), Nguyễn Bích Diệp, Lê Vĩnh Giang... - H. : Y học, 2025. - 130 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 145000đ. - 900b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Dịch tễ học. - Thư mục cuối mỗi bài s607501

1386. Dinh dưỡng học / B.s.: Đào Thị Yến Phi (ch.b.), Đoàn Thị Ánh Tuyết, Nguyễn Phương Anh, Đoàn Thị Kim Thoa. - Tái bản lần thứ 6, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Y học, 2025. - xvi, 541 tr. : minh hoạ ; 28 cm. - 300000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch. Bộ môn Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm. - Thư mục cuối mỗi bài. - Phụ lục: tr. 415-539 s607548

1387. Đại cương về thẩm mỹ : Dùng cho đào tạo Cao đẳng - Ngành Chăm sóc sắc đẹp / B.s.: Nguyễn Trọng Tấn (ch.b.), Mai Thị Minh Nghĩa, Triệu Thị Thủy... - H. : Y học, 2025. - 111 tr. ; 27 cm. - 490000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 111 s607610

1388. Đào Thị Cẩm Minh. Phát triển một số hoá dược trộn trong chế phẩm dược liệu bằng TLC-SERS : Sách chuyên khảo / Đào Thị Cẩm Minh, Phạm Thị Thanh Hà (ch.b.), Nguyễn Thị Kiều Anh. - Huế : Đại học Huế, 2025. - 149 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 200000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Đại học Huế. Trường Đại học Y - Dược. - Thư mục: tr. 146-149 s606380

1389. Đào Thị Yến Phi. Sống sót vui vẻ - Dinh dưỡng đúng cho ung thư / Đào Thị Yến Phi. - H. : Y học, 2025. - xviii, 443 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 390000đ. - 800b

Phụ lục: tr. 125-438 s607641

1390. Đặng Hoàng Minh. Tâm bệnh học : Sách chuyên khảo / Đặng Hoàng Minh, Hồ Thu Hà, Bahr Weiss. - Tái bản lần 3, có chỉnh sửa. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 579 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 240000đ. - 500b

Thư mục: tr. 515-579 s606603

1391. Đỗ Châu Minh Vĩnh Thọ. Giáo trình Hiệu chuẩn thiết bị phân tích trong phòng thí nghiệm : Dành cho học viên Cao học, Dược sĩ Chuyên khoa I, Kiểm nghiệm Thuốc và Độc chất / Ch.b.: Đỗ Châu Minh Vĩnh Thọ, Nguyễn Thị Ngọc Vân. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 201 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 210000đ. - 100b

Thư mục: tr. 201 s607618

1392. Đỗ Châu Minh Vĩnh Thọ. Giáo trình Kiểm nghiệm dược liệu, đông dược thực phẩm chức năng có nguồn gốc tự nhiên : Dành cho thạc sĩ, dược sĩ chuyên khoa I chuyên ngành Kiểm nghiệm thuốc và Độc chất / B.s.: Đỗ Châu Minh Vĩnh Thọ, Nguyễn Thị Ngọc Vân (ch.b.). - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 245 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 225000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Liên Bộ môn Hoá phân tích - Kiểm nghiệm - Độc chất. - Thư mục: tr. 242-245 s605918

1393. Đỗ Kim Quế. Kỹ thuật cơ bản ghép tạng phổi / Đỗ Kim Quế, Dương Văn Ninh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - xx, 366 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 300000đ. - 500b

Thư mục cuối mỗi bài s607767

1394. Đỗ Thị Ngọc Diệp. Nước và những điều kỳ diệu với sức khỏe / B.s.: Đỗ Thị Ngọc Diệp (ch.b.), Huỳnh Thành Đạt. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 101 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 98000đ. - 3000b s605876

1395. Forest, Fir. Giúp con đạt được chiều cao lý tưởng : Tăng thêm 10 cm không khó / Fir Forest ; Lê Hoàng Bảo Trâm dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Thế giới, 2025. - 121 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 109000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: Our children can grow 10 cm taller. - Thư mục: tr. 119-121 s607900

1396. Gerson, Charlotte. Liệu pháp Gerson : Chương trình dinh dưỡng dành cho bệnh nhân ung thư và các bệnh khác / Charlotte Gerson, Morton Walker ; Mother Nature chuyển ngữ. - H. : Thế giới, 2025. - 569 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 299000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: The Gerson therapy: The proven nutritional program for cancer and other illnesses by Charlotte Gerson and Morton Walker. - Phụ lục: tr. 531-569 s607880

1397. Giải phẫu Bệnh học / B.s.: Nguyễn Văn Hưng (ch.b.), Vũ Công Hoà, Vi Huyền Trác... - Xuất bản lần thứ 9, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Y học, 2025. - 711 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 315000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Giải phẫu bệnh. - Thư mục: tr. 711 s607556

1398. Giải phẫu học : Chương trình Y đa khoa đổi mới / B.s.: Nguyễn Hoàng Vũ (ch.b.), Lê Văn Cường, Nguyễn Huy Bằng... - H. : Y học. - 27 cm. - 180000đ. - 3000b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Giải phẫu học

T.1: Giải phẫu đại cương : Module: Tim mạch - Hô hấp - Tiết niệu. - 2025. - vi, 237 tr. : hình vẽ, ảnh. - Thư mục cuối mỗi bài s607507

1399. Giải phẫu học : Chương trình Y khoa đổi mới / B.s.: Nguyễn Hoàng Vũ (ch.b.), Lê Văn Cường, Nguyễn Huy Bằng... - H. : Y học. - 27 cm. - 220000đ. - 3000b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Giải phẫu học

T.2: Module: Tiêu hoá - Sinh sản - Cơ xương khớp - Thần kinh - Nội tiết - Giác quan. - 2025. - 437 tr. - Thư mục cuối mỗi bài s607508

1400. Giáo trình Bệnh học hô hấp : Dành cho cao học, bác sĩ nội trú, chuyên khoa I, chuyên ngành Nội khoa / B.s.: Phạm Kim Liên, Nguyễn Tiến Dũng (ch.b.), Dương Hồng Thái... - H. : Y học. - 27 cm. - 185000đ. - 400b

ĐTTS ghi: Đại học Thái Nguyên. Trường Đại học Y - Dược

T.1. - 2025. - 230 tr. : minh hoạ. - Thư mục cuối mỗi bài s607579

1401. Giáo trình Chăm sóc da thẩm mỹ / B.s.: Huỳnh Văn Bá, Huỳnh Văn Tùng (ch.b.), Khuru Bạch Xuyên... - H. : Y học. - 27 cm. - 490000đ. - 500b

T.1: Kiến thức & hướng dẫn thực hành cơ bản. - 2025. - 409 tr. : minh hoạ. - Thư mục cuối mỗi bài. - Phụ lục: tr. 409 s607557

1402. Giáo trình Chăm sóc da thẩm mỹ / B.s.: Huỳnh Văn Bá, Nguyễn Văn Nguyên (ch.b.), Khuru Bạch Xuyên... - H. : Y học. - 27 cm. - 390000đ. - 500b

T.2: Kiến thức & hướng dẫn thực hành nâng cao. - 2025. - 241 tr. : minh hoạ. - Thư mục cuối mỗi bài s607572

1403. Giáo trình Châm cứu : Dùng cho đối tượng chuyên ngành Y học cổ truyền trình độ đại học / B.s.: Đoàn Mỹ Hạnh, Phạm Hải Dương, Phạm Tiến Dũng, Phạm Hồng Ngọc. - H. : Y học, 2025. - vi, 297 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 215000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. Khoa Y học cổ truyền. - Thư mục cuối mỗi bài s607528

1404. Giáo trình Châm cứu : Giáo trình đào tạo đại học / B.s.: Trần Văn Thanh, Trần Đức Hữu (ch.b.), Nguyễn Văn Hải... - H. : Y học, 2025. - 554 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 500000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Học viện Y - Dược cổ truyền Việt Nam. Khoa Y học lâm sàng. Bộ môn Châm cứu. - Thư mục: tr. 551-554 s607536

1405. Giáo trình Chuyên khoa phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ cơ bản / B.s.: Nguyễn Văn Lâm (ch.b.), Huỳnh Văn Bá, Trần Văn Dương... - H. : Y học, 2025. - xii, 419 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 495000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Phẫu thuật tạo hình và thẩm mỹ. - Thư mục: tr. 406-415 s607495

1406. Giáo trình Da thẩm mỹ : Dành cho học viên bác sĩ chuyên khoa Da liễu, chuyên khoa I, chuyên khoa II cao học, bác sĩ nội trú / B.s.: Huỳnh Văn Bá (ch.b.), Nguyễn Thị Thuý Trang, Trần Gia Hưng... - Xuất bản lần thứ 2, có chỉnh sửa. - H. : Y học, 2025. - 230 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 350000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. - Thư mục: tr. 228-230 s607582

1407. Giáo trình Dịch tễ học : Giáo trình đào tạo bác sĩ y khoa / B.s.: Hoàng Đức Hạnh, Nguyễn Minh Sơn (ch.b.), Đặng Đức Nhu... - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2025. - 275 tr. : minh hoạ ; 25 cm. - 93000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Đại Nam. - Thư mục: tr. 268. - Phụ lục: tr. 272-275 s606711

1408. Giáo trình Dinh dưỡng người / Cao Xuân Thuỷ, Trần Thị Minh Hà, Nguyễn Thuý Hà... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - xi, 153 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 55000đ. - 500b

Thư mục: tr. 152-153 s607780

1409. Giáo trình Dược cổ truyền : Giáo trình đào tạo đại học / B.s.: Nguyễn Quốc Huy, Vũ Đức Lợi (ch.b.), Trần Thị Thu Hiền... - H. : Y học, 2025. - 559 tr. : bảng ; 27 cm. - 500000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam. Khoa Dược. Bộ môn Dược cổ truyền. - Thư mục: tr. 558-559 s607533

1410. Giáo trình Đại cương Phẫu thuật tạo hình và thẩm mỹ : Dành cho học viên sau đại học / B.s.: Nguyễn Thanh Vân (ch.b.), Đỗ Quang Hùng, Phạm Trịnh Quốc Khanh... - H. : Y học, 2025. - 191 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 300000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Y Dược, Trường Đại học Trà Vinh. Bộ môn Phẫu thuật tạo hình và Thẩm mỹ. - Thư mục: tr. 191 s607561

1411. Giáo trình đại học lâm sàng Nhi khoa : Dành cho đối tượng sinh viên ngành Y khoa / B.s.: Bùi Bình Bảo Sơn, Nguyễn Thị Thanh Bình (ch.b.), Phan Hùng Việt... - Huế : Đại học Huế. - 24 cm. - 200000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Đại học Huế. Trường Đại học Y - Dược. Bộ môn Nhi T.1. - 2025. - 292 tr. : minh hoạ. - Thư mục cuối mỗi chương s606393

1412. Giáo trình Điều dưỡng chuyên khoa Lão khoa : Dành cho đào tạo Cao đẳng - Ngành Điều dưỡng / B.s.: Nguyễn Thị Thuý Anh, Nguyễn Thị Hoàng Thu (ch.b.), Nguyễn Văn Độ... - H. : Y học, 2025. - 95 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 440000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 95 s607602

1413. Giáo trình Điều dưỡng ngoại khoa : Dành cho Điều dưỡng sau Đại học / B.s.: Ngô Thị Dung, Lê Kim Tha (ch.b.), Nguyễn Thanh Quân... - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 312 tr. ; 27 cm. - 200000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Điều dưỡng Đa khoa hệ ngoại. -
Thư mục: tr. 311-312 s605917

1414. Giáo trình Điều dưỡng người lớn nội khoa 1 : Dành cho đào tạo cử nhân điều dưỡng / B.s.: Đinh Thị Diệu Hằng, Đỗ Thị Thu Hiền (ch.b.), Nguyễn Đình Dũng... - H. : Y học, 2025. - 299 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 148000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương. Khoa Điều dưỡng. - Thư mục cuối mỗi bài s607531

1415. Giáo trình Gây mê hồi sức : Dành cho sinh viên ngành Y khoa / B.s.: Phạm Văn Năng, Vũ Văn Kim Long (ch.b.), Trần Văn Đăng... - Tái bản lần thứ 1 có chỉnh sửa, bổ sung. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - v, 158 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 95000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Gây mê hồi sức. - Thư mục: tr. 158 s605912

1416. Giáo trình giảng dạy đại học - Bài giảng Hệ tim mạch / B.s.: Trương Phi Hùng (ch.b.), Trần Minh Hoàng, Phan Đăng Anh Thư... - Ấn bản lần 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 400 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 250000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Module Tim mạch. - Thư mục cuối mỗi bài s607626

1417. Giáo trình giảng dạy đại học: Bệnh truyền nhiễm / B.s.: Lê Bửu Châu, Nguyễn Thị Cẩm Hương (ch.b.), Nguyễn Trần Chính... - Tái bản lần thứ 6, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Y học, 2025. - 457 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 250000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Nhiễm. - Thư mục cuối mỗi bài s607575

1418. Giáo trình giảng dạy đại học: Cấp cứu Răng Hàm Mặt / B.s.: Hồ Nguyễn Thanh Chơn (ch.b.), Trần Ngọc Hiếu, Phan Huỳnh An... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Y học, 2025. - 343 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 250000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Phẫu thuật Hàm Mặt. - Thư mục cuối mỗi bài s607562

1419. Giáo trình giảng dạy đại học: Chăm sóc răng miệng toàn diện / B.s.: Huỳnh Hữu Thực Hiền (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Tâm, Phạm Thị Mai Thanh... - H. : Y học, 2025. - vi, 169 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 140000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Nha khoa Tổng quát. - Thư mục cuối mỗi bài s607546

1420. Giáo trình giảng dạy đại học: Công nghiệp dược / B.s.: Lê Hậu, Lê Minh Quân (ch.b.), Lê Quan Nghiệm... - H. : Y học, 2025. - viii, 389 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 250000đ. - 1200b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Công nghệ dược phẩm. - Thư mục cuối mỗi bài s607529

1421. Giáo trình giảng dạy đại học: Kỹ thuật chụp X Quang 1 / B.s.: Đặng Vĩnh Hiệp (ch.b.), Lê Văn Tấn, Đặng Nguyễn Trung An... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 311 tr. : minh hoạ ; 25 cm. - 190000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch. Khoa Điều dưỡng - Kỹ thuật y học. Bộ môn Kỹ thuật hình ảnh s607776

1422. Giáo trình giảng dạy đại học: Kỹ thuật chụp X Quang 2 / B.s.: Đặng Vĩnh Hiệp (ch.b.), Lê Văn Tấn, Đặng Nguyễn Trung An... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - viii, 353 tr. : minh hoạ ; 25 cm. - 195000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch. Khoa Điều dưỡng - Kỹ thuật y học. Bộ môn Kỹ thuật hình ảnh s607777

1423. Giáo trình giảng dạy đại học: Mô phỏng tiền lâm sàng và mô phỏng lâm sàng nội nha / B.s.: Phạm Văn Khoa (ch.b.), Bùi Huỳnh Anh, Huỳnh Thị Thuý Trang... - H. : Y học, 2025. - viii, 199 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 150000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Chữa răng - Nội nha. - Thư mục cuối mỗi bài s607530

1424. Giáo trình giảng dạy đại học: Sơ cấp cứu ban đầu và cấp cứu thảm hoạ / B.s.: Hà Thị Như Xuân, Lê Ngọc Tuyết (ch.b.), Huỳnh Thuý Phương Hồng... - H. : Y học, 2025. - viii, 318 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 180000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Điều dưỡng. - Thư mục cuối mỗi chương s607545

1425. Giáo trình giảng dạy đại học: Thực hành căn khớp cơ bản / B.s.: Nguyễn Thị Kim Anh (ch.b.), Đặng Vũ Ngọc Mai, Đoàn Hồng Phượng... - H. : Y học, 2025. - 207 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 350000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s607576

1426. Giáo trình giảng dạy đại học: Thực hành hoá dược 1 : Dành cho đào tạo dược sĩ / B.s.: Trần Việt Hùng, Trương Quốc Kỳ (ch.b.), Nguyễn Thị Xuân Thuý... - H. : Y học, 2025. - vi, 81 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 89000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch. Khoa Dược - Bộ môn Hoá chuyên ngành. - Thư mục: tr. 79-80 s607524

1427. Giáo trình giảng dạy đại học: Thực hành hoá lý dược : Dành cho đào tạo dược sĩ / B.s.: Trần Việt Hùng, Trương Quốc Kỳ (ch.b.), Nguyễn Thị Xuân Thuý... - H. : Y học, 2025. - vi, 61 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 79000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch. Khoa Dược - Bộ môn Hoá chuyên ngành. - Thư mục: tr. 61 s607523

1428. Giáo trình giảng dạy sau đại học: Bệnh học người cao tuổi / Nguyễn Văn Tân, Võ Thành Nhân, Cao Thanh Ngọc (ch.b.)... - H. : Y học. - 27 cm. - 380000đ. - 1500b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Lão khoa T.2. - 2025. - xxii, 631 tr. : minh hoạ. - Thư mục cuối mỗi bài s607539

1429. Giáo trình giảng dạy sau đại học: Bệnh học người cao tuổi / Nguyễn Văn Tân, Nguyễn Văn Trí, Nguyễn Thanh Huân (ch.b.)... - H. : Y học. - 27 cm. - 420000đ. - 1500b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Lão khoa T1. - 2025. - xx, 747 tr. : minh hoạ. - Thư mục cuối mỗi bài s607538

1430. Giáo trình giảng dạy sau đại học: Điều trị bằng từ trường xuyên sọ / B.s.: Nguyễn Minh Anh, Lê Viết Thắng (ch.b.), Bùi Hoàng Tuấn Dũng... - H. : Y học, 2025. - xvi, 219 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 190000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Ngoại thần kinh. - Thư mục cuối mỗi bài s607591

1431. Giáo trình giảng dạy sau đại học: Kỹ thuật vi phẫu trong nhãn khoa / B.s.: Đoàn Kim Thành (ch.b.), Nguyễn Thanh Nam, Hồ Nguyễn Anh Tuấn... - H. : Y học, 2025. - vi, 57 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 200000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch. Khoa Y - Bộ môn Mắt. - Thư mục: tr. 57 s607590

1432. Giáo trình giảng dạy sau đại học: Thẩm mỹ nội khoa / B.s.: Ngô Minh Vinh, Châu Văn Trở (ch.b.), Huỳnh Thị Xuân Tâm... - H. : Y học, 2025. - xviii, 397 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 500000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch. - Khoa Y - Bộ môn Da liễu. - Thư mục cuối mỗi trang s607594

1433. Giáo trình Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe : Dành cho sinh viên khối ngành Khoa học sức khỏe / B.s.: Phạm Thị Tâm, Châu Liễu Trinh (ch.b.), Phạm Trung Tín... - H. : Y học, 2025. - vi, 217 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 120000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Tổ chức và Quản lý y tế. - Thư mục: tr. 216-217 s607551

1434. Giáo trình Hồi sức cấp cứu : Dành cho chuyên khoa cấp I, bác sĩ nội trú, cao học chuyên ngành Nội / Trần Viết An, Võ Minh Phương (ch.b.), Kha Hữu Nhân... - H. : Y học, 2025. - 229 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 200000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Nội. - Thư mục: tr. 227-229 s607519

1435. Giáo trình Kỹ thuật tiêm Botulinum toxin trong thẩm mỹ và một số bệnh lý cơ bản / B.s.: Phan Minh Hoàng, Nguyễn Hữu Giàu (ch.b.), Nguyễn Văn Lâm... - H. : Y học, 2025. - viii, 119 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 450000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Phẫu thuật tạo hình và Thẩm mỹ. - Thư mục: tr. 118-119 s607521

1436. Giáo trình lý thuyết Chăm sóc giảm nhẹ : Dành cho đào tạo Cao đẳng ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng / B.s.: Nguyễn Thị Hoàng Thu (ch.b.), Vũ Thị Minh Hiền, Trần Thị Nguyệt... - H. : Y học, 2025. - 91 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 420000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 90 s607601

1437. Giáo trình Module hệ tiết niệu : Dành cho chương trình y khoa đổi mới / B.s.: Bùi Thị Thu Hương (ch.b.), Trình Xuân Đàn, Bùi Thị Thu Hương... - Xuất bản lần thứ 3, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Y học, 2025. - 203 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 79000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Đại học Thái Nguyên. Trường Đại học Y - Dược. Khoa Y học cơ sở. - Thư mục: tr. 202-203 s607486

1438. Giáo trình Module sơ sinh, trẻ em và vị thành niên / B.s.: Nguyễn Thanh Hùng, Nguyễn Thị Kim Thoa (ch.b.), Quan Thuỷ Tiên... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - x, 500 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 250000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Khoa học sức khỏe. - Thư mục cuối mỗi bài s607797

1439. Giáo trình Ngoại bệnh lý 3 - Ngoại tiết niệu & ngoại thần kinh : Dành cho sinh viên Y đa khoa / B.s.: Đàm Văn Cương, Nguyễn Duy Linh (ch.b.), Trần Văn Nguyên... - Tái bản lần thứ 2. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - v, 155 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 165000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Ngoại. - Thư mục: tr. 152-155 s605915

1440. Giáo trình Ngoại khoa : Dành cho học viên sau đại học / B.s.: Lại Văn Nông, Đặng Hồng Quân (ch.b.), Lê Thanh Bình... - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - v, 135 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 350000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Ngoại. - Thư mục cuối chính văn s605916

1441. Giáo trình Nha chu : Dành cho sinh viên ngành Răng Hàm Mặt / B.s.: Đỗ Thị Thảo, Trần Huỳnh Trung (ch.b.), Phan Thuỳ Ngân, Lê Nguyễn Thuỳ Dương. - H. : Y học, 2025. - 201 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 260000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Bệnh học Miệng - Nha chu. - Thư mục: tr. 201 s607570

1442. Giáo trình Phẫu thuật hàm mặt : Dành cho sinh viên ngành Bác sĩ Răng Hàm Mặt năm thứ 5 / B.s.: Trương Nhật Khuê (ch.b.), Lâm Nhật Tân, Nguyễn Thanh Hào, Nguyễn Minh Khởi. - H. : Y học, 2025. - 201 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 300000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Phẫu thuật Miệng - Hàm mặt. - Thư mục: tr. 200-201 s607605

1443. Giáo trình Phẫu thuật miệng 1 : Dành cho sinh viên ngành Răng Hàm Mặt / B.s.: Trương Nhật Khuê, Lâm Nhật Tân (ch.b.), Trần Thị Phương Đan, Nguyễn Hoàng Nam. - H. : Y học, 2025. - 153 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 225000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Phẫu thuật Miệng - Hàm mặt. - Thư mục: tr. 152-153 s607577

1444. Giáo trình Phẫu thuật tạo hình : Dành cho học viên sau đại học / B.s.: Nguyễn Thanh Vân (ch.b.), Đỗ Quang Hùng, Phạm Thịnh Quốc Khánh... - H. : Y học, 2025. - 195 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 350000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Y Dược, Trường Đại học Trà Vinh. Bộ môn Phẫu thuật tạo hình và Thẩm mỹ. - Thư mục: tr. 195 s607484

1445. Giáo trình Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ : Dành cho sinh viên sau đại học / B.s.: Nguyễn Văn Lâm (ch.b.), Nguyễn Văn Thanh, Lê Phi Long... - H. : Y học. - 27 cm. - 380000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Phẫu thuật tạo hình và thẩm mỹ
T.4: Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ vùng bụng. - 2025. - 237 tr. : minh hoạ. - Thư mục cuối mỗi bài s607506

1446. Giáo trình Phẫu thuật thẩm mỹ và thẩm mỹ nội khoa : Dành cho học viên sau đại học / B.s.: Nguyễn Thanh Vân (ch.b.), Đỗ Quang Hùng, Phạm Trịnh Quốc Khanh... - H. : Y học, 2025. - 211 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 370000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Y Dược, Trường Đại học Trà Vinh. Bộ môn Phẫu thuật tạo hình và Thẩm mỹ. - Thư mục: tr. 211 s607522

1447. Giáo trình Phục hồi chức năng nội khoa : Dành cho học viên sau đại học / B.s.: Nguyễn Phương Sinh (ch.b.), Cao Minh Châu, Lương Tuấn Khanh... - H. : Y học, 2025. - 435 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 408000đ. - 400b

ĐTTS ghi: Đại học Thái Nguyên. Trường Đại học Y Dược. - Thư mục cuối mỗi chương s607537

1448. Giáo trình Phương tễ học : Giáo trình đào tạo đại học / B.s.: Trần Thị Thu Vân (ch.b.), Phạm Quốc Sự, Nguyễn Thuỳ Dương... - H. : Y học, 2025. - 247 tr. : bảng ; 27 cm. - 250000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam. Khoa Y học lâm sàng. Bộ môn Phương tễ. - Thư mục: tr. 247 s607585

1449. Giáo trình Răng hàm mặt : Dành cho sinh viên ngành Y đa khoa, Y học dự phòng / B.s.: Đỗ Thị Thảo, Trần Huỳnh Trung (ch.b.), Trương Nhật Khuê... - H. : Y học, 2025. - vi, 153 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 120000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Bệnh học Miệng - Nha chu. - Thư mục: tr. 153 s607547

1450. Giáo trình Sức khỏe sinh sản : Dành cho đào tạo Cao đẳng - Ngành Y sỹ đa khoa / B.s.: Nguyễn Thành Phong (ch.b.), Phạm Thị Kim Hoàn, Trần Mai Huyền, Mã Thị Hồng Liên. - H. : Y học, 2025. - 127 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 515000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 125 s607607

1451. Giáo trình Sức khỏe sinh sản - HIV/AIDS / B.s.: Nguyễn Tấn Đạt, Nguyễn Ngọc Huyền (ch.b.), Dương Phúc Lam... - H. : Y học, 2025. - viii, 231 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 532000đ. - 90b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Thống kê - Dân số học. - Tên sách ngoài bìa: Sức khỏe sinh sản - HIV/AIDS. - Thư mục: tr. 230 s607544

1452. Giáo trình Tai mũi họng : Dành cho học viên sau đại học / B.s.: Phạm Thanh Thế, Dương Hữu Nghị (ch.b.), Nguyễn Tấn Phong... - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ. - 24 cm. - 340000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Tai Mũi Họng

T.2: Bệnh học Tai - Thăm dò chức năng Tai Mũi Họng. - 2025. - 547 tr. : minh hoạ. - Thư mục: tr. 543-547 s607838

1453. Giáo trình Tâm thần : Dành cho sinh viên Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng / B.s.: Nguyễn Văn Thống, Ngô Văn Truyền (ch.b.), Nguyễn Tấn Đạt... - In lần thứ 4 có sửa chữa, bổ sung. - H. : Y học, 2025. - xii, 215 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 92000đ. - 1500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Cần Thơ. - Thư mục: tr. 214-215 s607581

1454. Giáo trình Tâm thần cơ bản : Dành cho học viên sau đại học / B.s.: Nguyễn Văn Thống (ch.b.), Bùi Thế Khanh, Võ Cánh Sinh... - H. : Y học, 2025. - x, 205 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 165000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Tâm thần. - Thư mục: tr. 204-205 s607496

1455. Giáo trình Tâm thần học : Tài liệu dành cho sinh viên đại học, học viên chuyên khoa cơ bản và sau đại học / B.s.: Phạm Văn Mạnh (ch.b.), Vương Thị Thủy, Đoàn Thị Như Yến... - Xuất bản lần thứ 2, có chỉnh sửa và bổ sung. - H. : Y học, 2025. - 282 tr. : bảng ; 27 cm. - 178000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. Bộ môn Tâm thần. - Thư mục: tr. 279-282 s607606

1456. Giáo trình Thống kê ứng dụng trong khoa học sức khỏe / Lê Văn Thiện (ch.b.), Nguyễn Thanh Vũ, Nguyễn Hoàng Tuấn, Huỳnh Ngọc Phước. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - xii, 154 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 120000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Khoa học sức khỏe; Viện Nghiên cứu Y sinh. - Thư mục: tr. 153-154 s607803

1457. Giáo trình Thực hành Dược lâm sàng : Giáo trình đào tạo đại học / B.s.: Nguyễn Quốc Huy, Nguyễn Hoàng Ngân (ch.b.), Đỗ Thị Hồng Sâm... - H. : Y học, 2025. - 78 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 130000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam. Khoa Dược. Bộ môn Dược lâm sàng. - Thư mục: tr. 71. - Phụ lục: tr. 72-78 s607586

1458. Giáo trình thực hành Dược liệu : Dành cho đào tạo cao đẳng ngành Dược / B.s.: Lương Lê Uyên Trang (ch.b.), Nguyễn Thị Hoa Hiên, Nguyễn Văn Hưng, Phạm Thị Hương Lý. - H. : Y học, 2025. - 91 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 420000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 59. - Phụ lục: tr. 61-90 s607564

1459. Giáo trình Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực Dược : Sách dành cho đào tạo Thạc sĩ Dược học / B.s.: Vũ Đức Lợi (ch.b.), Đỗ Thị Hà, Phùng Thanh Long, Phạm Thị Anh. - H. : Y học, 2025. - 379 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 500000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam. Khoa Dược. Bộ môn Dược cổ truyền. - Thư mục: tr. 374-379 s607516

1460. Hoá dược : Giáo trình đào tạo đại học / B.s.: Phan Thị Phương Dung (ch.b.), Nguyễn Hải Nam, Nguyễn Thị Thuận... - H. : Y học. - 27 cm. - 168000đ. - 800b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Dược Hà Nội. Khoa Công nghệ Hoá dược

T.2. - 2025. - 451 tr. : hình vẽ, bảng. - Thư mục: tr. 450-451 s607510

1461. Hoá sinh : Dành cho sinh viên Y đa khoa / B.s.: Nguyễn Trung Kiên (ch.b.), Trần Thị Thu Thảo, Trịnh Thị Tâm... - Xuất bản lần thứ 3, có chỉnh sửa. - H. : Y học, 2025. - ix, 249 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 150000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. - Thư mục: tr. 246 s607583

1462. Hoá sinh lâm sàng : Sách đào tạo đại học Y / B.s.: Tạ Thành Văn (ch.b.), Nguyễn Thị Hà, Đặng Thị Ngọc Dung... - In lần thứ 5, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Y học, 2025. - 550 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 220000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. - Thư mục: tr. 550 s607554

1463. Hoàng Anh Tiến. Biến thiên nhịp tim và luân phiên sóng T trong tiên lượng bệnh lý tim mạch : Sách chuyên khảo / Hoàng Anh Tiến. - Huế : Đại học Huế, 2025. - ix, 307 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 250000đ. - 150b

Thư mục cuối mỗi chương s606376

1464. Hoàng Anh Tiến. Giáo trình Thăm dò chức năng tim mạch / Hoàng Anh Tiến. - Huế : Đại học Huế, 2025. - 352 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 250000đ. - 150b

ĐTTS ghi: Đại học Huế. Trường Đại học Y - Dược. - Thư mục cuối mỗi bài s606381

1465. Hồ Thị Thu Hằng. Ước lượng cân nặng thai, tuổi thai bằng siêu âm 2 và 3 chiều : Sách chuyên khảo / Hồ Thị Thu Hằng. - H. : Y học, 2025. - viii, 151 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 200000đ. - 300b

Thư mục: tr. 132-151 s607638

1466. Hồi sức cấp cứu người bệnh chấn thương sọ não nặng / B.s.: Nguyễn Trung Kiên (ch.b.), Trần Quốc Việt, Phạm Thái Dũng... - H. : Y học, 2025. - 431 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 600000đ. - 200b

Thư mục cuối mỗi chương s607628

1467. Hồi sức cấp cứu trẻ em - Đại cương cấy ghép tạng người / B.s.: Trần Đình Long (ch.b.), Trần Ngọc Sinh, Trần Minh Điển... - H. : Y học, 2025. - 323 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 330000đ. - 600b

Thư mục cuối mỗi bài s607493

1468. Huỳnh Quang Huy. PET/CT trong ung thư phổi không tế bào nhỏ : Sách chuyên khảo / Huỳnh Quang Huy. - H. : Y học, 2025. - viii, 206 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 250000đ. - 300b

Thư mục cuối mỗi chương s607648

1469. Huỳnh Tấn Vũ. Xoa bóp bấm huyệt / Huỳnh Tấn Vũ. - Xuất bản lần thứ 3. - H. : Y học, 2025. - 287 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 250000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 287 s607646

1470. Huỳnh Tấn Vũ. Xoa bóp bấm huyệt đầu mặt cổ và chăm sóc da / Huỳnh Tấn Vũ. - H. : Y học, 2025. - vi, 253 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 290000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 234-249. - Thư mục: tr. 250-252 s607649

1471. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh trĩ = Guidelines on hemorrhoid management / B.s.: Lê Mạnh Cường, Hà Văn Quyết, Nguyễn Đức Chính... - H. : Y học, 2025. - 35 tr. : bảng, sơ đồ ; 25 cm. - 180000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Hội Hậu môn trực tràng Việt Nam. - Thư mục: tr. 33-35 s607644

1472. Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản: Nội dung chăm sóc sức khỏe phụ nữ tuổi tiền mãn kinh, mãn kinh : Ban hành kèm theo Quyết định số 3977/QĐ-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2024 / B.s.: Nguyễn Viết Tiến, Trần Thị Phương Mai, Cao Ngọc Thành... ; Đinh Anh Tuấn h.đ. - H. : Y học, 2025. - 27 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 10000b

ĐTTS ghi: Bộ Y tế. Cục Bà mẹ và Trẻ em. - Phụ lục: tr. 23-27 s607637

1473. Jung Hee-won. Căn cước tuổi già : Khoa học về đồng hồ lão hoá / Jung Hee-won ; Nguyễn Ước dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 290 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 160000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Hàn: 느리게 나이 드는 습관 s606326

1474. Kiều Đình Hùng. Điều trị u thần kinh đệm bằng phẫu thuật kết hợp quang động học : Sách chuyên khảo / Kiều Đình Hùng. - H. : Y học, 2025. - 163 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 390000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Ngoại. - Thư mục: tr. 157-163 s607650

1475. Kiều Đình Hùng. Kỹ thuật mổ cấp cứu sọ não : Sách tham khảo / B.s.: Kiều Đình Hùng (ch.b.), Nguyễn Thế Hào. - H. : Y học, 2025. - 295 tr. : hình vẽ, ảnh ; 24 cm. - 450000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Ngoại. - Thư mục cuối mỗi bài s607651

1476. Kỷ yếu công trình nghiên cứu khoa học giai đoạn 2020 - 2025 : Kỷ niệm 45 năm thành lập Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh (1980 - 2025) / B.s.: Lê Trung Chánh (ch.b.), Vũ Quang Hoà, Đặng Thị Lan Anh... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 309 tr. : minh hoạ ; 30 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Bộ Y tế. Bệnh viện Răng Hàm Mặt Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s607625

1477. Ký sinh trùng y học : Giáo trình đào tạo sau đại học / B.s.: Đinh Thị Thanh Mai, Vũ Văn Thái, Võ Thị Thanh Hiền (ch.b.), Lê Trần Anh. - H. : Y học. - 27 cm. - 310000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. Bộ môn Ký sinh trùng

T.1. - 2025. - 411 tr. : minh hoạ. - Thư mục cuối mỗi bài s607512

1478. Ký sinh trùng y học : Giáo trình đào tạo sau đại học / B.s.: Đinh Thị Thanh Mai, Vũ Văn Thái, Võ Thị Thanh Hiền (ch.b.), Lê Trần Anh. - H. : Y học. - 27 cm. - 300000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. Bộ môn Ký sinh trùng

T.2. - 2025. - 391 tr. : minh hoạ. - Thư mục cuối mỗi bài s607513

1479. Lakshmin, Pooja. Chăm sóc bản thân thật sự = Real self - care : Để không còn chạy theo những phương pháp chữa lành sáo rỗng / Pooja Lakshmin ; Phương Ánh dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 302 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 148000đ. - 2000b s607982

1480. Lê Đức Tổ. Chinh hình vận động : Kết hợp xương ngoại vi... / Lê Đức Tổ. - H. : Y học, 2025. - 315 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 230000đ. - 1000b

Thư mục cuối mỗi phần s607552

1481. Lê Minh Kỳ. Bệnh chóng mặt tư thế lành tính kịch phát (BPPV) : Sách chuyên khảo / Lê Minh Kỳ ch.b. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 119 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 60000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Y Dược. - Thư mục: tr. 111-117. - Phụ lục: tr. 118-119 s607678

1482. Lê Minh Kỳ. Phẫu thuật bảo tồn trong ung thư thanh quản : Sách chuyên khảo / Lê Minh Kỳ ch.b. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 151 tr. : hình vẽ, ảnh ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 75000đ. - 200b

Thư mục: tr. 143-151 s607676

1483. Lê Minh Tâm. Hội chứng buồng trứng đa nang : Tiếp cận toàn diện thực hành dựa trên bằng chứng : Sách chuyên khảo / B.s.: Lê Minh Tâm, Lê Viết Nguyên Sa (ch.b.), Cao Ngọc Thành. - H. : Y học, 2025. - 315 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 380000đ. - 300b

Thư mục cuối mỗi bài s607559

1484. Lê Quan Nghiệm. Giáo trình giảng dạy đại học: Hệ thống trị liệu mới / Ch.b.: Lê Quan Nghiệm, Nguyễn Ngọc Nhã Thảo. - H. : Y học, 2025. - viii, 211 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 375000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Bào chế - Công nghiệp Dược. - Thư mục: tr. 209-210 s607549

1485. Lê Quang Tuyền. Giáo trình Giải phẫu học xương - cơ - mạch máu - thần kinh vùng chi trên, vùng chi dưới / Lê Quang Tuyền ch.b. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - xxxiii, 207 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 185000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Khoa học sức khỏe. - Thư mục: tr. 206-207 s607801

1486. Lê Quang Tuyền. Giáo trình Giải phẫu học xương - cơ - mạch máu - thần kinh vùng đầu mặt cổ, vùng ngực bụng / Lê Quang Tuyền ch.b. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - xxxiv, 208 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 185000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Khoa học sức khỏe. - Thư mục: tr. 207-208 s607800

1487. Lê Thị Bạch. Thực tập hoá lý dược / Lê Thị Bạch (ch.b.), Nguyễn Văn Đạt. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 63 tr. ; 28 cm. - 120000đ. - 300b

Thư mục: tr. 63 s607163

1488. Lê Trần Quang Minh. Nghiên cứu phẫu thuật cấy ốc tai điện tử đa kênh : Sách chuyên khảo / Lê Trần Quang Minh. - H. : Y học, 2025. - vii, 134 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 150000đ. - 500b

Thư mục: tr. 123-134 s607640

1489. Liêu Quốc Huy. Tìm hiểu sơ bộ về bác sĩ Lê Đình Thám / Liêu Quốc Huy. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 278 tr. : bảng ; 21 cm. - 200b

Thư mục: tr. 249-278 s606407

1490. Luận giải Dược lý dược cổ truyền : Sách chuyên khảo / Lê Quang Ứng (ch.b.), Lê Xuân Duy, Lê Thị Thu, Đinh Thị Lan. - Thái Nguyên : Đại học Thái Nguyên, 2024. - 441 tr. : bảng ; 24 cm. - 890000đ. - 100b

Phụ lục: tr. 423-425. - Thư mục: tr. 426-441 s605774

1491. Mahajan, Parag. Ứng dụng AI trong y tế : Học máy, học sâu và tương lai y học / Parag Mahajan ; Nguyễn Trọng Khoa h.đ. ; Medinsights dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 692 tr. : bảng ; 24 cm. - (Tủ sách Công nghệ trong y tế). - 499000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: Artificial intelligence in healthcare: AI, machine learning s607881

1492. Maisel, Eric. 10 giây thiên định : Giải toả lo lắng, tìm lại bình an / Eric Maisel ; Hoàng Minh dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 275 tr. ; 21 cm. - 139000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Ten zen seconds s607862

1493. Means, Casey. Năng lượng tốt = Good energy : Bí mật diệu kỳ giữa trao đổi chất và cơ thể khỏe mạnh / Casey Means, Calley Means ; Hà Anh dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 430 tr. ; 21 cm. - 229000đ. - 2000b s606684

1494. Moritz, Andreas. Chữa lành bằng ánh sáng mặt trời / Andreas Moritz ; Trang Hà dịch. - In lần 3. - H. : Thế giới, 2025. - 298 tr. ; 21 cm. - 129000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Heal yourself with sunlight s607927

1495. 100 cây thuốc có giá trị y tế cao : Sách đào tạo đại học và sau đại học : Hướng tới kỷ niệm 20 năm thành lập và 55 năm truyền thống Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam / B.s.: Nguyễn Duy Thuần, Nguyễn Quốc Huy (ch.b.), Phương Thiện Thương... - H. : Y học, 2025. - 538 tr. : ảnh ; 27 cm. - 500000đ. - 250b

ĐTTS ghi: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam. Khoa Dược. Bộ môn Thực vật - Dược liệu. - Thư mục: tr. 537 s607604

1496. Ngô Đức Vượng. Minh triết trong ăn uống của phương Đông / Ngô Đức Vượng. - Tái bản lần thứ 30. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 407 tr. + minh hoạ ; 21 cm. - 168000đ. - 5000b

Phụ lục: tr. 335-406 s608059

1497. Nguyễn Bình Kim. Bí mật của Fitness : Giải đáp những câu hỏi về tập luyện - dinh dưỡng cho sức khỏe toàn diện và hình thể mơ ước / Nguyễn Bình Kim. - H. : Công Thương, 2025. - 406 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 179000đ. - 1000b s606683

1498. Nguyễn Công Toàn. Dược lý tóm tắt : Bản tóm tắt ghi nhớ nhanh / Nguyễn Công Toàn. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 78 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 195000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 78 s607387

1499. Nguyễn Hoàng Điệp. Giáo trình Khoa học thần kinh / Nguyễn Hoàng Điệp ch.b. - H. : Y học, 2025. - 255 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 270000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Phenikaa. - Thư mục: tr. 250-252 s607636

1500. Nguyễn Hoàng Định. Phẫu thuật bắc cầu mạch vành - Từ kỹ thuật kinh điển đến tiếp cận hiện đại = CABG: From fundamentals to state-of-the art : Sách chuyên khảo / Nguyễn Hoàng Định. - H. : Y học, 2025. - x, 340 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 500000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Phẫu thuật Lồng ngực Tim mạch. - Thư mục: tr. 331-340 s607535

1501. Nguyễn Hoàng Oanh. Lên tiếng : Cảm nang tích hợp giác quan - hành vi - ngôn ngữ / Nguyễn Hoàng Oanh, Cao Bích Thuỷ. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 137 tr. : bảng, tranh vẽ ; 23 cm. - 399000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 122-124. - Phụ lục: tr. 125-137 s606813

1502. Nguyễn Hồng Phong. Giáo trình Giải phẫu bệnh học : Dành cho sinh viên hệ chính quy / B.s.: Nguyễn Hồng Phong, Nguyễn Văn Luân (ch.b.), Hoàng Đức Trình. - H. : Y học, 2025. - vi, 153 tr. : bảng ; 27 cm. - 150000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Giải phẫu bệnh - Pháp y. - Thư mục: tr. 152 s607584

1503. Nguyễn Mạnh Hải. Tính khoa học của định luật cân bằng mọi vật : Sách tham khảo / Nguyễn Mạnh Hải. - H. : Thế giới, 2025. - 201 tr. : bảng ; 20 cm. - 135000đ. - 300b s607888

1504. Nguyễn Ngọc Nhã Thảo. Giáo trình Thiết kế và tối ưu hoá công thức, quy trình bào chế thuốc : Dành cho giảng dạy học viên sau đại học / B.s.: Nguyễn Ngọc Nhã Thảo (ch.b.), Lê

Thị Minh Ngọc. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 268 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 206000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Bào chế - Công nghiệp Dược. - Thư mục: tr. 266-268 s607617

1505. Nguyễn Ngô Lê Minh Anh. Bệnh học và điều trị kết hợp cơ xương khớp : Giáo trình giảng dạy sau đại học / B.s.: Nguyễn Ngô Lê Minh Anh (ch.b.), Phạm Long Thủy Tú, Trịnh Nguyễn Thị Thanh Nhân. - H. : Y học, 2025. - vi, 277 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 200000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Nội khoa Đông y. - Thư mục cuối mỗi bài s607498

1506. Nguyễn Ngô Lê Minh Anh. Bệnh học và điều trị kết hợp nội tổng quát : Giáo trình giảng dạy sau đại học / B.s.: Nguyễn Ngô Lê Minh Anh (ch.b.), Trần Thu Nga, Lê Thị Lan Hương. - H. : Y học, 2025. - viii, 339 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 210000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Nội khoa Đông y. - Thư mục cuối mỗi bài s607497

1507. Nguyễn Quang Thái Dương. Siêu âm Atlas / Nguyễn Quang Thái Dương. - H. : Y học. - 30 cm. - 1000000đ. - 1000b

T.2. - 2025. - 532 tr. : minh hoạ. - Thư mục: tr. 531-532 s607534

1508. Nguyễn Thanh Nam. Phẫu thuật nối thông túi lệ mũi / Nguyễn Thanh Nam, Biện Thị Cẩm Vân. - H. : Y học, 2025. - 148 tr. : ảnh màu, bảng ; 21 cm. - 170000đ. - 300b

Thư mục: tr.139-148 s607024

1509. Nguyễn Thành Phong. Giáo trình thực hành Chăm sóc thai nghén : Dành cho đào tạo Cao đẳng - Ngành Hộ sinh / B.s.: Nguyễn Thành Phong (ch.b.), Mã Thị Hồng Liên, Trần Thị Mai Huyền. - H. : Y học, 2025. - 95 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 435000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 95 s607603

1510. Nguyễn Thế Anh. Thận nhân tạo trong thực hành lâm sàng / Nguyễn Thế Anh. - H. : Y học, 2025. - 171 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 200000đ. - 200b

Thư mục cuối mỗi bài s607517

1511. Nguyễn Thị Ngọc Vân. Giáo trình Kiểm nghiệm độc chất : Dành cho học viên cao học, dược sĩ chuyên khoa I chuyên ngành Kiểm nghiệm thuốc và Độc chất / Ch.b.: Nguyễn Thị Ngọc Vân, Đỗ Châu Minh Vĩnh Thọ. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - vi, 216 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 215000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Liên bộ môn Hoá phân tích - Kiểm nghiệm thuốc. - Thư mục: tr. 210-216 s605913

1512. Nguyễn Thị Thanh Trúc. Giáo trình Quản lý điều dưỡng : Dành cho học viên sau đại học ngành Điều dưỡng / B.s.: Nguyễn Thị Thanh Trúc (ch.b.), Nguyễn Hồng Thủy, Trần Thị Như Ngọc. - H. : Y học, 2025. - 260 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 180000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Điều dưỡng cơ bản. - Thư mục: tr. 259-260 s607477

1513. Nguyễn Tiến Dũng. Liên quan giữ đa hình Gen Mthfr, Factor V, Noth3 và tình trạng đột quy ở người trẻ tuổi : Sách chuyên khảo / Nguyễn Tiến Dũng. - H. : Y học, 2025. - 187 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 114000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học Thái Nguyên. Trường Đại học Y - Dược. - Thư mục trong chính văn s607597

1514. Nguyễn Tiến Dũng. Ứng dụng kỹ thuật Elispot trong giám sát đáp ứng miễn dịch trung gian tế bào ở người nhiễm virus viêm gan B mãn tính : Sách chuyên khảo / Nguyễn Tiến Dũng. - H. : Y học, 2025. - 379 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 244000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học Thái Nguyên. Trường Đại học Y - Dược. - Thư mục: tr. 357 s607639

1515. Nguyễn Văn Tân. Sử dụng thuốc chống huyết khối ở người cao tuổi trong thực hành lâm sàng : Sách chuyên khảo / Nguyễn Văn Tân ch.b. - H. : Y học, 2025. - x, 317 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 400000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Lão khoa. - Thư mục cuối mỗi chương s607532

1516. Nguyễn Văn Tuấn. Trầm cảm trong tâm thần học liên kết : Sách chuyên khảo / Nguyễn Văn Tuấn. - H. : Y học, 2025. - 234 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 450000đ. - 700b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Tâm thần. - Thư mục: tr. 228-234 s607540

1517. Nhân trắc mũi ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phẫu thuật tạo hình, thẩm mỹ : Sách chuyên khảo / B.s.: Nguyễn Thanh Vân, Hồ Nguyễn Anh Tuấn (ch.b.), Trần Đăng Khoa, Nguyễn Trường Thịnh. - H. : Y học, 2025. - 155 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 280000đ. - 300b

Thư mục cuối mỗi chương s607023

1518. Phác đồ điều trị 2025 / B.s.: Bùi Minh Trang, Hồ Huỳnh Quang Trí (ch.b.), Hà Ngọc Bản... - H. : Y học, 2025. - 783 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Viện Tim Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s607629

1519. Phác đồ điều trị bệnh lý huyết học / B.s.: Phù Chí Dũng (ch.b.), Lê Thanh Chang, Lâm Trần Hoà Chương... - H. : Y học. - 27 cm. - 350000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Bệnh viện Truyền máu Huyết học

T.3. - 2025. - 451 tr. : minh hoạ. - Thư mục cuối mỗi phần. - Phụ lục: tr. 445-451 s607514

1520. Phác đồ điều trị bệnh lý huyết học / B.s.: Phù Chí Dũng (ch.b.), Lê Thanh Chang, Trịnh Thuý Dương... - H. : Y học. - 27 cm. - 400000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Bệnh viện Truyền máu Huyết học

T.4. - 2025. - 577 tr. : minh hoạ. - Thư mục cuối mỗi phần s607515

1521. Phạm Anh Vũ Thuý. Cấy ghép nha khoa : Giáo trình giảng dạy đại học và sau đại học / B.s.: Phạm Anh Vũ Thuý (ch.b.), Đoàn Lâm Tú. - H. : Y học. - 27 cm. - 300000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Khoa học Sức khoẻ. Khoa Răng Hàm Mặt

T.1. - 2025. - xviii, 220 tr. : minh hoạ. - Thư mục cuối mỗi bài s607489

1522. Phạm Anh Vũ Thuý. Cấy ghép nha khoa : Giáo trình giảng dạy đại học và sau đại học / B.s.: Phạm Anh Vũ Thuý (ch.b.), Đoàn Lâm Tú. - H. : Y học. - 27 cm. - 300000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Khoa học Sức khoẻ. Khoa Răng Hàm Mặt

T.2. - 2025. - xvi, 215 tr. : minh hoạ. - Thư mục cuối mỗi bài s607490

1523. Phạm Anh Vũ Thuý. Thực hành nha chu : Giáo trình giảng dạy đại học và sau đại học / B.s.: Phạm Anh Vũ Thuý (ch.b.), Trần Thị Phương Thảo. - H. : Y học. - 27 cm. - 300000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Khoa học Sức khoẻ. Khoa Răng Hàm Mặt

T.1. - 2025. - xx, 187 tr. : minh hoạ. - Thư mục cuối mỗi bài s607491

1524. Phạm Anh Vũ Thuý. Thực hành nha chu : Giáo trình giảng dạy đại học và sau đại học / B.s.: Phạm Anh Vũ Thuý (ch.b.), Trần Thị Phương Thảo. - H. : Y học. - 27 cm. - 300000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Khoa học Sức khoẻ. Khoa Răng Hàm Mặt

T.2. - 2025. - xx, 163 tr. : minh hoạ. - Thư mục cuối mỗi bài s607492

1525. Phạm Cẩm Phương. Ứng dụng chỉ dấu khối u trong một số bệnh ung thư / Phạm Cẩm Phương, Phùng Thanh Hương. - H. : Y học, 2025. - 214 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 325000đ. - 300b

Thư mục cuối mỗi chương s607647

1526. Phạm Đức Thắng. Cơ sở vật lý của một số thiết bị y tế / Phạm Đức Thắng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 266 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 110000đ. - 200b

Thư mục cuối mỗi chương. - Phụ lục: tr. 265-266 s607664

1527. Phạm Thị Minh Đức. Phương pháp dạy - học lâm sàng / B.s.: Phạm Thị Minh Đức (ch.b.), Lê Thu Hoà, Lê Đình Tùng. - Xuất bản lần thứ 2 có sửa chữa, bổ sung. - H. : Y học, 2025. - 203 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 115000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. - Thư mục: tr. 199-203 s607499

1528. Phạm Thị Tố Liên. Giáo trình Hoá lý dược : Dành cho sinh viên ngành Dược / B.s.: Phạm Thị Tố Liên (ch.b.), Huỳnh Trường Hiệp, Võ Thị Mỹ Hương. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - ix, 180 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 240000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Hoá học. - Thư mục: tr. 180 s605914

1529. Phạm Văn Khoa. Công nghệ số trong nghiên cứu nội nha : Sách chuyên khảo / Phạm Văn Khoa. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 229 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 150000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Chữa răng - Nội nha. - Thư mục: tr. 220-227 s607805

1530. Phạm Văn Khoa. Giáo trình giảng dạy đại học - Nội nha / B.s.: Phạm Văn Khoa (ch.b.), Lê Hoàng Lan Anh. - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 287 tr. : minh hoạ ; 26 cm. - 150000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Chữa răng - Nội nha. - Thư mục: tr. 286-287 s607623

1531. Phạm Văn Khoa. Sửa soạn hệ thống ống tuỷ chân răng : Sách chuyên khảo / Phạm Văn Khoa ch.b. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 272 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 150000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Chữa - Răng nội nha. - Thư mục: tr. 263-271 s607806

1532. Phạm Văn Khoa. Sửa soạn hệ thống ống tuỷ trong điều trị nội nha : Sách chuyên khảo / Phạm Văn Khoa ch.b. - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 256 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 150000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Chữa răng - Nội nha. - Thư mục: tr. 247-255 s607816

1533. Phạm Văn Tân. Bệnh học ngoại khoa : Dành cho đào tạo Y sĩ Cao đẳng / Ch.b.: Phạm Văn Tân, Nguyễn Minh An. - H. : Y học, 2025. - 167 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 495000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục cuối mỗi chương s607600

1534. Phạm Vũ Khánh. Luận về y học truyền thống (cổ truyền) Việt Nam đương đại : Sách tham khảo / Phạm Vũ Khánh. - H. : Y học, 2025. - 163 tr. ; 22 cm. - 200000đ. - 2250b

- ĐTTS ghi: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam. - Thư mục: tr. 162-163 s607631
1535. Phan Minh Hoàng. Phẫu thuật tạo hình vùng đầu - mặt / Phan Minh Hoàng. - H. : Y học, 2025. - 239 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 500000đ. - 300b
- ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu và Đào tạo Y Dược An Sinh. - Thư mục cuối mỗi bài s607520
1536. Phân tích số liệu : Giáo trình giảng dạy đại học / B.s.: Thái Thanh Trúc (ch.b.), Đỗ Văn Dũng, Đoàn Thị Ngọc Hân... - H. : Y học, 2025. - viii, 259 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 180000đ. - 1000b
- ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Thống kê và Tin học y học. - Phụ lục: tr. 248-258 s607488
1537. Phẫu thuật ít xâm lấn điều trị một số bệnh cột sống vùng thắt lưng : Sách tham khảo / B.s.: Kiều Đình Hùng, Nguyễn Vũ (ch.b.), Dương Đại Hà... - H. : Y học, 2025. - 159 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 398000đ. - 300b
- ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. - Thư mục cuối mỗi bài s607573
1538. Phẫu thuật lồng ngực - tim mạch : Giáo trình giảng dạy đại học / B.s.: Nguyễn Hoàng Định, Trần Minh Bảo Luân (ch.b.), Nguyễn Hoài Nam... - H. : Y học, 2025. - viii, 214 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 220000đ. - 1000b
- ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Phẫu thuật lồng ngực tim mạch. - Thư mục cuối mỗi chương s607482
1539. Phẫu thuật nội soi lồng ngực trong thực hành lâm sàng : Giáo trình giảng dạy cho các đối tượng sau đại học / B.s.: Phạm Hữu Lư, Dương Đức Hùng (ch.b.), Phạm Đức Huân... - H. : Y học, 2025. - 275 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 140000đ. - 600b
- ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Ngoại. - Thư mục cuối mỗi bài s607541
1540. Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ sọ mặt / Bùi Mai Anh, Hoàng Tuấn Anh, Phạm Thị Việt Dung... ; Ch.b.: Trần Thiết Sơn, Vũ Ngọc Lâm. - H. : Y học, 2025. - xx, 371 tr. : minh hoạ ; 28 cm. - 668000đ. - 600b
- Thư mục cuối mỗi chương s607560
1541. Phục hình trên implant cơ bản / B.s.: Trần Hùng Lâm (ch.b.), Trần Thị Nguyên Ny, Nguyễn Ngọc Phúc... - H. : Y học, 2025. - vi, 153 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 499000đ. - 500b
- ĐTTS ghi: Trường Đại học Văn Lang. Khoa Răng Hàm Mặt. - Thư mục cuối mỗi bài s607592
1542. Phương pháp nghiên cứu lâm sàng - cơ bản : Dành cho nhân viên y tế và nghiên cứu viên / B.s.: Hồ Thị Nhân, Đỗ Tất Cường (ch.b.), Nguyễn Xuân Hưng... - H. : Y học, 2025. - 227 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 620000đ. - 500b
- ĐTTS ghi: Vinmec International Hospital. - Thư mục cuối mỗi chương s607500
1543. Phương thuốc cổ phương ứng dụng lâm sàng : Dành cho Bác sĩ đại học và sau đại học Y học cổ truyền, Dược sĩ đại học và sau đại học Dược liệu - Dược cổ truyền : Sách tham khảo / B.s.: Trần Thị Thu Vân (ch.b.), Trần Thị Thu Hiền, Nguyễn Tiến Chung... - H. : Y học. - 27 cm. - 200000đ. - 250b
- ĐTTS ghi: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam. Khoa Y học Lâm sàng. Bộ môn Phương tễ
- T.1. - 2025. - 211 tr. : bảng. - Phụ lục: tr. 183-211 s607509
1544. Sách hướng dẫn Quản lý vết thương / B.s.: Trần Thụy Khánh Linh, Nguyễn Ngọc-An Ann (ch.b.), Huỳnh Thụy Phương Hồng... - H. : Y học, 2025. - 415 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 200000đ. - 2000b
- ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Điều dưỡng s607553

1545. Sallet, Albert. Lịch sử y học cổ truyền và nhà thuốc Trung - Việt / Albert Sallet, Dương Bá Bành ; Mai Yên Thi dịch. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 342 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 325000đ. - 1000b

Thư mục và phụ lục trong chính văn s606399

1546. Siêu âm tổng quát thực hành : Giáo trình đào tạo liên tục dành cho đối tượng bác sĩ / B.s.: Huỳnh Quang Huy, Lâm Diễm Phương (ch.b.), Phạm Thy Thiên... - H. : Y học. - 27 cm. - 205000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch. Khoa Y - Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh

T.1. - 2025. - 313 tr. : minh hoạ. - Thư mục cuối mỗi bài s607502

1547. Sinh lý học Y khoa / B.s.: Mai Phương Thảo (ch.b.), Đặng Huỳnh Anh Thư, Lê Quốc Tuấn... - Tái bản lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 705 tr. : minh hoạ ; 26 cm. - 250000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Sinh lý - Sinh lý bệnh - Miễn dịch. - Thư mục cuối mỗi bài s607622

1548. Slegers, Liesbet. Cuốn sách lớn rực rỡ về bác sĩ : Ươm mầm ước mơ nghề nghiệp cho trẻ 3+ / Liesbet Slegers ; Bảo Bình dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 27 tr. : tranh màu ; 25x26 cm. - 58000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Hà Lan: De dokter s607070

1549. Sổ tay hướng dẫn Thiết lập mục tiêu và đánh giá kết quả trong can thiệp điều dưỡng : Dành cho sinh viên và nhân viên y tế khối ngành Điều dưỡng - Kỹ thuật Y học / B.s.: Nguyễn Hoàng Bắc, Trần Thụy Khánh Linh, Nguyễn Thị Hồng Minh (ch.b.)... - H. : Y học. - 27 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

T.1. - 2025. - xxii, 273 tr. : hình vẽ, bảng. - Thư mục cuối mỗi bài s607526

1550. Sổ tay hướng dẫn Thiết lập mục tiêu và đánh giá kết quả trong can thiệp điều dưỡng : Dành cho sinh viên và nhân viên y tế khối ngành Điều dưỡng - Kỹ thuật Y học / B.s.: Nguyễn Hoàng Bắc, Trần Thụy Khánh Linh, Nguyễn Thị Hồng Minh (ch.b.)... - H. : Y học. - 27 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

T.2. - 2025. - 399 tr. : bảng. - Thư mục cuối mỗi bài s607527

1551. Sức khỏe tâm thần : Sách tham khảo dành cho bác sỹ y học dự phòng và bác sỹ gia đình / B.s.: Nguyễn Văn Tuấn (ch.b.), Lê Thị Thu Hà, Lê Công Thiện... - H. : Y học, 2025. - 263 tr. : bảng, biểu đồ ; 27 cm. - 300000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Tâm thần. - Thư mục: tr. 254-263 s607542

1552. Tả Đăng. Tôi chống lại trầm cảm ở bệnh viện tâm thần / Tả Đăng ; Phương Linh dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 517 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 280000đ. - 2000b

Dịch từ nguyên tác tiếng Trung: 我在精神病院抗憂鬱. - Phụ lục: tr. 507-517 s606083

1553. Tài liệu đào tạo liên tục: Dinh dưỡng và sức khỏe cộng đồng / B.s.: Phạm Ngọc Khải, Phạm Văn Phú (ch.b.), Phạm Thị Dung... - H. : Y học, 2025. - 214 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Hội Dinh dưỡng Việt Nam. - Thư mục: tr. 212-214 s607571

1554. Tề Chí Bản. Tâm lý học bất thường : Khám phá những sự thật tâm lý kỳ lạ đằng sau cuộc sống hàng ngày / Tề Chí Bản, Hàm Ngư Ba ; Tâm Như dịch. - H. : Văn học, 2025. - 264 tr. ; 21 cm. - 139000đ. - 2000b

Dịch từ nguyên bản tiếng Trung: 疯狂心理学 s606035

1555. Thực tập Dược liệu 1 : Sách dùng cho đào tạo Dược sĩ đại học / B.s.: Đỗ Thị Hà, Bùi Thị Bình (ch.b.), Đào Xuân Hạnh, Phạm Thị Tâm. - H. : Y học, 2025. - 83 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 60000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Thái Bình. Khoa Dược - Bộ môn Dược liệu và Dược cổ truyền. - Thư mục: tr. 83 s607588

1556. Thực tập Dược liệu 2 : Sách dùng cho đào tạo Dược sĩ đại học / B.s.: Đỗ Thị Hà, Bùi Thị Bình (ch.b.), Đào Xuân Hạnh, Phạm Thị Tâm. - H. : Y học, 2025. - 67 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 60000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Thái Bình. Khoa Dược - Bộ môn Dược liệu và Dược cổ truyền. - Thư mục: tr. 67 s607589

1557. Thực tập sinh học di truyền / B.s.: Nguyễn Thị Tươi (ch.b.), Lê Hiền Giang, Nguyễn Thị Hải... - H. : Y học, 2025. - 51 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 68000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. Bộ môn Sinh học - Di truyền. - Thư mục: tr. 51 s607487

1558. Tiếng Anh cho sinh viên ngành Y khoa năm thứ 4 = English for fourth-year Medical students / B.s.: Trần Thị Hoà (ch.b.), Nguyễn Ngọc Toàn, Nguyễn Thành Trung... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 189 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 80000đ. - 440b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. Bộ môn Ngoại ngữ s607679

1559. Trần Đăng Khoa. Giải phẫu mũi ứng dụng trong phẫu thuật tạo hình, thẩm mỹ : Sách chuyên khảo / B.s.: Trần Đăng Khoa, Nguyễn Thanh Vân (ch.b.), Hồ Nguyễn Anh Tuấn. - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Y học, 2025. - 203 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 350000đ. - 300b

Thư mục cuối mỗi chương s607029

1560. Trần Ngọc Quảng Phi. Tái tạo thẩm mỹ tầng mặt dưới / Trần Ngọc Quảng Phi (ch.b.), Nguyễn Trọng Tính. - H. : Y học, 2025. - viii, 255 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 249000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Văn Lang. Khoa Răng Hàm Mặt. - Thư mục: tr. 250-255 s607599

1561. Trần Thị Mai Huyền. Giáo trình thực hành Chăm sóc sau đẻ : Dùng cho đào tạo cao đẳng ngành Hộ sinh / B.s.: Trần Thị Mai Huyền (ch.b.), Mã Thị Hồng Liên, Phạm Thị Kim Hoàn. - H. : Y học, 2025. - 87 tr. : bảng ; 27 cm. - 410000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 87 s607567

1562. Trần Thuý Liễu. Giáo trình Giải phẫu sinh lý : Dùng cho đào tạo Cao đẳng - Chăm sóc sắc đẹp / B.s.: Trần Thuý Liễu (ch.b.), Hoàng Anh Lân, Nguyễn Thị Hồng Nung. - H. : Y học, 2025. - 82 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 395000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 81 s607612

1563. Trần Trọng Dương. Bệnh lý và phẫu thuật bàn tay / Trần Trọng Dương. - H. : Y học, 2025. - 143 tr. : hình vẽ, ảnh ; 24 cm. - 250000đ. - 300b

Thư mục trong chính văn s607633

1564. Trần Trọng Dương. Bệnh lý và phẫu thuật hậu môn trực tràng / Trần Trọng Dương, Phạm Thái Hưng. - H. : Y học, 2025. - 149 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 250000đ. - 300b s607632

1565. Trần Tu Viên. Y học tam tự kinh = 醫學三字經 / Trần Tu Viên ; Hoàng Duy Tân b.s. - H. : Dân trí, 2025. - 347 tr. ; 24 cm. - 150000đ. - 1000b s608004

1566. Trần Văn Biên. Giáo trình Nguyên lý cơ bản của kỹ thuật chụp cộng hưởng từ / Trần Văn Biên ch.b. - H. : Y học, 2025. - 175 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 270000đ. - 300b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Phenikaa. - Thư mục: tr. 174-175 s607635
1567. Trương Nhật Khuê. Giáo trình Nha khoa cấy ghép : Dành cho sinh viên ngành Răng Hàm Mặt / B.s.: Trương Nhật Khuê, Nguyễn Hoàng Nam (ch.b.), Lâm Nhật Tân. - H. : Y học, 2025. - 81 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 200000đ. - 300b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Phẫu thuật Miệng - Hàm Mặt s607568
1568. Twiddy, Robin. Em yêu cơ thể - Lông mày : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Robin Twiddy ; Quỳnh Hương dịch. - H. : Văn học, 2025. - 24 tr. : ảnh, tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 30000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Brilliant bodies - Eyebrows s606151
1569. Twiddy, Robin. Em yêu cơ thể - Lông mi : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Robin Twiddy ; Quỳnh Hương dịch. - H. : Văn học, 2025. - 24 tr. : ảnh, tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 30000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Brilliant bodies - Eyelashes s606152
1570. Twiddy, Robin. Em yêu cơ thể - Lông và tóc : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Robin Twiddy ; Quỳnh Hương dịch. - H. : Văn học, 2025. - 24 tr. : ảnh, tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 30000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Brilliant bodies - Hair s606149
1571. Twiddy, Robin. Em yêu cơ thể - Móng : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Robin Twiddy ; Quỳnh Hương dịch. - H. : Văn học, 2025. - 24 tr. : ảnh ; 21 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 30000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Brilliant bodies - Nails s606153
1572. Twiddy, Robin. Em yêu cơ thể - Răng : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Robin Twiddy ; Quỳnh Hương dịch. - H. : Văn học, 2025. - 24 tr. : ảnh, tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 30000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Brilliant bodies - Teeth s606150
1573. Võ Đôn. Điện thần kinh - cơ trong thực hành lâm sàng : Sách tham khảo / Võ Đôn. - H. : Y học, 2025. - 327 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 300000đ. - 500b
Thư mục cuối mỗi bài s607550
1574. Võ Văn Nho. Cẩm nang Đau đầu - Những điều cần biết về u não / Võ Văn Nho. - H. : Y học, 2025. - 55 tr. : ảnh ; 21 cm. - 10000b
ĐTTS ghi: Bệnh viện Chuyên khoa Ngoại thần kinh quốc tế s607627
1575. Vũ Thị Minh Hiền. Giáo trình lý thuyết Các phương thức điều trị vật lý trị liệu : Dùng cho đào tạo cao đẳng ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng / B.s.: Vũ Thị Minh Hiền (ch.b.), Nguyễn Thị Hương Lan, Đỗ Mạnh Hùng. - H. : Y học, 2025. - 107 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 480000đ. - 50b
ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 106 s607566
1576. Vũ Thị Minh Hiền. Giáo trình Thực hành Các phương thức điều trị vật lý trị liệu : Dùng cho đào tạo cao đẳng ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng / B.s.: Vũ Thị Minh Hiền (ch.b.), Nguyễn Thị Hương Lan, Đỗ Mạnh Hùng. - H. : Y học, 2025. - 75 tr. : bảng ; 27 cm. - 370000đ. - 50b
ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 75 s607609

1577. Vũ Văn Anh. Health coach : Nghề huấn luyện sức khỏe, nghề hạnh phúc / Vũ Văn Anh. - H. : Dân trí, 2025. - 155 tr. ; 21 cm. - 230000đ. - 1000b
Phụ lục: tr. 141-153. - Thư mục: tr. 154 s606324

1578. Vương Thanh Nhậm nghiên cứu tập thành / Hàn Quốc Việt s.t., tuyển chọn, chọn lọc. - H. : Y học. - 24 cm. - 400000đ. - 1000b

T.1: Bổ dưỡng hoàn ngũ thang ứng dụng và điều trị trên lâm sàng. - 2025. - viii, 534 tr. : ảnh s607642

1579. X Quang - Chụp cắt lớp vi tính thực hành : Giáo trình đào tạo liên tục dành cho đối tượng bác sĩ / B.s.: Huỳnh Quang Huy, Lâm Diễm Phương (ch.b.), Phạm Huy Thiên... - H. : Y học. - 27 cm. - 210000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch. Khoa Y - Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh

T.2. - 2025. - 332 tr. : minh hoạ. - Thư mục cuối mỗi bài s607503

KỸ THUẬT

1580. Bài giảng Nhập môn nghề điện và điện lạnh : Dùng cho sinh viên Trường Cao đẳng nghề Hà Nội / Nguyễn Mạnh Tiến (ch.b.), Lê Minh Điệp, Trương Việt Hà... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 91 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 65000đ. - 500b

Thư mục: tr. 90-91 s607092

1581. Bùi Tiến Thành. Đường ray không đá kiểu tám bản trên cầu đường sắt tốc độ cao / Bùi Tiến Thành (ch.b.), Phạm Văn Ký, Vũ Bá Thành. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 283 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 85000đ. - 100b

Thư mục cuối mỗi chương s607456

1582. Chuyên đề học tập Công nghệ 11 - Công nghệ cơ khí : Sách đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông tại Quyết định số 4607/QĐ-BGDĐT ngày 28/12/2022 / Nguyễn Trọng Khanh (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Mai Lan, Nguyễn Hồng Lĩnh... - Tái bản lần thứ 1. - Huế : Đại học Huế, 2025. - 67 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Cánh Diều). - 15000đ. - 5000b s605992

1583. Công nghệ thi công cầu và hầm / Hồ Xuân Nam (ch.b.), Trần Việt Hùng, Trần Thị Thu Hằng, Vũ Bá Thành. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 207 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 50000đ. - 1520b

Thư mục cuối mỗi chương s607453

1584. Cơ học đất nâng cao / Hoàng Việt Hùng (ch.b.), Trịnh Minh Thụ, Nguyễn Quang Tuấn, Ngô Văn Linh. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 259 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 460000đ. - 60b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Công trình. - Thư mục: tr. 259 s607108

1585. Cơ học thủy khí kỹ thuật / Vũ Duy Quang, Lê Thanh Tùng, Phạm Thị Thanh Hương... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 351 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 286000đ. - 290b

Phụ lục: tr. 324-350. - Thư mục: tr. 351 s607127

1586. Đinh Ngọc Ân. Bài giảng Trang bị điện - điện tử ô tô : Dùng cho sinh viên Trường Cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội / Đinh Ngọc Ân. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 163 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 68000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 163 s607082

1587. Đinh Thế Mạnh. Giáo trình Thi công công trình đất đá / Đinh Thế Mạnh (ch.b.), Nguyễn Quang Cường, Thân Văn Văn. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 267 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 395000đ. - 70b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Công trình. - Thư mục: tr. 263-267 s607131

1588. Giáo trình Chẩn đoán và sửa chữa kỹ thuật xe / Nguyễn Văn Kỵ (ch.b.), Trần Tuấn Anh, Đặng Ngọc Duyên, Vũ Quang Huy. - H. : Bách khoa Hà Nội. - 27 cm. - 450000đ. - 80b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Cơ khí

T.1. - 2025. - 379 tr. : hình vẽ, bảng. - Thư mục: tr. 379 s607116

1589. Giáo trình Cơ học kỹ thuật - Tĩnh học và động học / Nguyễn Ngọc Huyền (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Bình, Nguyễn Thị Khánh Linh... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 355 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 384000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Đại học Thủy lợi. Khoa Cơ khí. - Thư mục: tr. 355 s607113

1590. Giáo trình Phân tích kỹ thuật có sự hỗ trợ của máy tính CAE / Dương Xuân Biên (ch.b.), Đào Văn Dưỡng, Nguyễn Văn Trung, Phạm Văn Toàn. - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2025. - 394 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 280000đ. - 100b

Thư mục: tr. 392-394 s607156

1591. Giáo trình Thiết kế công trình cầu đường / Ngô Chí Thường, Lương Minh Chính (ch.b.), Đỗ Thắng, Trịnh Đình Toán. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 403 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 575000đ. - 60b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Công trình. - Thư mục: tr. 402-403 s607098

1592. Huỳnh Ngọc Thanh Tâm. Giáo trình Công nghệ sinh học môi trường / Huỳnh Ngọc Thanh Tâm (ch.b.), Đỗ Thị Xuân, Trần Thị Giang. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - xv, 360 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 128000đ. - 300b

Thư mục cuối mỗi chương s605895

1593. Kết cấu ô tô : Sách chuyên khảo / Nguyễn Ngọc Tú (ch.b.), Nguyễn Văn Đại, Lương Văn Chiến... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 287 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 150000đ. - 200b

Thư mục: tr. 285 s605779

1594. Kỹ thuật ô tô / Đinh Ngọc Ân (ch.b.), Hồ Xuân Năng, Lê Anh Sơn, Nguyễn Duy Vinh. - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. - 24 cm. - 500b

Q.1: Kết cấu ô tô hiện đại. - 2025. - 484 tr. : minh hoạ. - Thư mục: tr. 483-484 s605826

1595. Kỹ thuật ô tô / Hồ Xuân Năng (ch.b.), Đinh Ngọc Ân, Lê Anh Sơn, Nguyễn Duy Vinh. - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. - 24 cm. - 500b

Q.2: Lý thuyết ô tô hiện đại. - 2025. - 316 tr. : minh hoạ. - Thư mục: tr. 311-312 s605827

1596. Lê Thanh Hà. Truyền thông đa phương tiện / Lê Thanh Hà (ch.b.), Ngô Thị Duyên, Ma Thị Châu. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 338 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 140000đ. - 200b

Thư mục: tr. 336-338 s607663

1597. Lê Văn Doanh. Bài giảng Lý thuyết mạch điện : Dùng cho sinh viên Trường Cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội / Lê Văn Doanh, Lê Minh Điệp, Đỗ Đức Việt. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 163 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 70000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 163 s607091

1598. Lưới điện / Phạm Văn Hoà (ch.b.), Nguyễn Nhất Tùng, Trịnh Trọng Chương, Nguyễn Công Chính. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 247 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 365000đ. - 70b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Điện - Điện tử. - Phụ lục: tr. 224-246. - Thư mục: tr. 247 s607105

1599. Lưu Văn Tuấn. Bài giảng Lý thuyết ô tô : Dùng cho sinh viên Trường Cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội / Lưu Văn Tuấn. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 127 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 60000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 127 s607086

1600. Mạng lưới điện / Nguyễn Duy Hưng (ch.b.), Nguyễn Thị Bình, Lương Thị Nguyệt Nga, Võ Trường Sơn. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 175 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 95000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Công nghệ Việt - Hung. Khoa Điện - Điện tử. - Phụ lục: tr. 135-174. - Thư mục: tr. 175 s607126

1601. MyYamaha : Ấn phẩm nội bộ. - H. : Thế giới. - 26 cm. - 2700b

T.6/2025. - 2025. - 35 tr. : ảnh màu s607968

1602. Nghiêm Tiến Lam. Cơ sở thiết kế công trình biển và cảng / Nghiêm Tiến Lam. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 315 tr. : hình vẽ, bảng biểu ; 27 cm. - 580000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Công trình. - Phụ lục: tr. 289-315 s607112

1603. Nghiêm Tiến Lam. Giáo trình Tin học ứng dụng trong kỹ thuật biển / Nghiêm Tiến Lam (ch.b.), Lê Tuấn Hải. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 267 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 540000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Công trình. - Thư mục: tr. 266-267 s607122

1604. Nguyễn Chí Thành. Ứng dụng mô hình trí tuệ nhân tạo trong khoan - nổ mìn thi công công trình ngầm và mỏ : Sách chuyên khảo / Ch.b.: Nguyễn Chí Thành, Bùi Mạnh Tùng. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 205 tr. : bảng, biểu đồ ; 27 cm. - 389000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Mỏ - Địa chất. - Thư mục: tr. 202-205 s605927

1605. Nguyễn Đình Thiên. Bài giảng Cung cấp điện : Dùng cho sinh viên Cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội / Nguyễn Đình Thiên. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 243 tr. : minh họa ; 27 cm. - 95000đ. - 500b

Phụ lục: tr. 220-242. - Thư mục: tr. 243 s607093

1606. Nguyễn Hoàng Dũng. Scada phân tích và thiết kế / Nguyễn Hoàng Dũng (ch.b.), Đái Tiến Trung, Trần Lê Trung Chánh. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 206 tr. : minh họa ; 24 cm. - 110000đ. - 50b

Thư mục: tr. 206 s605799

1607. Nguyễn Hoàng Nam. Giáo trình Cấu trúc thấp chiều và công nghệ vật liệu nano / Nguyễn Hoàng Nam. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 233 tr. : minh họa ; 24 cm. - 100000đ. - 200b

Thư mục: tr. 229-233 s607673

1608. Nguyễn Linh Trung. Xử lý tín hiệu ngẫu nhiên / Nguyễn Linh Trung (ch.b.), Huỳnh Hữu Tuệ. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 140000đ. - 100b

T.1: Cơ sở. - 2025. - 320 tr. : hình vẽ. - Thư mục: tr. 317-320 s606605

1609. Nguyễn Linh Trung. Xử lý tín hiệu ngẫu nhiên / Nguyễn Linh Trung (ch.b.), Huỳnh Hữu Tuệ. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 120000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Công nghệ

T.2: Nâng cao. - 2025. - 271 tr. - Thư mục: tr. 269-271 s606594

1610. Nguyễn Linh Trung. Xử lý tín hiệu số / Nguyễn Linh Trung (ch.b.), Trần Đức Tấn, Huỳnh Hữu Tuệ. - Tái bản lần thứ 1, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 358 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 144000đ. - 200b

Đầu bìa sách ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Công nghệ. - Thư mục: tr. 357-358 s606598

1611. Nguyễn Mạnh Tiến. Bài giảng Trang bị điện : Dùng cho sinh viên Trường Cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội / Nguyễn Mạnh Tiến, Lê Minh Điệp. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 163 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 78000đ. - 500b

Thư mục: tr. 163 s607095

1612. Nguyễn Thanh Hoàng. Biến đổi tín hiệu và ứng dụng / Nguyễn Thanh Hoàng (ch.b.), Phạm Thị Ngọc Yến. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 323 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 193000đ. - 290b

Phụ lục: tr. 312-321. - Thư mục: tr. 322-323 s606417

1613. Nguyễn Thanh Sang. Môi trường và các giải pháp kỹ thuật xây dựng bền vững / Nguyễn Thanh Sang (ch.b.), Đặng Thuỳ Chi, Thái Minh Quân. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 187 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 50000đ. - 1020b

Thư mục: tr. 179-183 s607454

1614. Nguyễn Thành An. Giáo trình Nền móng công trình / Nguyễn Thành An. - H. : Bách khoa Hà Nội. - 27 cm. - 190000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội T.1. - 2025. - 211 tr. : minh hoạ. - Thư mục: tr. 210-211 s607124

1615. Nguyễn Tiến Dũng. Bài giảng Sửa chữa bảo dưỡng hệ thống nhiên liệu : Dùng cho sinh viên Trường Cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội / Nguyễn Tiến Dũng, Nguyễn Mạnh Phú. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 235 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 95000đ. - 500b s607090

1616. Nguyễn Trọng Doanh. Bài giảng Điều khiển hệ thống cơ điện tử sử dụng PLC : Dùng cho sinh viên Trường Cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội / Nguyễn Trọng Doanh, Đặng Quốc Hưng. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 111 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 65000đ. - 500b

Thư mục: tr. 111 s607085

1617. Nguyễn Tuấn Bình. Quá trình hình thành và phát triển cầu đường sắt / Nguyễn Tuấn Bình. - H. : Dân trí, 2025. - 311 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 175000đ. - 100b s608008

1618. Nguyễn Văn Lộc. Giáo trình Mô đun: Kỹ thuật lắp đặt điện : Nghề: Điện công nghiệp : Trình độ: Trung cấp / Nguyễn Văn Lộc (ch.b.), Nguyễn Thị Lan Anh, Đặng Kim Hiểu. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 83 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 120000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang. Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang. - Thư mục: tr. 83 s606635

1619. Nguyễn Văn Tường. Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật / Nguyễn Văn Tường. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 359 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 380000đ. - 50b

Thư mục: tr. 359 s607114

1620. Nguyễn Văn Vinh. Giáo trình Kỹ thuật cao áp / Ch.b.: Nguyễn Văn Vinh, Nguyễn Quang Thuận. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 135 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 280000đ. - 70b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Điện - Điện tử. - Thư mục: tr. 135 s607110

1621. Phạm Công Ngô. Bài giảng Kỹ thuật vi điều khiển : Dùng cho sinh viên Trường Cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội / Phạm Công Ngô. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 183 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 80000đ. - 500b

Thư mục: tr. 183 s607088

1622. Phạm Huy Hoàng. Bài giảng Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống truyền lực ô tô : Dùng cho sinh viên Trường Cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội / Phạm Huy Hoàng, Trần Văn Thịnh. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 159 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 75000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 159 s607080

1623. Phạm Thị Dương. Giáo trình Hoá học kỹ thuật môi trường / Phạm Thị Dương. - Hải Phòng : Nxb. Hàng Hải, 2025. - 111 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 110000đ. - 200b

Thư mục: tr. 111 s606699

1624. Phạm Thị Xuân Hoa. Mạch điện 1 / Phạm Thị Xuân Hoa (ch.b.), Trần Văn Hải, Đoàn Xuân Nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - vi, 184 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 60000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 183 s607785

1625. Phạm Thị Xuân Hoa. Mạng cung cấp điện / Phạm Thị Xuân Hoa (ch.b.), Trần Văn Hải, Lê Thanh Hiền. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - viii, 298 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 75000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 279. - Phụ lục: tr. 280-297 s607784

1626. Phạm Văn Bình. Bài giảng Máy điện : Dùng cho sinh viên Trường Cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội / B.s.: Phạm Văn Bình (ch.b.), Lê Minh Diệp, Đặng Quốc Vương. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 203 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 88000đ. - 500b

Phụ lục: tr. 194-202. - Thư mục: tr. 203 s607084

1627. Sách hướng dẫn Chẩn đoán và sửa chữa kỹ thuật xe / Nguyễn Văn Kỵ (ch.b.), Đặng Ngọc Duyên, Trần Tuấn Anh, Vũ Quang Huy. - H. : Bách khoa Hà Nội. - 27 cm. - 415000đ. - 80b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Cơ khí

T.2. - 2025. - 347 tr. : hình vẽ, bảng. - Thư mục: tr. 347 s607117

1628. Trần Anh Tuấn. Giáo trình Quản lý chất thải rắn / Trần Anh Tuấn. - Hải Phòng : Nxb. Hàng Hải, 2025. - 185 tr. : minh hoạ ; 25 cm. - 130000đ. - 200b

Thư mục: tr. 185 s606702

1629. Trần Hoàn. CAD trong kỹ thuật điều khiển và tự động hoá / Trần Hoàn, Văn Tấn Lượng (ch.b.), Trần Thị Như Hà. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - xvii, 195 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 60000đ. - 500b

Thư mục: tr. 194 s607773

1630. Trần Hùng Cường. Giáo trình Ứng dụng vi điều khiển trong kỹ thuật điện / Trần Hùng Cường (ch.b.), Nguyễn Nhất Tùng. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 207 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 330000đ. - 70b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Điện - Điện tử. - Thư mục: tr. 207 s607107

1631. Trần Nguyễn Hoàng Hùng. Công nghệ bắc thăm (PVD) - Cải tạo lớp đất yếu / Trần Nguyễn Hoàng Hùng (ch.b.), Nguyễn Bá Phú, Nguyễn Công Oanh. - Tái bản lần thứ 1 có sửa chữa, bổ sung. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 470 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 120000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. Trường Đại học Bách khoa. - Thư mục: tr. 443-470 s607820

1632. Trần Trọng Dương. Bài giảng Truyền động khí nén - thủy lực : Dành cho sinh viên Trường Cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội / Trần Trọng Dương. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 115 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 65000đ. - 500b
Thư mục: tr. 115 s607079

1633. Truyền thông chuyển tiếp hai chiều - Lý thuyết và thực nghiệm / Nguyễn Linh Trung (ch.b.), Võ Nguyễn Quốc Bảo, Trần Thị Thuý Quỳnh... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 380 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 120000đ. - 200b
Thư mục: tr. 365-377 s606596

1634. Trương Việt Hùng. Bài giảng Thiết kế cầu thép theo TCVN 11823:2017 / Trương Việt Hùng, Đặng Việt Đức (ch.b.), Lương Minh Chính. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 143 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 310000đ. - 60b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Công trình. - Thư mục: tr. 143 s607097

1635. Vũ Toàn Thắng. Bài giảng Dung sai và Kỹ thuật đo : Dành cho sinh viên Trường Cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội / Vũ Toàn Thắng. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 175 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 70000đ. - 1000b
Phụ lục: tr. 152-174. - Thư mục: tr. 175 s607089

NÔNG NGHIỆP

1636. Cây đậu đen - Kỹ thuật trồng và chăm sóc theo hướng hữu cơ : Sách tham khảo / Trịnh Thị Sen (ch.b.), Trần Văn Tý, Nguyễn Thị Hoài, Lê Thị Thu Hương. - Huế : Đại học Huế, 2025. - 65 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 60000đ. - 30b
ĐTTS ghi: Đại học Huế. Trường Đại học Nông Lâm. - Thư mục: tr. 59-65 s606373

1637. Cây rau ăn trái - Dưa leo, khổ qua và đậu que tại Đồng bằng sông Cửu Long : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Lang (ch.b.), Nguyễn Trọng Phước, Nguyễn Thị Hồng Loan... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - x, 260 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 270000đ. - 300b
Thư mục cuối mỗi chương s607154

1638. Dương Thị Phượng Liên. Giáo trình Công nghệ chế biến sữa và sản phẩm sữa / Dương Thị Phượng Liên (ch.b.), Phan Nguyễn Trang, Trần Chí Nhân. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 281 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 80000đ. - 300b s605871

1639. Giáo trình Thú y cơ bản / Nguyễn Văn Chào, Hồ Thị Dung (ch.b.), Vũ Văn Hải... - Huế : Đại học Huế, 2025. - 190 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 150000đ. - 120b
ĐTTS ghi: Đại học Huế. Trường Đại học Nông Lâm. - Thư mục cuối mỗi chương s605980

1640. Lê Minh Hoàng. Cá chêm mõm nhọn (*Psammoperca waigiensis*): Sinh học, sản xuất giống và ứng dụng / Lê Minh Hoàng (ch.b.), Phạm Quốc Hùng, Lục Minh Diệp. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 160 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 160000đ. - 200b
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Nha Trang. - Thư mục: tr. 155-158 s606633

1641. Nguyễn Phương. Lai tạo và khảo nghiệm giống ngô đường (*Zea mays* L. var. *saccharata*) / Nguyễn Phương. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 132 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 140000đ. - 200b
Phụ lục: tr. 117-128. - Thư mục: tr. 129-131 s606634

1642. Nguyễn Thị Kim Khang. Giáo trình Chăn nuôi chó, mèo / Nguyễn Thị Kim Khang ((ch.b.), Ngô Thị Minh Sương. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - ix, 154 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 62000đ. - 200b

Thư mục cuối mỗi chương s605898

1643. Nguyễn Thị Kim Khang. Giáo trình Thiết bị và dụng cụ chăn nuôi / Nguyễn Thị Kim Khang (ch.b.), Nguyễn Trọng Ngữ. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - x, 121 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 56000đ. - 200b

Thư mục cuối mỗi chương s605896

1644. Nguyễn Văn Chung. Quản trị chuỗi giá trị nuôi trồng thủy sản Việt Nam : Sách tham khảo / Ch.b.: Nguyễn Văn Chung, Hoàng Dũng Hà. - Huế : Đại học Huế, 2025. - vii, 144 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 150000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Đại học Huế. Trường Đại học Nông Lâm. - Thư mục: tr. 140-144 s606379

1645. Phan Vũ Hải. Sử dụng thảo dược bản địa trong chăn nuôi thú y : Sách tham khảo / Phan Vũ Hải. - Huế : Đại học Huế, 2025. - viii, 167 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 145000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Đại học Huế. Trường Đại học Nông Lâm. - Thư mục: tr. 167 s606375

1646. Trương Thanh Trung. Giao tình nhân tạo trên thỏ / Trương Thanh Trung (ch.b.), Phạm Thị Cẩm Nhung, Trần Long Hải. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 48 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 100000đ. - 200b

Thư mục: tr. 45-47 s606637

1647. Từ Thanh Dung. Bệnh vi khuẩn trên cá : Sách chuyên khảo / B.s.: Từ Thanh Dung (ch.b.), Nguyễn Bảo Trung, Quách Văn Cao Thi. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 240 tr. : minh hoạ ; 28 cm. - 150000đ. - 1000b

Thư mục cuối mỗi chương. - Phụ lục: tr. 219-240 s605919

QUẢN LÝ NHÀ CỬA VÀ GIA ĐÌNH

1648. Ai ở phía trên, ai ở phía dưới? = Who's above, who's below? : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 0 - 3 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Cùng con học Toán)(Ehon). - 39000đ. - 5000b s606885

1649. Ai ở phía trước, ai ở phía sau? = Who's at the front, who's at the back? : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 0 - 3 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Cùng con học Toán)(Ehon). - 39000đ. - 5000b s606882

1650. Alicia Vu. Nuôi dạy em bé có chính kiến / Alicia Vu. - H. : Thế giới, 2025. - 240 tr. : bảng ; 21 cm. - 108000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 238-240 s607905

1651. Bạn nào cao, bạn nào thấp? = Who's tall, who's short? : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 0 - 3 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Cùng con học Toán)(Ehon). - 39000đ. - 5000b s606879

1652. Bạn nào to, bạn nào nhỏ? = Who's big, who's small? : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 0 - 3 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Cùng con học Toán)(Ehon). - 39000đ. - 5000b s606886

1653. Bố mẹ ơi, con từ đâu tới? : Cho trẻ 3 - 8 tuổi / Tam Tam, Đình Bằng ; Khánh Nguyên dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 35 tr. : tranh màu ; 25x24 cm. - (Giáo dục giới tính nhi đồng). - 52000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Trung: 东方儿童生理启蒙绘本 s607071

1654. Bùi Văn Trực. 100 kỹ năng sống dạy con trong gia đình : Con từ 3 đến 10 tuổi / Bùi Văn Trực. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 175000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trung tâm Kỹ năng sống Phù Sa Đỏ

- T.1. - 2025. - 262 tr. : ảnh, bảng. - Thư mục: tr. 262 s607688
1655. Bùi Văn Trực. 100 kỹ năng sống dạy con trong gia đình : Con từ 3 đến 10 tuổi / Bùi Văn Trực. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 24 cm. - 175000đ. - 1000b
ĐTTS ghi: Trung tâm Kỹ năng sống Phù Sa Đò
- T.2. - 2025. - 268 tr. : ảnh, bảng. - Thư mục: tr. 268 s607689
1656. Cái gì bên trái, cái gì bên phải? = What's left, what's right? : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 0 - 3 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Cùng con học Toán)(Ehon). - 39000đ. - 5000b s606881
1657. Cái nào có ít, cái nào có nhiều? = What has few, what has many? : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 0 - 3 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Cùng con học Toán)(Ehon). - 39000đ. - 5000b s606883
1658. Cái nào ngắn, cái nào dài? = What is short, what is long? : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 0 - 3 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Cùng con học Toán)(Ehon). - 39000đ. - 5000b s606884
1659. Cảm ơn, xin lỗi : Dành cho độ tuổi 0 - 6 tuổi / Tree ; Minh họa: Anh Kiệt. - H. : Thế giới, 2025. - 19 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Dạy con giao tiếp). - 45000đ. - 2000b s607886
1660. Cao Xuân Thuỷ. Giáo trình Thực phẩm có lợi cho sức khoẻ / Cao Xuân Thuỷ (ch.b.), Trần Thị Minh Hà. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - x, 153 tr. : minh họa ; 24 cm. - 55000đ. - 500b
Thư mục: tr. 151-152 s607779
1661. Đếm xem có bao nhiêu? = Count how many? : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 0 - 3 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Cùng con học Toán)(Ehon). - 39000đ. - 5000b s606880
1662. Erika Takeuchi. Lời nói thần kỳ nuôi dưỡng những đứa trẻ hạnh phúc : 0 - 6 tuổi / Erika Takeuchi ; Minh Nhật dịch. - In lần 11. - H. : Công Thương, 2025. - 229 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 109000đ. - 2000b s607426
1663. Farrimond, Stuart. Khoa học về nấu ăn = The science of cooking : Giải đáp thắc mắc, hoá giải lầm tưởng phổ biến về nấu ăn / Stuart Farrimond ; Hà Dũng Minh dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 256 tr. : minh họa ; 26 cm. - 350000đ. - 2000b s607944
1664. Giáo trình Lý thuyết Trang điểm cơ bản : Dành cho đào tạo cao đẳng ngành Chăm sóc sắc đẹp / B.s.: Lê Thị Thu Hà (ch.b.), Trần Thuý Liễu, Nguyễn Thị Hương, Quàn Thị Ngát. - H. : Y học, 2025. - 63 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 355000đ. - 50b
ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 62 s607608
1665. Ham Jin Ah. Mẹ cũng cần một cái ôm : Liệu thuốc hiệu quả cho những bà mẹ đang mệt mỏi vì nuôi dạy con cái / Ham Jin Ah ; Hồng Phượng dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 249 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 159000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Hàn: 세상에 나쁜 엄마는 없다; Tên sách tiếng Anh: No such thing as a bad mom s606681
1666. Hoàng Trọng Thuỷ. Cùng con làm bạn với sách : Để gia đình là nơi con bắt đầu tình yêu với sách / Hoàng Trọng Thuỷ. - In lần thứ 3. - H. : Dân trí, 2025. - 172 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 72000đ. - 10000b
Phụ lục: tr. 121-141. - Thư mục: tr. 142-145 s607893

1667. Jadoo khám phá kỹ năng an toàn / Quỳnh Hương. - H. : Dân trí, 2025. - 28 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Kỹ năng sống). - 59000đ. - 2000b s608032
1668. Jadoo khám phá kỹ năng thoát hiểm / Quỳnh Hương. - H. : Dân trí, 2025. - 28 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Kỹ năng sống). - 59000đ. - 2000b s608034
1669. Jadoo khám phá kỹ năng tự lập / Quỳnh Hương. - H. : Dân trí, 2025. - 28 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Kỹ năng sống). - 59000đ. - 2000b s608033
1670. Jadoo khám phá thói quen tốt / Quỳnh Hương. - H. : Dân trí, 2025. - 28 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Kỹ năng sống). - 59000đ. - 2000b s608031
1671. Jadoo khám phá tư duy phản biện / Quỳnh Hương. - H. : Dân trí, 2025. - 28 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Kỹ năng sống). - 59000đ. - 2000b s608030
1672. Jadoo: Khám phá kỹ năng ứng xử / Quỳnh Hương. - H. : Dân trí, 2025. - 28 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - (Kỹ năng sống). - 59000đ. - 2000b s608029
1673. Kurcinka, Mary Sheedy. Tính khí của trẻ : Cuốn sách đã giúp "hàn gắn" hàng triệu gia đình trên thế giới / Mary Sheedy Kurcinka ; Mẹ Ong Bông dịch. - In lần 2. - H. : Công Thương, 2025. - 593 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 259000đ. - 1500b
Tên sách tiếng Anh: Raising your spirited child s606693
1674. McLaughlin, Amanda. Tốt nghiệp rồi! Bước vào đời thôi... : Cẩm nang rèn luyện kỹ năng cho cuộc sống trưởng thành / Amanda McLaughlin ; Dịch: Đinh Tùng Anh, Nhóm Lexisprouts. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 231 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 108000đ. - 1500b
Tên sách tiếng Anh: I graduated, now what?. - Thư mục: tr. 226-227 s606474
1675. Moi Moi : Bức tranh hút trọn ánh nhìn của em bé là đây : Ehon dành cho trẻ sơ sinh được lựa chọn bởi chính các bé / Hiraki Kazuo ; Tranh: Ichihara Jun ; Hồng Nhung dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 27 tr. : tranh màu ; 20 cm. - 39000đ. - 20000b s606874
1676. Moi Moi và Kily : Bức tranh do chính các bé lựa chọn : Ehon dành cho trẻ sơ sinh được lựa chọn bởi chính các bé / Kazuo Hiraki ; Tranh: Simal Miura ; Hồng Nhung dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 27 tr. : tranh màu ; 20 cm. - 39000đ. - 20000b s606878
1677. Nguyễn Thị Thu. Kỷ luật mềm trong gia đình : Giáo dục trẻ 3 - 10 tuổi dành cho gia đình Việt / Nguyễn Thị Thu. - In lần 8. - H. : Công Thương, 2025. - 379 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 189000đ. - 1500b s608087
1678. Nguyễn Trang Nhung. Chạy lành : 43 bí quyết kỳ diệu nấu ăn chay cân bằng âm dương / Nguyễn Trang Nhung b.s. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 103 tr. : ảnh ; 24 cm. - 250000đ. - 1000b s607958
1679. Nhờ cây lời hứa : Dành cho độ tuổi 0 - 6 / Tree ; Minh hoạ: Anh Kiệt. - H. : Thế giới, 2025. - 19 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Dạy con giao tiếp). - 45000đ. - 2000b s607885
1680. Những kỹ năng sống dành cho tuổi teen : Sách tham khảo dành cho giáo viên và cha mẹ / Quang Lâm s.t., tuyển chọn. - H. : Dân trí, 2025. - 139 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 23 cm. - 76000đ. - 3000b s605901
1681. Rieko Maki. Tổ ấm gọn gàng, nhờ chàng thay đổi / Rieko Maki ; Dịch: Nguyễn Như Ý, 20CNJ. - H. : Công Thương, 2025. - 145 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 79000đ. - 2000b s606680
1682. Sasaki Fumio. Lối sống tối giản của người Nhật / Sasaki Fumio ; Như Nữ dịch. - In lần 26. - H. : Công Thương, 2025. - 288 tr., 15 tr. ảnh màu ; 21 cm. - 139000đ. - 1500b s608080

1683. Trạm dừng yêu thương. - H. : Kim Đồng. - 26 cm. - 20000đ. - 10000b
 Ấn phẩm Kỹ năng sống của Báo Thiếu niên Tiền phong và Nhi đồng
 Q.16. - 2025. - 34 tr. : hình vẽ, ảnh s606632
1684. Trần Thuý Liễu. Giáo trình Chăm sóc da cơ bản : Dành cho đào tạo cao đẳng ngành Chăm sóc sắc đẹp / B.s.: Trần Thuý Liễu (ch.b.), Quàn Thị Ngát. - H. : Y học, 2025. - 111 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 490000đ. - 50b
 ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 111 s607611
1685. Úm ba la : Bức tranh bé thích nhất lại trái ngược hoàn toàn với suy đoán của mẹ : Ehon dành cho trẻ sơ sinh được lựa chọn bởi chính các bé / Kazuo Hiraki ; Tranh: RoRon ; Hồng Nhung dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 35 tr. : tranh màu ; 20 cm. - 39000đ. - 20000b s606877
1686. Wakamatsu Aki. Cách khen, cách mắng, cách phạt con / Wakamatsu Aki, Masami Sasaki ; Dịch: Song Liên, Linh Như ; Hồ Phương h.đ. - In lần 25. - H. : Công Thương, 2025. - 180 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - 79000đ. - 2000b s608077
1687. Xoay xoay xoay - Đi tìm động vật : Dành cho trẻ em từ 0 - 6 tuổi / Minh hoạ: Nathalie Choux ; Thành Đạt dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 12 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 145000đ. - 1000b
 Tên sách tiếng Pháp: Mon imagier-jeu des animaux s607065
1688. Xoay xoay xoay - Đi tìm thức ăn : Dành cho trẻ em từ 0 - 6 tuổi / Minh hoạ: Nathalie Choux ; Thành Đạt dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 12 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 145000đ. - 1000b
 Tên sách tiếng Pháp: Mon imagier-jeu des aliments s607064
1689. Xoay xoay xoay đi tìm màu sắc : Dành cho trẻ em từ 0 - 6 tuổi / Nathalie Choux ; Thành Đạt dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 12 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 145000đ. - 1000b
 Tên sách tiếng Pháp: Mon imagier-jeu des couleurs s607063

QUẢN LÝ VÀ QUAN HỆ CÔNG CỘNG

1690. Bảng biểu mẫu tính lương thưởng + quản lý kho + báo cáo tài chính bằng Google Sheet dành cho hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ / Weupbook b.s. - H. : Dân trí, 2025. - 159 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 160000đ. - 20000b s606315
1691. Bapna, Ravi. Kỹ nguyên AI - Kỹ nguyên thịnh vượng : Hãy để AI làm thay bạn! / Ravi Bapna, Anindya Ghose ; Dịch: Thái Trung Hiếu... - H. : Công Thương, 2025. - 286 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 186000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Anh: Thrive: Maximizing well-being in the age of AI s608072
1692. Berman, Karen. Trí tuệ tài chính = Financial intelligence : Dành cho những nhà quản lý không chuyên về tài chính / Karen Berman, Joe Knight, John Case ; Dịch: Thiên Huy... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Công Thương, 2025. - 333 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 229000đ. - 3000b
 Phụ lục: tr. 322-324 s606694
1693. Bộ 50 câu hỏi tuyển dụng các vị trí + Bài test đánh giá năng lực ứng viên : Tuyển chọn đúng. Tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp / Weupbooks b.s. - H. : Dân trí, 2025. - 170 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 160000đ. - 20000b s606330

1694. Cẩm nang Kỹ năng - Làm việc nhóm : Kiến thức và kỹ năng sống cho trẻ em. - H. : Kim Đồng, 2025. - 53 tr. : minh họa ; 21 cm. - (Nhi đồng - Kỹ năng sống; T.5). - 35000đ. - 6000b s606863

1695. Cumberland, Nigel. 100 bí quyết nâng tầm hiệu suất : Những thay đổi nhỏ bứt phá thành công / Nigel Cumberland ; Dịch: Đinh Tùng Anh, Nhóm Lexisprouts. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - xiv, 305 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 145000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: 100 things productive people do. - Thư mục: tr. 297-305 s606471

1696. Đoàn Văn Tình. Tập bài giảng Kỹ năng quản lý thời gian / B.s.: Đoàn Văn Tình, Hoàng Văn Công (ch.b.), Nguyễn Thị Hoa. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 163 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 166000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục: tr. 159-160 s606464

1697. Feng Zhu. Những cuộc đối đầu thông minh : Chiến lược sống còn của doanh nghiệp truyền thông trước làn sóng công nghệ / Feng Zhu, Bonnie Yining Cao ; Saigon Books dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 211 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 138000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Smart rivals : How innovative companies play games that tech giants can't win. - Thư mục: tr. 197-211 s607867

1698. Fineman, Meredith. Cẩm nang "khoe khéo" : Đừng giới giang một cách thảm liệt! / Meredith Fineman ; Eve La Lune dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 182 tr. ; 20 cm. - 129000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Brag better : Master the art of fearless self-promotion s606337

1699. Fox, Jeffrey J. Để trở thành người bán hàng xuất sắc = How to become a rainmaker : Nghệ thuật bán hàng và bí quyết thu hút khách hàng hiệu quả nhất / Jeffrey J. Fox ; Dịch: Bích Nga... - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 141 tr. ; 21 cm. - 68000đ. - 1000b s605887

1700. Genett, Donna M. Người giỏi không phải là người làm tất cả = If you want it done right, you don't have to do it yourself! / Donna M. Genett ; Nguyên Chương dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 112 tr. ; 21 cm. - 58000đ. - 4000b s605881

1701. Giáo trình Hành vi khách hàng / Bùi Huy Khôi (ch.b.), Phạm Thị Hồng Ngọc, Nguyễn Hà Thạch... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 301 tr. ; 24 cm. - 130000đ. - 500b

Thư mục: tr. 299-301 s606651

1702. Giáo trình Kế toán tài chính / B.s.: Đinh Thị Mai, Nguyễn Thị Ngọc Lan (ch.b.), Trần Thế Lữ... - H. : Dân trí. - 24 cm. - 68000đ. - 800b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Công đoàn. Khoa Kế toán

Ph.3. - 2025. - 315 tr. : hình vẽ, bảng. - Thư mục: tr. 314-315 s608001

1703. Giáo trình Kế toán thuế / Lê Thị Tâm, Vũ Thị Huyền Trang (ch.b.), Nghiêm Văn Lợi... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 319 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 373000đ. - 80b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Kế toán và Kinh doanh. - Thư mục: tr. 316-319 s607134

1704. Giáo trình Kiểm toán báo cáo tài chính 1 / Nguyễn Thị Mai Lan, Nguyễn Thị Thanh Diệp (ch.b.), Phan Trung Kiên... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 295 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 342000đ. - 80b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Kế toán và Kinh doanh. - Thư mục: tr. 295 s607132

1705. Giáo trình Kiểm toán báo cáo tài chính 2 / Hoàng Thị Mai Lan, Phan Trung Kiên (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Diệp... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 373 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 400000đ. - 80b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Kế toán và Kinh doanh. - Thư mục: tr. 373 s607118

1706. Giáo trình Quản lý dự án / Đỗ Văn Chính, Trần Thị Hồng Phúc (ch.b.), Lê Văn Chính... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 259 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 272000đ. - 90b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Kinh tế và Quản lý. - Thư mục: tr. 258 s607100

1707. Giáo trình Quản lý học đại cương / Nguyễn Hữu Hải (ch.b.), Đặng Khắc Ánh, Hoàng Mai... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 339 tr. : bảng, sơ đồ ; 21 cm. - 300000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục: tr. 329-331 s606437

1708. Giáo trình Quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức công / Lê Mạnh Hùng, Lê Xuân Sinh (ch.b.), Phùng Thế Hùng... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 516 tr. : bảng, sơ đồ ; 24 cm. - 238000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Công đoàn. - Thư mục: tr. 426-429. - Phụ lục: tr. 430-516 s607681

1709. Giáo trình Quản trị học / Lê Vũ Hà, Nguyễn Thị Tuyết Hạnh (ch.b.), Nguyễn Thanh Thủy... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 386 tr. : minh họa ; 24 cm. - 160000đ. - 300b

Thư mục cuối mỗi chương s607684

1710. Giáo trình Quản trị nhân lực / Lê Trọng Hùng, Trương Tuấn Linh, Trần Tuấn Việt (ch.b.)... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 371 tr. : minh họa ; 24 cm. - 199000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Phenikaa. - Thư mục: tr. 371 s606414

1711. Hilb, Martin. Quản trị công ty hiện đại: Những bài học thực tiễn = New living cases on corporate governance / Martin Hilb ; Phan Vũ Hoàng dịch ; Hà Thu Thanh h.đ. - H. : Công Thương, 2025. - 166 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Tủ sách SGDĐ: Lãnh đạo, Quản trị, ESG). - 225000đ. - 500b s606691

1712. Hill, Napoleon. Khoa học về thành công / Napoleon Hill ; Minh Ngọc dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 430 tr. ; 23 cm. - 369000đ. - 500b

Tên sách tiếng Anh: Napoleon Hill's master course s606690

1713. Hill, Napoleon. Khoa học về thành công = Napoleon Hill's master course / Napoleon Hill ; Minh Ngọc dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 430 tr. ; 23 cm. - 239000đ. - 2500b s606678

1714. Hill, Napoleon. Nghĩ giàu & làm giàu = Think and grow rich / Napoleon Hill ; Việt Khương dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 399 tr. ; 21 cm. - 110000đ. - 5000b s605888

1715. Hill, Napoleon. Nghĩ giàu & làm giàu = Think and grow rich : Kinh nghiệm làm giàu từ những bậc thầy hàng đầu thế giới / Napoleon Hill ; Khánh Phương dịch. - H. : Văn học, 2025. - 363 tr. ; 21 cm. - 145000đ. - 3000b s606261

1716. Hoà Nhân. Tứ thư lãnh đạo : Thuật quản trị / Hoà Nhân ; Dịch: Trần Thu Hiền... - In lần 20. - H. : Công Thương, 2025. - 426 tr. ; 24 cm. - 219000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 领导四书 s608096

1717. Hoà Nhân. Tứ thư lãnh đạo : Thuật xử thế / Hoà Nhân ; Dịch: Trần Thu Hiền... - In lần 20. - H. : Công Thương, 2025. - 435 tr. ; 24 cm. - 219000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Trung: 领导四书 s608095

1718. Inamori Kazuo. Cách sống : Từ bình thường trở nên phi thường / Inamori Kazuo ; Phạm Hữu Lợi dịch. - In lần 27. - H. : Công Thương, 2025. - 226 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Anh: A compass to fulfillment s608081
1719. Inamori Kazuo. 12 nguyên tắc quản trị kinh doanh của Inamori = 経営12カ条経営者として貫くべきこと / Inamori Kazuo ; Nguyễn Đỗ An Nhiên dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 187 tr. ; 21 cm. - 110000đ. - 2000b s606475
1720. Inamori Kazuo. Triết lý kinh doanh của Kyocera / Inamori Kazuo ; Thanh Huyền dịch. - In lần 7. - H. : Công Thương, 2025. - 435 tr. : ảnh ; 19 cm. - 199000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Anh: Kyocera philosophy s608078
1721. Không có đỉnh quá cao : Từ làng quê bước ra chinh phục thế giới / Phan Văn Trường, Siêu Biyã, Lê Cảnh... ; Nguyễn Thị Ngọc Minh h.đ. - In lần thứ 5. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 219 tr. ; 21 cm. - 90000đ. - 1500b s606528
1722. Không có sông quá dài : Cẩm nang dành cho những người khởi nghiệp / Phan Văn Trường, Hải Anh, Nguyễn Ngọc Hoàng Anh... - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 519 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 1000b s606531
1723. Kiyosaki, Robert T. Dạy con làm giàu / Robert T. Kiyosaki ; Lê Tuyên dịch. - In lần thứ 28. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 21 cm. - 110000đ. - 1500b
T.10: Trước khi bạn thôi việc : 10 bài học thực tế bạn không nên bỏ qua nếu muốn mở công ty riêng = Before you quit your job : 10 real-life lessons every entrepreneur should know about building a million-dollar business. - 2025. - 316 tr. : hình vẽ, ảnh s606554
1724. Kiyosaki, Robert T. Dạy con làm giàu / Robert T. Kiyosaki ; Nguyễn Thị Kim Linh dịch. - In lần thứ 42. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 21 cm. - 80000đ. - 1500b
T.11: Trường dạy kinh doanh cho những người thích giúp đỡ người khác = The business school for people who like helping people. - 2025. - 225 tr. : hình vẽ s606555
1725. Kotler, Philip. Tiếp thị 6.0: Tương lai là toàn nhập = Marketing 6.0: The future is immersive / Philip Kotler, Hermawan Kartajaya, Iwan Setiawan ; Nguyễn Khoa Hồng Thành dịch. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 293 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 140000đ. - 1500b s606524
1726. Kotler, Philip. Tư duy thức thời, bán lẻ thành thời : 10 nguyên tắc bán lẻ thời hậu kỹ thuật số / Philip Kotler, Giuseppe Stigliano ; Dịch: Nguyễn Dương Hiếu, Nguyễn Thị Thu Hương. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 337 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 170000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Redefining retail s606486
1727. Kỹ năng làm việc nhóm / Nguyễn Thị Huệ, Bùi Thị Hiền (ch.b.), Phan Thị Thu Hương... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 173 tr. : biểu đồ ; 24 cm. - 110000đ. - 200b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung. Trung tâm Đào tạo, bồi dưỡng. - Thư mục: tr. 170-173 s606415
1728. Lewrick, Michael. AI tạo sinh : Tận dụng chuỗi giá trị AI để tạo lập mô hình kinh doanh sáng tạo... / Michael Lewrick, Omar Hatamleh ; Tùng Bách Mộc dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 378 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - (Tủ sách AI). - 219000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: AI and innovation : How to transform your business and outpace the competition with generative AI s606671
1729. Lê Văn Dũng. Tối ưu vận hành doanh nghiệp : Phương pháp luận độc quyền giúp chuẩn hoá, xây dựng ERP thông minh & tự động hoá vận hành hằng ngày / Lê Văn Dũng. - H. : Công Thương, 2025. - 188 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 299000đ. - 1000b s608071

1730. Lưu Thanh Đức Hải. Giáo trình Quản trị thương hiệu / Lưu Thanh Đức Hải (ch.b.), Khuru Ngọc Huyền, Nguyễn Thị Bảo Châu. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - ix, 236 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 50000đ. - 200b

Thư mục: tr. 215-217. - Phụ lục: tr. 219-236 s605899

1731. McChesney, Chris. 4 nguyên tắc thực thi = The 4 disciplines of execution : Giới thiệu công nghệ triển khai chiến lược từ Franklin Covey / Chris McChesney, Sean Covey, Jim Huling ; Dịch: Nguyễn Thuý Uyên Phương... - Tái bản lần thứ 6. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 411 tr. : minh hoạ ; 23 cm. - 205000đ. - 1000b s608068

1732. Ngô Văn Cần. Content hay chuyển đổi ngay / Ngô Văn Cần. - H. : Công Thương, 2025. - 202 tr. : minh hoạ ; 23 cm. - 238000đ. - 5000b s608074

1733. Ngô Văn Cần. Sản phẩm ngôi sao - Đỉnh cao doanh số : Cẩm nang gia tăng thu nhập nhanh chóng với lựa chọn sản phẩm affiliate / Ngô Văn Cần. - H. : Công Thương, 2025. - 32 tr. : hình vẽ, ảnh ; 21 cm. - 7000b s608073

1734. Nguyễn Doãn Tùng. Quản trị là giúp nhân viên làm chủ / Nguyễn Doãn Tùng. - H. : Công Thương, 2025. - 298 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 239000đ. - 2000b s606677

1735. Nguyễn Đào Tùng. Hệ thống kế toán doanh nghiệp trong điều kiện mới : Sách chuyên khảo / Nguyễn Đào Tùng, Đào Ngọc Hà. - H. : Tài chính, 2025. - 232 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 60000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Học viện Tài chính. - Thư mục: tr. 209-210. - Phụ lục: tr. 211-231 s606308

1736. Nguyễn Hồng Yến. Kiểm toán nội bộ quỹ tín dụng nhân dân theo chuẩn mực quốc tế : Sách chuyên khảo / Nguyễn Hồng Yến. - H. : Tài chính, 2025. - 283 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 175000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 242-282. - Thư mục: tr. 283 s606303

1737. Nguyễn Phi Vân. Nhượng quyền khởi nghiệp - Con đường ngắn để bước ra thế giới / Nguyễn Phi Vân. - In lần thứ 8. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 435 tr. : minh hoạ ; 23 cm. - 160000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 426-427. - Phụ lục: tr. 428-435 s606572

1738. Nguyễn Quang Chương. Bài giảng Quản trị học : Dành cho sinh viên Trường Cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội / Nguyễn Quang Chương. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 71 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 65000đ. - 500b

Thư mục: tr. 71 s607094

1739. Nguyễn Thị Oanh. Bài giảng Quản trị Website thương mại điện tử / Nguyễn Thị Oanh (ch.b.), Trần Đình Ngọc, Trần Thị Phương Dung. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 319 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 389000đ. - 70b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Kinh tế và Quản lý. - Thư mục: tr. 317-318 s607120

1740. Nguyễn Thị Thu Hằng. Hệ thống sản xuất / Nguyễn Thị Thu Hằng, Đường Võ Hùng. - Tái bản lần thứ 5 có sửa chữa, bổ sung. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 249 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 65000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. Trường Đại học Bách khoa. - Thư mục cuối chính văn s607817

1741. Nguyễn Văn Minh. Bài giảng Thực hành quảng cáo điện tử / Nguyễn Văn Minh (ch.b.), Đỗ Thị Dịu, Bùi Thị Giang. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 335 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 355000đ. - 80b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Kinh tế và Quản lý. - Thư mục: tr. 282. - Phụ lục: tr. 283-335 s607119

1742. Percival, Ruth. Khả năng phục hồi = Resilience / Ruth Percival ; Minh hoạ: Dean Gray ; Lan Anh dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Little business books). - 50000đ. - 3000b s606342

1743. Percival, Ruth. Làm việc nhóm = Teamwork / Ruth Percival ; Minh hoạ: Dean Gray ; Lan Anh dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Little business books). - 50000đ. - 3000b s606341

1744. Percival, Ruth. Sáng tạo = Creativity / Ruth Percival ; Minh hoạ: Dean Gray ; Lan Anh dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Little business books). - 50000đ. - 3000b s606339

1745. Percival, Ruth. Tăng trưởng = Growth / Ruth Percival ; Minh hoạ: Dean Gray ; Lan Anh dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Little business books). - 50000đ. - 3000b s606343

1746. Percival, Ruth. Thay đổi = Change / Ruth Percival ; Minh hoạ: Dean Gray ; Lan Anh dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Little business books). - 50000đ. - 3000b s606344

1747. Percival, Ruth. Trách nhiệm = Responsibility / Ruth Percival ; Minh hoạ: Dean Gray ; Lan Anh dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Little business books). - 50000đ. - 3000b s606340

1748. Phan Văn Trường. Con lốc quản trị - Ba trụ cột của văn hoá doanh nghiệp / Phan Văn Trường. - In lần thứ 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 245 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 140000đ. - 2000b s606574

1749. Phi Hồng Huy. Chiến lược doanh nghiệp dẫn đầu : Chia sẻ thực chiến từ chuyên gia #1 trong ngành Mobile / Phi Hồng Huy. - H. : Công Thương, 2025. - 267 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 268000đ. - 500b s606688

1750. Ries, Eric. Khởi nghiệp tinh gọn = The lean startup / Eric Ries ; Dịch: Nguyễn Dương Hiếu... - In lần thứ 11. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 332 tr. : hình vẽ, bảng ; 23 cm. - (Tủ sách Doanh trí). - 165000đ. - 2000b s608066

1751. Singer, Blair. Xây dựng một nhóm kinh doanh thành công : Luật tôn vinh. Bí mật để thành công trong kinh doanh và cuộc sống / Blair Singer ; Thiên Kim dịch. - In lần thứ 23. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 201 tr. ; 20 cm. - 70000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The ABC's of building a business team that wins s606540

1752. Strock, James M. Phụng sự để dẫn đầu : Tư duy lãnh đạo thế kỷ 21 / James Strock ; Thu Huyền dịch. - In lần 12. - H. : Công Thương, 2025. - 342 tr. ; 24 cm. - 139000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: Serve to lead s608092

1753. Tập bài giảng Kỹ năng giải quyết xung đột trong tổ chức / B.s.: Đỗ Khánh Năm, Nguyễn Thị Hoa (ch.b.), Đoàn Văn Tình... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 195 tr. : bảng ; 21 cm. - 190000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Học viện Hành chính Quốc gia. - Thư mục: tr. 188-190 s606461

1754. Thái Anh Tuấn. Giáo trình Hệ thống thông tin kế toán / Thái Anh Tuấn (ch.b.), Lê Tiến Hiếu. - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2025. - 460 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 100b

Thư mục: tr. 458-459 s606712

1755. Thiết kế giải pháp giá trị = Value proposition design : Cách tạo ra sản phẩm và dịch vụ mà khách hàng mong muốn / Alex Osterwalder, Yves Pigneur, Greg Bernarda, Alan Smith ; Nguyễn Thụy Khánh Chương dịch ; Lâm Bình Bảo h.đ. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Công Thương, 2025. - 311 tr. : minh hoạ ; 19x24 cm. - 339000đ. - 3000b s606697

1756. Trần Anh Tuấn. Thiết kế & phát triển sản phẩm = Mes lab design - 2020 edition : Tài liệu dành cho kỹ sư thiết kế, nghiên cứu & phát triển sản phẩm / Trần Anh Tuấn. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 397 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 49000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 393-396 s605868

1757. Trần Thị Thương. Tài liệu tiếng Trung chuyên ngành kế toán : Từ vựng chuyên ngành... / Trần Thị Thương. - H. : Tài chính, 2025. - 150 tr. ; 21 cm. - 160000đ. - 1000b s606301

1758. Vũ Thuỳ Dương. Giáo trình Kế toán quản trị / Ch.b.: Vũ Thuỳ Dương, Nguyễn Thị Quỳnh Trang. - H. : Dân trí. - 24 cm. - 76000đ. - 800b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Công đoàn

Ph.1. - 2025. - 359 tr. : hình vẽ, bảng. - Thư mục: tr. 358-359 s606349

1759. Vương Kiến Tứ. Nói thế nào để bán được hàng / Vương Kiến Tứ ; Tuyết Mai dịch. - Tái bản lần 3. - H. : Văn học, 2025. - 351 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 寻购这样说才对 s606080

1760. Weise, Michelle R. Học tập suốt đời / Michelle R. Weise ; Phan Quốc Dũng dịch. - In lần 2. - H. : Công Thương, 2025. - 283 tr. : ảnh ; 24 cm. - 159000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: Long life learning : Preparing for jobs that don't even exist yet s608094

1761. Xấu thế nào - Đẹp ra sao : Bí kíp thẩm định thiết kế trong marketing. - Tái bản. - H. : Dân trí, 2025. - 200 tr. : ảnh ; 21 cm. - (Bộ sách Mỹ thuật ứng dụng trong marketing). - 175000đ. - 2000b s607896

1762. Ziglar, Zig. Nghệ thuật bán hàng bậc cao = Secrets of closing the sale! : Bí quyết chốt deal mọi thời đại! / Zig Ziglar ; Vương Bảo Long dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 503 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 198000đ. - 2000b s605892

KỸ THUẬT HOÁ HỌC

1763. Cơ sở thiết kế nhà máy chế biến thực phẩm / Vũ Duy Đô, Lê Thị Tường (ch.b.), Vũ Ngọc Bội, Thái Văn Đức. - Tái bản lần thứ 1, có chỉnh sửa bổ sung. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 192 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 110000đ. - 500b

Thư mục: tr. 190-191 s606641

1764. Đỗ Quang Minh. Công nghệ sản xuất xi măng Poóc Lăng và các chất kết dính vô cơ / Đỗ Quang Minh, Trần Bá Việt. - Tái bản lần thứ 4 có sửa chữa, bổ sung. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 353 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 81000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. Trường Đại học Bách khoa. - Thư mục: tr. 351-353 s607815

1765. Giáo trình Nguyên liệu và bảo quản thực phẩm / Cao Xuân Thủy (ch.b.), Nguyễn Văn Chung, Lê Phan Thuỳ Hạnh, Nguyễn Thị Thu Sang. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - viii, 212 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 60000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 192-193. - Phụ lục: tr. 194-212 s607774

1766. Giáo trình Nhiệt kỹ thuật ứng dụng trong công nghệ hoá học & thực phẩm / Trương Vĩnh (ch.b.), Nguyễn Bảo Việt, Lê Thị Thanh Vân... - H. : Nông nghiệp, 2025. - 255 tr. : hình vẽ, bảng ; 25 cm. - 160000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM. Khoa Công nghệ Hoá học & Thực phẩm. - Thư mục cuối mỗi chương s606639

1767. Hội nghị khoa học Công nghệ sinh học - Phục vụ phát triển bền vững và thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn : Kỷ niệm 50 năm thành lập Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (1975 - 2025) / Đặng Diễm Hồng, Lê Thị Thơm, Nguyễn Cẩm Hà... - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2025. - 474 tr. : minh hoạ ; 30 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. Tiểu ban Hội nghị Khoa học về Công nghệ sinh học. - Thư mục cuối mỗi bài s605931

1768. Nguyễn Quốc Vọng. Cây chè Shan rừng Việt Nam & Bộ tiêu chuẩn cơ sở chất lượng trà Shan tuyết Hà Giang / Nguyễn Quốc Vọng. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 323 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 200000đ. - 500b

Thư mục: tr. 290-312. - Phụ lục: tr. 313-316 s606400

1769. Nguyễn Thị Như Hạ. Giáo trình Chế biến sản phẩm thủy sản giá trị gia tăng / Ch.b.: Nguyễn Thị Như Hạ, Nguyễn Lê Anh Đào, Lê Thị Minh Thủy. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 134 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 100000đ. - 50b

Thư mục: tr. 132-134 s606649

1770. Nguyễn Văn Tài. Giáo trình Kỹ thuật nhiệt luyện / Nguyễn Văn Tài (ch.b.), Huỳnh Thanh Thường, Trần Nguyễn Phương Lan. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 141 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 90000đ. - 100b

Thư mục: tr. 139-141 s605770

1771. Nhập môn Công nghệ sinh học : Giáo trình đào tạo đại học / B.s.: Phùng Thanh Hương (ch.b.), Đàm Thanh Xuân, Nguyễn Khắc Tiệp... - H. : Y học, 2025. - 175 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 130000đ. - 600b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Dược Hà Nội. Khoa Công nghệ sinh học. - Thư mục cuối mỗi chương s607478

1772. Trịnh Đình Khá. Thực hành công nghệ protein - enzyme / Trịnh Đình Khá (ch.b.), Cao Thị Huệ. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 83 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 215000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi, Khoa Hoá và Môi trường. - Thư mục: tr. 78. - Phụ lục: tr. 79-83 s607073

1773. Vương Thanh Tùng. Giáo trình Bao bì thực phẩm thủy sản / Vương Thanh Tùng (ch.b.), Lê Thị Minh Thủy, Trần Chí Nhân. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 94 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 170000đ. - 50b

Thư mục: tr. 93-94 s605872

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT

1774. Gỗ & nội thất : Ấn phẩm của Hội Mỹ nghệ & Chế biến gỗ Tp. Hồ Chí Minh / Bùi Phương, Minh Kiên, Minh Khuê... ; B.s.: Trần Việt Tiến (ch.b.)... - H. : Thông tấn. - 30 cm. - 1500b

T.93. - 2023. - 76 tr. : minh hoạ s607148

1775. Gỗ & nội thất : Ấn phẩm của Hội Mỹ nghệ & Chế biến gỗ Tp. Hồ Chí Minh / Phương Quyên, Đặng Quý Yên, Nguyễn Quốc Khanh... ; B.s.: Trần Việt Tiến (ch.b.)... - H. : Thông tấn. - 30 cm. - 1500b

T.94. - 2023. - 76 tr. : ảnh màu, bảng s607149

1776. Gỗ & nội thất : Ấn phẩm của Hội Mỹ nghệ & Chế biến gỗ Tp. Hồ Chí Minh / Hà Công Tuấn, Tuyết Mai, Vũ Hải Bằng... ; B.s.: Trần Việt Tiến (ch.b.)... - H. : Thông tấn. - 30 cm. - 1500b

T.99. - 2024. - 76 tr. : ảnh màu s607150

1777. Vũ Ngọc Thương. Giáo trình Tự động hoá sản xuất / Vũ Ngọc Thương (ch.b.), Đoàn Yên Thế. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 247 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 407000đ. - 70b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Cơ khí. - Thư mục: tr. 247 s607139

NGHỆ THUẬT, MỸ THUẬT VÀ NGHỆ THUẬT TRANG TRÍ

1778. Bé tập tô màu - Các loài chim / Thủy Linh. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 16000đ. - 5000b s606027

1779. Bé tập tô màu - Củ, quả / Thủy Linh. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 16000đ. - 5000b s606023

1780. Bé tập tô màu - Động vật dưới nước / Thủy Linh. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 16000đ. - 5000b s606022

1781. Bé tập tô màu - Động vật hoang dã / Thủy Linh. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 16000đ. - 5000b s606029

1782. Bé tập tô màu - Giao thông đường thủy và hàng không / Thủy Linh. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 16000đ. - 5000b s606021

1783. Bé tập tô màu - Khủng long / Thủy Linh. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 16000đ. - 5000b s606020

1784. Bé tập tô màu - Nghề nghiệp / Thủy Linh. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 16000đ. - 5000b s606026

1785. Bé tập tô màu - Phương tiện giao thông đường bộ / Thủy Linh. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 16000đ. - 5000b s606025

1786. Bé tập tô màu - Vật nuôi / Thủy Linh. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 16000đ. - 5000b s606024

1787. Bé tô màu - Động vật dưới nước : Phiên bản song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Thủy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s607007

1788. Bé tô màu - Gia cầm, gia súc : Phiên bản song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Thủy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s607011

1789. Bé tô màu - Hoa, quả : Phiên bản song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Thủy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s607006

1790. Bé tô màu - Nghề nghiệp : Phiên bản song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Thủy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s607009

1791. Bé tô màu - Rau, củ, quả : Phiên bản song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Thủy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s607012

1792. Bé tô màu - Thế giới côn trùng : Phiên bản song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Thủy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s607008

1793. Bé tô màu - Trang phục của bé : Phiên bản song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Thủy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s607005

1794. Bé tô màu - Trường mầm non : Phiên bản song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Thủy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s607010

1795. Bé tô màu các loại gia súc : Phiên bản song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Thủy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s606311

1796. Bé tô màu Doraemon - Chuyến du lịch hè vui vẻ / Nam Thuận. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 15000đ. - 3000b s605908

1797. Bé tô màu Doraemon - Ngôi làng bí ẩn / Nam Thuận. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 15000đ. - 3000b s605907

1798. Bé tô màu: Đồ chơi của bé : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho bé 3 - 4 tuổi / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Kiến nâu). - 10000đ. - 5000b s606977

1799. Bé tô màu: Đồ dùng gia đình : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho bé 3 - 4 tuổi / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Kiến nâu). - 10000đ. - 5000b s606979

1800. Bé tô màu: Động vật hoang dã : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho bé 3 - 4 tuổi / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Kiến nâu). - 10000đ. - 5000b s606976

1801. Bé tô màu: Phương tiện giao thông : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho bé 3 - 4 tuổi / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Kiến nâu). - 10000đ. - 5000b s606980

1802. Bé tô màu: Rau quả của bé : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho bé 3 - 4 tuổi / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Kiến nâu). - 10000đ. - 5000b s606975

1803. Bé tô màu: Vật nuôi của bé : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho bé 3 - 4 tuổi / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Kiến nâu). - 10000đ. - 5000b s606978

1804. Bóc dán thông minh - Đồ dùng gia đình : Giúp bé nhanh tay nhanh mắt. Phát triển khả năng tư duy sáng tạo toàn diện cho trẻ : Song ngữ Việt - Anh : 2+ / Minh Phương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Vừa học vừa chơi). - 35000đ. - 5000b s607185

1805. Bóc dán thông minh - Đồ dùng, đồ chơi của bé : Giúp bé nhanh tay nhanh mắt. Phát triển khả năng tư duy sáng tạo toàn diện cho trẻ : Song ngữ Việt - Anh : 2+ / Minh Phương. -

H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Vừa học vừa chơi). - 35000đ. - 5000b s607182

1806. Bóc dán thông minh - Động vật : Giúp bé nhanh tay nhanh mắt. Phát triển khả năng tư duy sáng tạo toàn diện cho trẻ : Song ngữ Việt - Anh : 2+ / Minh Phương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Vừa học vừa chơi). - 35000đ. - 5000b s607184

1807. Bóc dán thông minh - Nghề nghiệp : Giúp bé nhanh tay nhanh mắt. Phát triển khả năng tư duy sáng tạo toàn diện cho trẻ : Song ngữ Việt - Anh : 2+ / Minh Phương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Vừa học vừa chơi). - 35000đ. - 5000b s607183

1808. Bóc dán thông minh - Phương tiện giao thông : Song ngữ Việt - Anh : 2+ / Minh Phương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Vừa học vừa chơi). - 35000đ. - 5000b s606028

1809. Bóc dán thông minh - Rau, củ, quả : Giúp bé nhanh tay nhanh mắt. Phát triển khả năng tư duy sáng tạo toàn diện cho trẻ : Song ngữ Việt - Anh : 2+ / Minh Phương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Vừa học vừa chơi). - 35000đ. - 5000b s607181

1810. Bóc dán tô màu - Kimmon câu chuyện ở đảo hoa : Sticker siêu đáng yêu / @LANT, Tiểu Trinh. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 12 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 24000đ. - 10000b s607472

1811. Bóc dán tô màu - Kimmon điều ước của rồng : Sticker siêu đáng yêu / @LANT, Tiểu Trinh. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 12 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 24000đ. - 10000b s607473

1812. Bóc dán tô màu - Kimmon những bông hoa đang nở rộ : Sticker siêu đáng yêu / @LANT, Tiểu Trinh. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 12 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 24000đ. - 10000b s607471

1813. Bóc dán tô màu - Silent winter giấc mơ mùa đông : Sticker siêu đáng yêu / @LANT, Tiểu Trinh. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 12 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 24000đ. - 10000b s607474

1814. Capybara ở thế giới song song : Sách tô màu vui nhộn / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 38 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 55000đ. - 3000b s606195

1815. Chibeo ơi!!! Hôm nay quây gì nào?! / H!koro Studio. - H. : Dân trí, 2025. - 60 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 88000đ. - 5000b s606346

1816. Content AI : Tự động hoá sản xuất video từ hình ảnh và văn bản bằng CapCut, Runway... / AIGC Wenhua Xueyuan ; Đỗ Thu Thủy dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 303 tr. : minh hoạ ; 19 cm. - (Tủ sách AI). - 189000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: AI 短视频创作119招 s606685

1817. Idol sweeties - Những khoảnh khắc khiến tim fan tan chảy : Sách tô màu / H!koro Studio. - H. : Dân trí, 2025. - 55 tr. : tranh vẽ ; 19x24 cm. - 88000đ. - 5000b s606347

1818. Lạc vào thế giới Chibi : Sách tô màu / H!koro Studio. - H. : Dân trí, 2025. - 63 tr. : tranh vẽ ; 19x24 cm. - 88000đ. - 5000b s606345

1819. Mason, Nick. Điên rồ và hoàn mỹ : Những câu chuyện chưa kể về Pink Floyd / Nick Mason ; Thảo Tâm dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 441 tr., 14 tr. ảnh ; 24 cm. - 299000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Inside out : A personal history of Pink Floyd s607933

1820. Một ngày thử xuyên không vào thế giới kỳ lạ : Sách tô màu / H!koro Studio. - H. : Dân trí, 2025. - 57 tr. : tranh vẽ ; 19x24 cm. - 89000đ. - 5000b s606348

1821. Nguyễn Thị Tân Nhân. Nâng cao chất lượng dạy học hát dân ca trong đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Tân Nhân. - H. : Văn hoá dân tộc, 2025. - 163 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 208000đ. - 500b
Phụ lục: tr. 114-161. - Thư mục: tr. 162-163 s606579
1822. Nguyễn Việt Anh. Bài giảng môn học Kiến trúc công trình / Nguyễn Việt Anh (ch.b.), Lê Thị Mai Hương, Đinh Thu Nga. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 195 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 360000đ. - 60b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Cơ khí. - Thư mục: tr. 193. - Phụ lục: tr. 194-195 s607138
1823. Những ngày bình thường vui vẻ / Feileniao ; Niệm Vũ dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 48 tr. : tranh vẽ ; 22 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 50000đ. - 1000b s607067
1824. Phát huy giá trị âm nhạc truyền thống Huế trong phát triển văn hoá, du lịch / Vĩnh Phúc, Dương Bích Hà, Trần Hữu Quang... - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 302 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 250b
ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật. - Thư mục trong chính văn s607475
1825. Qua lăng kính của một chú mèo : Phiên bản tô màu / Chaiyapat Tongkambunjong ; Nhím dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 87 tr. : tranh màu ; 19x24 cm. - 109000đ. - 2000b s606254
1826. Soda muối bên vịnh chanh vàng / Feileniao ; Niệm Vũ dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 60 tr. : tranh vẽ ; 22 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 60000đ. - 1000b s607068
1827. Tập tô theo nét - Động vật biển / Hoàng Sơn. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 15000đ. - 5000b s605906
1828. Tập tô theo nét - Rau củ quả / Hoàng Sơn. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 15000đ. - 5000b s605905
1829. Thiên Hà. Sài Gòn hoa nắng tháng Giêng / B.s.: Thiên Hà (ch.b.), Tủ sách Bến tâm hồn. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 441 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21 cm. - 299000đ. - 1000b s605803
1830. Tô màu công chúa - Công chúa Elsa : Dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Thủy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s606911
1831. Tô màu công chúa - Công chúa tóc mây : Dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Thủy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s606916
1832. Tô màu công chúa - Nàng tiên cá : Dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Thủy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s606949
1833. Tô màu phát triển não bộ cho bé 1 - 5 tuổi : Làm quen với từ vựng song ngữ Việt - Anh... / Minh hoạ: Phạm Ngọc Điệp. - H. : Dân trí. - 26 cm. - 16000đ. - 5000b
T.3. - 2025. - 20 tr. : tranh vẽ s606318
1834. Tô màu phát triển não bộ cho bé 1 - 5 tuổi : Làm quen với từ vựng song ngữ Việt - Anh... / Minh hoạ: Trịnh Hương Anh. - H. : Dân trí. - 26 cm. - 16000đ. - 5000b
T.9. - 2025. - 19 tr. : tranh vẽ s606319

1835. Tô màu phát triển trí thông minh - Tô màu học số đếm : Rèn luyện khả năng tư duy. Phát triển trí tuệ toàn diện : Dành cho trẻ từ 2 - 6 tuổi : Song ngữ Việt - Anh / Minh Phương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 10000đ. - 10000b
T.1. - 2025. - 16 tr. : hình vẽ s607004
1836. Tô màu siêu nhân : Dành cho bé từ 3 - 6 tuổi / Thủy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b
T.2. - 2025. - 16 tr. : tranh vẽ s606912
1837. Trang điểm sáng tạo - Bóc dán và tô màu : Công chúa các loài hoa / Minh Trang ; Tranh: Cá Vẽ Minh Hoạ. - H. : Văn học, 2025. - 23 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 39000đ. - 2000b s606186
1838. Trang điểm sáng tạo - Bóc dán và tô màu : Công chúa đại dương / Minh Trang ; Tranh: Cá Vẽ Minh Hoạ. - H. : Văn học, 2025. - 23 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 39000đ. - 2000b s606188
1839. Trang điểm sáng tạo - Bóc dán và tô màu : Công chúa học đường / Minh Trang ; Tranh: Cá Vẽ Minh Hoạ. - H. : Văn học, 2025. - 23 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 39000đ. - 2000b s606190
1840. Trang điểm sáng tạo - Bóc dán và tô màu : Công chúa thiên hà / Minh Trang ; Tranh: Cá Vẽ Minh Hoạ. - H. : Văn học, 2025. - 23 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 39000đ. - 2000b s606187
1841. Trang điểm sáng tạo - Bóc dán và tô màu : Vũ hội lòng lầy / Minh Trang ; Tranh: Cá Vẽ Minh Hoạ. - H. : Văn học, 2025. - 23 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 39000đ. - 2000b s606189
1842. Trang trí lâu đài : Với gần 600 miếng dán và khuôn hình sáng tạo / Lời: Elizabeth Golding ; Minh hoạ: Christos Skaltsas ; Đăng Ngọc dịch. - H. : Văn học, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 28 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 220000đ. - 2000b s606030
1843. Trang trí ngôi nhà : Với gần 600 miếng dán và khuôn hình sáng tạo / Lời: Elizabeth Golding ; Minh hoạ: Christos Skaltsas ; Đăng Ngọc dịch. - H. : Văn học, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 28 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 220000đ. - 2000b s606031
1844. Xuân Phượng. Khắc đi...khắc đến : Hồi ký / Xuân Phượng. - In lần thứ 6. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 223 tr. : ảnh ; 24 cm. - 150000đ. - 2000b
Tên thật tác giả: Nguyễn Thị Xuân Phượng s605891

THỂ THAO, NGHỆ THUẬT VUI CHƠI GIẢI TRÍ VÀ BIỂU DIỄN

1845. Đào Tiến Dân. Lý thuyết môn bóng chuyền : Tài liệu tham khảo : Dành cho sinh viên không chuyên Đại học Bách khoa Hà Nội / Đào Tiến Dân (ch.b.), Nguyễn Long Giang. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 19 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 20000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 19 s606410
1846. Kiều Quang Thuyết. Lý thuyết môn cầu lông : Tài liệu tham khảo : Dành cho sinh viên không chuyên Đại học Bách khoa Hà Nội / Kiều Quang Thuyết (ch.b.), Phạm Ba Đình. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 19 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 20000đ. - 500b s606411
1847. Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học trong xu thế hội nhập quốc tế / Nguyễn Viên Giác, Nguyễn Thanh Liêm, Trần Văn Dũng... - H. : Nông nghiệp, 2025. - 242 tr. : hình vẽ, bảng ; 25 cm. - 100b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Trà Vinh. - Thư mục cuối mỗi bài s606640

1848. Lê Duy Long. Lý thuyết môn Bóng đá : Tài liệu tham khảo : Dùng cho sinh viên không chuyên Đại học Bách khoa Hà Nội / Lê Duy Long (ch.b.), Nguyễn Trường Giang. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 27 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 20000đ. - 800b
Thư mục: tr. 27 s606413
1849. Nguyễn Mạnh Hùng. Giáo trình Võ Taekwondo : Dùng cho đào tạo đại học ngành Giáo dục thể chất / Ch.b.: Nguyễn Mạnh Hùng, Châu Hồng Thắng. - Nghệ An : Đại học Vinh, 2025. - 255 tr. : hình vẽ, ảnh ; 24 cm. - 90000đ. - 300b
Thư mục cuối mỗi chương. - Phụ lục: tr. 231-254 s605787
1850. Nguyễn Quý Hải. Cha đề cờ tư lệnh = Father of commander chess : Tập văn / Nguyễn Quý Hải ; Thành Hiếu biên dịch. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 216 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 100000đ. - 500b
Phụ lục: tr. 196-212 s608125
1851. Nguyễn Thị Thanh Thủy. Sân khấu Nhà hát Thế Giới Trẻ dưới góc nhìn thiết kế : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Thanh Thủy, Cao Tấn Lộc, Đặng Việt Hà. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 179 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 170000đ. - 500b
Phụ lục: tr. 128-175. - Thư mục: tr. 176-177 s608108
1852. Nguyễn Tiến Đạt. Lý thuyết môn bóng rổ : Tài liệu tham khảo : Dùng cho sinh viên không chuyên Đại học Bách khoa Hà Nội / Nguyễn Tiến Đạt (ch.b), Huỳnh Tấn Phát. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 15 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 700b
Thư mục: tr. 15 s606412
1853. Rèn trí thông minh - Bé nhanh trí : Dành cho độ tuổi 3+ / Catmint Books ; Lam Đăng dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 26 cm. - 30000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 31 tr. : tranh màu s606501
1854. Rèn trí thông minh - Bé nhanh trí : Dành cho độ tuổi 3+ / Catmint Books ; Lam Đăng dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 26 cm. - 30000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 32 tr. : tranh màu s606502
1855. Rèn trí thông minh - Bé tìm đường : Dành cho độ tuổi 3+ / Catmint Books ; Lam Đăng dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 26 cm. - 30000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 29 tr. : tranh màu s606503
1856. Rèn trí thông minh - Bé tìm đường : Dành cho độ tuổi 3+ / Catmint Books ; Lam Đăng dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 26 cm. - 30000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 32 tr. : tranh màu s606504
1857. Rèn trí thông minh - Bé tinh mắt : Dành cho độ tuổi 3+ / Catmint Books ; Lam Đăng dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 26 cm. - 30000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 31 tr. : tranh màu s606505
1858. Rèn trí thông minh - Bé tinh mắt : Dành cho độ tuổi 3+ / Catmint Books ; Lam Đăng dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 26 cm. - 30000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 32 tr. : tranh màu s606506
1859. Sách viết xoá thông minh - Bảng cửu chương và phép cộng : Bé vui học tập : Dành cho trẻ em từ 4 - 7 tuổi / Dương Nguyễn dịch. - H. : Văn học, 2025. - 19 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 65000đ. - 1000b s606014
1860. Sách viết xoá thông minh - Mê cung và nối số : Bé vui học tập : Dành cho trẻ em từ 4 - 7 tuổi / Dương Nguyễn dịch. - H. : Văn học, 2025. - 19 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 65000đ. - 1000b s606016

1861. Sách viết xoá thông minh - Nhận biết thời gian và tự vưng : Bé vui học tập : Dành cho trẻ em từ 4 - 7 tuổi / Dương Nguyễn dịch. - H. : Văn học, 2025. - 19 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 65000đ. - 1000b s606017

1862. Sách viết xoá thông minh - Tìm điểm khác biệt và xem tranh giải đố : Bé vui học tập : Dành cho trẻ em từ 4 - 7 tuổi / Dương Nguyễn dịch. - H. : Văn học, 2025. - 19 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 65000đ. - 1000b s606015

1863. Sân chơi trí tuệ - Trò chơi phát triển IQ - CQ - Rèn luyện khả năng phân tích : Kèm sticker vui nhộn / Tào Đức Chí ; Lê Quyên dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 44 tr. : tranh màu ; 29 cm. - 48000đ. - 3000b s605963

1864. Sân chơi trí tuệ - Trò chơi phát triển IQ-CQ - Rèn luyện khả năng nhận biết : Kèm sticker vui nhộn / Tào Đức Chí ; Lê Quyên dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 44 tr. : tranh màu ; 29 cm. - 48000đ. - 3000b s605965

1865. Sân chơi trí tuệ - Trò chơi phát triển IQ-CQ - Rèn luyện khả năng quan sát : Kèm sticker vui nhộn / Tào Đức Chí ; Lê Quyên dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 44 tr. : tranh màu ; 29 cm. - 48000đ. - 3000b s605962

1866. Sân chơi trí tuệ - Trò chơi phát triển IQ-CQ - Rèn luyện khả năng tưởng tượng : Kèm sticker vui nhộn / Tào Đức Chí ; Lê Quyên dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 44 tr. : tranh màu ; 29 cm. - 48000đ. - 3000b s605964

1867. Xuân Phụng. Gánh gánh...gồng gồng... : Hồi ký / Xuân Phụng. - In lần thứ 16. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 343 tr. : bìa ; 24 cm. - 160000đ. - 2000b

Tên thật tác giả: Nguyễn Thị Xuân Phụng s605890

VĂN HỌC, TU TỪ HỌC VÀ PHÊ BÌNH VĂN HỌC

1868. A Từ Cô Nương. Hôm nay tôi lại bị ép sống lại : Tiểu thuyết kinh dị : Dành cho tuổi 18+ / A Từ Cô Nương ; Thiên dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 175000đ. - 2000b

Dịch từ nguyên bản tiếng Trung: 今天我又被迫复活

T.3. - 2025. - 428 tr. s606104

1869. Ai gõ cửa đây? : Truyện tranh: 0 - 6 tuổi / Fuku Mitsui ; Tranh: Tigeru Ao ; Lời: Ngọc Trâm. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon - Nuôi dưỡng tâm hồn cho bé). - 39000đ. - 1000b s606889

1870. An Nhu. Núi trở hoa : Thơ / An Nhu. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 89 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 100000đ. - 1000b

Tên thật tác giả: An Thị Nhu s606269

1871. Anh chàng Mèo Mướp = Tabby cat : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Truyện kể mầm non). - 12000đ. - 10000b s606831

1872. Archer, Jeffrey. Hai số phận / Jeffrey Archer ; Nguyễn Việt Hải dịch. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Văn học, 2025. - 767 tr. ; 21 cm. - 195000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: Kane & Abel s606235

1873. Ba chú lợn con : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Hà Giang dịch. - In lần thứ 6. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện)(Truyện kể cho bé trước giờ đi ngủ. Ngày xưa ngày xưa). - 16000đ. - 2000b s606103

1874. 30 phút cho bé trước giờ đi ngủ : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 2 - 8 tuổi / Ngọc Linh dịch. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Văn học. - 21 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện). - 50000đ. - 1500b

T.4. - 2025. - 83 tr. : tranh màu s606243

1875. Backman, Fredrik. Britt-Marie đã ở đây : Tiểu thuyết / Fredrik Backman ; Hoàng Anh dịch. - In lần thứ 4. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 446 tr. ; 20 cm. - 165000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Britt-Marie was here s606527

1876. Backman, Fredrik. Những kẻ âu lo = Anxious people : Tiểu thuyết / Fredrik Backman ; Hoàng Anh dịch. - In lần thứ 6. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 543 tr. ; 20 cm. - 180000đ. - 1500b s606533

1877. Bài học hay từ 5 điều Bác dạy: Đoàn kết tốt, kỷ luật tốt - Sự cố khó quên : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 6 tuổi trở lên / Lời: Minh Quyền ; Minh hoạ: Tuyết Hoàng. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 35000đ. - 2000b s607075

1878. Bài học hay từ 5 điều Bác dạy: Giữ gìn vệ sinh thật tốt - Việc làm nhỏ, ý nghĩa lớn : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 6 tuổi trở lên / Lời: Minh Quyền ; Minh hoạ: Nga Coca. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 35000đ. - 2000b s607077

1879. Bài học hay từ 5 điều Bác dạy: Học tập tốt, lao động tốt - Công em đến lớp : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 6 tuổi trở lên / Lời: Minh Quyền ; Minh hoạ: Tuyết Hoàng. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 35000đ. - 2000b s607076

1880. Bài học hay từ 5 điều Bác dạy: Khiêm tốn, thật thà, dũng cảm - Lời thú nhận chân thành / Lời: Minh Quyền ; Minh hoạ: Nga Coca. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 35000đ. - 2000b s607074

1881. Bài học hay từ 5 điều Bác dạy: Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào - Món quà bí mật : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 6 tuổi trở lên / Lời: Minh Quyền ; Minh hoạ: Tuyết Hoàng. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 35000đ. - 2000b s607078

1882. Bài tập Ngữ văn 12 / Lê Nhâm Thìn, Đỗ Ngọc Thống (tổng ch.b.), Trần Văn Toàn (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1, có chỉnh lí, bổ sung. - Huế : Đại học Huế. - 24 cm. - (Cánh Diều). - 33000đ. - 12000b

T.1. - 2025. - 127 tr. : bìa s606388

1883. Baldacci, David. Vật chứng mất tích / David Baldacci ; Trương Vũ Thảo Nguyên dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 474 tr. ; 24 cm. - 279000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The edge s607999

1884. Bạn là ai vậy? : Đoán xem đây là bóng của bạn động vật nào : Truyện tranh : 0 - 3 tuổi / Fuku Mitsu. - H. : Văn hoá dân tộc, 2025. - 26 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon - Nuôi dưỡng tâm hồn cho bé). - 39000đ. - 5000b s606590

1885. Bạn màu gì vậy? : Đoán xem màu này của bạn động vật nào : Truyện tranh : 0 - 3 tuổi / Fuku Mitsu. - H. : Văn hoá dân tộc, 2025. - 26 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon - Nuôi dưỡng tâm hồn cho bé). - 39000đ. - 5000b s606592

1886. Bành Phàm. 100 câu chuyện hay dành cho bé trai = Successful boy / Bành Phàm ; Thanh Loan dịch. - Tái bản lần thứ 14. - H. : Văn học, 2025. - 207 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 90000đ. - 3000b s606247
1887. Bảo Ninh. Nỗi buồn chiến tranh : Tiểu thuyết / Bảo Ninh. - In lần thứ 26. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 347 tr. ; 20 cm. - 130000đ. - 3000b s606532
1888. Beyond Limits - 15 đề thi minh hoạ tốt nghiệp THPT môn Văn / Trần Thuỳ Dung, Nguyễn Thành Hiếu. - H. : Dân trí, 2025. - 99 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 150000đ. - 500b s605972
1889. Biện Tiến Hùng. Khi tâm hồn đầy nắng / Biện Tiến Hùng. - H. : Văn học, 2025. - 219 tr. : ảnh ; 21 cm. - 255000đ. - 1000b s606096
1890. Bradley, Nick. Bốn mùa Nhật Bản = Four season in Japan : Tiểu thuyết / Nick Bradley ; Hiền Trang dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 397 tr. ; 20 cm. - 170000đ. - 1000b s606472
1891. Bronte, Emily. Đồi gió hú / Emily Bronte; Dương Tường dịch. - Tái bản có sửa chữa. - H. : Văn học, 2025. - 489 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 3000b
Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: Wuthering Height s606238
1892. Bùi Bá Đông. Nương mùa cổ thổ / Bùi Bá Đông. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 67 tr. : hình vẽ ; 22 cm. - 98000đ. - 1000b s606270
1893. Bùi Ngọc Phúc. Tuyển tập truyện ngắn / Bùi Ngọc Phúc. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 273 tr. ; 23 cm. - 195000đ. - 500b s606798
1894. Bùi Quý Thục. Hình hài của đất : Thơ và trường ca / Bùi Quý Thục. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 415 tr. ; 21 cm. - 268000đ. - 1000b s608121
1895. Bùi Tuấn Minh. Đỉnh kinh : Tập truyện ngắn / Bùi Tuấn Minh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 251 tr. ; 21 cm. - 168000đ. - 1000b s606266
1896. Bùi Viết Anh. Ai đó chết rồi chôn rồi hết : Thơ / Bùi Viết Anh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 155 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 1000b s608119
1897. Buồn ngủ ời là buồn ngủ : Cuốn Ehon giúp bé dễ đi vào giấc ngủ : Truyện tranh : 0 - 4 tuổi / Fuku Mitsu. - H. : Văn hoá dân tộc, 2025. - 29 tr. : tranh màu ; 20 cm. - 39000đ. - 5000b s606589
1898. Bữa tiệc sắc màu của thú trắng : Truyện tranh : 0 - 6 tuổi / Suzuki Mio ; Tranh: Tigeru Ao ; Lời: Ngọc Trâm. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon - Nuôi dưỡng tâm hồn cho bé). - 39000đ. - 10000b s606124
1899. Cách chinh phục các dạng đề đọc hiểu / Trần Thu Hoa. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 243 tr. : bảng ; 24 cm. - 168000đ. - 1000b s607671
1900. Cách nào dễ hơn = Which way is easier : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Truyện kể mầm non). - 12000đ. - 10000b s606828
1901. Canfield, Jack. Dành cho mẹ món quà của tình yêu = Condensed chicken soup for the soul / Jack Canfield, Mark Victor Hansen, Patty Hansen ; First News biên dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 157 tr. ; 21 cm. - (Hạt giống tâm hồn). - 68000đ. - 1000b s608057
1902. Cáo chống lại mùa Đông = Fox versus winter : Truyện tranh / Corey R. Tabor ; Hà Trang dịch. - H. : Văn học, 2025. - 28 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 46000đ. - 1000b s606110

1903. Cáo da hổ = Fox the tiger : Truyện tranh / Corey R. Tabor ; Hà Trang dịch. - H. : Văn học, 2025. - 28 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 46000đ. - 1000b s606108
1904. Cáo đạp xe = Fox and the bike ride : Truyện tranh / Corey R. Tabor ; Hà Trang dịch. - H. : Văn học, 2025. - 28 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 46000đ. - 1000b s606114
1905. Cáo đi muộn = Fox is late : Truyện tranh / Corey R. Tabor ; Hà Trang dịch. - H. : Văn học, 2025. - 28 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 46000đ. - 1000b s606109
1906. Cáo đối đầu cáo = Fox versus fox : Truyện tranh / Corey R. Tabor ; Lan Võ dịch. - H. : Văn học, 2025. - 28 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 46000đ. - 1000b s606113
1907. Cáo gặp rắc rối = Fox has a problem : Truyện tranh / Corey R. Tabor ; Lan Võ dịch. - H. : Văn học, 2025. - 28 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 46000đ. - 1000b s606112
1908. Cáo Ken và cảnh vật - Lấp lánh lấp lánh : Truyện tranh : 0 - 6 tuổi / Fuku Mitsui ; Tranh: Tigeru Ao. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon - Nuôi dưỡng tâm hồn cho bé). - 39000đ. - 10000b s606123
1909. Cáo Ken và đồ vật - Lộp bộp lộp bộp : Truyện tranh: 0 - 6 tuổi / Fuku Mitsui ; Tranh: Tigeru Ao. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon - Nuôi dưỡng tâm hồn cho bé). - 39000đ. - 10000b s606893
1910. Cáo Ken và động vật - Rón rén rón rén : Truyện tranh : 0 - 6 tuổi / Fuku Mitsui ; Tranh: Tigeru Ao. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon - Nuôi dưỡng tâm hồn cho bé). - 39000đ. - 10000b s606876
1911. Cáo thi nhảy = Fox and the jumping contest : Truyện tranh / Corey R. Tabor ; Hà Trang dịch. - H. : Văn học, 2025. - 28 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 46000đ. - 1000b s606115
1912. Cáo trong đêm = Fox at night : Truyện tranh / Corey R. Tabor ; Hà Trang dịch. - H. : Văn học, 2025. - 28 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 46000đ. - 1000b s606111
1913. Cáo, Thỏ và Gà Trống = The Fox, the Rabbit, and the Rooster : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Truyện kể mầm non). - 12000đ. - 10000b s606826
1914. Cạp cạp : Cuốn sách khiến Tai, Mắt, Não của bé đều phải hoạt động - từ nghiên cứu Babiology : Sách Ehon dành cho bé từ 0 - 2 tuổi / Kazuo Miyazaki ; Minh hoạ: Trọng Hà. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 26 tr. : tranh màu ; 20 cm. - 39000đ. - 1000b s606892
1915. Câu chuyện kẹo ngọt = Candy : Truyện tranh / Thời Nhất Nhị ; Ngọc dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 306 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 205000đ. - 1000b
Dịch từ nguyên bản tiếng Trung: 一个关于糖果的故事 s606764
1916. Cây táo thần = The magical apple tree : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Truyện kể mầm non). - 12000đ. - 10000b s606830
1917. Cây táo thần : Tranh truyện thiếu nhi = The magic apple tree : Children's comics / Thủy Trang b.s. ; Minh hoạ: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh). - 12000đ. - 10000b s606825
1918. Châu La Việt. Điện Biên sáng xuân này : Ký sự nghệ thuật của Châu La Việt / Châu La Việt. - H. : Văn học, 2025. - 211 tr. ; 21 cm. - 129000đ. - 1000b s606045
1919. Cherry Magic! : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Yuu Toyota ; Takara dịch. - H. : Dân trí. - 21 cm. - 109000đ. - 2000b
T.8. - 2025. - 144 tr. : tranh vẽ s607959

1920. Cherry Magic! : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Yuu Toyota ; Takara dịch.
- H. : Dân trí. - 21 cm. - 109000đ. - 2000b
T.14. - 2025. - 130 tr. : tranh vẽ s606327
1921. Chi Jade Tran. Nhật ký của ba / Chi Jade Tran. - H. : Văn học, 2025. - 207 tr. ; 21 cm. - 138000đ. - 200b s606172
1922. Chỉ dài một gang tay! / Lời: Uyên Đào ; Tranh: Funti Kidbooks. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 28 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 69000đ. - 2000b s606905
1923. Chỉ mùa Xuân và tình yêu được phép vào trong : Truyện tranh / Tần Mộng Hiên ; Đâu Đen dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 279 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 175000đ. - 2000b
Dịch từ nguyên tác tiếng Trung: 只有春天和爱允许入内 s606750
1924. Chiều Xuân. Nếp nhà cho con / Chiều Xuân. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 19 tr. : tranh màu ; 20 cm. - 109000đ. - 3000b s606143
1925. Chinh phục đọc hiểu và làm văn Ngữ văn 7 : 50 đề thi ngữ liệu mở, thiết kế đúng định hướng ra đề hiện nay / Nguyễn Thị Thuý Nga, Bùi Thị Ngọc Trâm, Vi Lương Thảo Tâm. - H. : Dân trí, 2025. - 249 tr. : bảng ; 24 cm. - 170000đ. - 20000b s606350
1926. Christie, Agatha. Án mạng vùng Lưỡng Hà = Murder in Mesopotamia / Agatha Christie ; Ngô Thế Vinh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 301 tr. ; 20 cm. - (Bộ sách Agatha Christie). - 130000đ. - 2000b
Tên thật tác giả: Agatha Mary Clarissa Miller s606483
1927. Christie, Agatha. Tấm gương nứt vỡ = The mirror crack'd from side to side / Agatha Christie ; Mai Trúc dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 289 tr. ; 20 cm. - (Bộ sách Agatha Christie). - 125000đ. - 2000b
Tên thật tác giả: Agatha Mary Clarissa Miller s606477
1928. Christie, Agatha. Vụ ám sát ông Roger Ackroyd = The murder of Roger Ackroyd / Agatha Christie ; Nhung Nhung dịch. - In lần thứ 12. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 347 tr. ; 20 cm. - 150000đ. - 1500b
Tên thật tác giả: Agatha Mary Clarissa Miller s606526
1929. Chu Trọng Huyền. Chuyện kể từ làng Sen / Chu Trọng Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 197 tr. ; 21 cm. - 76000đ. - 3000b s606056
1930. Chú bé tí hon : Tranh truyện thiếu nhi = Tiny : Children's comics / Thuỳ Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh). - 12000đ. - 10000b s606818
1931. Chung Cận. Đèn sao hoang dã : Tiểu thuyết / Chung Cận ; Thanh Thiên dịch. - H. : Văn học. - 21 cm. - 219000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 439 tr. s606105
1932. Chung Cận. Đèn sao hoang dã : Tiểu thuyết / Chung Cận ; Thanh Thiên dịch. - H. : Văn học. - 21 cm. - 209000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 391 tr. s606106
1933. Chuyên đề học tập Ngữ văn 10 : Sách đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông tại Quyết định số 442/QĐ-BGDĐT ngày 28/01/2022 / Lã Nhâm Thìn, Đỗ Ngọc Thống (tổng ch.b.), Vũ Thanh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - Huế : Đại học Huế, 2025. - 79 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - (Cánh Diều). - 14300đ. - 35000b s605990

1934. Collodi, Carlo. Những cuộc phiêu lưu của cậu nhóc Pinocchio : Dành cho trẻ 7 tuổi + / Sáng tác: Carlo Collodi ; Minh hoạ: Quentin Gréban ; Azura Nguyễn dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 81 tr. : tranh màu ; 29 cm. - (Tủ sách Văn học). - 179000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Italia: Pinocchio s607357
1935. Collodi, Carlo. Những cuộc phiêu lưu của Pinocchio : Câu chuyện về một chú rối gỗ / Carlo Collodi ; Minh hoạ: Carlo Chiostri ; Lê Thuý Hiền dịch. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 260 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 123000đ. - 2000b
Dịch từ nguyên bản tiếng Italia: Le avventure di Pinocchio s606284
1936. Con cừu của Schrödinger : Truyện tranh : 13+ / Hải Hạ Miêu Yêu Từ, Đông Hoàng ; Đào Bạch Liên dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 150000đ. - 2000b
Dịch từ nguyên bản tiếng Trung: 薛定谔之羊
T.1. - 2025. - 223 tr. : tranh màu s606758
1937. Con ngỗng đẻ trứng vàng : Tranh truyện thiếu nhi = The goose that laid golden eggs : Children's comics / Nguyễn Chí Phúc b.s. ; Minh hoạ: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách song ngữ Việt - Anh). - 12000đ. - 10000b s606824
1938. Conilleau, Jérôme. Hộp = Shoeboxes '75 : Gửi Lê Thị Mỹ, Sài Gòn, một ngày năm 1974 / Jérôme Conilleau. - H. : Thế giới, 2025. - 195 tr. : tranh ; 21 cm. - 250000đ. - 1000b s607863
1939. Công thức chinh phục đọc hiểu môn Ngữ văn : Theo Chương trình mới hiện hành, dùng cho giáo viên, học sinh THCS, THPT tham khảo / Lê Trần Diệu Thu. - H. : Văn học, 2025. - 184 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 389000đ. - 1000b s606131
1940. Công thức phân tích thơ thần tốc : Dành cho giáo viên, học sinh THCS và THPT tham khảo / Lê Trần Diệu Thu. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 172 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 359000đ. - 3000b s607049
1941. Creech, Sharon. Đi qua hai mặt trăng / Sharon Creech ; Uyển dịch. - H. : Văn học, 2025. - 285 tr. ; 21 cm. - 142000đ. - 1500b
Tên sách tiếng Anh: Walk two moons s606063
1942. Củ cải trắng : Truyện tranh / Minh Long b.s. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Truyện tranh tuổi thần tiên). - 15000đ. - 3000b s606255
1943. Cùng đậu vào 10 - Tổng ôn môn Văn : Bám sát đề thi vào 10 theo Chương trình mới / Triệu Thị Thu Thủy, Nguyễn Thị Hồng Thắm. - H. : Dân trí, 2025. - 211 tr. : bảng ; 27 cm. - 200000đ. - 20000b s608014
1944. Cửa sổ nhà Hiền. Tìm lại chính mình trong lưng chừng ký ức / Cửa sổ nhà Hiền. - H. : Văn học, 2025. - 197 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 115000đ. - 2000b s606058
1945. Dạy con thói quen tốt - Can đảm : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 3 - 6 tuổi / Lời: Tạ Như ; Minh hoạ: Diêm Sáng ; Nguyễn Đức Vịnh dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 26000đ. - 1500b s607059
1946. Dạy con thói quen tốt - Không ầm ứ : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 3 - 6 tuổi / Lời: Tạ Như ; Minh hoạ: Diêm Sáng ; Nguyễn Đức Vịnh dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 26000đ. - 1500b s607058
1947. Dạy con thói quen tốt - Không cáu giận : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 3 - 6 tuổi / Lời: Tạ Như ; Minh hoạ: Diêm Sáng ; Nguyễn Đức Vịnh dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. :

Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 26000đ.
- 1500b s607061

1948. Dạy con thói quen tốt - Không nói dối : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 3 - 6 tuổi / Lời: Tạ Như ; Minh hoạ: Diêm Sáng ; Nguyễn Đức Vĩnh dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 26000đ. - 1500b s607060

1949. Dạy con thói quen tốt - Không tham lam : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 3 - 6 / Lời: Tạ Như ; Minh hoạ: Diêm Sáng ; Nguyễn Đức Vĩnh dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 26000đ. - 1500b s607056

1950. Dạy con thói quen tốt - Không xấu hổ : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 3 - 6 tuổi / Lời: Tạ Như ; Minh hoạ: Diêm Sáng ; Nguyễn Đức Vĩnh dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 26000đ. - 1500b s607057

1951. Dạy con thói quen tốt - Tự tin : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 3 - 6 tuổi / Lời: Tạ Như ; Minh hoạ: Diêm Sáng ; Nguyễn Đức Vĩnh dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 26000đ. - 1500b s607062

1952. Dật An. Cái bóng trầm mặc / Dật An ; Ngũ Liễu cô nương dịch. - H. : Văn học, 2025. - 373 tr. ; 24 cm. - 165000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 沉默的影子 s606138

1953. De Amicis, Edmondo. Những tấm lòng cao cả / Edmondo De Amicis ; Hoàng Thiệu Sơn dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 331 tr. ; 21 cm. - (Văn học cổ điển). - 90000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Italia: Cuore s606225

1954. Dê con nhanh trí = The wise goat : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Truyện kể mầm non). - 12000đ. - 10000b s606834

1955. Diêm Khánh. Ngân ca trên sông : Tản văn / Diêm Khánh. - H. : Văn học, 2025. - 191 tr. ; 21 cm. - 82000đ. - 1500b s606044

1956. Doãn Hằng. Về nhà ăn bát cháo hành / Doãn Hằng. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 204 tr. ; 21 cm. - 105000đ. - 1000b s606207

1957. Doo Vandenis. 17 âm 1 : Tiểu thuyết / Doo Vandenis. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 315 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 169000đ. - 2000b s608126

1958. Dopamine. Con cáo vẽ máu lên canvas lạnh / Dopamine. - H. : Thế giới, 2025. - 413 tr. ; 21 cm. - 195000đ. - 1000b

Tên thật tác giả: Nguyễn Văn Anh s607929

1959. Doyle, Arthur Conan. Những vụ kỳ án của Sherlock Holmes : Tập truyện / Arthur Conan Doyle ; Thái Hà dịch. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Văn học, 2025. - 526 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 118000đ. - 1000b s606215

1960. Doyle, Arthur Conan. Sherlock Holmes / Arthur Conan Doyle ; Dịch: Lê Khánh... - H. : Văn học. - 21 cm. - 150000đ. - 1000b

T.2. - 2025. - 702 tr. : tranh vẽ s606217

1961. Doyle, Arthur Conan. Sherlock Holmes / Arthur Conan Doyle ; Dịch: Lê Khánh...
- H. : Văn học. - 21 cm. - 150000đ. - 1000b
T.3. - 2025. - 614 tr. : tranh vẽ s606218
1962. Doyle, Arthur Conan. Vụ án đầu tiên của Sherlock Holmes: Cuộc điều tra màu đỏ / Arthur Conan Doyle ; Minh hoạ: Vincent Mallié ; Cẩm Vân dịch. - In lần 2. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 240 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 199000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Pháp: La première aventure de Sherlock Homes: Une étude en rouge s607038
1963. Dumas, Alexandre. Trà hoa nữ = La dame aux camélias / Alexandre Dumas ; Hải Nguyên dịch. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Văn học, 2025. - 275 tr. ; 21 cm. - 86000đ. - 1000b s606202
1964. Dương Văn Lượng. Nâu trầm : Thơ / Dương Văn Lượng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 102 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 1000b s606267
1965. Đàn ngỗng trời : Truyện tranh / Minh Long b.s. - Tái bản lần thứ 12. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Truyện tranh tuổi thần tiên). - 15000đ. - 3000b s606256
1966. Đào Quốc Minh. Phục sinh : Thơ / Đào Quốc Minh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 211 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 500b s606288
1967. Đặng Ngọc Hưng. Khu tập thể Đường Tàu : Truyện vừa / Đặng Ngọc Hưng. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 389 tr. ; 20 cm. - 175000đ. - 1000b s606529
1968. Đặng Thị Bích Hồng. Những nghiệm đọc : Tiểu luận & phê bình / Đặng Thị Bích Hồng. - H. : Văn học, 2025. - 215 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 138000đ. - 1000b s606135
1969. Đặng Thuỳ Tiên. Xoè hoa trên đỉnh Pú Vap : Tập truyện ngắn / Đặng Thuỳ Tiên. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 133 tr. ; 23 cm. - 139000đ. - 1000b s606666
1970. Đặng Toán. Mặt trời khỏi ốm / Đặng Toán. - H. : Văn học, 2025. - 61 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21 cm. - 42000đ. - 1000b s606062
1971. Đặng Trọng Bình. Lắng đọng : Thơ / Đặng Trọng Bình. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 106 tr. ; 20 cm. - 100000đ. - 300b s606285
1972. Đinh Ngọc Diệp. Hành trình 7 : Thơ / Đinh Ngọc Diệp. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 127 tr. ; 21 cm. - 133000đ. - 1000b s608127
1973. Đinh Nho Tuấn. Năm ngón chưa đặt tên : Thơ / Đinh Nho Tuấn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 155 tr. ; 21 cm. - 168000đ. - 500b s608133
1974. Đinh Văn Bình. Đuốc sáng : Thơ / Đinh Văn Bình. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 111 tr. : hình vẽ ; 23 cm. - 225000đ. - 1000b s607951
1975. Đoàn Minh Tuấn. Cây bút trước những ngọn đèn toả sáng : Bút ký chân dung / Đoàn Minh Tuấn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 150 tr. : ảnh ; 21 cm. - 129000đ. - 1000b
Bút danh tác giả: Huy Minh s608132
1976. Đoàn Nguyễn Anh Minh. Không còn thơ anh vẽ cho em những hình sao không hái từ trời / Đoàn Nguyễn Anh Minh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 166 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 1000b s606282
1977. Đoàn Văn Thanh. Cỏ thức : Thơ chọn và lời bình / Đoàn Văn Thanh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 441 tr., 15 tr. ảnh : hình vẽ, ảnh ; 23 cm. - 270000đ. - 1000b s607953
1978. Đỗ Đức. Chỉ có trời biết : Văn xuôi / Đỗ Đức. - H. : Văn hoá dân tộc, 2025. - 167 tr. ; 21 cm. - 96000đ. - 500b s606577

1979. Đỗ Đức. Quả na mở mắt : Tân văn / Đỗ Đức. - H. : Văn hoá dân tộc, 2025. - 211 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 85000đ. - 500b s606578
1980. Đỗ Hoàng. Tâm sự người lính : Tập thơ / Đỗ Hoàng. - H. : Văn học, 1996. - 148 tr. ; 19 cm. - (Văn học hiện đại Việt Nam). - 15000đ. - 1000b s607899
1981. Đỗ Thị Hoà. Khúc tâm tình : Thơ Đường luật / Đỗ Thị Hoà. - H. : Văn hoá dân tộc, 2025. - 107 tr. ; 21 cm. - 100b s606584
1982. Đỗ Văn Nhâm. Nắng trên bờ gió : Thơ / Đỗ Văn Nhâm. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 123 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 150000đ. - 1000b s608124
1983. Đỗ Xuân Tụ. Hoa gạo tháng ba : Thơ / Đỗ Xuân Tụ. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 96 tr. ; 21 cm. - 320b s606645
1984. Đới Tây. Sống dưới lớp mặt nạ / Đới Tây ; Xiao Zhuang dịch. - H. : Văn học, 2025. - 326 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 159000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 犯罪心理.假面人生 s606132
1985. Edogawa Ranpo. Địa ngục gương / Edogawa Ranpo ; Dịch: Rei, Thư Trúc. - H. : Văn học, 2025. - 222 tr. ; 21 cm. - 175000đ. - 1000b
Tên thật tác giả: Hirai Taro s606092
1986. Edogawa Ranpo. Edogawa Ranpo tuyển tập - Những tội ác bất dung thứ / Nguyễn Thành Luân dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 182 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Tủ sách Văn học). - 99000đ. - 2000b
Tên thật tác giả: Hirai Tarō s607923
1987. Farzana Sarup. Thơ hay cho bé - Học về hình dạng : Dành cho trẻ em từ 3 - 6 tuổi / Farzana Sarup ; Bình Nhi dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 30000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Anh: Let's talk about: Shapes s607053
1988. Farzana Sarup. Thơ hay cho bé - Học về màu sắc : Dành cho trẻ em 3 - 6 tuổi / Farzana Sarup ; Bình Nhi dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 30000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Anh: Let's talk about: Colors s607055
1989. Farzana Sarup. Thơ hay cho bé - Học về nông trại : Dành cho trẻ em từ 3 - 6 tuổi / Farzana Sarup ; Bình Nhi dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 30000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Anh: Let's talk about: Farm s607054
1990. Farzana Sarup. Thơ hay cho bé - Học về sở thú : Dành cho độ tuổi 3 - 6 / Farzana Sarup ; Bình Nhi dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 30000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Anh: Let's talk about: Zoo s607052
1991. Gà tơ đi học = Young chicken go to school : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Truyện kể mầm non). - 12000đ. - 10000b s606829
1992. Garber, Stephanie. Lời nguyện chân ái : Phần kết của Ngày xưa ngày xưa có một trái tim vụn vỡ, Vũ khúc đoạn tình / Stephanie Garber ; Hán Nhật Minh dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 422 tr. ; 21 cm. - 179000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: A curse for true love s607963

1993. Ghép hình cùng Ryo và Kaku : Truyện tranh: 0 - 6 tuổi / Fuku Mitsu ; Tranh: Tigeru Ao ; Lời: Ngọc Trâm. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon - Nuôi dưỡng tâm hồn cho bé). - 39000đ. - 5000b s606891
1994. Giá Oản Chúc. Phùng Thanh / Giá Oản Chúc ; Tô Ngọc Hà dịch. - H. : Văn học, 2025. - 583 tr. ; 24 cm. - 388000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 逢青 s606139
1995. Giang Hạ. Ghim vào đời nhau mảnh nhớ : Tản văn / Giang Hạ. - H. : Dân trí, 2025. - 167 tr. ; 21 cm. - 75000đ. - 1000b
Tên thật tác giả: Tô Văn Luân s607973
1996. Giáo Xuân Bình. Vợ ngọt : Tiểu thuyết / Giáo Xuân Bình ; Nguyễn Đức Vĩnh dịch. - H. : Văn học. - 21 cm. - 209000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 507 tr. s606100
1997. Giáo Xuân Bình. Vợ ngọt : Tiểu thuyết / Giáo Xuân Bình ; Nguyễn Đức Vĩnh dịch. - H. : Văn học. - 21 cm. - 199000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 491 tr. s606101
1998. Golding, William. Chúa ruồi / William Golding ; Lê Chu Cầu dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 321 tr. ; 21 cm. - 88000đ. - 1500b
Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: Lord of the flies s606210
1999. Grahame, Kenneth. Gió đùa trong liễu / Kenneth Grahame ; Nguyễn Thị Cẩm Linh dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 258 tr. ; 21 cm. - (Văn học cổ điển). - 100000đ. - 2000b
Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: The wind in the willows s606226
2000. Hà Quảng. Dưới bóng Sao Khuê : Lý luận - Phê bình / Hà Quảng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 208 tr. ; 24 cm. - 165000đ. - 500b s607957
2001. Hải Thành. Em và hoàng hôn : Thơ / Hải Thành. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 187 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 1000b
Tên thật tác giả: Chu Sĩ Hải s606263
2002. Haley, Alex. Cội rễ / Alex Haley ; Dương Tường dịch. - H. : Văn học, 2025. - 931 tr. ; 24 cm. - 380000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Anh: Roots: The saga of an American family s606250
2003. Han Kang. Người ăn chay / Han Kang ; Kim Ngân dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 229 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 5000b
Tên sách tiếng Hàn: 채식주의자 s606757
2004. Haruki Murakami. Kafka bên bờ biển / Haruki Murakami ; Dương Tường dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 531 tr. ; 24 cm. - 188000đ. - 2000b
Dịch theo bản tiếng Anh: Kafka on the shore s606249
2005. Hạt mầm của mẹ : Truyện tranh : Phù hợp cho bé dưới 18 tháng & mẹ bầu / Miyano Tsukiko. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 25 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - (Ehon kích thích thị giác cho bé - Cuốn sách khiến cha mẹ xúc động). - 39000đ. - 30000b s606875
2006. Hắt xì : Cuốn sách khiến Tai, Mắt, Não của bé đều phải hoạt động - từ nghiên cứu Babiology : Sách Ehon dành cho bé từ 0 - 2 tuổi / Kazuo Miyazaki ; Minh hoạ: Trọng Hà. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 26 tr. : tranh màu ; 20 cm. - 39000đ. - 1000b s606888
2007. Hemingway, Ernest. Chuông nguyện hồn ai / Ernest Hemingway ; Mạnh Chương dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 711 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Văn học kinh điển). - 130000đ. - 1500b s606241

2008. Hemingway, Ernest. Mặt trời vẫn mọc / Ernest Hemingway ; Nhật Phi dịch. - H. : Văn học, 2025. - 389 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 2500b
Tên sách tiếng Anh: The sun also rises s606075
2009. Hesse, Hermann. Siddhartha / Hermann Hesse ; Lê Chu Cầu dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 218 tr. ; 21 cm. - 72000đ. - 1500b
Dịch từ nguyên bản tiếng Đức: Siddhartha s606219
2010. Hiếu Trung Long. Nơi bình yên, miền hoang dại : Tiểu thuyết / Hiếu Trung Long. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 201 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 1000b
Tên thật tác giả: Nguyễn Thanh Long s608115
2011. Higashino Keigo. Thiên nga và Dơi / Higashino Keigo ; Mai Khanh dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 641 tr. ; 21 cm. - 269000đ. - 1500b
Tên sách tiếng Nhật: 白鳥とコウモリ s607040
2012. Higashino Keigo. Truy đuổi khói tuyết / Higashino Keigo ; Diệp Thái dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 360 tr. ; 21 cm. - 185000đ. - 3000b
Dịch từ nguyên tác tiếng Nhật: 雪煙チェイス s606755
2013. Higashino Keigo. Vũ điệu cuồng phong / Higashino Keigo ; Chi Chi dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 325 tr. ; 21 cm. - 163000đ. - 3000b
Dịch từ nguyên tác tiếng Nhật: 疾風ロンド s606756
2014. Hoa Cỏ. Hành lang hai lớp / Hoa Cỏ. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 507 tr. ; 21 cm. - 209000đ. - 500b s606237
2015. Hoài Thanh. Thi nhân Việt Nam : Bình luận văn học / Hoài Thanh, Hoài Chân. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Văn học, 2025. - 403 tr. ; 21 cm. - 96000đ. - 1000b s606205
2016. Hoài Thanh. Thi nhân Việt Nam 1932 - 1941 / Hoài Thanh, Hoài Chân. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Văn học, 2025. - 415 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 1000b s606220
2017. Hoàng Đình Anh. Tập nập : Thơ / Hoàng Đình Anh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 131 tr. ; 21 cm. - 500b s608134
2018. Hoàng Đình Long. An An : Tập truyện / Hoàng Đình Long, Nguyễn Lan Nhi. - H. : Dân trí, 2025. - 186 tr. ; 21 cm. - 200000đ. - 1000b s606332
2019. Hoàng Kiến Bình. Bến Tầm Dương : Tập truyện ngắn / Hoàng Kiến Bình. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 211 tr. ; 24 cm. - 168000đ. - 1000b
Tên thật tác giả: Nguyễn Thanh Bình s606668
2020. Hoàng Linh. Hương quê : Thơ / Hoàng Linh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 79000đ. - 1000b
Tên thật tác giả: Hoàng Thị Linh
T.1. - 2025. - 86 tr. s608109
2021. Hoàng Linh. Hương quê : Thơ / Hoàng Linh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 79000đ. - 1000b
Tên thật tác giả: Hoàng Thị Linh
T.2. - 2025. - 80 tr. s608110
2022. Hoàng Nhật. Trò chơi sinh tồn không ai sống sót : Tập truyện ngắn / Hoàng Nhật. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 221 tr. ; 20 cm. - 100000đ. - 1500b s606476
2023. Hoàng Phương Lê. Hồi ký Batigol / Hoàng Phương Lê. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 463 tr. ; 24 cm. - 220000đ. - 2000b

Tên thật tác giả: Lê Thị Minh Phương s606184

2024. Hoàng Thị Bích Hà. Hẹn anh về Vỹ Dạ ngắm mưa bay : Tập thơ / Hoàng Thị Bích Hà. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 140 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 500b s606405

2025. Hoàng Thị Bích Hà. Hoa tím sầu đông : Thơ tuyển / Hoàng Thị Bích Hà. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 137 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 500b s606404

2026. Hosseini, Khaled. Ngàn mặt trời rực rỡ / Khaled Hosseini ; Nguyễn Thị Hương Thảo dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 456 tr. ; 21 cm. - 130000đ. - 5000b

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: A thousand splendid suns s606212

2027. Hồ Chí Minh. Nhật ký trong tù / Hồ Chí Minh. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Văn học, 2025. - 299 tr. ; 21 cm. - 80000đ. - 2000b s606166

2028. Hồ Nguyên Trừng. Nam Ông mộng lục / Hồ Nguyên Trừng ; Soạn, dịch, chú giải: Nguyễn Đăng Na, Nguyễn Hữu Sơn. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 318 tr. : bảng ; 20 cm. - (Cảo thơm). - 250000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 169-318 s606490

2029. Hồi ức kháng chiến / Hồ Minh Tôn, Võ Khắc Vắn, Nguyễn Thế Truyền... - H. : Văn học, 2025. - 236 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Câu lạc bộ Truyền thống kháng chiến phường Bình Trưng Tây - Thủ Đức - Tp. Hồ Chí Minh. - Phụ lục: tr. 221-232 s606173

2030. Huệ Minh Tâm. Lẽ sống = Reason for living : Thơ song ngữ / Huệ Minh Tâm. - H. : Văn học. - 21 cm. - 180000đ. - 500b

Tên thật tác giả: Tiêu Thu Huệ

T.1. - 2025. - 267 tr. s606086

2031. Huệ Minh Tâm. Lẽ sống = Reason for living : Thơ song ngữ / Huệ Minh Tâm. - H. : Văn học. - 21 cm. - 180000đ. - 500b

Tên thật tác giả: Tiêu Thu Huệ

T.2. - 2025. - 287 tr. s606087

2032. Hugo, Victor. Ngày cuối cùng của một tử tù : Tiểu thuyết / Victor Hugo ; Nguyễn Mạnh Hùng dịch ; Trần Hình h.đ. - H. : Văn học, 2025. - 194 tr. ; 21 cm. - 88000đ. - 500b s606204

2033. Huỳnh Văn Mỹ. Chim sâu và bè bạn ở rừng / Huỳnh Văn Mỹ ; Minh hoạ: Thanh Thảo. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 82 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - (Văn học thiếu nhi). - 45000đ. - 2000b s606478

2034. Irving, Washington. Kỵ sĩ không đầu / Washington Irving ; Lê Minh Đức dịch. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 173 tr. ; 21 cm. - 75000đ. - 2500b s606275

2035. Joyce, James. Dân Dublin / James Joyce ; Thiên Lương dịch. - H. : Văn học, 2025. - 270 tr. ; 21 cm. - 300000đ. - 2000b

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: Dubliners s606278

2036. Kafka, Franz. Lâu đài / Franz Kafka ; Lê Chu Cầu dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 467 tr. ; 21 cm. - 132000đ. - 1000b

Dịch từ nguyên bản tiếng Đức: Das Schloß s606211

2037. Kant : Truyện tranh / Jon Fosse ; Minh hoạ: Akin Düzakin ; Thuỳ Dương dịch. - H. : Văn học, 2025. - 30 tr. : tranh vẽ ; 25 cm. - 68000đ. - 2000b s606160

2038. Kawabata Yasunari. Tuyển tập Kawabata : Truyện ngắn / Kawabata Yasunari ; Nguyễn Nam Trân dịch. - H. : Văn học, 2025. - 526 tr. ; 24 cm. - 380000đ. - 2000b s606179

2039. Kawabata Yasunari. Xứ tuyết / Kawabata Yasunari ; Uyên Thiễm dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 186 tr. ; 21 cm. - 112000đ. - 2000b
Dịch từ nguyên tác tiếng Nhật: 雪国 s606222
2040. Khát vọng hoà bình : Tuyển tập thơ, văn (về xã Bình Dương, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Ngãi, đơn vị 3 lần Anh hùng) / Phan Diễn, Xuân Diệu, Nguyên Ngọc... - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 445 tr. : ảnh ; 24 cm. - 350000đ. - 1000b s607955
2041. Kiều Duy Khánh. Hồn chiêng giữ vĩa : Thơ / Kiều Duy Khánh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 75 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 120000đ. - 1000b s608123
2042. Kipling, Rudyard. Chuyện rừng xanh : Dành cho trẻ 7 tuổi + / Sáng tác: Rudyard Kipling ; Minh hoạ: Quentin Gréban ; Trịnh Lữ dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 108 tr. : tranh màu ; 29 cm. - (Tủ sách Văn học). - 179000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Pháp: Le livre de la jungle s607356
2043. Lại là một ngày cảm thấy mình ổn áp : Truyện tranh / Ương Kỳ ; Sửa dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 239 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 160000đ. - 2000b
Dịch từ nguyên tác tiếng Trung: 又是自我感觉良好的一天 s606751
2044. Lam. Trốn lên mái nhà để khóc / Lam. - H. : Dân trí, 2025. - 204 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 95000đ. - 1500b
Tên thật tác giả: Hồ Dương Mộng Tuyền s606312
2045. Lần đầu tiên / Shimamoto Rio, Tsujimura Mizuki, Miyabe Miyuki, Mori Eto ; Đỗ Nguyên dịch. - H. : Văn học, 2025. - 222 tr. ; 21 cm. - 112000đ. - 2000b
Dịch từ nguyên bản tiếng Nhật: はじめての s606054
2046. Le Thanh Tuan. Tuyển tập truyện ngắn song ngữ Nhật Việt / Le Thanh Tuan. - H. : Dân trí, 2025. - 136 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 5000b s607989
2047. Lê Anh Phong. Gió lên đèn : Phê bình, tiểu luận / Lê Anh Phong. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 113 tr. ; 24 cm. - 120000đ. - 1000b s606670
2048. Lê Bảo Ngọc. Ác quỷ khoác áo blouse / Lê Bảo Ngọc, Nguyễn Minh Thu. - H. : Thế giới, 2025. - 385 tr. : bìa ; 21 cm. - 179000đ. - 2000b s607874
2049. Lê Kiều. Hà Nội - Tàn mạn xưa & nay : Truyện ký / Lê Kiều. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 309 tr. : ảnh ; 23 cm. - 150000đ. - 1000b s606665
2050. Lê Mai Thao. Hoà Bình miền thương nhớ : Tập ký / Lê Mai Thao. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 150000đ. - 500b
T.1. - 2024. - 309 tr. : ảnh. - Phụ lục: tr. 302-306 s606273
2051. Lê Như Tâm. Mùa không đợi tuổi : Thơ / Lê Như Tâm. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 136 tr. ; 21 cm. - 300b s606643
2052. Lê Phi. Đi ngược : Tập truyện / Lê Phi. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 255 tr. ; 20 cm. - 145000đ. - 500b
Tên thật tác giả: Lê Văn Phi s606363
2053. Lê Thị Thanh Tâm. Thơ Việt Nam đương đại: Hồi âm và chuyển động : Chuyên khảo phê bình văn học / Lê Thị Thanh Tâm. - H. : Thế giới, 2025. - 259 tr. ; 24 cm. - 100b
Thư mục: tr. 249-259 s607895
2054. Lê Thu. Miền rừng thổ cẩm / Lê Thu. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 177 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 150000đ. - 1000b s606669

2055. Lê Viết Hoà. Khúc ru tình : Thơ / Lê Viết Hoà. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 143 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 1000b s606281
2056. Lê Xuân Sơn. Đã từ lâu tôi là người thành phố : Thơ / Lê Xuân Sơn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 94 tr. ; 21 cm. - 80000đ. - 500b s608118
2057. London, Jack. Tiếng gọi của hoang dã / Jack London ; Dịch: Mạnh Chương... - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 258 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Văn học cổ điển). - 90000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: The call of the wild s606224
2058. Lục Ngạn. Kỳ án pháp y / Lục Ngạn ; Sen Sean dịch. - H. : Dân trí. - 20 cm. - (Tủ sách Sống khác). - 125000đ. - 1500b
Tên sách tiếng Trung: 法医奇案
T.2: Truy tìm bằng chứng: Lời thì thầm của tử thi. - 2025. - 277 tr. s607977
2059. Luyện kỹ năng giải đề học sinh giỏi lớp 9 và ôn thi vào lớp 10 chuyên môn Ngữ văn : Theo định hướng phát triển năng lực / Nguyễn Thành Huân s.t., tuyển chọn, b.s. - H. : Dân trí, 2025. - 510 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 224000đ. - 1900b s607997
2060. Luyện thi chuyên sâu - Đánh giá năng lực Ngôn ngữ - Văn học / Nguyễn Thị Bích An, Nguyễn Đức An, Nguyễn Đức Đạt... - H. : Dân trí, 2025. - 187 tr. ; 27 cm. - 168000đ. - 5000b s605958
2061. Lưu Sơn Tự. 1000 bài thơ tứ tuyệt / Lưu Sơn Tự. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 538 tr. ; 24 cm. - 529000đ. - 1000b s607954
2062. Mã Bá Dung. Hai kinh mười lăm ngày / Mã Bá Dung ; Nguyễn Vĩnh Chi dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 245000đ. - 3000b
Dịch từ nguyên tác tiếng Trung: 两京十五日
T.1: Điềm gở. - 2025. - 522 tr. s606801
2063. Mã Bá Dung. Hai kinh mười lăm ngày / Mã Bá Dung ; Nhượng Lê dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 255000đ. - 3000b
Dịch từ nguyên tác tiếng Trung: 两京十五日
T.2: Mệnh trời. - 2025. - 534 tr. s606802
2064. Mã Bá Dung. Thái Bạch Kim Tinh đang phiên muộn / Mã Bá Dung ; Tổ Hình dịch. - H. : Văn học, 2025. - 399 tr. ; 21 cm. - 179000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 太白金星有点烦 s606091
2065. Mãi mãi không quên : Tập thơ / Văn Giao, Lê Xuân Hải, Bùi La... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 90 tr. : ảnh ; 21 cm. - 70b
ĐTTS ghi: Lớp Silicat khoá 11, Khoa Hoá (66C), Đại học Bách khoa Hà Nội s606422
2066. Malaparte, Curzio. Cờ da người pháp phôi : Tiểu thuyết / Curzio Malaparte ; Thanh Thư dịch. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 562 tr. ; 21 cm. - 300000đ. - 1000b
Tên thật tác giả: Kurt Erich Suckert. - Tên sách tiếng Pháp: La peau. - Tên sách tiếng Italia: La pelle s605768
2067. Malot, Hector. Không gia đình / Hector Malot ; Minh hoạ: Émile Bayard ; Huỳnh Lý dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 755 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Văn học cổ điển). - 180000đ. - 2000b s606230
2068. Malot, Hector. Về với gia đình / Hector Malot ; Lê Đình Chi dịch, giới thiệu ; Minh hoạ: Émile Bayard. - H. : Văn học, 2025. - 334 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 320000đ. - 2000b
Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp: Romain Kalbris s606279

2069. Mann, Thomas. Chết ở Venice : Tiểu thuyết / Thomas Mann ; Nguyễn Hồng Vân dịch. - In lần thứ 8. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 149 tr. ; 20 cm. - (Cánh cửa mở rộng). - 80000đ. - 1500b
Dịch từ nguyên bản tiếng Đức: Der tod in Venedig. - Phụ lục: tr. 141-149 s606520
2070. Martel, Yann. Cuộc đời của Pi / Yann Martel ; Trịnh Lữ dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 447 tr. ; 21 cm. - 139000đ. - 1500b
Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: Life of Pi. - Phụ lục cuối chính văn s606236
2071. Masahiro Imamura. Sát nhân trong chiếc hộp mắt ma / Masahiro Imamura ; Gen Kun dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 431 tr. ; 21 cm. - 169000đ. - 2000b s607931
2072. McClelland, Jonathan S. Nhà tranh biện thông minh = Debate Pro Junior : Học kỹ năng tranh biện và tư duy logic / Jonathan S. McClelland ; Ngô Hà Thu dịch, h.đ. - H. : Thế giới. - 26 cm. - 149000đ. - 1500b
Book 1. - 2025. - 136 tr. : ảnh màu, bảng s607942
2073. Mccullers, Carson. Khúc ballad cho quán cafe buồn : Tập truyện ngắn / Carson Mccullers ; Vĩnh Ngân dịch. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 240 tr. ; 21 cm. - 180000đ. - 2000b s608116
2074. McFadden, Freida. Cô hầu gái / Freida McFadden ; Mai Trang dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 422 tr. ; 21 cm. - 162000đ. - 1500b
Tên sách tiếng Anh: The housemaid s606214
2075. Mẹ gà con vịt = Mother hen and ducklings : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Truyện kể mầm non). - 12000đ. - 10000b s606835
2076. Minh. Có một mùa hè chưa từng lãng quên / Minh, Súra. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 212 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 1000b s606221
2077. Minh Nguyệt Vô Ưu. Những tháng năm vội vã / Minh Nguyệt Vô Ưu. - H. : Dân trí. - 24 cm. - 198000đ. - 2000b
Tên thật tác giả: Lê Thị Mỹ Uyên
T.1. - 2025. - 545 tr. s607965
2078. Minh Nguyệt Vô Ưu. Những tháng năm vội vã / Minh Nguyệt Vô Ưu. - H. : Dân trí. - 24 cm. - 198000đ. - 2000b
Tên thật tác giả: Lê Thị Mỹ Uyên
T.2. - 2025. - 541 tr. s607966
2079. Mizuki Harada. Ngôi nhà trông về phía biển & chuyện ngày sau / Mizuki Harada ; Như Nữ dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Văn học, 2025. - 666 tr. ; 21 cm. - 265000đ. - 1500b
Thư mục: tr. 666 s606216
2080. Modiano, Patrick. Những Chủ nhật tháng Tám / Patrick Modiano ; Lâm An dịch. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 183 tr. ; 21 cm. - 110000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Pháp: Dimanche d'août s606276
2081. Mộc Nhiên. Chân trần cứ vậy mà quê : Tản văn / Mộc Nhiên. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 132 tr. ; 22 cm. - 95000đ. - 1000b
Tên thật tác giả: Nguyễn Thanh Xuân s606663
2082. Mộc Tô Lý. Phán quan : 18+ / Mộc Tô Lý ; Dư Uyển dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 199000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 判官

- T.2. - 2025. - 397 tr. s606805
2083. Mộc Tô Lý. Phán quan : 18+ / Mộc Tô Lý ; Dư Uyển dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 199000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Trung: 判官
 T.3. - 2025. - 421 tr. s606806
2084. Mộc Tô Lý. Thi đại học toàn cầu : Tiểu thuyết : 18+ / Mộc Tô Lý ; Tình Thiên dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 192000đ. - 3000b
 Dịch từ nguyên bản tiếng Trung: 全球高考
 T.3. - 2025. - 484 tr. s606089
2085. 199 bài và đoạn văn hay lớp 9 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Lê Anh Xuân, Nguyễn Thị Kiều Anh, Lê Việt Hương... - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 263 tr. : ảnh ; 27 cm. - 108000đ. - 2000b s606396
2086. 199 bài và đoạn văn hay lớp 12 / Lê Anh Xuân, Nguyễn Thị Kiều Anh, Vũ Thị Dung... - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 312 tr. ; 27 cm. - 135000đ. - 1500b s607429
2087. Mời cậu kể nốt câu chuyện khám phá kho báu bí mật : Truyện tranh : Dành cho trẻ 5 tuổi + / Sáng tác: Sylvie Misslin ; Minh hoạ: Amandine Piu ; Nam Lê biên dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 36 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Tôi kể cậu kết). - 159000đ. - 1000b s607164
2088. Mời cậu kể nốt câu chuyện về hoàng tử bạch mã : Truyện tranh : Dành cho trẻ 5 tuổi + / Sáng tác: Sylvie Misslin ; Minh hoạ: Amandine Piu ; Nam Lê biên dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 156 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Tôi kể cậu kết). - 159000đ. - 1000b s607165
2089. Mời cậu kể nốt câu chuyện về tiếng hú lạ kỳ : Truyện tranh : Dành cho trẻ 5 tuổi + / Sáng tác: Sylvie Misslin ; Minh hoạ: Amandine Piu ; Nam Lê biên dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 156 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Tôi kể cậu kết). - 159000đ. - 1000b s607166
2090. Mười Một Giờ Phải Ngủ. Đều tại vàng trắng gây hoạ : Tiểu thuyết / Mười Một Giờ Phải Ngủ ; Bình Nguyên dịch. - H. : Văn học. - 24 cm. - 239000đ. - 2000b
 T.1. - 2025. - 530 tr. s606136
2091. Mười Một Giờ Phải Ngủ. Đều tại vàng trắng gây hoạ : Tiểu thuyết / Mười Một Giờ Phải Ngủ ; Bình Nguyên dịch. - H. : Văn học. - 24 cm. - 239000đ. - 2000b
 T.2. - 2025. - 514 tr. s606137
2092. Nam Cao. Chí Phèo / Nam Cao. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 326 tr. ; 21 cm. - (Danh tác văn học Việt Nam). - 95000đ. - 1500b
 Tên thật tác giả: Trần Hữu Tri s606208
2093. Nam Cao. Nam Cao - Giăng sáng và những truyện khác. - H. : Văn học, 2025. - 127 tr. ; 21 cm. - (Danh tác văn học Việt Nam). - 48000đ. - 2000b s606200
2094. Nam Cao. Nam Cao - Nửa đêm và những truyện khác. - H. : Văn học, 2025. - 143 tr. ; 21 cm. - (Danh tác văn học Việt Nam). - 55000đ. - 2000b s606199
2095. Nam Cao. Nam Cao - Quên điều độ và những truyện khác. - H. : Văn học, 2025. - 127 tr. ; 21 cm. - (Danh tác văn học Việt Nam). - 48000đ. - 2000b s606198
2096. Nam Cao. Nam Cao - Tư cách mõ và những truyện khác. - H. : Văn học, 2025. - 127 tr. ; 21 cm. - (Danh tác văn học Việt Nam). - 52000đ. - 2000b s606201
2097. Nam Cao. Sống mòn / Nam Cao. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 322 tr. ; 21 cm. - (Danh tác văn học Việt Nam). - 85000đ. - 1500b

Tên thật tác giả: Trần Hữu Tri s606209

2098. 50 bài luận mẫu chuẩn và chất : Dành cho học sinh THCS và THPT... / Lê Trần Diệu Thu. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 160 tr. ; 24 cm. - 349000đ. - 3000b s606629

2099. 50 đề thực chiến luyện thi Ngữ văn vào lớp 10 - Giải chuyên sâu : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới... / Nguyễn Thị Thuỷ Anh (ch.b.), Phạm Vân Thuý. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 275 tr. ; 27 cm. - 139000đ. - 5000b s607323

2100. 500 câu hỏi luyện thi đánh giá năng lực theo cấu trúc đề của Đại học Quốc gia Hà Nội - Tư duy định tính văn học - ngôn ngữ : Kèm đáp án - lời giải / Phạm Thị Thanh Phụng, Phạm Thị Ngọc Diệp, Nguyễn Thu Trang... - H. : Dân trí, 2025. - 306 tr. ; 27 cm. - 250000đ. - 1000b s608002

2101. Nghệ thuật thôi miên Ngữ văn : Trải nghiệm thú vị cùng văn bản, bạn đọc trong dạy học và cuộc sống / Trần Vĩnh Yên. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 155 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 1000b

Thư mục cuối chính văn s606272

2102. Nghiêm Thanh. Chuyện tình mười năm trước : Thơ tuyển chọn / Nghiêm Thanh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 170 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 1000b
Phụ lục: tr. 133-166 s608129

2103. Ngô Tất Tố. Một tiệc ăn vạ : Tác phẩm chọn lọc / Ngô Tất Tố. - H. : Văn học, 2025. - 319 tr. ; 21 cm. - 128000đ. - 2000b s606041

2104. Ngô Tất Tố. Tắt đèn : Tiểu thuyết / Ngô Tất Tố. - H. : Văn học, 2025. - 167 tr. ; 21 cm. - 68000đ. - 2000b s606037

2105. Ngô Tất Tố. Tắt đèn : Tiểu thuyết : In theo bản in của Nhà in Mai Lĩnh Hà Nội, 1939 / Ngô Tất Tố. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 215 tr. ; 21 cm. - (Danh tác văn học Việt Nam). - 70000đ. - 2000b s606234

2106. Ngô Thừa Ân. Tây du ký = 西游记 / Ngô Thừa Ân ; Đỗ Lan Phương dịch. - Tái bản. - H. : Văn học. - 24 cm. - 210000đ. - 1500b
T.1. - 2025. - 1191 tr. : tranh vẽ s606251

2107. Ngô Thừa Ân. Tây du ký = 西遊記 / Ngô Thừa Ân ; Đỗ Lan Phương dịch. - Tái bản. - H. : Văn học. - 24 cm. - 210000đ. - 1500b
T.2. - 2025. - 1191 tr. : tranh vẽ s606252

2108. Nguyễn Cảnh Bình. Sinh năm 1972: Khát vọng sống của kẻ đi ngược chiều : Tự truyện / Nguyễn Cảnh Bình. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Thế giới, 2025. - 409 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - 199000đ. - 3000b s607936

2109. Nguyễn Du. Truyện Thuý Kiều : Bản đặc biệt : In và đối chiếu các bản in lần thứ 5, 7, 8 trước năm 1975 / Nguyễn Du ; Hiệu khảo: Trần Trọng Kim, Bùi Kỷ. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 291 tr. ; 21 cm. - 80000đ. - 1500b s606196

2110. Nguyễn Du. Truyện Thuý Kiều : Bản đặc biệt : In và đối chiếu các bản in lần thứ 5, 7, 8 trước năm 1975 / Nguyễn Du ; Hiệu khảo: Trần Trọng Kim, Bùi Kỷ. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 291 tr. ; 21 cm. - 105000đ. - 1500b s606197

2111. Nguyễn Đắc Xuân. Nguyễn Đắc Xuân - Ngược xuôi với Huế / Bùi Ngọc Quỳnh thực hiện. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 182 tr. : ảnh ; 21 cm. - 150000đ. - 300b
ĐTTS ghi: Hội Nghiên cứu và Phát triển Di sản Văn hoá Huế s606406

2112. Nguyễn Đắc Xuân. Nhà tôi / Nguyễn Đắc Xuân. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 191 tr. : ảnh ; 21 cm. - 150000đ. - 300b s606398
2113. Nguyễn Đăng An. Mê cung : Tiểu thuyết / Nguyễn Đăng An. - Tái bản có sửa chữa, bổ sung lần thứ 3. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 231 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 110b s605813
2114. Nguyễn Đình Chiểu. Trung thần nghĩa sĩ : Tuyển tập thơ / Nguyễn Đình Chiểu ; Thanh Mai tuyển chọn. - H. : Văn học, 2025. - 135 tr. ; 21 cm. - 58000đ. - 2000b s606068
2115. Nguyễn Đông Bắc. Đi để viết : Tản mạn, ghi chép, phóng sự / Nguyễn Đông Bắc. - H. : Văn học, 2025. - 343 tr. ; 24 cm. - 226000đ. - 1000b s606122
2116. Nguyễn Hữu Lưu. Mảnh vỡ lành lặn / Nguyễn Hữu Lưu. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 384 tr. : ảnh màu, tranh vẽ ; 24 cm. - 180000đ. - 200b s605778
2117. Nguyễn Hữu Quyền. Át cơ : Thơ / Nguyễn Hữu Quyền. - Nghệ An : Đại học Vinh, 2025. - 79 tr. ; 21 cm. - 90000đ. - 200b s605785
2118. Nguyễn Khắc Đàm. Cổ hương muôn nẻo tình người : Tiểu luận - Phê bình / Nguyễn Khắc Đàm. - H. : Văn học, 2025. - 591 tr. ; 21 cm. - 295000đ. - 500b s606099
2119. Nguyễn Khắc Nguyệt. Lái tăng xuyên Việt / Nguyễn Khắc Nguyệt. - H. : Văn học, 2025. - 510 tr. : ảnh ; 21 cm. - 188000đ. - 1000b
Bút danh tác giả: Anh Trang s606097
2120. Nguyễn Khắc Thông. Gửi vào lục bát : Tập thơ / Nguyễn Khắc Thông. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 99 tr. ; 21 cm. - 85000đ. - 500b s608114
2121. Nguyễn Linh Vân. Nhật ký của ba : Những điều ba muốn nói với con gái / Nguyễn Linh Vân. - H. : Văn học, 2025. - 199 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 168000đ. - 300b s606165
2122. Nguyễn Minh Anh. Chuyện ngày bé / Nguyễn Minh Anh. - H. : Văn học, 2025. - 210 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 500b s606095
2123. Nguyễn Ngọc Chấn. Púng Luông - Mảnh đất ngang trời : Tập ký / Nguyễn Ngọc Chấn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 203 tr. ; 21 cm. - 300b s608111
2124. Nguyễn Ngọc Phú. Thơ & trường ca : Tác phẩm và dư luận / Nguyễn Ngọc Phú. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 295 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 300b s607828
2125. Nguyễn Ngọc Tư. Đảo : Tập truyện ngắn / Nguyễn Ngọc Tư ; Minh họa: Trần Ngọc Sinh. - In lần thứ 12. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 144 tr. ; 20 cm. - 80000đ. - 1500b s606534
2126. Nguyễn Ngọc Tư. Ngày mai của những ngày mai : Tản văn / Nguyễn Ngọc Tư. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 189 tr. ; 20 cm. - 120000đ. - 2000b s606525
2127. Nguyễn Ngọc Tư. Ngọn đèn không tắt : Tập truyện ngắn / Nguyễn Ngọc Tư. - In lần thứ 20. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 72 tr. ; 20 cm. - 65000đ. - 2000b s606535
2128. Nguyễn Nhật Ánh. Bong bóng lên trời : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 58. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 175 tr. ; 20 cm. - 95000đ. - 3000b s606521
2129. Nguyễn Nhật Ánh. Đảo mộng mơ : Truyện / Nguyễn Nhật Ánh ; Minh họa: Đỗ Hoàng Tường. - Tái bản lần thứ 37. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 254 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 75000đ. - 3000b s606536
2130. Nguyễn Nhật Ánh. Hạ đỏ : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 65. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 181 tr. ; 15 cm. - 38000đ. - 3000b s607960

2131. Nguyễn Như Tường. Nẻo đường vui : Thơ Đường luật / Nguyễn Như Tường. - H. : Văn hoá dân tộc, 2025. - 99 tr. ; 20 cm. - 100b s606583
2132. Nguyễn Phát. Từng chặng đường đi : Thơ / Nguyễn Phát. - Tái bản lần thứ 1. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 199 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 215b s608003
2133. Nguyễn Phú. Ánh lửa trên đồi quỳên thảo : Truyện ngắn / Nguyễn Phú. - H. : Văn học, 2025. - 191 tr. ; 21 cm. - 82000đ. - 1500b s606050
2134. Nguyễn Quang Hưng. Nổi những vệt không gian : Tản văn / Nguyễn Quang Hưng. - H. : Văn học, 2025. - 196 tr. ; 21 cm. - 87000đ. - 1500b s606048
2135. Nguyễn Thế Kỷ. Nước non vạn dặm : Tiểu thuyết / Nguyễn Thế Kỷ. - H. : Văn học. - 24 cm. - 198000đ. - 2000b
T.1: Nợ nước non. - 2025. - 214 tr., 8 tr. tranh màu s606117
2136. Nguyễn Thế Kỷ. Nước non vạn dặm : Tiểu thuyết / Nguyễn Thế Kỷ. - H. : Văn học. - 24 cm. - 236000đ. - 2000b
T.2: Lênh đênh bốn biển. - 2025. - 262 tr., 8 tr. tranh màu s606118
2137. Nguyễn Thế Kỷ. Nước non vạn dặm : Tiểu thuyết / Nguyễn Thế Kỷ. - H. : Văn học. - 24 cm. - 198000đ. - 3000b
T.5: Việt Nam - Hồ Chí Minh. - 2025. - 206 tr., 7 tr. tranh màu s606119
2138. Nguyễn Thị Ánh Hồng. Nhật trái tim thơ trên cỏ / Nguyễn Thị Ánh Hồng. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 90 tr. : ảnh ; 24 cm. - 150000đ. - 300b
Bút danh tác giả: Bên Thềm Trắng s605875
2139. Nguyễn Thị Phương. Quê hương : Thơ / Nguyễn Thị Phương. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An. - 21 cm. - 120000đ. - 100b
T.2. - 2025. - 327 tr. : ảnh s605782
2140. Nguyễn Thị Phương. Tiếng vọng : Thơ / Nguyễn Thị Phương. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 135 tr. ; 21 cm. - 90000đ. - 200b s605776
2141. Nguyễn Thị Thuý Ngoan. Mùa hoa bướm ấy : Thơ / Nguyễn Thị Thuý Ngoan. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 157 tr. ; 21 cm. - 85000đ. - 1000b s608112
2142. Nguyễn Thượng Hiền. Rót chiều vào phố : Thơ / Nguyễn Thượng Hiền. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 95 tr., 2 tr. ảnh ; 21 cm. - 86000đ. - 1000b s606274
2143. Nguyễn Trãi. Túc sự và những bài thơ chữ Hán : Tuyển tập thơ / Nguyễn Trãi ; Dịch: Nguyễn Đình Hồ... - H. : Văn học, 2025. - 147 tr. ; 21 cm. - 62000đ. - 2000b s606067
2144. Nguyễn Tuấn Thành. Giữa những con sóng : Tiểu thuyết / Nguyễn Tuấn Thành. - H. : Văn học, 2025. - 311 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 198000đ. - 1000b s606134
2145. Nguyễn Văn Á. Phía Nam sông Bến Hải : Truyện ký / Nguyễn Văn Á. - H. : Văn học, 2025. - 423 tr. ; 21 cm. - 200000đ. - 2000b s606176
2146. Nguyễn Văn Hành. Một chặng đường (Nhớ và ghi chép) / Nguyễn Văn Hành. - H. : Văn học, 2025. - 266 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 300b s606175
2147. Nguyễn Văn Học. Bảo người : Tiểu thuyết / Nguyễn Văn Học. - H. : Văn học, 2025. - 319 tr. ; 21 cm. - 135000đ. - 2000b s606042
2148. Nguyễn Văn Học. Khi vết thương nằm xuống : Tiểu thuyết / Nguyễn Văn Học. - H. : Văn học, 2025. - 311 tr. ; 21 cm. - 128000đ. - 2000b s606043

2149. Nguyễn Văn Học. Mùa nhan sắc : Tập truyện ngắn / Nguyễn Văn Học. - H. : Văn học, 2025. - 190 tr. ; 21 cm. - 82000đ. - 1500b s606074
2150. Nguyễn Văn Mùi. Tìm về chốn bình yên : Thơ / Nguyễn Văn Mùi. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 171 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21 cm. - 100000đ. - 500b s606287
2151. Nguyễn Văn Mùi. Vạt nắng chênh chao : Thơ - Tập 8 / Nguyễn Văn Mùi. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 170 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 100000đ. - 500b s606268
2152. Nguyễn Văn Thái. Giác mơ gần sáng : Truyện thơ / Nguyễn Văn Thái. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 191 tr. ; 21 cm. - 10000đ. - 100b s608011
2153. Nguyễn Văn Trang. Công ty Tảo xoắn vườn xa : Thơ / Nguyễn Văn Trang. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 183 tr. ; 21 cm. - 100b s605783
2154. Ngữ văn 10 : Sách đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông tại Quyết định số 442/QĐ-BGDĐT ngày 28/01/2022 / Lê Nhâm Thìn, Đỗ Ngọc Thống (tổng ch.b.), Vũ Thanh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - Huế : Đại học Huế. - 27 cm. - (Cánh Diều). - 17900đ. - 90000b
T.2. - 2025. - 135 tr. : minh hoạ s605987
2155. Ngữ văn 11 : Sách đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông tại Quyết định số 4607/QĐ-BGDĐT ngày 28/12/2022 / Lê Nhâm Thìn, Đỗ Ngọc Thống (tổng ch.b.), Bùi Minh Đức (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - Huế : Đại học Huế. - 27 cm. - (Cánh Diều). - 19800đ. - 80000b
T.2. - 2025. - 163 tr. : minh hoạ s605988
2156. Ngựa Đỏ và Lạc Đà : Tranh truyện thiếu nhi = The Red Horse and the Camel : Children's comics / Thuỳ Trang b.s. ; Minh hoạ: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh). - 12000đ. - 10000b s606823
2157. Người bán hạnh phúc : Truyện tranh : Dành cho trẻ 5 tuổi + / Sáng tác: Davide Cali ; Minh hoạ: Marco Somà ; Trương Hồng Quang biên dịch. - Tái bản lần 1. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 135000đ. - 1000b s607167
2158. Nhất Cá Mễ Bính. Tham vọng : 18+ / Nhất Cá Mễ Bính ; Thu Hà dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 381 tr. ; 21 cm. - 159000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 野心 s607041
2159. Nhật Lăng. Thương nhớ tình thi / Nhật Lăng. - H. : Dân trí, 2025. - 492 tr. ; 24 cm. - 239000đ. - 1000b s608006
2160. Nhị Bát Giang. Ba năm rồi lại ba năm : Tiểu thuyết / Nhị Bát Giang ; Tạ Thu Ngân dịch. - H. : Văn học, 2025. - 438 tr. ; 24 cm. - 289000đ. - 1000b
Dịch từ nguyên bản tiếng Trung: 小船三年又三年 s606120
2161. Nhịp sống Quỳnh An : Tập thơ / Vũ Phương Vịnh, Nhâm Sỹ Ân, Vũ Quốc Tuý... - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 232 tr. ; 21 cm. - 200000đ. - 1000b
ĐTTS ghi: Câu lạc bộ Thơ ca Quỳnh An, Quỳnh Phụ, Thái Bình s608120
2162. Nhổ củ cải : Tranh truyện thiếu nhi = The great big radish : Children's comics / Thuỳ Trang b.s. ; Minh hoạ: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh). - 12000đ. - 10000b s606819
2163. Những bài làm văn mẫu lớp 7 / Lê Xuân Soan (ch.b.), Trần Thìn. - H. : Dân trí. - 27 cm. - (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống). - 79000đ. - 10000b
T.1. - 2025. - 127 tr. s605960

2164. Những bài văn đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh - thành phố - toàn quốc : Dành cho học sinh THPT / Phạm Ngọc Thắm s.t., tuyển chọn. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 208 tr. ; 27 cm. - 125000đ. - 1000b s607421
2165. Những bài văn theo chuẩn kiến thức - kỹ năng Ngữ văn 6 : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Phạm Ngọc Thắm. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 160 tr. ; 24 cm. - 75000đ. - 1500b s607707
2166. Những bài văn theo chuẩn kiến thức - kỹ năng Ngữ văn 7 : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Phạm Ngọc Thắm. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 160 tr. ; 24 cm. - 75000đ. - 1500b s607708
2167. Những bài văn theo chuẩn kiến thức - kỹ năng Ngữ văn 8 : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Phạm Ngọc Thắm. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 160 tr. ; 24 cm. - 75000đ. - 1500b s607709
2168. Những bài văn theo chuẩn kiến thức - kỹ năng Ngữ văn 9 : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Phạm Ngọc Thắm. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 160 tr. ; 24 cm. - 75000đ. - 1500b s607710
2169. Những câu chuyện của Shakespeare / Lời: Samantha Newman ; Minh hoạ: Khoa Lê ; Hồng Vũ dịch. - H. : Văn học, 2025. - 127 tr. : tranh màu ; 28 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 216000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Anh: Shakespeare's stories s606032
2170. Những câu chuyện phiêu lưu dành cho bé / Lời: Samantha Newman ; Minh hoạ: Khoa Lê ; Hồng Vũ dịch. - H. : Văn học, 2025. - 126 tr. : tranh màu ; 28 cm. - 216000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Anh: Adventure stories for daring girls s606033
2171. Non nước Ninh Bình : Thơ / Trần Bá, Phạm Xuân Bách, Bùi Thanh Bình... - H. : Dân trí. - 21 cm. - 86000đ. - 500b
ĐTTS ghi: Hội thơ Đường luật Việt Nam. Chi Hội thơ Đường luật Ninh Bình
T.3. - 2025. - 255 tr. : ảnh s607984
2172. Nosaka Akiyuki. Mộ đom đóm / Nosaka Akiyuki ; Đào Phú Lợi dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 328 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 1000b s607039
2173. Núi Rừng : Hội người cao tuổi xã Quỳnh Nghĩa : Thơ / Hồ Ngọc Thi, Hồ Đình Xích, Đình Trọng Thuật... ; B.s.: Hồ Thanh Nghị, Đình Trọng Quảng ; Tuyển chọn: Hồ Ngọc Thi... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An. - 21 cm. - 70000đ. - 150b
T.6. - 2025. - 131 tr. s607834
2174. Ogawa Yoko. Báo thù: Mười một câu chuyện tâm tởi / Ogawa Yoko ; Quỳnh Quỳnh dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 217 tr. ; 21 cm. - 110000đ. - 2500b
Tên sách tiếng Nhật: 寡黙な死骸 みだらな弔い s606759
2175. Ostrovski, Nikolai Alekseevich. Thép đã tôi thế đấy / Nikolai A. Ostrovsky ; Đào Minh Hiệp dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 590 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 175000đ. - 1000b
Dịch từ nguyên bản tiếng Nga: Как закалялась сталь s606240
2176. Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc. Cổ học tinh hoa / Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc, Từ An Trần Lê Nhân. - H. : Văn học. - 21 cm. - (Cổ học kỳ thư). - 138000đ. - 50000b
Q. Thượng. - 2025. - 227 tr. s606170
2177. Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc. Cổ học tinh hoa / Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc, Từ An Trần Lê Nhân. - H. : Văn học. - 21 cm. - (Cổ học kỳ thư). - 138000đ. - 50000b
Q. Hạ. - 2025. - 266 tr. s606171

2178. Ở!!! Tắc kè là nhà ảo thuật : Truyện tranh: 0 - 6 tuổi / Suzuki Mio ; Tranh: Tigeru Ao ; Lời: Ngọc Trâm. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon - Nuôi dưỡng tâm hồn cho bé). - 39000đ. - 5000b s606910

2179. Pasternak, Boris. Bác sĩ Zhivago : Bản dịch đầy đủ nhất / Boris Pasternak ; Dịch: Hoàng Thanh, Minh Nhật. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá. - 24 cm. - 125000đ. - 1000b
T.1. - 2025. - 287 tr. s607843

2180. Pasternak, Boris. Bác sĩ Zhivago : Bản dịch đầy đủ nhất / Boris Pasternak ; Dịch: Hoàng Thanh, Minh Nhật. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá. - 24 cm. - 125000đ. - 1000b
T.2. - 2025. - 255 tr. s607844

2181. Paustovsky, Konstantin. Bông hồng vàng và bình minh mưa / K. G. Paustovsky ; Dịch: Kim Ân, Mộng Quỳnh. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Văn học, 2025. - 560 tr. ; 24 cm. - 195000đ. - 1000b s606248

2182. Phạm Lữ Ân. Nếu biết trăm năm là hữu hạn / Phạm Lữ Ân. - Tái bản lần thứ 30. - H. : Thế giới, 2025. - 263 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 159000đ. - 5000b
Phạm Lữ Ân là bút danh chung của 2 tác giả: Đặng Nguyễn Đông Vy, Phạm Công Luận. - Phụ lục: tr. 244-258 s607901

2183. Phạm Thanh Hữu. Kỹ năng cơ bản về viết bài pháp lý chuẩn SEO / Phạm Thanh Hữu, Cù Huy Hoàng. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 107 tr. ; 21 cm. - 56000đ. - 1000b s608139

2184. Phạm Trọng Thanh. Phạm Trọng Thanh tuyển tập. - H. : Văn học, 2025. - 526 tr. : ảnh ; 24 cm. - 195000đ. - 300b s606185

2185. Phạm Tú Uyên. Tuổi thơ lang bạt / Phạm Tú Uyên. - H. : Văn học, 2025. - 215 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 500b s606079

2186. Phạm Vũ Anh Thư. Tình chị duyên em / Phạm Vũ Anh Thư. - H. : Thế giới, 2025. - 493 tr. ; 21 cm. - 209000đ. - 1000b s607875

2187. Phan Mạnh Hùng. Tản mạn Đường thi : Thơ / Phan Mạnh Hùng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 212 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 500b s606265

2188. Phan Văn Ấu. Gọi quê : Thơ chọn / Phan Văn Ấu. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 166 tr. ; 23 cm. - 150000đ. - 300b s607956

2189. Phán Duyệt Tây. Tỉnh giấc tan mộng người bên gối đã không còn / Phán Duyệt Tây. - H. : Văn học, 2025. - 238 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Người Trẻ Việt). - 125000đ. - 1000b s606078

2190. Phương Dương. Báo cáo điều tra về bệnh hoang tưởng / Phương Dương ; Đặng Hồng Quân dịch. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 349 tr. ; 21 cm. - 160000đ. - 2000b

Dịch từ nguyên tác tiếng Trung: 妄想症调查报告 s606277

2191. Quảng Huệ. Trở về / Quảng Huệ. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 99 tr. ; 20 cm. - 500b

Tên thật tác giả: Nguyễn Đăng Trai s606368

2192. Quê lúa Yên Thành : Tập thơ văn kỷ niệm 188 năm danh xưng huyện Yên Thành / Phan Thanh An, Lê Quốc Ân, Lê Đình Bỉ... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 183 tr. ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Hội thơ Đường luật huyện Yên Thành s607831

2193. Quốc Thái. Đồi thông máu / Quốc Thái. - H. : Thế giới, 2025. - 197 tr. ; 21 cm. - 139000đ. - 2000b s607872

2194. Ross, Rebecca. Đối thủ siêu phàm / Rebecca Ross ; Nguyễn Ngọc Hoàng Mai dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 411 tr. ; 24 cm. - 220000đ. - 2200b
Tên sách tiếng Anh: Divine Rivas s606799
2195. Rowling, J. K. Harry Potter và bảo bối tử thần = Harry Potter and the deathly hallows / J. K. Rowling ; Dịch: Lý Lan, Hương Lan. - In lần thứ 40. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 846 tr. ; 20 cm. - (Harry Potter; T.7). - 285000đ. - 2000b s606565
2196. Rowling, J. K. Harry Potter và chiếc cốc lửa = Harry Potter and the goblet of fire / J. K. Rowling ; Lý Lan dịch. - In lần thứ 52. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 921 tr. ; 20 cm. - (Harry Potter; T.4). - 310000đ. - 2000b s606561
2197. Rowling, J. K. Harry Potter và chiếc cốc lửa = Harry Potter and the goblet of fire / J. K. Rowling ; Lý Lan dịch. - In lần thứ 53. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 921 tr. ; 20 cm. - (Harry Potter; T.4). - 310000đ. - 2000b s606562
2198. Rowling, J. K. Harry Potter và hoàng tử lai = Harry Potter and the half - blood prince / J. K. Rowling ; Dịch: Lý Lan, Hương Lan. - In lần thứ 50. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 715 tr. ; 20 cm. - (Harry Potter; T.6). - 245000đ. - 2000b s606564
2199. Rowling, J. K. Harry Potter và hòn đá phù thủy = Harry Potter and the sorcerer's stone / J. K. Rowling ; Lý Lan dịch. - In lần thứ 63. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 365 tr. ; 20 cm. - (Harry Potter; T.1). - 150000đ. - 2000b s606558
2200. Rowling, J. K. Harry Potter và Hội Phượng hoàng = Harry Potter and the Order of the Phoenix / J. K. Rowling ; Lý Lan dịch. - In lần thứ 46. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 1309 tr. ; 20 cm. - (Harry Potter; T.5). - 385000đ. - 2000b s606563
2201. Rowling, J. K. Harry Potter và phòng chứa bí mật = Harry Potter and the chamber of secrets / J. K. Rowling ; Lý Lan dịch. - In lần thứ 58. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 429 tr. ; 20 cm. - (Harry Potter; T.2). - 170000đ. - 2000b s606559
2202. Rowling, J. K. Harry Potter và tên tù nhân ngục Azkaban = Harry Potter and the prisoner of Azkaban / J. K. Rowling ; Lý Lan dịch. - In lần thứ 53. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 559 tr. ; 20 cm. - (Harry Potter; T.3). - 205000đ. - 2000b s606560
2203. Rùa và Hươu = The Turtle and the Deer : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Truyện kể mầm non). - 12000đ. - 10000b s606833
2204. Rừng oi ngủ ngon : Cuốn Ehon giúp bé dễ đi vào giấc ngủ : Truyện tranh : 0 - 4 tuổi / Fuku Mitsu. - H. : Văn hoá dân tộc, 2025. - 29 tr. : tranh màu ; 20 cm. - 39000đ. - 5000b s606588
2205. Sa Trạ Đảo. Bất tuần : 18+ / Sa Trạ Đảo ; Rong dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 185000đ. - 2000b
Dịch từ nguyên bản tiếng Trung: 不驯
T.2. - 2025. - 364 tr. s606765
2206. Sa Trạ Đảo. Bất tuần : 18+ / Sa Trạ Đảo ; Rong dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 185000đ. - 2000b
Dịch từ nguyên bản tiếng Trung: 不驯
T.3. - 2025. - 404 tr. s606766
2207. Salinger, J. D. Này thợ mộc, nâng rằm mái lên đi & giới thiệu về Seymour / J. D. Salinger ; Khánh Nguyên dịch. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 230 tr. ; 21 cm. - 145000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Raise high the roof beam, carpenters and Seymour: An introduction
s608117

2208. Sharma, Robin. Vị tu sĩ bán chiếc Ferrari = The monk who sold his Ferrari : Hành trình tìm về sức mạnh vô biên / Robin Sharma ; Thanh Thảo dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 264 tr. : ảnh ; 21 cm. - 98000đ. - 5000b s608063

2209. Sheldon, Sidney. Nếu còn có ngày mai = If tomorrow comes / Sidney Sheldon ; Nguyễn Bá Long dịch. - Tái bản lần 1. - H. : Văn học, 2025. - 623 tr. ; 21 cm. - 280000đ. - 1500b s606223

2210. Si Vũ. Ma tôn muốn ôm ôm : Truyện tranh : 18+ / Si Vũ ; Vũ Đức Hiếu dịch. - H. : Dân trí. - 21 cm. - 139000đ. - 2000b

Dịch từ nguyên bản tiếng Trung: 魔尊要抱抱

T.1. - 2025. - 182 tr. : tranh vẽ s607993

2211. Sổ tay Dẫn chứng nghị luận xã hội / VietJack. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 106 tr. ; 21 cm. - 60000đ. - 1000b s606767

2212. Sổ tay Lý thuyết trọng tâm Ngữ văn 12 : Biên soạn theo Chương trình SGK mới (Kết nối tri thức - Chân trời sáng tạo - Cánh Diều) / VietJack. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 127 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 65000đ. - 1000b s606770

2213. Sổ tay nâng cấp diễn đạt: Từ viết đúng tới viết hay / Sương Mai. - H. : Dân trí, 2025. - 267 tr. ; 24 cm. - 250000đ. - 10000b

Tên thật tác giả: Hoàng Thị Kim Hậu Phúc s608005

2214. Spyri, Johanna. Heidi / Johanna Spyri ; Minh hoạ: Linda Dockey Graves ; Thanh Vân dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 321 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Văn học cổ điển). - 100000đ. - 2000b s606229

2215. Strayed, Cheryl. Những điều bé nhỏ xinh đẹp = Tiny beautiful things / Cheryl Strayed ; Linh Đào dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 463 tr. ; 21 cm. - 179000đ. - 3000b s607910

2216. Tách tách : Cuốn sách khiến Tai, Mắt, Não của bé đều phải hoạt động - từ nghiên cứu Babiology : Sách Ehon dành cho bé từ 0 - 2 tuổi / Kazuo Miyazaki ; Minh hoạ: Trọng Hà. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 26 tr. : tranh màu ; 20 cm. - 39000đ. - 1000b s606887

2217. Take notes Văn 6 - Cánh Diều / Thuỳ Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 60 tr. : hình vẽ, bảng ; 20 cm. - 70000đ. - 10000b s606787

2218. Take notes Văn 6 - Kết nối / Thuỳ Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 61 tr. : hình vẽ, bảng ; 20 cm. - 70000đ. - 10000b s606780

2219. Take notes Văn 7 - Cánh Diều / Thuỳ Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 54 tr. : hình vẽ, bảng ; 20 cm. - 70000đ. - 10000b s606788

2220. Take notes Văn 8 - Cánh Diều / Thuỳ Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 78 tr. : hình vẽ, bảng ; 20 cm. - 70000đ. - 10000b s606785

2221. Take notes Văn 8 - Kết nối / Thuỳ Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 79 tr. : hình vẽ, bảng ; 20 cm. - 70000đ. - 10000b s606781

2222. Take notes Văn 9 - Cánh Diều / Thuỳ Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 78 tr. : hình vẽ, bảng ; 20 cm. - 70000đ. - 10000b s606786

2223. Take notes Văn 9 - Kết nối / Thuỳ Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 88 tr. : hình vẽ, bảng ; 20 cm. - 70000đ. - 10000b s606782

2224. Tam Tam Nương. Sốt cao không hạ : 18+ / Tam Tam Nương ; Minh Thu dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 219000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Trung: 我的竹马是渣攻
 T.1. - 2025. - 526 tr. s606811
2225. Thạch Lam. Hai đứa trẻ và những truyện khác / Thạch Lam. - H. : Văn học, 2025. - 190 tr. ; 21 cm. - 76000đ. - 2000b s606040
2226. Thạch Lam. Tuyển tập Thạch Lam. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 487 tr. ; 21 cm. - (Danh tác văn học Việt Nam). - 110000đ. - 1500b
 Tên thật tác giả: Nguyễn Tường Vinh s606239
2227. Thạch Quang Huy. Phở Hàn : Tiểu thuyết dã sử / Thạch Quang Huy. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 247 tr. ; 20 cm. - 105000đ. - 1000b s608047
2228. Thảo Nguyên. Vườn nhà có nắng trong lòng nở hoa / Thảo Nguyên. - H. : Dân trí, 2025. - 236 tr. ; 19 cm. - 129000đ. - 1000b s606320
2229. Thâm Tâm. Tiếng mùa xuân : Truyện dài / Thâm Tâm. - H. : Văn học, 2025. - 194 tr. ; 21 cm. - 86000đ. - 1500b s606052
2230. Thân Thị Sơn Nhân. Tàng Long Quyết / Thân Thị Sơn Nhân ; Kim Thuý dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 229000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Trung: 藏龙诀1: 夜郎迷城. - Tên thật tác giả: Ông Vĩnh Tường
 T.1: Mê thành Dạ Lang. - 2025. - 539 tr. : hình vẽ s606745
2231. Thân Thị Sơn Nhân. Tàng Long Quyết / Thân Thị Sơn Nhân ; Kim Thuý dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 209000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Trung: 藏龙诀2: 蓬莱太岁. - Tên thật tác giả: Ông Vĩnh Tường
 T.2: Bồng Lai Thái Tuế. - 2025. - 451 tr. : hình vẽ s606746
2232. Thân Trọng Tuyền. Tình ơi : Thơ / Thân Trọng Tuyền. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 167 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 200b s607839
2233. Thích - Không thích : Dành cho độ tuổi 0 - 6 / Tree ; Minh hoạ: Anh Kiệt. - H. : Thế giới, 2025. - 19 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Dạy con giao tiếp). - 45000đ. - 2000b s607884
2234. Thỏ và Hổ = The Rabbit and the Tiger : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Truyện kể mầm non). - 12000đ. - 10000b s606832
2235. Thỏ và Hổ : Tranh truyện thiếu nhi = The Rabbit and the Tiger : Children's comics / Thuý Trang b.s. ; Minh hoạ: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh). - 12000đ. - 10000b s606822
2236. Thỏ và Rùa : Tranh truyện thiếu nhi = The Rabbit and the Turtle : Children's comics / Thuý Trang b.s. ; Minh hoạ: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh). - 12000đ. - 10000b s606820
2237. Thơ đi sứ triều Nguyễn: Ý thức dân tộc và đối thoại văn hoá / Lê Quang Trường, Trần Ích Nguyên (ch.b.), Nguyễn Hoàng Yến... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 560 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 250000đ. - 300b
 ĐTTS ghi: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. Khoa Văn học. - Thư mục và phụ lục cuối mỗi bài s607043

2238. Thơ, truyện dành cho trẻ mầm non / Nguyễn Bao, Phan Thị Thọ, Phạm Hồ... ; S.t., b.s.: Nguyễn Cẩm Giang, Phạm Thị Thu. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 306 tr. ; 24 cm. - 80000đ. - 1000b s606812
2239. Thu Hằng. Gặp lại giữa lưng chừng nhân thế : Dành cho tuổi trưởng thành / Thu Hằng. - H. : Dân trí, 2025. - 277 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 198000đ. - 1300b s607991
2240. Thương quá đi thôi! - Bé con bệnh rồi! : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 0 - 6 tuổi / Tranh, lời: Thảo Nguyên Violet. - H. : Văn học, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 39000đ. - 1500b s606141
2241. Thương quá đi thôi! - Chủ nhật đến rồi! : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 0 - 6 tuổi / Tranh, lời: Thảo Nguyên Violet. - H. : Văn học, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 39000đ. - 1500b s606140
2242. Thương quá đi thôi! - Ước mơ của bé : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 0 - 6 tuổi / Tranh, lời: Thảo Nguyên Violet. - H. : Văn học, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 39000đ. - 1500b s606142
2243. Tiếp bước tiền nhân : Thơ / Đặng Văn Bình, Nguyễn Ngọc Dư, Thái Bình Dương... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An. - 21 cm. - 100000đ. - 100b
ĐTTS ghi: Hội Thơ Đường luật Việt Nam. Chi hội Thơ Đường luật Hồng Lam Nghệ An T.4. - 2025. - 126 tr. : ảnh chân dung s605780
2244. Tiêu Vĩ Huyền. Trước khi trở thành quái vật / Tiêu Vĩ Huyền ; Thục Quyên dịch. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 438 tr. ; 24 cm. - 225000đ. - 2000b
Dịch từ nguyên bản tiếng Trung: 成為怪物以前 s607952
2245. Tony Buổi Sáng. Trên đường băng / Tony Buổi Sáng. - In lần thứ 32. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 301 tr. ; 21 cm. - 105000đ. - 5000b s606522
2246. Tống Phước Bảo. Từ thành phố này / Tống Phước Bảo. - H. : Văn học, 2025. - 255 tr. : hình vẽ ; 20 cm. - 118000đ. - 5000b s606061
2247. Trần Đăng Suyền. Phân tích tác phẩm văn học theo đặc trưng thể loại / Trần Đăng Suyền. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 439 tr. ; 21 cm. - 168000đ. - 2000b s606703
2248. Trần Hà. Quê cũ : Thơ / Trần Hà. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 143 tr. ; 21 cm. - 90000đ. - 200b
Tên thật tác giả: Trần Văn Hà s607830
2249. Trần Hồng Kỳ. Thời gian ơi! : Thơ / Trần Hồng Kỳ. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 127 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 200b s607829
2250. Trần Ích Nguyên. Danh nhân Nguyễn Thế Trục và Sứ trình thi tập = 使程詩集 / Trần Ích Nguyên ch.b. ; Dịch: Lê Phương Duy... ; Trần Thị Băng Thanh giới thiệu, h.đ. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 425 tr. : ảnh ; 24 cm. - 450000đ. - 300b
Phụ lục: tr. 357-422 s606292
2251. Trần Lê Anh Tuấn. Phở trọ / Trần Lê Anh Tuấn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 85 tr. ; 22 cm. - 139000đ. - 1000b s606271
2252. Trần Nguyễn Anh. Hoa xuôi : Truyện ngắn / Trần Nguyễn Anh. - H. : Văn học, 2025. - 186 tr. ; 21 cm. - 82000đ. - 1500b s606053
2253. Trần Nguyễn Anh. Những người dẫn đường của tôi : Bút ký / Trần Nguyễn Anh. - H. : Văn học, 2025. - 195 tr. : ảnh ; 21 cm. - 84000đ. - 1500b s606049

2254. Trần Nhuận Minh và những câu hỏi trần thế : Tiểu luận phê bình / Lê Thành Nghị, Đinh Văn Thái, Nguyễn Hưng... ; S.t., b.s.: Trần Thị Minh Hà, Trần Nhuận Vinh. - H. : Văn học, 2025. - 490 tr. ; 21 cm. - 199000đ. - 1000b s606093
2255. Trần Quốc Vĩnh. Du thơ : Thơ / Trần Quốc Vĩnh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 132 tr. : hình vẽ ; 23 cm. - 100000đ. - 1000b s606664
2256. Trần Quốc Vĩnh. Vẽ hoa trong gió : Thơ / Trần Quốc Vĩnh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 116 tr. : hình vẽ ; 23 cm. - 100000đ. - 1000b s606667
2257. Trần Thế Hải. Hồi ức về cha : Hồi ức & ghi chép / Trần Thế Hải. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 159 tr. : ảnh ; 21 cm. - 200000đ. - 300b s606264
2258. Trần Văn Toàn. Văn học như một diễn ngôn : Lí thuyết diễn ngôn của M. Foucault và văn học sử Việt Nam / Trần Văn Toàn. - In lần thứ 3. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 451 tr. ; 24 cm. - 220000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 417-426 s607756
2259. Trí. Cuối con đường sẽ gặp một người thương / Trí. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 262 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Người trẻ Việt). - 108000đ. - 1000b s606206
2260. Trung Kiên. Làng tôi lắm quỷ nhiều ma : 18+ / Trung Kiên. - H. : Thế giới, 2025. - 253 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Người trẻ Việt). - 129000đ. - 1000b s607873
2261. Truyện kể cho bé trước giờ đi ngủ : Truyện kể : Dành cho trẻ em từ 0 - 6 tuổi / Ngọc Linh dịch. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Văn học. - 21 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện). - 50000đ. - 1500b
T.1. - 2025. - 84 tr. : tranh màu s606242
2262. Truyện kể cho bé trước giờ đi ngủ : Tuyển chọn những truyện ngắn hay và ý nghĩa giúp bé phát triển IQ và EQ / Hải Nhuận Dương Quang ; Hạ Vũ dịch. - H. : Dân trí. - 21 cm. - 79000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 47 tr. : tranh màu s608035
2263. Truyện kể cho bé trước giờ đi ngủ : Tuyển chọn những truyện ngắn hay và ý nghĩa giúp bé phát triển IQ và EQ / Hải Nhuận Dương Quang ; Hạ Vũ dịch. - H. : Dân trí. - 21 cm. - 79000đ. - 5000b
T.2. - 2025. - 47 tr. : tranh màu s608036
2264. Tuyển chọn những bài văn đạt giải cấp tỉnh, thành phố và quốc gia : Rèn luyện kĩ năng viết văn... / Nguyễn Thành Huân s.t., tuyển chọn, b.s. - H. : Dân trí, 2025. - 406 tr. ; 24 cm. - 198000đ. - 1900b s606352
2265. Tuyển tập bài văn nghị luận xã hội chọn lọc : Nâng cao kỹ năng viết bài nghị luận xã hội! : Biên soạn theo Chương trình SGK mới / Nguyễn Ngọc Anh. - H. : Dân trí. - 20 cm. - 105000đ. - 1500b
T.2. - 2025. - 231 tr. s607972
2266. Tuyển tập truyện ngắn hay Lào Cai / Lưu Tử Anh, Vũ Trịnh Bằng, Nguyễn Văn Cự... ; Nguyễn Thành Long ch.b. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 303 tr. ; 24 cm. - 500b
Đầu bìa sách ghi: Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh Lào Cai s606808
2267. Tương Tử Bồi. Tan học đợi tôi / Tương Tử Bồi ; Tùng Chi dịch. - H. : Dân trí. - 24 cm. - 209000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 放学等我
T.1. - 2025. - 422 tr. s607967

2268. Ưông Triều. Hà Nội những mùa cổ điển : Tiểu thuyết / Ưông Triều. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 394 tr. ; 21 cm. - (Văn học Việt Nam đương đại). - 180000đ. - 2000b s606283

2269. Văn Diên. Ánh dương còn mãi : Thơ / Văn Diên. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 95 tr. ; 21 cm. - 90000đ. - 500b s608122

2270. Văn học so sánh và phê bình hậu thuộc địa: Mô hình cận kề (Lí thuyết và thể nghiệm) : Sách chuyên khảo / Phạm Phương Chi (ch.b.), Lê Thị Dương, Nguyễn Thị Thu Hằng... - H. : Văn học, 2025. - 319 tr. ; 24 cm. - 268000đ. - 300b s606182

2271. Văn nghệ Hà Tiên - Mừng Xuân Quý Mão 2023 / Lâm Thành Tấn, Huỳnh Văn Hoà, Mai Văn Bé Em... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2023. - 88 tr. : ảnh ; 29 cm. - 500b

Đầu bìa sách ghi: Hội Văn học Nghệ thuật thành phố Hà Tiên s607162

2272. Về nhà thôi! / Lời: Hương Thảo ; Tranh: Miah. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 29 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 69000đ. - 2000b s606906

2273. Vi Hồng Nhân. Từ suối ngàn ra sông biển / Vi Hồng Nhân. - H. : Văn hoá dân tộc, 2025. - 679 tr. ; 21 cm. - 150b

Các bút danh tác giả: Vân Hồng, Vi Hoàng, Hoàng Vy s606585

2274. Vì sao tớ nên trung thực? : Truyện tranh / Phương Thư ; Tranh: WOA Deliver Wow!. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Dân trí, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 49000đ. - 2000b s608028

2275. Vĩ Ngự. Xương rồng đốt rương / Vĩ Ngự ; Phong Hoa Tuyết Nguyệt dịch ; Phạm Giai Quỳnh h.đ. - H. : Văn học. - 21 cm. - 288000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 龙骨焚箱

T.1. - 2025. - 538 tr. s606076

2276. Vĩ Ngự. Xương rồng đốt rương / Vĩ Ngự ; Phong Hoa Tuyết Nguyệt dịch ; Phạm Giai Quỳnh h.đ. - H. : Văn học. - 21 cm. - 288000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 龙骨焚箱

T.2. - 2025. - 538 tr. s606077

2277. Vĩnh Trà. Nước mắt cười : Tiểu thuyết / Vĩnh Trà. - H. : Văn học, 2025. - 231 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 2000b s606060

2278. Vịt con xấu xí = The ugly duck : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Truyện kể mầm non). - 12000đ. - 10000b s606827

2279. Võ Văn Hân. Đợi tri âm : Thơ / Võ Văn Hân. - H. : Văn học, 2025. - 100 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 130000đ. - 300b s606174

2280. Vở bài tập Ngữ văn 8 / Đỗ Ngọc Thống (ch.b.), Đỗ Thu Hà. - Tái bản lần thứ 2. - Huế : Đại học Huế. - 24 cm. - (Cánh Diều). - 38000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 159 tr. : ảnh, bảng s606387

2281. Vũ Khúc. Phi Long / Vũ Khúc. - H. : Văn học, 2025. - 299 tr. ; 21 cm. - 160000đ. - 3000b s606260

2282. Vũ Phiên. Thần chiến triều Trần : Tiểu thuyết / Vũ Phiên. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 199000đ. - 1000b

Tên thật tác giả: Võ Hồng Việt

T.2: Bảo tố đồ bản. - 2024. - 543 tr. s606082

2283. Vũ Quang Lân. Dấu chân : Thơ / Vũ Quang Lân. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 111 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 89000đ. - 500b s608131
2284. Vũ Thâm. Bông hoa súng : Thơ / Vũ Thâm. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 107 tr. ; 21 cm. - 300b
Tên thật tác giả: Vũ Văn Thâm s608130
2285. Vũ Trọng Phụng. Lấy nhau vì tình : Tiểu thuyết / Vũ Trọng Phụng. - H. : Văn học, 2025. - 195 tr. ; 20 cm. - 82000đ. - 2000b s606038
2286. Vũ Trọng Phụng. Số đỏ / Vũ Trọng Phụng. - H. : Văn học, 2025. - 215 tr. ; 21 cm. - 65000đ. - 2500b s606203
2287. Vũ Trọng Phụng. Số đỏ : Tiểu thuyết / Vũ Trọng Phụng. - H. : Văn học, 2025. - 263 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 2000b s606039
2288. Vũ Xuân Kiều. Hương quê : Thơ / Vũ Xuân Kiều. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 500b
T.3. - 2025. - 79 tr. s608113
2289. Vụ án lớn nhất của Sherlock Holmes = Escape room adventure : Câu chuyện giải đố tương tác li kì / Lời: Woolf Alex ; Minh họa: Sian James ; Hồng Vũ dịch. - H. : Văn học, 2025. - 64 tr. : tranh màu ; 28 cm. - 128000đ. - 3000b s606034
2290. Vừ Mai Hương. Bay trong gió núi : Tập truyện ngắn / Vừ Mai Hương. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 138 tr. ; 23 cm. - 235000đ. - 1000b s608135
2291. Vương Diễm Nga. 101 truyện hay theo bước bé trai trưởng thành / Vương Diễm Nga ; Tuệ Văn dịch. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Văn học, 2025. - 207 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 90000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Trung: 让男孩受益一生101个成长故事 s606245
2292. Vương Diễm Nga. 101 truyện hay về trí thông minh / Vương Diễm Nga ; Tuệ Văn dịch. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Văn học, 2025. - 207 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 90000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Trung: 红贝壳彩书坊 - 让孩子受益一生的101个经典智慧故事 s606246
2293. Vương quốc trái cây - Trái nào cũng đẹp : Truyện tranh: 0 - 3 tuổi / Shimizu Yuriko ; Minh họa: Thu Hà. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 26 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon - Nuôi dưỡng tâm hồn cho bé). - 39000đ. - 1000b s606890
2294. Vương Tâm. Chân dung bốn mắt : Ký chân dung. Ký sự / Vương Tâm. - H. : Văn học, 2025. - 194 tr. ; 21 cm. - 84000đ. - 1500b s606073
2295. Vương Tâm. Phổ thời gian và ô cửa gió : Ký sự / Vương Tâm. - H. : Văn học, 2025. - 195 tr. ; 21 cm. - 84000đ. - 1500b s606072
2296. Willis, Jeanne. Gấu Pooh ở cung điện Hoàng gia = Winnie the Pooh at the Palace / Lời: Jeanne Willis ; Minh họa: Mark Burgers ; Đặng Ly dịch. - H. : Văn học, 2025. - 39 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 95000đ. - 3000b s606164
2297. Willis, Jeanne. Gấu Pooh và bữa tiệc = Winnie the Pooh and the party / Lời: Jeanne Willis ; Minh họa: Mark Burgers ; Đặng Ly dịch. - H. : Văn học, 2025. - 39 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 95000đ. - 3000b s606161
2298. Willis, Jeanne. Gấu Pooh và tôi = Winnie the Pooh and me / Lời: Jeanne Willis ; Minh họa: Mark Burgers ; Đặng Ly dịch. - H. : Văn học, 2025. - 40 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 95000đ. - 3000b s606163

2299. Willis, Jeanne. Pooh ơi, ta phải làm gì? = What shall we do, Winnie the Pooh? / Lời: Jeanne Willis ; Minh họa: Mark Burgers ; Đặng Ly dịch. - H. : Văn học, 2025. - 39 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 95000đ. - 3000b s606162

2300. Xe buýt Bento : Truyện tranh : 0+ / Mariko Shinju ; Lê Hiền dịch ; h.đ.: Tống Linh, Tazaki Hirono. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 21 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Tranh truyện Ehon Nhật Bản). - 45000đ. - 5000b s607941

2301. Xe chở xăng sợ lửa : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 2 - 6 / Lời: Mijica ; Tranh: Tianying ; Nguyễn Thanh Vân dịch. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Kim Đồng, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Những chiếc xe hiệp sĩ). - 18000đ. - 3000b s606130

2302. Xin chào - Tạm biệt : Dành cho độ tuổi 0 - 6 / Tree ; Minh họa: Anh Kiệt. - H. : Thế giới, 2025. - 19 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Dạy con giao tiếp). - 45000đ. - 2000b s607883

2303. Xin chào! : Truyện tranh : 0+ / Taro Miura ; Phạm Quỳnh Anh dịch ; Hanna h.đ. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 22 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Tranh truyện Ehon Nhật Bản). - 47000đ. - 5000b s607940

2304. Xuống biển tìm xem ai giấu cái gì : Truyện tranh : Ehon song ngữ Việt - Anh : 0 - 4 tuổi / Fuku Mitsui. - H. : Văn hoá dân tộc, 2025. - 25 tr. : tranh màu ; 20 cm. - 39000đ. - 5000b s606591

2305. Xuyên Trà. Khúc nguyệt trảm : Thơ / Xuyên Trà. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 126 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 150000đ. - 200b s606286

2306. Yên Hạ. Đi qua mưa giông, ngày mai là nắng hạ / Yên Hạ. - H. : Văn học, 2025. - 196 tr. ; 21 cm. - 108000đ. - 2000b
Tên thật tác giả: Thu Hiền s606064

2307. Zuzulinh. Đã có anh trong nỗi nhớ của em chưa? / Zuzulinh. - H. : Dân trí, 2025. - 329 tr. ; 21 cm. - 199000đ. - 2000b s607992

LỊCH SỬ

2308. Bác Hồ - Tấm gương sáng mãi / Tuệ Minh, Vũ Ngọc Phan, Sáclophuôcnio... - H. : Văn học, 2025. - 207 tr. ; 21 cm. - 76000đ. - 3000b
Thư mục: tr. 204-205 s606057

2309. Bác Hồ - Tấm gương sáng mãi / Vũ Ngọc Phan, Sáclophuôcnio, Bích Thuận... ; Tuệ Minh tuyển chọn. - H. : Văn học, 2025. - 191 tr. ; 21 cm. - 82000đ. - 1500b
Thư mục: tr. 188-189 s606071

2310. Bác Hồ cầu hiền tài / Tuệ Minh, Trần Minh Siêu, Đàm Quang Trung... - H. : Văn học, 2025. - 190 tr. ; 21 cm. - 75000đ. - 3000b
Thư mục: tr. 188-189 s606070

2311. Bartnek, Jiri. Những kì quan của thế giới hiện đại được xây dựng như thế nào? / Jiri Bartnek, Tom Velčovský ; Minh họa: Jan Srámek ; Phương Nhung dịch. - H. : Văn học, 2025. - 47 tr. : hình vẽ ; 32 cm. - 135000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: How the new wonders of the world were built s606019

2312. Beyond Limits - 15 đề thi minh họa tốt nghiệp THPT môn Sử / Nguyễn Thị Lan Anh, Lại Thị Luyện. - H. : Dân trí, 2025. - 119 tr. : bảng ; 27 cm. - 150000đ. - 500b s605970

2313. Bộ đề kiểm tra trắc nghiệm và tự luận Lịch sử 10 : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Trương Ngọc Thoi. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 208 tr. : bảng ; 24 cm. - 89000đ. - 1000b s607759

2314. Dòng họ các dân tộc thiểu số ở A Lưới, thành phố Huế : Sách chuyên khảo / Lê Anh Tuấn (ch.b.), Trần Đức Sáng, Nguyễn Thăng Long... - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 229 tr. ; 21 cm. - 100b

ĐTTS ghi: UBND huyện A Lưới. Phòng Văn hoá, Khoa học và Thông tin; Phân viện Văn hoá, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch miền Trung. - Thư mục: tr. 217-224 s606644

2315. Đất và người Cao Bằng / B.s.: Bế Lan Phương, Triệu Văn Thực, Triệu Thị Thu Trang... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 471 tr. : ảnh màu ; 24 cm. - 1200b

ĐTTS ghi: Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Cao Bằng. - Thư mục: tr. 463-466 s605862

2316. Đoàn Minh Tuấn. Bác Hồ - Cây đại thọ / Đoàn Minh Tuấn. - In lần thứ 8. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 166 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21 cm. - (Di sản Hồ Chí Minh). - 70000đ. - 1500b s606513

2317. Hénková, Ludmila. Những kì quan của thế giới cổ đại được xây dựng như thế nào? / Ludmila Hénková ; Minh hoạ: Tomás Svoboda ; Phương Nhung dịch. - H. : Văn học, 2025. - 47 tr. : hình vẽ ; 32 cm. - 135000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: How the wonders of the world were built s606018

2318. Hồ Chí Minh - Tên Người sống mãi / Khánh Linh tuyển chọn. - H. : Văn học, 2025. - 258 tr. ; 21 cm. - 70000đ. - 2000b s606046

2319. Hồ Chí Minh. Lịch sử nước ta : Bài diễn ca lịch sử nước ta bằng thể thơ lục bát / Hồ Chí Minh. - In lần thứ 4. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 111 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Di sản Hồ Chí Minh). - 80000đ. - 1000b s606509

2320. Hồ Chí Minh. Trẻ em như búp trên cành : Tuyển chọn các bài viết, bài nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh với thiếu niên, nhi đồng / Hồ Chí Minh. - In lần thứ 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 167 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21 cm. - (Di sản Hồ Chí Minh). - 60000đ. - 1500b s606510

2321. Hồ Chí Minh. Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội / Hồ Chí Minh. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 439 tr. : ảnh ; 21 cm. - (Di sản Hồ Chí Minh). - 145000đ. - 1000b s606519

2322. Khát vọng Tây Hồ - Khát vọng Thăng Long / Hương Ly, Khánh Ly, Văn Ngọc Thuỷ... - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 299 tr. : ảnh màu ; 23 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng bộ thành phố Hà Nội. Ban Chấp hành Đảng bộ quận Tây Hồ s606797

2323. Kim Kim. Bác Hồ với Bắc Kạn / Kim Kim, Nghiêm Thép. - H. : Văn học, 2025. - 311 tr. : ảnh màu ; 21 cm. - 200000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Bắc Kạn s606085

2324. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Lịch sử và Pháp luật về thời kỳ Pháp thuộc tại Đông Dương = Actes du colloque international: Histoire et droit de la période coloniale Française en Indochine / Eric Gasparini, Francois Quastana, Julien Broch... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 631 tr. ; 27 cm. - 210b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật, Đại học Huế... - Thư mục cuối mỗi chuyên đề s605924

2325. Làng Thanh Hà - Hội An / B.s.: Nguyễn Chí Trung, Phùng Tấn Đông, Quảng Văn Quý... - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 299 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hoá Hội An. - Thư mục: tr. 295-299 s605769

2326. Lê Thành Khôi. Lịch sử Việt Nam - Từ nguồn gốc đến giữa thế kỷ XX / Lê Thành Khôi ; Nguyễn Nghị dịch ; Nguyễn Thừa Hỷ h.đ. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 621 tr., 26 tr. phụ lục ảnh : minh hoạ ; 25 cm. - 239000đ. - 1500b

Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp: Histoire du Vietnam, des origines à 1858. - Thư mục: tr. 613-621 s607938

2327. Lê Thế Cường. Lịch sử huyện Vũ Quang (2000 - 2025) / B.s.: Lê Thế Cường (ch.b.), Nguyễn Văn Tuấn, Bùi Văn Hào. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 263 tr., 17 tr. ảnh : bảng ; 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Hội uỷ - Hội đồng nhân dân. Uỷ ban nhân dân - Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh. - Phụ lục: tr. 225-249. - Thư mục: tr. 250-260 s607833

2328. Lịch sử Việt Nam bằng tranh / B.s.: Trần Bạch Đằng (ch.b.), Đinh Văn Liên ; Hoạ sĩ: Lê Tường Thanh. - In lần thứ 11. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 20 cm. - 35000đ. - 1500b

T.28: Hồ Quý Ly - Vị vua nhiều cải cách. - 2025. - 75 tr. : ảnh, tranh vẽ. - Phụ lục: tr. 67-75 s606566

2329. Lịch sử Việt Nam bằng tranh / B.s.: Trần Bạch Đằng (ch.b.), Đinh Văn Liên ; Hoạ sĩ: Lê Phi Hùng. - In lần thứ 11. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 20 cm. - 35000đ. - 1500b

T.29: Hồ Quý Ly chống giặc Minh. - 2025. - 73 tr. : ảnh, tranh vẽ s606567

2330. Lịch sử Việt Nam bằng tranh / B.s.: Trần Bạch Đằng (ch.b.), Nguyễn Khắc Thuần ; Hoạ sĩ: Nguyễn Quang Vinh. - In lần thứ 11. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 20 cm. - 35000đ. - 1500b

T.40: Đoạn kết thời Lê Sơ. - 2025. - 79 tr. : tranh vẽ s606568

2331. Lịch sử Việt Nam bằng tranh / B.s.: Trần Bạch Đằng (ch.b.), Lê Văn Năm ; Hoạ sĩ: Lê Phi Hùng. - In lần thứ 7. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 20 cm. - 35000đ. - 1500b

T.51: Chúa Hiền - Chúa Nghĩa. - 2025. - 93 tr. : ảnh, tranh vẽ. - Thư mục: tr. 93 s606569

2332. Lù Văn Que. Nhớ Mường Chiên / Lù Văn Que. - H. : Văn hoá dân tộc, 2025. - 146 tr. : ảnh ; 20 cm. - 200b

Bí danh tác giả: Việt Kháng s606582

2333. Lý Nhân Phan Thứ Lang. Bảo Đại - Hoàng đế cuối cùng / Lý Nhân Phan Thứ Lang. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Thế giới, 2025. - 286 tr. : ảnh ; 21 cm. - 109000đ. - 1500b

Tên thật tác giả: Phan Kim Thịnh. - Phụ lục: tr. 252-286 s607908

2334. Lý Nhân Phan Thứ Lang. Nam Phương - Hoàng hậu cuối cùng / Lý Nhân Phan Thứ Lang. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Thế giới, 2025. - 199 tr. : ảnh ; 21 cm. - 100000đ. - 1500b

Tên thật tác giả: Phan Kim Thịnh. - Phụ lục: tr. 173-199 s607909

2335. McNamara, Robert S. Nhìn lại quá khứ: Tấn thảm kịch và những bài học về Việt Nam : Hồi ký / Robert S. McNamara, Brian VanDeMark ; Dịch: Hồ Chính Hạnh... - Xuất bản lần thứ 2, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 563 tr. : ảnh ; 24 cm. - 299000đ. - 10000b s608146

2336. Một ngày của người nguyên thủy - Lục cục đục đẽo / Duan Zhang Qu Yi Studio ; Lê Tùng Dương dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 43 tr. : tranh màu ; 30 cm. - (Tổ ong mật). - 169000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 原始人的一天:精雕细琢 s607144

2337. Một ngày của người nguyên thủy - Rào rào, dựng nhà nào / Duan Zhang Qu Yi Studio ; Lê Tùng Dương dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 43 tr. : tranh màu ; 30 cm. - (Tổ ong mật). - 169000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 原始人的一天:居无定所 s607146

2338. Một ngày của người nguyên thủy - Ưc ực, cái bụng đói meo / Duan Zhang Qu Yi Studio ; Lê Tùng Dương dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 43 tr. : tranh màu ; 30 cm. - (Tổ ong mật). - 169000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 原始人的一天: 饥肠辘辘 s607143

2339. Một ngày của người nguyên thủy - Ủi giời, lạnh teo / Duan Zhang Qu Yi Studio ; Lê Tùng Dương dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 43 tr. : tranh màu ; 30 cm. - (Tổ ong mật). - 169000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 原始人的一天: 瑟瑟发抖 s607145

2340. Nghiên cứu lịch sử dòng họ : Chuyên đề: Số 12/2025 / Hoàng Văn Lễ, Hà Minh Hồng, Huỳnh Quốc Thắng... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 135 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 80000đ. - 300b

Đầu bìa sách ghi: Viện Lịch sử dòng họ. - Thư mục trong chính văn s607460

2341. Nguyễn Ái Quốc. Bản án chế độ thực dân Pháp / Nguyễn Ái Quốc. - In lần thứ 7. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 190 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Di sản Hồ Chí Minh). - 75000đ. - 1000b

Phụ lục cuối chính văn s606507

2342. Nguyễn Đức Hùng. Biệt động Sài Gòn / Nguyễn Đức Hùng. - In lần thứ 7. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 271 tr. : ảnh ; 20 cm. - 130000đ. - 1000b

Bí danh tác giả: Tư Chu s606542

2343. Nguyễn Hữu Hiếu. Chúa Nguyễn và các giai thoại mở đất phương Nam / Nguyễn Hữu Hiếu. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 178 tr. ; 20 cm. - 98000đ. - 3000b

Phụ lục: tr. 148-178 s608136

2344. Nguyễn Hữu Quang. Trên bước đường cách mạng : Hồi ức / Nguyễn Hữu Quang. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 133 tr. ; 21 cm. - 80000đ. - 300b s608128

2345. Nguyễn Khắc Nguyệt. Bút ký lính tăng - Hành trình đến Dinh Độc Lập / Nguyễn Khắc Nguyệt. - In lần thứ 4. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 441 tr. : hình vẽ, ảnh ; 20 cm. - 185000đ. - 1000b s606541

2346. Nguyễn Mạnh Hà. Giải mã Điện Biên Phủ / Nguyễn Mạnh Hà, Vũ Thị Hồng Dung. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 335 tr. ; 24 cm. - 270000đ. - 500b

Thư mục: tr. 325-327 s606290

2347. Nguyễn Văn Tàu. Bến Dược - Vùng đất lửa / Nguyễn Văn Tàu. - Tái bản lần thứ 6. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 152 tr. : ảnh ; 21 cm. - 100000đ. - 500b s605889

2348. Nguyễn Văn Tàu. Những điệp viên may mắn : Chuyện về Cụm tình báo H.63 và những câu chuyện khác / Nguyễn Văn Tàu. - In lần thứ 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 207 tr. : ảnh ; 20 cm. - 105000đ. - 1000b s606543

2349. Nhà Lý suy vong / Trần Bạch Đằng ch.b. ; Lời: Lê Văn Năm ; Tranh: Nguyễn Quang Vinh ; Tô màu: Nguyễn Thuỳ Linh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 93 tr. : ảnh màu, tranh màu ; 23 cm. - (Lịch sử Việt Nam bằng tranh). - 70000đ. - 2000b s606482

2350. Những gương mặt phụ nữ làng Quỳnh xưa và nay / B.s.: Phan Hữu Thịnh (ch.b.), Nguyễn Kim Chi, Phan Thị Ngọt... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 191 tr. : bảng ; 21 cm. - 100000đ. - 100b

Thư mục: tr. 187-188 s605781

2351. Phạm Minh Hoàng. Yên Mỹ - Truyền thống văn hiến và nhân vật lịch sử / S.t., b.s.: Phạm Minh Hoàng, Đỗ Thị Thu Hà. - H. : Văn hoá dân tộc, 2025. - 371 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên. Huyện uỷ huyện Yên Mỹ. - Phụ lục: tr. 283-364. - Phụ lục: tr. 365-366 s606580

2352. Phan Ngọc Dũng. Lịch sử vương quốc Phù Nam : 7 thế kỷ hình thành, phát triển, thịnh vượng và suy tàn / Phan Ngọc Dũng. - H. : Thế giới, 2025. - 332 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 374000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 292-299 s607877

2353. Sáng mãi truyền thống Chợ Lớn - Trung Huyện anh hùng / Thanh Bình, Ngô Minh Hùng, Huỳnh Thị Minh Tâm... - S.l. : S.n., 2025. - 65 tr. : ảnh ; 28 cm. - 230b

Đầu bìa sách ghi: Huyện uỷ Bến Lức s605921

2354. Sổ tay Lý thuyết trọng tâm Lịch sử 12 : Biên soạn theo Chương trình SGK mới (Kết nối tri thức - Chân trời sáng tạo - Cánh Diều) / VietJack. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 90 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 55000đ. - 1000b s606769

2355. Teeuwisse, Jo Hedwig. Sử bịa: 101 điều chưa từng xảy ra trong lịch sử / Jo Hedwig Teeuwisse ; Tinh Nguyệt Tâm dịch. - In lần 2. - H. : Thế giới, 2025. - 487 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - 229000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Fake history: 101 things that never happened. - Thư mục: tr. 449-487 s607937

2356. Trần Đình Dinh. Địa chí Phong Hoá / Trần Đình Dinh b.s. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 307 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 300b

Phụ lục: tr. 284-299. - Thư mục: tr. 300-302 s607832

2357. Trần Đức Tuấn. Hành trình theo chân Bác / Trần Đức Tuấn. - In lần thứ 11. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 351 tr. : ảnh, bản đồ ; 21 cm. - (Di sản Hồ Chí Minh). - 125000đ. - 2000b s606530

2358. Trần Ngọc Vương. Thực thể Việt - Nhìn từ các toạ độ chữ : Nghiên cứu liên ngành / Trần Ngọc Vương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - (Tùng thư Khoa học Xã hội và Nhân văn). - 300b

Đầu bìa sách ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

T.1. - 2025. - 445 tr. s607686

2359. Trần Ngọc Vương. Thực thể Việt - Nhìn từ các toạ độ chữ : Nghiên cứu liên ngành / Trần Ngọc Vương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - (Tùng thư Khoa học Xã hội và Nhân văn). - 300b

Đầu bìa sách ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

T.2. - 2025. - 553 tr. s607687

2360. Trần Thái Bình. Hồ Chí Minh - Sự hình thành một nhân cách lớn / Trần Thái Bình. - In lần thứ 9. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 263 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21 cm. - (Di sản Hồ Chí Minh). - 100000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 263 s606508

2361. Trần triều Thái bảo Đỗ Tử Bình (1324 - 1383) - Thân thế và sự nghiệp / Đinh Quang Hải, Đinh Khắc Thuân, Nguyễn Văn Kim... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2024. - 887 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 1176000đ. - 830b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình. - Thư mục cuối mỗi bài s605858

2362. Trần Văn Phương. Bác Hồ với các ngày lễ, kỷ niệm lớn trong năm / Trần Văn Phương. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 215 tr. : ảnh ; 21 cm. - (Di sản Hồ Chí Minh). - 95000đ. - 1000b s606511

2363. Trần Văn Phương. 52 câu chuyện dưới cờ về Chủ tịch Hồ Chí Minh / Trần Văn Phương. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 213 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21 cm. - (Di sản Hồ Chí Minh). - 75000đ. - 1500b

Thư mục: tr. 213 s606512

2364. Truyền thống lịch sử và văn hoá xã Tân Dân (Từ khởi thủy đến năm 2021) / B.s.: Lê Quang Chấn (ch.b.), Nguyễn Thị Lệ Hà, Ngô Hoàng Nam, Nguyễn Văn Bảo ; S.t.: Nguyễn Thị Hiền... - H. : Thế giới, 2025. - 411 tr. : ảnh ; 24 cm. - 700b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân xã Tân Dân. - Thư mục: tr. 390-396. - Phụ lục: tr. 397-411 s607878

2365. Trương Vĩnh Khang. Làng cổ Phù Lão: Thần tích và phong tục qua thư tịch Hán Nôm : Sách chuyên khảo / Trương Vĩnh Khang. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 479 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 450000đ. - 500b

Thư mục: tr. 478-479 s605811

2366. Túc Viên. Quyền trí Trung Hoa / Túc Viên. - H. : Văn học. - 21 cm. - 300000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 213 tr. s606065

2367. Túc Viên. Quyền trí Trung Hoa / Túc Viên. - H. : Văn học. - 21 cm. - 300000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 218 tr. s606066

2368. Tuệ Minh. Học Bác lòng ta trong sáng hơn / Tuệ Minh. - H. : Văn học, 2025. - 191 tr. ; 21 cm. - 75000đ. - 3000b s606055

2369. Vũ Kỳ. Bác Hồ viết Di chúc : Hồi ký / Vũ Kỳ ; Nguyễn Thế Kỷ thể hiện. - In lần thứ 7. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 130 tr. : ảnh ; 21 cm. - (Di sản Hồ Chí Minh). - 55000đ. - 1500b s606514

2370. Vương Hồng Sển. Ăn cơm mới, nói chuyện cũ: Sài Gòn dưới mắt tôi : Kể tiếp những câu chuyện về Sài Gòn : Di cảo / Vương Hồng Sển. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 205 tr. ; 20 cm. - 215000đ. - 1000b

Tên thật tác giả: Vương Hồng Thanh. - Phụ lục: tr. 164-205 s606491

2371. Vương Hồng Sển. Tiếng nói Nam Kỳ cũ - Địa danh, nhơn danh, thổ ngữ : Di cảo / Vương Hồng Sển. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 333 tr. ; 20 cm. - 280000đ. - 1000b

Tên thật tác giả: Vương Hồng Thanh s606492

2372. White, Ralph. Rời khỏi Sài Gòn : Hành trình một tuần nhân viên ngân hàng đưa 113 thường dân rời đi vào tháng 4/1975 / Ralph White ; Đặng Nguyên Giang dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 321 tr. ; 24 cm. - 229000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: Getting out of Saigon : How a 27-year-old American banker saved one hundred thirteen Vietnamese civilians s607934

2373. Zumwalt, James G. Chân trần chí thép = Bare feet, iron will / James G. Zumwalt ; Đỗ Hùng dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 375 tr. : ảnh ; 24 cm. - 168000đ. - 1000b s608064

ĐỊA LÝ VÀ DU HÀNH

2374. Broad, Chris. Chu du Nhật Bản - Mười năm ở vùng đất mặt trời mọc : Abroad in Japan - Ten years in the land of rising sun / Chris Broad ; Xuân Uyên dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 406 tr. ; 20 cm. - 180000đ. - 1000b s606473

2375. Địa chí huyện Quảng Điền / B.s.: Phan Tiến Dũng (ch.b.), Nguyễn Văn Hoa, Nguyễn Xuân Hoa... - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 1015 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân huyện Quảng Điền - Thành phố Huế. - Phụ lục: tr. 919-991. - Thư mục: tr. 992-1015 s608039

2376. Địa chí Phong Điền / B.s.: Nguyễn Văn Hoa, Nguyễn Khoa Lạnh, Trần Đại Vinh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 593 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân huyện Phong Điền. - Phụ lục: tr. 564-581. - Thư mục: tr. 582-593 s608040

2377. Đinh Hằng. Quá trẻ để chết: Hành trình nước Mỹ / Đinh Hằng. - Tái bản có bổ sung. - H. : Thế giới, 2025. - 247 tr., 16 tr. ảnh ; 21 cm. - 129000đ. - 2000b s607917

2378. Kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh môn Lịch sử và Địa lí : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Ngô Thị Hiền Thuý, Bùi Thị Nhiệm, Ngô Thị Hải Yến... - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 251 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 95000đ. - 1000b s606291

2379. Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: Khoa học địa lí với giáo dục và phát triển bền vững / Lê Thông, Nguyễn Minh Tuệ, Phạm Thị Ngọc Mai... - Nghệ An : Đại học Vinh, 2025. - 345 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Vinh. - Thư mục cuối mỗi bài s607851

2380. Nguyễn Xuân Thuý. Tôi kể em nghe chuyện Trường Sa / Nguyễn Xuân Thuý ; Minh hoạ: Tạ Huy Long. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Kim Đồng, 2025. - 90 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Tủ sách Biển đảo Việt Nam). - 45000đ. - 2000b

Giải Vàng Sách hay - Giải thưởng Sách Việt Nam 2012 s606862

2381. Sổ tay dành cho hướng dẫn viên du lịch Măng Đen đại ngàn = Handbook for tour guides - Mang Den the great forest / Nguyễn Thị Bé Ba (ch.b.), Thái Công Dân, Trương Thị Kim Thuý... - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 89 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 150000đ. - 60b

Phụ lục: tr. 35-42, tr. 81-88. - Thư mục: tr. 89 s605798

2382. Sổ tay Khu, điểm du lịch Nghệ An 2024 = Handbook of Nghe An tourism zone and destination in 2024. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 69 tr. : ảnh ; 21 cm. - 500b

Đầu bìa sách ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch Nghệ An s605784